



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình
đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 9 - 2023



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình
đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, tháng 9 -2023



**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

Kiểm theo Quyết định số 1962/QĐ-HV ngày 27/12/2022 của Giám đốc Học viện)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	PGS. TS. Đặng Hoài Bắc	Giám đốc Học viện, Phó Bí thư Đảng ủy Học viện	Chủ tịch	
2.	PGS. TS. Trần Quang Anh	Phó Giám đốc Học viện	Phó chủ tịch	
3.	TS. Tân Hạnh	Phó Giám đốc Học viện, Chủ tịch Công đoàn Học viện	Phó chủ tịch	
4.	TS. Vũ Trọng Phong	Trưởng khoa QTKD1	Phó chủ tịch thường trực	
5.	CN. Nguyễn Xuân Trường	Phó giám đốc Trung tâm Đào tạo BCVT1	Ủy viên thường trực	
6.	TS. Trần Thị Thập	Phó trưởng khoa QTKD1	Ủy viên	
7.	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	GVC Khoa QTKD1	Ủy viên	
8.	ThS. Dương Nguyễn Uyên Minh	Phụ trách Khoa QTKD2	Ủy viên	
9.	ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng trung tâm KT&ĐBCLGD	Ủy viên	
10.	ThS. Nguyễn Thị Bích Liên	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Ủy viên	
11.	ThS. Đặng Thu Hà	Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ - Lao động	Ủy viên	
12.	ThS. Đặng Văn Tùng	Quyền trưởng phòng Đào tạo Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Ủy viên	
13.	ThS. Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ, Thư ký Hội đồng Học viện	Ủy viên	
14.	TS. Ngô Đức Thiện	Trưởng phòng Quản lý KHCN&HTQT	Ủy viên	
15.	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng Chính trị & Công tác sinh viên	Ủy viên	
16.	ThS. Đinh Hồng Hải	Phó trưởng phòng, phụ trách phòng Kế hoạch - Đầu tư	Ủy viên	
17.	ThS. Trần Vũ Hải	Chánh văn phòng Học viện	Ủy viên	
18.	TS. Nguyễn Quý Sỹ	Trưởng trung tâm Thí nghiệm - Thực hành	Ủy viên	
19.	KS. Cao Xuân Hiền	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ	Ủy viên	
20.	ThS. Nguyễn Hoàng Thanh	Trưởng trung tâm KT&ĐBCLGD - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên	
21.	ThS. Lê Quang Phú	Trưởng phòng ĐT&KHCN - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên	
22.	ThS. Lưu Nguyễn Kỳ Thư	Trưởng phòng Giáo vụ - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên	
23.	ThS. Chung Hải Bằng	Bí thư Đoàn Thanh niên Học viện	Ủy viên	
24.	Ngô Kiều Anh	Sinh viên, Lớp D20CQTM02-B	Ủy viên	
25.	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thư ký	

(Danh sách gồm có 25 người)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	5
PHẦN I. KHÁI QUÁT	9
1. Đặt vấn đề.....	9
2. Tổng quan chung	13
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	26
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	26
Mở đầu.....	26
Tiêu chí 1.1:	27
Tiêu chí 1.2:	31
Tiêu chí 1.3:	35
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1.....</i>	<i>37</i>
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.....	38
Mở đầu.....	38
Tiêu chí 2.1:	39
Tiêu chí 2.2:	41
Tiêu chí 2.3:	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2.....</i>	<i>44</i>
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	44
Mở đầu.....	44
Tiêu chí 3.1:	45
Tiêu chí 3.2:	48
Tiêu chí 3.3:	51
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3.....</i>	<i>55</i>
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	56
Mở đầu	56
Tiêu chí 4.1:	57
Tiêu chí 4.2:	59
Tiêu chí 4.3:	65
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 4.....</i>	<i>65</i>

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	69
Mở đầu.....	69
Tiêu chí 5.1:	70
Tiêu chí 5.2:	78
Tiêu chí 5.3	82
Tiêu chí 5.4:	86
Tiêu chí 5.5:	89
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 5</i>	92
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	94
Mở đầu.....	94
Tiêu chí 6.1:	94
Tiêu chí 6.2:	99
Tiêu chí 6.3:	103
Tiêu chí 6.4:	106
Tiêu chí 6.5:	111
Tiêu chí 6.6:	114
Tiêu chí 6.7:	120
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	126
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	127
Mở đầu.....	127
Tiêu chí 7.1:	128
Tiêu chí 7.2:	132
Tiêu chí 7.3:	135
Tiêu chí 7.4:	139
Tiêu chí 7.5:	142
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	145
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	146
Mở đầu.....	146
Tiêu chí 8.1:	147
Tiêu chí 8.2:	152

Tiêu chí 8.3:	158
Tiêu chí 8.4:	163
Tiêu chí 8.5:	171
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 8</i>	176
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	176
Mở đầu.....	176
Tiêu chí 9.1:	177
Tiêu chí 9.2:	180
Tiêu chí 9.3:	184
Tiêu chí 9.4:	189
Tiêu chí 9.5:	197
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	203
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	204
Mở đầu.....	204
Tiêu chí 10.1:	205
Tiêu chí 10.2:	211
Tiêu chí 10.3:	214
Tiêu chí 10.4:	219
Tiêu chí 10.5:	222
Tiêu chí 10.6:	229
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	232
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	233
Mở đầu.....	233
Tiêu chí 11.1:	233
Tiêu chí 11.2:	237
Tiêu chí 11.3:	241
Tiêu chí 11.4:	245
Tiêu chí 11.5:	249
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	253
PHẦN III. KẾT LUẬN	253
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của Chương trình đào tạo	253

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của Chương trình đào tạo.	260
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo	264
4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành TMDT	271
PHẦN IV. PHỤ LỤC	274
Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo ngành TMDT	274
Phụ lục 2: Các tư liệu, tài liệu liên quan.....	294
Phụ lục 3: Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình Tự đánh giá và viết Báo cáo Tự đánh giá (Kèm theo quyển Danh mục minh chứng).....	319

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
1.	Ban chấp hành	BCH
2.	Ban Thường vụ	BTV
3.	Bảo hiểm xã hội	BHXH
4.	Bảo hiểm y tế	BHYT
5.	Bên liên quan	BLQ
6.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	BGD&ĐT
7.	Bộ Thông tin và Truyền thông	BTT&TT
8.	Cách mạng công nghiệp	CMCN
9.	Cán bộ	CB
10.	Cán bộ quản lý	CBQL
11.	Cán bộ viên chức	CBVC
12.	Cán bộ, viên chức, người lao động	CBVC-NLĐ
13.	Cature the Flag (Cuộc thi bảo mật thông tin)	CTF
14.	Câu lạc bộ	CLB
15.	Chỉ số hoạt động chính	KPI
16.	Chiến sỹ thi đua	CSTĐ
17.	Chính phủ	CP
18.	Chính trị & Công tác Sinh viên	CT&CTSV
19.	Chuẩn đầu ra	CĐR
20.	Chương trình đào tạo	CTĐT
21.	Chương trình dạy học	CTDH
22.	Chuyên gia công nghệ	CGCN
23.	Cơ sở dữ liệu	CSDL
24.	Cơ sở vật chất	CSVC

STT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
25.	Cổ vấn học tập	CVHT
26.	Công nghệ thông tin	CNTT
27.	Công tác sinh viên	CTSV
28.	Đại học chính quy	ĐHCQ
29.	Đại học từ xa	ĐHTX
30.	Đảm bảo chất lượng	ĐBCL
31.	Đảm bảo chất lượng giáo dục	ĐBCLGD
32.	Đào tạo và Khoa học công nghệ	ĐT&KHCN
33.	Đề cương chi tiết	ĐCCT
34.	Đề cương học phần	ĐCHP
35.	Đồ án tốt nghiệp	ĐATN
36.	Đồ án, khóa luận tốt nghiệp	ĐAKLTN
37.	Đoàn Thanh niên	ĐTN
38.	Giảng viên	GV
39.	Giáo dục đại học	GDDH
40.	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
41.	Giáo sư	GS
42.	Giáo viên chủ nhiệm	GVCN
43.	Hoàn thành nhiệm vụ	HTNV
44.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	HTTNV
45.	Học phần	HP
46.	Học viện cơ sở	HVCS
47.	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Học viện
48.	Hội đồng Học viện	HĐHV
49.	Institute for Scientific Information	ISI

STT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
50.	Kết quả học tập	KQHT
51.	Khoa học công nghệ	KHCN
52.	Kiểm định chất lượng	KĐCL
53.	Kiểm tra đánh giá	KTĐG
54.	Ký túc xá	KTX
55.	Lao động tiên tiến	LĐTT
56.	Mã Học viện Bưu chính Viễn thông tại Hà Nội	BVH
57.	Mã Học viện Bưu chính Viễn thông tại TP HCM	BVS
58.	Mô tả công việc	MTCV
59.	Một thành viên	MTV
60.	Ngân hàng câu hỏi thi	NHCHT
61.	Nghiên cứu khoa học	NCKH
62.	Nghiên cứu sinh	NCS
63.	Nghiên cứu viên	NCV
64.	Nghiệp vụ sư phạm	NVSP
65.	Người học	NH
66.	Nhà tuyển dụng	NTD
67.	Nhân viên	NV
68.	Phó Giáo sư	PGS
69.	Phòng cháy chữa cháy	PCCC
70.	Phục vụ cộng đồng	PVCĐ
71.	Phương pháp giảng dạy	PPGD
72.	Posts and Telecommunications Institute Technology	PTIT
73.	Quản lý đào tạo	QLĐT
74.	Quản lý Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế	QLKHCN&HTQT

STT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
75.	Quản lý và Đào tạo phía Bắc	QL&ĐTPB
76.	Quản trị kinh doanh	QTKD
77.	Quyết định	QĐ
78.	Sinh viên	SV
79.	Sinh viên tốt nghiệp	SVTN
80.	Tài chính Kế toán	TCKT
81.	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	VNPT
82.	Thạc sỹ	ThS
83.	Thành phố Hồ Chí Minh	Tp. HCM
84.	Thẻ dực thể thao	TDTT
85.	Thi đua khen thưởng	TĐKT
86.	Thí nghiệm thực hành	TN-TH
87.	Thông tin và Truyền thông	TT&TT
88.	Thực tập tốt nghiệp	TTTN
89.	Thương mại điện tử	TMĐT
90.	Tiến sỹ	TS
91.	Tín chỉ	TC
92.	Tổ chức cán bộ - Lao động	TCCB-LĐ
93.	Trách nhiệm hữu hạn	TNHH
94.	Trung học phổ thông	THPT
95.	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	TTKT&ĐBCLGD
96.	Trung ương	TW
97.	Tự đánh giá	TĐG
98.	Ủy ban kiểm tra	UBKT
99.	Vừa học vừa làm	VHVL

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

a) Tóm tắt Báo cáo Tự đánh giá Chương trình đào tạo

Khoa Quản trị kinh doanh (QTKD) thuộc Học viện là đơn vị có lịch sử hình thành và bề dày thành tích, đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) chung của Học viện, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của cuộc cách mạng lần thứ tư (CM 4.0) và công cuộc chuyển đổi số của ngành thông tin và truyền thông. Khoa QTKD thường xuyên quan tâm đến việc duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo của ngành và các chuyên ngành thuộc Khoa.

Với những kết quả đạt được trong quá trình xây dựng và phát triển, Học viện đã chỉ đạo Khoa QTKD triển khai công tác tự đánh giá (TĐG) chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Thương mại điện tử (TMĐT) theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của BGD&ĐT quy định tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng BGD&ĐT và các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý Chất lượng, BGD&ĐT.

Nội dung tự đánh giá CTĐT ngành TMĐT bao gồm 11 nội dung gồm: Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; cấu trúc và nội dung CTĐT; phương pháp tiếp cận trong dạy và học; đánh giá KQHT của NH; chất lượng đội ngũ GV và NCV; chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ; chất lượng người học (NH) và hoạt động hỗ trợ NH; cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị; nâng cao chất lượng; kết quả đầu ra.

Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành TMĐT được cấu trúc thành 4 phần, gồm: Phần I- Khái quát; Phần II- Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn; Phần III- Kết luận; Phần IV- Phụ lục. Cụ thể như sau:

Phần I: Khái quát

Giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo TĐG CTĐT ngành TMĐT của Khoa QTKD theo các tiêu chí, tiêu chuẩn. Phần này mô tả mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo TĐG, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG, sự tham gia của các bên liên quan (BLQ); báo cáo cũng nêu lên mục đích, phạm vi, phương pháp và quy trình tự đánh giá, bản báo cáo mô tả hiện trạng, tóm tắt về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động ĐBCL của Học viện và Khoa QTKD .

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Báo cáo TĐG CTĐT ngành TMĐT với 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT, gồm: nội dung TĐG về (1) Mục tiêu và CDR của CTĐT; (2) Bản mô tả hiện trạng CTĐT; (3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; (5) Đánh giá KQHT của NH; (6) Đội ngũ GV; (7) Đội ngũ NV; (8) Người học và hoạt động hỗ trợ NH; (9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị; (10) Nâng cao chất lượng; (11) Kết quả đầu ra.

Tại từng tiêu chuẩn, tiêu chí, bản báo cáo đều mô tả hiện trạng và nhận định thực trạng của CTĐT, phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, tự đánh giá tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức TĐG, theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

Sau khi mô tả hiện trạng và phân tích từng tiêu chí, bản báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

Phần III: Kết luận

Mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng. Sau phần kết luận là bản tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành TMĐT của Khoa QTKD thuộc Học viện.

Phần IV: Phụ lục

Bao gồm các phụ lục về cơ sở dữ liệu KĐCL CTĐT ngành TMĐT, các quyết định và văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: [Hn.ab.cd.ef].

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...). Ví dụ:

[H1.01.01.01]: Minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, đặt ở hộp 1.

[H10.03.02.15]: Minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, đặt ở hộp 10.

b) Mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình TĐG CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của bản báo cáo TĐG; sự tham gia của các BLQ (khoa, phòng, ban, CBQL, GV, NV, NH, ...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động TĐG CTĐT.

Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành TMĐT sẽ giúp Học viện và Khoa QTKD đạt được các mục đích sau:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân ngành TMĐT so với Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của BGD&ĐT. Đồng thời thực hiện việc giải trình với cơ quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của CTĐT, làm cơ sở cho NH lựa chọn chương trình và NTD lao động lựa chọn nhân lực được đào tạo từ Học viện;

- Là cơ sở để Học viện cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Khoa QTKD trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội;

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành TMĐT.

Quy trình Tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TMĐT được thực hiện theo các bước như sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng.

Bước 4. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phạm vi tự đánh giá

Khoa QTKD tiến hành đánh giá các hoạt động thực hiện CTĐT ngành TMĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do BGD&ĐT ban hành, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Học viện (HĐHV), Ban Giám đốc Học viện và sự cung cấp thông tin của các phòng, ban chức năng Học viện, qua các thông tin và hệ thống các minh chứng trong 5 năm, giai đoạn 2017-2022.

Công cụ và phương pháp tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành TMĐT của Khoa QTKD và Học viện được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn KĐCL CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT; Công văn số 2085/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc Hướng dẫn tự đánh giá CTĐT và Công văn số 774/QLCD-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục Quản lý chất lượng, BGD&ĐT.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá được tiến hành xem xét theo trình tự sau: Mô tả thực trạng; Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu hoặc thiếu sót; Xây dựng kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại để cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT.

Sự tham gia của các bên liên quan

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành TMĐT được thành lập theo Quyết định 1962/QĐ-HV ngày 27/12/2022 của Giám đốc Học viện, thành phần gồm: thành viên HĐHV; Ban Giám đốc Học viện; các CB, GV của Khoa QTKD; CB, viên chức các phòng, ban, trung tâm chức năng Học viện.

Hội đồng Tự đánh giá CTĐT ngành TMĐT có 25 thành viên; Ban thư ký có 31 thành viên và 9 nhóm công tác chuyên trách để chỉ đạo và triển khai công tác TĐG CTĐT ngành TMĐT.

Ban Giám đốc Học viện chỉ đạo trực tiếp công tác tự đánh giá; các phòng, ban chức năng, ban thư ký cung cấp thông tin, minh chứng; sự phản hồi của NH, cựu SV, chuyên gia và NTD lao động là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc viết báo cáo tự đánh giá; các nhóm công tác chuyên trách tiếp nhận thông tin, minh chứng để biên soạn báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công; căn cứ vào các thông tin được cung cấp, Khoa QTKD là đơn vị chủ trì, phối hợp với các nhóm công tác chuyên trách tiến

hành biên soạn báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành TMĐT theo các quy định, văn bản hướng dẫn của BGD&ĐT.

2. Tổng quan chung

2.1 Tổng quan về Học viện

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Học viện) là cơ sở giáo dục (CSGD) đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT), được thành lập theo Quyết định 516/TTg ngày 11/7/1997 của Thủ tướng Chính phủ. Học viện là tổ chức đào tạo và NCKH của Nhà nước được thí điểm đặt trực thuộc doanh nghiệp mạnh của Nhà nước là Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Năm 2014, Học viện được điều chuyển từ VNPT về BTT&TT. Học viện hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao; chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD&ĐT) về GD&ĐT, của Bộ TT&TT về cơ cấu tổ chức và chuyên môn theo quy định của Chính phủ. Các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, trung tâm bồi dưỡng đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn trực thuộc Học viện có quyền tự chủ, có tư cách pháp nhân được quy định trong Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học (GDĐH).

Học viện là một CSGD đào tạo đa ngành, đa phương thức theo định hướng trở thành một tổ chức giáo dục đào tạo, nghiên cứu theo quy mô của các trường đại học hiện đại trên thế giới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển trong lĩnh vực thông tin và truyền thông và xã hội; thu hút được những người có năng lực, trình độ vào học tập, nghiên cứu, làm việc tại Học viện và bảo đảm các đối tượng chính sách có cơ hội học tập tại Học viện.

Học viện có hai Cơ sở đào tạo tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (Tp. HCM); có các viện NCKH, CGCN và trung tâm đào tạo bồi dưỡng; có chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, NCKH tiên tiến; có đội ngũ CB giảng dạy, nghiên cứu trình độ cao; có đội ngũ CBQL chuyên nghiệp và đồng bộ; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo với NCKH và triển khai ứng dụng, giữa khoa học và công nghệ để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài khoa học, công nghệ.

Triết lý giáo dục của Học viện “*Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm*”, đây là phương châm xuyên suốt định hướng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu của Học viện, hướng tới mục tiêu đào tạo ra những con người “*vừa có tài vừa có đức*” để đóng góp cho sự phát triển chung của ngành, của đất nước, của nhân loại.

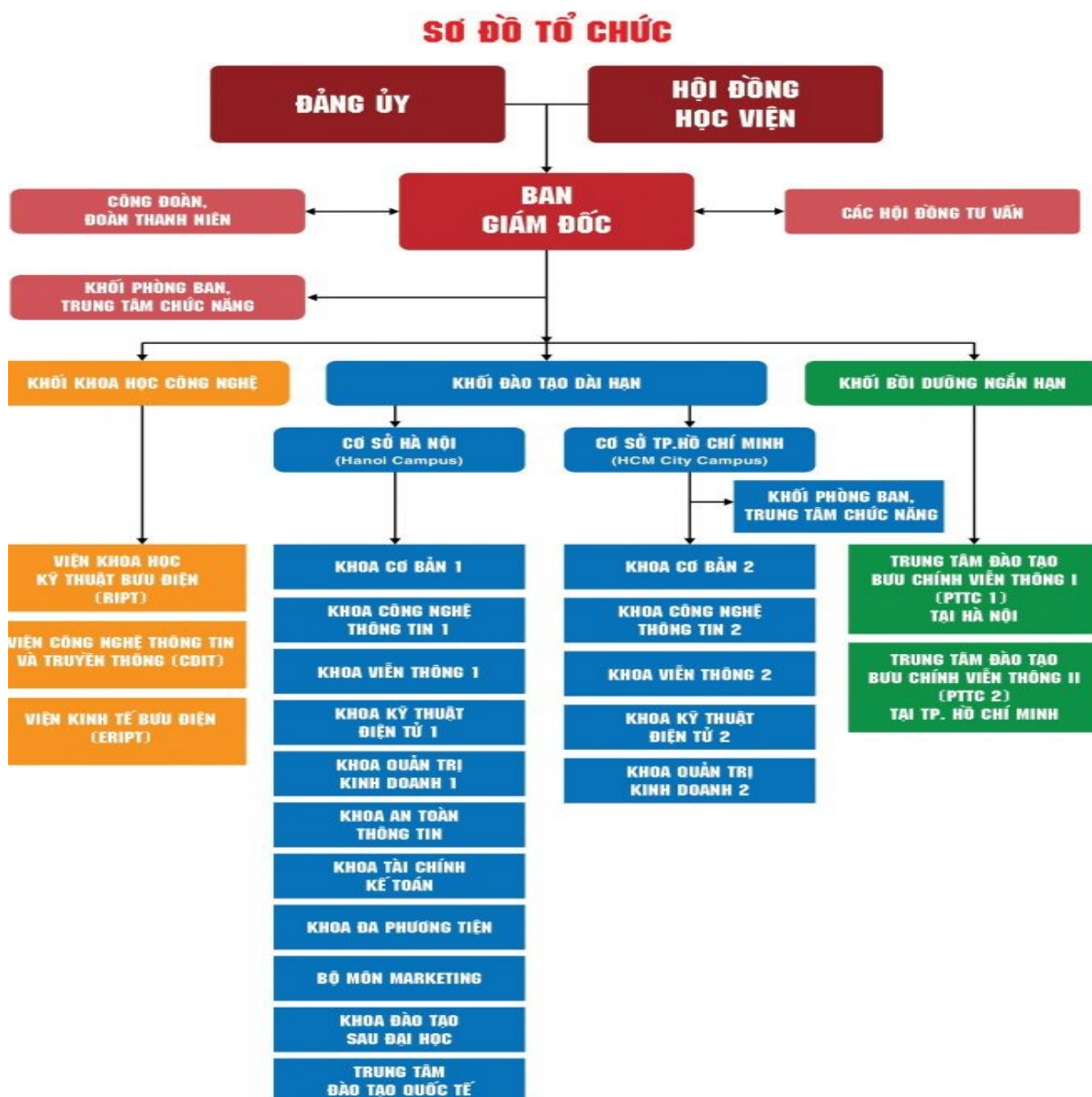
Tầm nhìn: Đến năm 2030, Học viện là trường đại học hàng đầu Việt Nam về quy mô, chất lượng đào tạo, NCKH; là hình mẫu tiên phong về chuyển đổi số trong giáo dục; trở thành trường đại học hàng đầu của khu vực, nằm trong nhóm 100 trường đại học hàng đầu Châu Á, nhóm 5 trường đại học hàng đầu Đông Nam Á về công nghệ số.

Sứ mạng: Sáng tạo và chuyển giao tri thức cho xã hội thông qua việc gắn kết các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và CGCN trong lĩnh vực thông tin, truyền thông và công nghệ số, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường.

Giá trị cốt lõi: Tiên phong - Sáng tạo; Chất lượng - Hiệu quả; Uy tín - Trách nhiệm; Tận tụy - Nghĩa tình.

Phương châm hành động: Làm gương - Kỷ cương - Trọng tâm - Bứt phá.

2.1.1 Cơ cấu tổ chức Học viện (Hình 1.1)

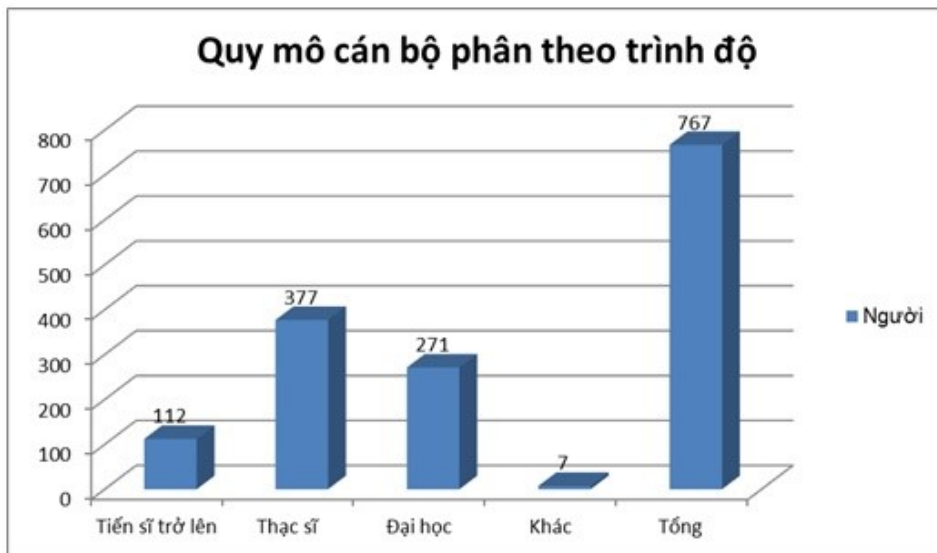


Hình 1.1: Cơ cấu tổ chức Học viện

2.1.2 Nguồn nhân lực của Học viện

Kế hoạch nguồn nhân lực của Học viện được thể hiện trong Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, xác định để đảm bảo thực hiện các mục tiêu của Chiến lược đến năm 2025, Học viện phấn đấu có 850 CB, GV (trong đó có 670 GV, CB nghiên cứu); 100% GV đạt chuẩn; thu hút 20 - 25 chuyên gia, GV quốc tế đến làm việc tại Học viện; xây dựng bồi dưỡng đội ngũ CB trẻ (40 - 50 người).

Tổng số CB, GV, NCV, NV của Học viện là 767 người, với 459 GV, 308 NV. Đội ngũ GV của Học viện là 459 người, trong đó có 4 GS (0,87%); 28 PGS (6,1%); 141 TS (30,72%); 257 Thạc sĩ (55,99%); 113 GV thỉnh giảng, trong đó có 4 GS (3,5%); 22 PGS (1,5%); 34 TS (30,1%); 50 Thạc sĩ 44,2%). Riêng ngành TMĐT có 15 GV tham gia giảng dạy, trong đó: 01 PGS (chiếm tỷ lệ 6,67%), 03 Tiến sĩ (chiếm tỷ lệ 30%) và 11 Ths (chiếm tỷ lệ 73,33%)



Hình 1.2: Cơ cấu nguồn nhân lực của Học viện

2.1.3 Chiến lược phát triển Học viện

Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 đã xây dựng 92 nhóm giải pháp và chỉ số thực hiện theo 07 lĩnh vực chiến lược: Chuyển đổi số toàn diện các lĩnh vực hoạt động; Đẩy mạnh phát triển hoạt động đào tạo và bồi dưỡng; Nâng cao tiềm lực NCKH; Hoàn thiện nguồn nhân lực và hoàn thiện mô hình tổ chức; Đổi mới công tác SV, lấy người học làm trung tâm; Tăng trưởng nguồn thu, đẩy mạnh đầu tư, nâng cao thu nhập; Nâng cao vị thế và hình ảnh của học viện. Đồng thời, Học viện đã xây dựng, ban hành kèm theo chiến lược Chương trình hành động thực hiện chiến lược như: Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025; Chương trình đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục đến năm 2025; Chương trình phát triển nhân lực chất lượng cao đến năm 2025.

Nội dung chiến lược xác định mục tiêu đến năm 2025 Học viện trở thành trung tâm về giáo dục, đào tạo, NCKH, CGCN và tri thức hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực thông tin và truyền thông với các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu trực thuộc và 02 sản phẩm chính là sản phẩm giáo dục, đào tạo đa dạng, đáp ứng nhu cầu xã hội với chất lượng đạt chuẩn quốc tế và khu vực và sản phẩm NCKH được quốc tế công nhận và chuyển giao sử dụng trong doanh nghiệp và xã hội.

2.1.4 Đào tạo bồi dưỡng

Học viện triển khai 16 CTĐT đại học, 5 CTĐT Thạc sĩ, 5 CTĐT Tiến sĩ và Học viện luôn tiên phong trong việc mở các ngành đào tạo mới, đáp ứng nhu cầu xã hội như ngành ATTT, Truyền thông Đa phương tiện, Fintech (Công nghệ tài chính), ...

Trong chu kỳ KĐCL, Học viện đã mở thêm 7 ngành trình độ đại học gồm Công nghệ Internet vạn vật (IOT), Công nghệ tài chính (Fintech), Báo chí số, Khoa học máy tính (Khoa học dữ liệu), Kỹ thuật dữ liệu (ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu), Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa và Công nghệ thông tin (định hướng ứng dụng).

2.1.5 Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Học viện đã mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác mới với các tập đoàn quốc tế lớn như Naver, Qualcomm, Amazon với các trường đại học hàng đầu thế giới và khu vực như ĐH Huddersfield (Anh), ĐH Gunma, Viện Kyushu... (Nhật Bản), ĐH Busan (Hàn Quốc), ĐH Seville (Tây Ban Nha) và các đối tác châu Âu và châu Á khác.

Giai đoạn 2019-2023, Học viện đã tiếp và làm việc với 57 lượt đoàn khách nước ngoài đến làm việc tại Học viện để mở rộng quan hệ hợp tác, mở rộng mạng lưới quan hệ quốc tế; thực hiện đề tài các cấp, các bài báo, các loại Hội nghị, Hội thảo với 1045 đề tài các cấp với 20 đề tài cấp Nhà nước, 98 đề tài cấp Bộ/thành phố, 927 đề tài cấp trường, 414 bài báo quốc tế trong đó có 212 bài ISI, 97 bài Scopus, 411 bài đăng tạp chí chuyên ngành trong nước, 307 hội thảo quốc tế, 133 hội thảo trong nước....; viết được tổng cộng 187 cuốn sách; đăng được 1062 bài báo khoa học; tổ chức được 448 Hội nghị và hội thảo khoa học; thành lập 7 Nhóm nghiên cứu mạnh.

Học viện đã ký kết 34 biên bản thỏa thuận, ghi nhớ hợp tác với các các trường đại học, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp, tập đoàn công nghệ, các tổ chức quốc tế như: Học viện Công nghệ Shibaura Nhật Bản, Viện JAIST Nhật Bản, ĐH Lille 1 Khoa học và Công nghệ Pháp, ĐH Busan Hàn Quốc, Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc, ĐH Padova Italia, ĐH La Trobe Úc, Tập đoàn HCL Ấn Độ, ĐH Seville Tây Ban Nha...Ký kết 38 biên

bản thỏa thuận, hợp tác với các đối tác trong nước như: Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Công nghệ Viễn thông quân đội Viettel, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Công ty phần mềm F-Soft của Tập đoàn FPT, Tổng công ty Viễn thông Mobifone, Công ty Cổ phần phát triển công nghệ VINTECH, Công ty Cổ phần viễn thông FPT... để hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ thực hành, thực tế. Học viện đã tiếp và trao đổi với 57 lượt đoàn nước ngoài đến làm việc, tham gia hội thảo, tập huấn như: ĐH Công nghệ Sydney, ĐH Sakatchewan Canada, ĐH Jeonju Hàn Quốc, Viện Khoa học công nghệ tiên tiến Nhật Bản, Đại học Lille Pháp, ĐH Ngoại ngữ Busan Hàn Quốc, Viện Công nghệ Thông tin và truyền thông Lào...; Cử 137 lượt đoàn GV, CB, SV của Học viện tham gia học tập nâng cao trình độ, khảo sát, tập huấn tại Tây Ban Nha, Anh, Áo, Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Brunei, Hàn Quốc, Ấn Độ, Malaysia...

Học viện phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế như: Hội nghị về Kỹ nghệ tri thức và hệ thống; Hội nghị về các công nghệ truyền thông tiên tiến; Hội nghị Châu Á - Thái Bình Dương về truyền thông, ...

Học viện đã ký kết tham gia triển khai dự án “Mạng quan tử silicon trên chip điều khiển được thông quan trí tuệ nhân tạo”, ký kết với Công ty Cổ phần phát triển công nghệ VINTECH về NCKH, trao đổi học thuật cho CBQL, GV, SV, hợp tác về giảng dạy, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; ký kết thỏa thuận với Tập đoàn Công nghệ viễn thông quân đội Viettel về tuyển dụng SV, hỗ trợ đào tạo bổ trợ kiến thức thực tiễn cho CB, SV và NCKH; ký kết với Công ty Cổ phần viễn thông FPT tài trợ phòng Lab FPT Telecom mô phỏng toàn bộ hoạt động vận hành Internet và các dịch vụ gia tăng của doanh nghiệp, hỗ trợ tư vấn xây dựng hệ thống giáo trình, bài giảng, giảng dạy; ký kết với Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia triển khai Chương trình Nhân tài số cấp học bổng cho GV, SV, phối hợp tổ chức Ngày hội Công nghệ và kết nối – Google I/O Extended Hanoi; Ký kết với ĐH Luật Hà Nội hợp tác trong các lĩnh vực chuyển đổi số giáo dục, quản lý điều hành, đào tạo và NCKH; ...

2.1.6 Công tác chuyển đổi số tại Học viện

Thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Chính phủ và chỉ đạo của BTT&TT, với định hướng theo mô hình “Quốc gia số thu nhỏ”, Học viện xây dựng phương án chuyển đổi số theo 03 trụ cột lớn là (1) Phát triển hệ thống quản trị số, (2) Cung ứng dịch vụ số và (3) Phát triển xã hội số - thu hẹp khoảng cách số. Đồng thời Học viện cũng đặt 05 trọng tâm trong xây dựng “Học viện Số” gồm (1)

Học liệu số; (2) Nền tảng số; (3) GV số; (4) SV số; (5) Môi trường số. Đồng thời, hoạt động triển khai chuyển đổi số trong Học viện ứng dụng triệt để chủ trương xây dựng và ứng dụng các nền tảng số “Make in Việt Nam”.

Mục tiêu đến năm 2025, Học viện sẽ tập trung vào phát triển hệ thống quản trị số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động; cung ứng các dịch vụ giáo dục và đào tạo 100% trên nền tảng công nghệ giáo dục số, xem xét thành lập “Trường đào tạo công nghệ số” đầu tiên ở Việt Nam trực thuộc Học viện; phát triển hệ sinh thái số tương tác giữa SV Học viện với doanh nghiệp và xã hội. Xây dựng nền tảng phát triển mạng xã hội SV Việt Nam.

Kể từ năm 2021, Học viện lựa chọn các giải pháp trọng tâm và đột phá với việc mở rộng quy mô và ngành nghề đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu nền kinh tế số, song song với việc duy trì và cải thiện chất lượng đào tạo. Cách làm mới của Học viện là đặt mục tiêu chủ động tăng trưởng quy mô tuyển sinh và đa dạng hóa ngành nghề, đẩy mạnh kiểm định chất lượng ngay từ khi xác định kế hoạch năm 2021 và để các công tác của Học viện đồng bộ và phấn đấu đáp ứng mục tiêu kể trên. Việc mở rộng quy mô và đa dạng ngành nghề đi đôi với chất lượng giúp tăng cường nguồn thu tương xứng với tiềm lực của Học viện, giúp Học viện chiếm lĩnh thị trường mới, qua đó khẳng định vị thế, nâng cao đời sống CB Học viện. Việc phát triển toàn diện cả về quy mô, nguồn lực, chất lượng sẽ được Học viện tiếp tục thực hiện trong 5 năm tới theo tinh thần chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Quá trình triển khai chuyển đổi số, Học viện đã đạt được những kết quả bước đầu, hình thành hệ sinh thái số ở Học viện: Ứng dụng công nghệ trong tổ chức, quản lý đào tạo (PTIT-Slink) với số tài khoản người dùng đạt trên 13.000 tài khoản; ứng dụng thực hành ảo D-Lab.; phòng điều hành số và phòng học thông minh; hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (Edusoft.NET); cổng thông tin quản lý đào tạo, hệ thống quản lý lớp học trực tuyến (LMS); Trung tâm điều hành số, mô hình dịch vụ công cấp 4; Mạng xã hội cựu SV đã được phát triển, kết nối và dần trở thành hệ sinh thái số ban đầu ở Học viện.

Ngày 09/12/2021, tại Lễ Vinh danh Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2021, Học viện là một trong các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp được bình xét ở hạng mục Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc, với hệ sinh thái PTIT-SLink phục vụ công tác chuyển đổi số giáo dục đại học nhằm tới mục tiêu đặt người học làm trung tâm của mọi nghiệp vụ, quy trình. Ứng dụng đã được triển khai tại Học viện kể từ năm 2020, với số tài khoản người dùng đạt trên 13.000 tài khoản. Đây là giải thưởng danh giá, tôn vinh thành tựu của 53 tổ

chức được vinh danh chuyển đổi số xuất sắc tại Việt Nam và năm 2022, Học viện được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trong công tác chuyển đổi số.

Kết quả của việc chuyển đổi số trong giáo dục đại học của Học viện có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn cả nước đang phải đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp và trong tương lai sẽ góp phần hình thành và phát triển được hệ sinh thái số hỗ trợ toàn diện mọi hoạt động cho người học và xã hội.

2.1.7 Hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục

Các chính sách ưu tiên để thực hiện các mục tiêu ĐBCL được thể hiện trong Kế hoạch Chiến lược ĐBCL như: (1) Xây dựng hệ thống ĐBCL, văn hóa chất lượng trong Học viện, hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; (2) Đảm bảo và kiểm định chất lượng CTĐT, xây dựng, rà soát, cập nhật và công bố CDR của tất cả các CTĐT; (3) Đảm bảo và Kiểm định chất lượng CSGD và 10 CTĐT; ...

Học viện được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học và cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 1 giai đoạn 2018-2023 vào năm 2018 và chu kỳ 2 giai đoạn 2023-2028 vào năm 2023; Giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng 6 CTĐT ngành Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Điện tử viễn thông, Quản trị kinh doanh, Marketing, Kế toán và Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử và năm 2023 Học viện tiếp tục triển khai công tác tự đánh giá để đăng ký kiểm định CLGD với 04 CTĐT trình độ đại học theo quy định của BGD&ĐT.

Học viện cũng đã ban hành Quy định về hoạt động ĐBCL, trong đó nêu rõ nguyên tắc của hoạt động ĐBCL, cấu trúc hệ thống ĐBCL của Học viện, phương thức, công cụ đánh giá chất lượng, tổ chức kiểm định chất lượng, xây dựng cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng và điều kiện thực hiện hoạt động ĐBCL, cam kết ĐBCLGD tại Học viện; thành lập Hội đồng đảm bảo CLGD và các Tổ ĐBCL tại các đơn vị của Học viện; thành lập đơn vị chuyên trách về ĐBCL - Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục với 16 CB làm công tác ĐBCL và khảo thí; tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ CB làm công tác ĐBCL, đã có 04 người có chứng chỉ kiểm định viên, 45 người được cấp giấy chứng nhận tham gia tập huấn về nghiệp vụ ĐBCL.

Học viện cũng đã xây dựng hệ thống CSDL phục vụ công tác ĐBCL trên ứng dụng Teams và One Drive, các văn bản, quy định về công tác ĐBCL được số hóa và tập hợp thành Sổ tay ĐBCL điện tử được đặt tại hệ thống email nội bộ, CB, GV, NLD của Học viện đều được cấp quyền truy cập hệ thống để sử dụng tài liệu.

2.1.8 Hoạt động phục vụ cộng đồng

CB, NV và GV của Học viện cũng tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như quyên góp ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung, kêu gọi nhắn tin ủng hộ người dân bị Covid-19, hỗ trợ SV Học viện gặp khó khăn trong thiên tai lũ lụt, dịch bệnh.

Trong giai đoạn 2019-2023, Học Viện đã có nhiều thành tích về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, cụ thể: Năm 2019, Đoàn Thanh niên (ĐTN) Học viện đã vinh dự được tuyên dương tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện năm 2019 của Đoàn Khối các cơ quan Trung ương, và 02 cá nhân được tuyên dương có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện năm 2019. Năm 2022 Đoàn Thanh niên Học viện đã được BCH Đoàn khối các cơ quan Trung ương tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai cuộc thi Olympic tiếng anh học sinh, SV toàn quốc lần thứ IV năm 2022, Năm học 2018-2019, ĐTN HVCS đã được Ban chấp hành Trung ương ĐTN Cơ sở Hồ Chí Minh tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên trường học.

2.2 Tổng quan về Khoa Quản trị kinh doanh và Chương trình đào tạo ngành TMĐT

2.2.1 Tổng quan về Khoa Quản trị kinh doanh

Học viện thành lập đơn vị thực hiện CTĐT ngành TMĐT là Khoa QTKD có văn phòng làm việc tại Cơ sở Hà Đông, Hà Nội. CTĐT TMĐT được tổ chức với 130 tín chỉ ở tất cả các phiên bản thực hiện và điều chỉnh các năm 2018, 2021 và 2023.

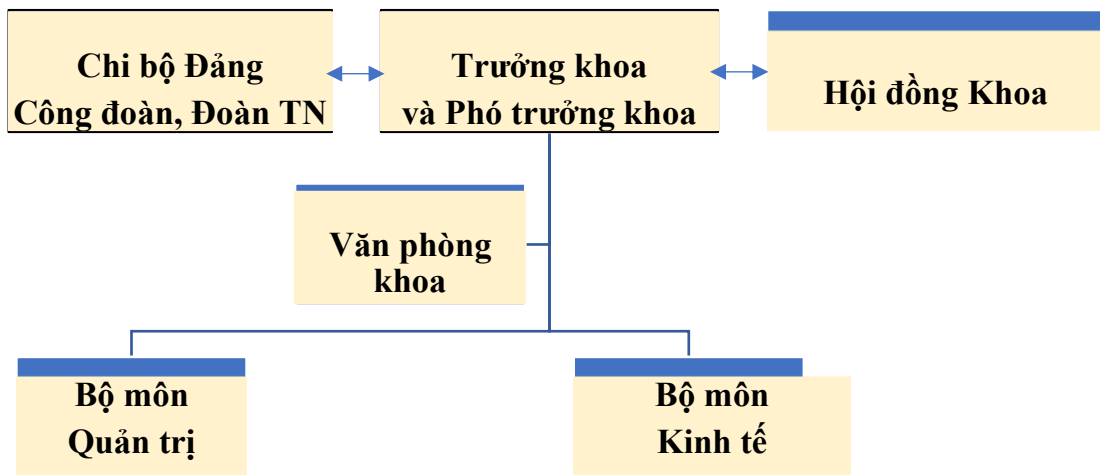
Khoa QTKD được thành lập năm 1997, trải qua 25 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ CB, GV của khoa không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, Khoa có nhiều GV với trình độ tiến sỹ, được đào tạo cơ bản từ các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước, năng động, sáng tạo, có năng lực giảng dạy và NCKH.

Khoa QTKD thực hiện sự chỉ đạo thống nhất của Học viện về mọi mặt hoạt động trong công tác tổ chức thực hiện CTĐT và có chức năng đào tạo và NCKH thuộc lĩnh vực do Khoa quản lý. Khoa QTKD có nhiệm vụ quản lý, tổ chức giảng dạy các HP do Khoa quản lý cho các hệ đào tạo (hình thức và trình độ) của Học viện; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp và quá trình đào tạo của Khoa; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho CB, GV và NH thuộc khoa; xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV; ngành nghề đào tạo và CSVC

phục vụ cho đào tạo và NCKH, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; đề xuất thay đổi về tổ chức, nhân sự trong Khoa; quản lý CB, GV và NH thuộc khoa, tổ chức đánh giá theo quy định của Học viện; tham gia đánh giá CBQL trong Học viện; tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách, chỉ thị, nghị quyết, quy chế, quy định của cấp trên; phối hợp và tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể khác hoạt động thực hiện tốt điều lệ, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình; tổ chức các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt và các nội dung thi đua khác trong Khoa.

a) Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Khoa QTKD gồm văn phòng khoa và các bộ môn: Văn phòng khoa thực hiện các công việc hành chính và hỗ trợ lãnh đạo khoa, các Bộ môn trong công tác đào tạo, NCKH; các bộ môn được giao phụ trách giảng dạy các HP thuộc chuyên ngành về QTKD. Sơ đồ tổ chức của Khoa như Hình 1.3.



Hình 1. 3: Sơ đồ tổ chức Khoa QTKD 1

b) Đội ngũ cán bộ, GV

Đội ngũ GV cơ hữu của CTĐT ngành TMĐT là 15 người, trong đó có 01 Phó giáo sư (chiếm tỷ lệ 6,67%), 03 Tiến sỹ (chiếm tỷ lệ 30%) và 11 Thạc sỹ (chiếm tỷ lệ 73,33%). Ngoài ra khoa còn mời các GV kiêm giảng là các CB từ các đơn vị khác trong Học viện tham gia giảng dạy tại khoa. Độ tuổi trung bình của GV cơ hữu của khoa là 46,24 tuổi.

Tỷ lệ SV/GV: Tổng số SV CTĐT ngành TMĐT tính đến thời điểm hiện tại là 425 SV. Tỷ lệ SV/GV của CTĐT qua các năm, cụ thể: Năm 2019: 9.87; 2020: 17.38; 2021 21.27; 2022: 20.94; 2023: 22.37 và tỷ lệ bình quân trong 5 năm là 18.36. Tỷ lệ này đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học theo quy định tại Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của BGD&ĐT và Thông tư 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018.

c) Danh sách lãnh đạo các bộ môn thuộc Khoa QTKD.

TT	Tên bộ môn	Trưởng bộ môn
1	Bộ môn Kinh tế	TS. Trần Thị Hòa
2	Bộ môn Quản trị	TS. Trần Thị Thập

d) Nghiên cứu khoa học: Trong giai đoạn 2019-2023, CBGV của khoa QTKD đã thực hiện 74 đề tài NCKH cấp Học viện, công bố 89 bài đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành trong nước và xuất bản 6 cuốn sách.

e) Các hoạt động hợp tác đào tạo và NCKH:

Các hoạt động hợp tác đào tạo và NCKH: Các CTĐT của Học viện nói chung và ngành TMĐT nói riêng đều được xây dựng với phương châm gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, giữa đào tạo, NCKH và sản xuất kinh doanh, vì vậy, Học viện đã xây dựng mối quan hệ hợp tác đào tạo và NCKH với nhiều đối tác trong và ngoài nước như các doanh nghiệp (Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Công ty Cổ phần Công nghệ An Vui và Sapo, Công ty Cổ phần Fado Việt Nam / iCheck / MISA/ Ecom Group, Công ty TNHH MTV TMDT Viettel, Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam, Công ty TNHH Công nghệ sạch Nông nghiệp, Công ty Cổ phần Tin học Quang Minh, Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn Sông Đáy, Công ty Cổ phần Nhanh.vn ; Trung tâm kinh doanh VNPT TP. HCM, Bru điện TP. HCM, Công ty Truyền thông Click Media&SEO, Công ty cổ phần Truyền thông quảng cáo Song Hành, Công ty TNHH công nghệ DiGi, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Miền Đông - TP. HCM, Công ty TNHH MeadJohnson Nutrition (VN), Công ty DP EXPRESS, Bru điện Tỉnh Vĩnh Long, Công ty Cổ phần dịch vụ Di Động Trực Tuyến (M-Service), ... Bên cạnh đó Khoa cũng hợp tác đào tạo và NCKH với một số trường đại học như: Hiệp hội TMĐT Việt Nam (Vecom), Công ty Cổ phần Công nghệ An Vui, Công ty Cổ phần Công nghệ Sapo, Công ty Cổ phần Nhanh.vn. Công ty Cổ phần Fado Việt Nam, Công ty Cổ phần iCheck, Công ty cổ phần MISA. Công ty TNHH MTV TMDT Viettel, Công ty cổ phần Ecom Group.

e) Tổ chức phong trào SV

- Năm 2019 Khoa thành công trong việc đồng chủ trì tổ chức cuộc thi “Ý tưởng Sáng tạo khởi nghiệp SV - Startup 2019” kết quả SV của Khoa đạt được là một đội đạt giải nhất và một đội đạt giải nhì cấp Học viện. Đặc biệt, đội thi đạt giải nhất với chủ đề “Ứng dụng học tập và ôn luyện kiến thức Memo” do SV Tống Hương Giang làm trưởng nhóm đã vinh dự được chọn là đại diện của Học viện tham dự cuộc thi cấp Quốc gia và

đã vào vòng chung kết 50 đội thi đến từ các trường đại học trên toàn quốc. Ngoài ra một đội SV của Khoa cũng đã đạt giải nhất cuộc thi Statup dành cho nữ sinh tại vòng chung kết toàn quốc do Học viện Phụ nữ tổ chức. Khoa tổ chức thành công “Chương trình Giao lưu với tân SV khóa 2019”

- Năm 2020 Khoa tổ chức thành công

+ “Chương trình Giao lưu với tân SV khóa 2020”.

+ Tham gia: cuộc thi “Tài năng trẻ Logistics Việt Nam năm 2020” kết quả đạt giải Khuyến khích, cuộc thi “Khởi nghiệp sáng tạo dành cho nữ SV 2020” kết quả đạt giải Tăng trưởng.

+ Khoa đồng chủ trì tổ chức cuộc thi “Ý tưởng Sáng tạo khởi nghiệp SV – Startup 2020” kết quả một đội đạt giải nhì và một đội đạt giải ba cấp Học viện.

+ Khoa tổ chức thành công cuộc thi "PTIT-YES" chuyên môn QTKD và TMĐT.

- Năm 2021 Khoa đã thành công trong việc tổ chức và hướng dẫn các nhóm SV của Khoa tham gia các cuộc thi cấp Quốc gia như “Tài năng trẻ Logistics Việt Nam năm 2021”. Cuộc thi Tài năng trẻ Logistics Việt Nam năm 2021, trở lại từ ngày 1/8/2021 đã thu hút được sự quan tâm của rất nhiều SV với 495 đội thi đến từ 48 trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc. Điều đó chứng tỏ được quy mô cũng như những lợi ích thiết thực mà cuộc thi mang lại cho các ngành Logistics tại Việt Nam. Trải qua hai phần thi Thấp lửa và Khát vọng. Đội thi tới từ Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông đã vào vòng 2 của cuộc thi.

- Năm 2022 Khoa đã tổ chức thành công cuộc thi "PTIT-YES 2022" chuyên môn QTKD và TMĐT, đây là cuộc thi chuyên môn thường xuyên của Khoa giúp SV và GV có môi trường phát triển, thử thách về kiến thức và kỹ năng chuyên môn về QTKD và TMĐT. Năm 2022 cũng là năm SV của Khoa rất tích cực tham gia các cuộc thi có quy mô lớn toàn quốc và đạt được giải cao, cụ thể: Giải nhất toàn quốc cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo dành cho nữ SV” do Học viện Phụ nữ Việt Nam tổ chức; Giải ba toàn quốc cuộc thi SV tài năng kinh doanh số do Mạng lưới các cơ sở đào tạo về TMĐT Việt Nam - Hiệp hội TMĐT Việt Nam tổ chức”.

Trong giai đoạn 2019-2023, SV thuộc CTĐT ngành TMĐT đã thực hiện được 73 đề tài NCKH với sự tham gia của 176 lượt SV (có 7 đề tài đạt giải thưởng NCKH sáng tạo).

2.2.2 Tổng quan về Chương trình đào tạo ngành TMĐT

a) CTĐT cử nhân ngành TMĐT của Học viện được phép mở mã ngành số 7340122 theo Quyết định 534/QĐ-HV ngày 06/7/2018 của Giám đốc Học viện. Mục tiêu chung

của CTĐT cử nhân ngành TMĐT của Học viện được thiết kế nhằm cung cấp cho SV kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành quá trình kinh doanh thông qua các phương tiện điện tử.

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) có thể: vận dụng các kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề về kinh doanh điện tử (phân tích và thiết kế hệ thống kinh doanh điện tử; bán hàng, phân phối sản phẩm, thanh toán và marketing thông qua các phương tiện điện tử); vận dụng các kiến thức quản lý doanh nghiệp TMĐT vào trong thực tế môi trường kinh doanh hội tụ về công nghệ và thương mại quốc tế; Vận dụng những kiến thức, kỹ năng xã hội và kỹ năng cá nhân phù hợp với chuyên ngành được đào tạo để làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; Giao tiếp bằng tiếng Anh và sử dụng công nghệ thông tin để khai thác, nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh TMĐT của doanh nghiệp.

b) CTĐT cử nhân ngành TMĐT năm 2023 được ban hành theo Quyết định 928/QĐ-HV ngày 17/7/2023 và hoàn thiện trên cơ sở kế thừa CTĐT đại học ngành TMĐT năm 2018, 2021 theo hướng dẫn của BGD&ĐT. Ngoại trừ các học phần (HP) ngoại ngữ đào tạo bằng tiếng Anh, tất cả các HP khác của CTĐT đại học ngành TMĐT được giảng dạy bằng tiếng Việt. Chương trình được thiết kế theo phương pháp CDIO nhằm đào tạo SV toàn diện, bao gồm các kiến thức chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức, trong đó nhấn mạnh phát triển khả năng tự học, năng lực thực hành và trách nhiệm xã hội. SV tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng chuyên sâu và phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu lao động của xã hội.

CTĐT được thiết kế trên cơ sở tuân thủ các quy định và hướng dẫn của BGD&ĐT, quy định của Học viện; phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực, thị trường lao động ngành TMĐT trong khu vực và quốc tế. Chương trình được xây dựng trên cơ sở tham khảo các tiêu chuẩn về ĐBCL giáo dục quốc gia và quốc tế (AUN) và được tham khảo các CTĐT đại học ngành TMĐT của các trường đại học trong và ngoài nước, như:

- CTĐT trong nước: Trường Đại học Thương mại (chứng nhận kiểm định của VNU-CEA; Trường đại học Công nghiệp TP HCM (chứng nhận kiểm định chất lượng của AUN-QA);

- CTĐT nước ngoài: University of Toledo (Mỹ) - BBA in Electronic Commerce; Monash University (Melbourne Australia) - Bachelor of Commerce (Business analytics); Monash University (Melbourne Australia) - Bachelor of Commerce (Sustainability).

c) Thông tin chung về Chương trình đào tạo:

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Thương mại điện tử
 - + Tiếng Anh: E-Commerce
- Mã số ngành đào tạo: 7340122
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Số tín chỉ yêu cầu: 130 Tín chỉ
- Thời gian đào tạo: 4 năm - 8 học kỳ.
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Thương mại điện tử
 - + Tiếng Anh: Bachelor of E-Commerce

2.3 Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục:

Khoa QTKD đã triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng của khoa như rà soát các CTĐT, đảm bảo không bị trùng lặp mã học phần (HP), nội dung HP... giữa các hệ đào tạo; xác định phù hợp tỷ lệ điểm thành phần, có tính đến điểm chuyên cần; số tín chỉ của CTĐT phù hợp với văn bằng; rà soát đề cương chi tiết (ĐCCT) các HP, cập nhật tài liệu học tập; tham gia các buổi tập huấn về công tác CVHT; phối hợp với Phòng CT&CTSV, hàng quý tổ chức các buổi họp giao ban công tác SV với thành phần tham gia họp là các CVHT; ... Các hoạt động kiểm tra, đánh giá được Khoa và Học viện tiến hành hằng năm nhằm phát huy những điểm mạnh và khắc phục những tồn tại để nâng cao chất lượng đào tạo.

Với phương châm đào tạo gắn liền với thực tế và hội nhập quốc tế, Khoa QTKD đã xây dựng CTĐT hiện đại, linh hoạt thường xuyên cập nhật kiến thức thực tiễn cho SV ngành TMĐT.

Giai đoạn 2019- 2023, khoa QTKD có nhiều hoạt động hướng tới phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo, cụ thể:

Khoa tập trung đổi mới cách tiếp cận tổ chức đào tạo, cập nhật nội dung giảng dạy để sẵn sàng cho việc mở ngành đào tạo hệ ĐHCQ ngành TMĐT vào năm 2018. Đối với hoạt động đào tạo, một số nội dung đào tạo đã lồng ghép chính thức sự tham gia của các chuyên gia và doanh nghiệp vào ngay trong ĐCHP (HP chuyên đề Quản trị TMĐT, chuyên đề Tác nghiệp TMĐT, Bán lẻ trực tuyến). Trong các HP này, ngoài việc hướng dẫn từ các chuyên gia và doanh nghiệp thì SV còn được tổ chức tham quan, kiến tập tại các doanh nghiệp về hoạt động kinh doanh TMĐT, điều này tạo cơ sở rất tốt cho kỳ thực tập tốt nghiệp của SV.

Nói cách khác, thay vì thông thường SV sẽ đi thực tập tại doanh nghiệp vào kỳ thứ bảy của CTĐT (năm thứ tư) thì đối với SV của Khoa sẽ đi thực tập bán thời gian, kiến tập tại doanh nghiệp từ kỳ học thứ sáu (năm thứ ba).

Khoa rất tích cực trong hoạt động kết nối cho SV với các doanh nghiệp trong tất cả các cơ hội đào tạo kiến thức và kỹ năng, kiến tập, thực tập và tuyển dụng ngay sau khi ra trường. Với danh sách đối tác đông đảo và phong phú, Khoa đảm bảo các vị trí thực tập phù hợp cho SV với các chủ đề thực tập khác nhau, vì thế SV của khoa được phân công đến các doanh nghiệp có đủ quy mô chuyên môn để thực tập thay vì SV phải tự liên hệ đơn vị thực tập như các khoa và các trường đại học khác. Trong quá trình thực tập, Khoa và các doanh nghiệp có kết nối, trao đổi chặt chẽ để ĐBCL chương trình thực tập của SV.

Giai đoạn 2019 - 2023, Khoa đã thu hút và tuyển dụng được 04 tiến sĩ từ các trường đại học khác về làm việc (trong đó có 01 PGS), và tuyển dụng 03 thạc sĩ được đào tạo từ nước ngoài, bên cạnh đó cũng có 03 GV của khoa hoàn thành CTĐT tiến sĩ.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Theo quy định chức năng, nhiệm vụ: Phòng Đào tạo là đơn vị tổ chức nghiên cứu xây dựng mục tiêu, chương trình, đề cương chi tiết (ĐCCT), nội dung đào tạo của các ngành; Các khoa/bộ môn đảm nhận xây dựng Chương trình đào tạo (CTĐT), tổ chức biên soạn ĐCCT, phát triển chương trình, biên soạn học liệu, nghiên cứu và triển phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá (KTĐG).

Từ năm 2021 trở về trước, Học viện xây dựng, đổi mới CTĐT theo các văn bản của BGD&ĐT (08/TT-BGDĐT ngày 17/2/2011; 07/TT-BGDĐT ngày 1/4/2015) và các văn bản quy phạm khác (1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016...). Tháng 3 năm 2022, Học viện đã ban hành quy định về xây dựng, cải tiến, phát triển CTĐT (QĐ 393/QĐ-HV ngày 22/3/2022). Khi rà soát CTĐT, Học viện đã ban hành kế hoạch rà soát.

Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT ngành TMĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện, phù hợp với mục tiêu của GDĐH tại Việt Nam và có căn cứ và đảm bảo được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà NH đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, thể hiện được sự cam kết với NH, xã hội.

Các mục tiêu và CĐR được xây dựng và định kỳ rà soát điều chỉnh trên cơ sở sự tham gia đóng góp ý kiến của các BLQ như: SV, cựu SV, chuyên gia, NTD lao động và GV. Các BLQ dễ dàng tiếp cận và hiểu được mục tiêu và CĐR của CTĐT

Sau mỗi lần điều chỉnh, rà soát, mục tiêu và CĐR của CTĐT được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Học viện cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình GDDH ngành TMĐT trình độ đại học của Học viện ban hành theo Quyết định 533/QĐ-HV ngày 05/07/2018 [H1.01.01.01] và Chương trình GDDH ngành TMĐT trình độ đại học của Học viện ban hành theo Quyết định 557/QĐ-HV ngày 09/7/2021 [H1.01.01.02] đã ghi rõ mục tiêu của CTĐT như sau:

1) Về kiến thức:

- Hiểu và vận dụng được kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và kinh tế vào việc thực hiện các hoạt động kinh doanh điện tử;

- Khái quát, tổng hợp và sơ đồ hóa được mô hình quản trị kinh doanh TMĐT của doanh nghiệp;

- Giải thích được các chức năng quản trị kinh doanh TMĐT trong doanh nghiệp;

- Mô tả được cách thức xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm soát các kế hoạch kinh doanh điện tử;

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức về mạng máy tính, diễn giải được chức năng và cơ chế vận hành của các phần mềm phổ biến về quản trị doanh nghiệp và các phần mềm tác nghiệp TMĐT;

- Mô tả được phương pháp thu thập và khai thác dữ liệu điện tử để làm căn cứ ra các quyết định kinh doanh;

- Mô tả được phương pháp quản trị hệ thống TMĐT và phát triển website TMĐT;

- Mô tả được nguyên lý của hệ quản trị cơ sở dữ liệu, mô tả được chức năng của các hệ thống cơ sở dữ liệu thông dụng, biết cách thức thiết kế website TMĐT;

- Đánh giá được các tác nghiệp chuyên sâu trong TMĐT của một doanh nghiệp như: bán hàng và marketing điện tử, thanh toán điện tử, phân phối hàng hóa (logistics) điện tử.

2) Về kỹ năng:

Các kỹ năng chuyên môn bao gồm:

- Phân tích, lựa chọn được mô hình kinh doanh điện tử, thực hiện được các chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp TMĐT;
- Xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm soát được các kế hoạch kinh doanh điện tử (phân tích thị trường, xác lập mục tiêu kinh doanh, tổ chức và phân bổ nguồn lực, điều hành, kiểm soát hoạt động kinh doanh điện tử);
- Sử dụng và khai thác được mạng máy tính, các phần mềm phổ biến về quản trị doanh nghiệp và các phần mềm tác nghiệp TMĐT thông dụng;
- Thu thập và khai thác được các dữ liệu điện tử phục vụ cho mục đích kinh doanh;
- Hình thành được ý tưởng, thiết lập yêu cầu, xác định chức năng, lập mô hình và quản lý dự án ứng dụng TMĐT trong doanh nghiệp;
- Thiết kế và triển khai được hệ thống TMĐT và có phương án phát triển website TMĐT của doanh nghiệp một cách hiệu quả;
- Hình thành ý tưởng, thiết lập yêu cầu, xác định được chức năng của hệ quản trị cơ sở dữ liệu trong doanh nghiệp; triển khai và vận hành được các hệ thống cơ sở dữ liệu thông dụng; thiết kế được website TMĐT;
- Thực hiện và quản trị được các tác nghiệp về marketing và bán hàng trực tuyến;
- Thực hiện và quản trị được các giao dịch và thanh toán điện tử với khách hàng và đối tác;
- Thực hiện và quản trị được các hoạt động cung ứng điện tử;
- Thực hiện được các dịch vụ công trực tuyến dưới vai trò doanh nghiệp;
- Kỹ năng mềm bao gồm:
 - Kỹ năng làm việc khoa học và chuyên nghiệp;
 - Các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc;
 - Các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm.

4) Về năng lực

- Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, tinh thần làm việc nhóm, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn;
- Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp quản trị doanh nghiệp và ứng dụng TMĐT trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước;

- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.

5) Về ngoại ngữ

Năng lực tiếng Anh tương đương với trình độ B1 khung tham chiếu khung Châu Âu (CEFR) hay Bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.

5) Về Công nghệ thông tin

SV tốt nghiệp đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo qui định. Cụ thể, SV có khả năng cơ bản trong việc sử dụng máy tính, sử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu và sử dụng Internet trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.

Mục tiêu của CTĐT trong chương trình GDDH ngành TMĐT trình độ đại học hệ chính quy của Học viện được ban hành theo Quyết định số 928/QĐ-HV ngày 17/07/2023 [H01.01.01.03] đã được xác định rõ như sau:

a) Mục tiêu chung

CTĐT ngành Thương mại điện tử (TMĐT) nhằm cung cấp cho SV kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành quá trình kinh doanh thông qua các phương tiện điện tử. b) Mục tiêu cụ thể

- Vận dụng các kiến thức chuyên môn và toàn diện để giải quyết các vấn đề về kinh doanh điện tử (phân tích và thiết kế hệ thống kinh doanh điện tử; bán hàng, phân phối sản phẩm, thanh toán và marketing thông qua các phương tiện điện tử);
- Vận dụng các kiến thức quản lý doanh nghiệp TMĐT vào trong thực tế môi trường kinh doanh hội tụ về công nghệ và thương mại quốc tế;
- Vận dụng những kiến thức, kỹ năng xã hội và kỹ năng cá nhân phù hợp với chuyên ngành được đào tạo để làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả;
- Giao tiếp bằng tiếng Anh và sử dụng công nghệ thông tin để khai thác, nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh TMĐT của doanh nghiệp.

Mục tiêu của CTĐT ngành TMĐT đã được rà soát, hiệu chỉnh, thống nhất trong các biên bản hội thảo chương trình khung CTĐT ngành TMĐT năm 2021 và 2023 [H1.01.01.04]; biên bản họp chuyên môn của Khoa QTKD về việc rà soát CTĐT năm 2021

[H1.01.01.05], năm 2023 [H1.01.01.06] và biên bản họp nghiệm thu CTĐT ngành TMĐT cấp Học viện năm 2018, 2021 và 2023 [H1.01.01.07]. Mục tiêu CTĐT đã được kết luận đầy đủ, rõ ràng, bao gồm các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, thái độ đạo đức, ngoại ngữ, vị trí việc làm, khả năng tiếp tục học tập, ... đáp ứng được xu hướng phát triển mới trong lĩnh vực TMĐT.

Mục tiêu của CTĐT ngành TMĐT được mô tả chi tiết, đầy đủ, rõ ràng, bao gồm các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, thái độ đạo đức, ngoại ngữ, vị trí việc làm, khả năng tiếp tục học tập, ... tuy nhiên mức độ thành thạo kỹ năng số cần có thang đo đảm bảo phù hợp với xu hướng chuyển đổi số hiện nay của Học viện.

Mục tiêu CTĐT ban hành năm 2023 [H1.01.01.03]: Đào tạo cử nhân kinh doanh có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm, tiên phong trong lĩnh vực kinh doanh điện tử; cung cấp nguồn nhân lực kinh doanh chất lượng cao trong môi trường công nghệ số và kinh tế số; thực thi Triết lý giáo dục “Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm”, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường. Đặc biệt các mục tiêu của CTĐT năm 2023 đã được đổi mới, hướng đến sự phát triển và yêu cầu của kinh tế số là phù hợp với sứ mạng của Học viện trong Quyết định 516/QĐ-HV ngày 06/06/2017 về công bố Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Học viện [H1.01.01.08], Quyết định 156/QĐ-HV ngày 05/3/2020 [H1.01.01.09] và Nghị quyết 42/NQ-HĐHV ngày 25/11/2021 về việc Ban hành Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [H1.01.01.10], với sứ mạng của Học viện là: *“Sáng tạo và chuyển giao tri thức cho xã hội thông qua việc gắn kết các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và CGCN trong lĩnh vực thông tin, truyền thông và công nghệ số góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường”*.

Mục tiêu CTĐT ngành TMĐT được cập nhật đổi mới năm 2023 với các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực, tinh thần thái độ, trình độ ngoại ngữ, vị trí việc làm, ... hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của GDDH theo quy định tại Điều 5 Luật GDDH năm 2012 [H1.01.01.11] và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật GDDH năm 2018 [H1.01.01.12] với mục tiêu chung: “Đào tạo cử nhân kinh doanh có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm, tiên phong trong lĩnh vực kinh doanh điện tử; cung cấp nguồn nhân lực kinh doanh chất lượng cao trong môi trường công nghệ số và kinh tế số; thực thi Triết lý giáo dục “Tri thức – Sáng tạo – Đạo đức – Trách

nhiệm”, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường.” và mục tiêu cụ thể “Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề cơ bản trong kinh doanh điện tử (hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành quá trình kinh doanh thông qua các phương tiện điện tử”.

Đồng thời, thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát về dự thảo CTĐT và bản mô tả CTĐT năm 2021 và năm 2023 [H1.01.01.13], [H1.01.01.14] cho thấy mục tiêu CTĐT ngành TMĐT cung cấp kiến thức, kỹ năng, năng lực cho NH, bám sát yêu cầu doanh nghiệp trong thời đại chuyên đổi số, phù hợp với tầm nhìn của Học viện là: “*Đến năm 2030, Học viện là Học viện hàng đầu Việt nam về quy mô, chất lượng đào tạo, NCKH; là hình mẫu tiên phong về chuyển đổi số trong GDDH; trở thành Học viện hàng đầu của khu vực, nằm trong nhóm 100 Học viện hàng đầu châu Á, nhóm 5 Học viện hàng đầu Đông Nam Á về công nghệ số*”.

CTĐT năm 2023 có mục tiêu chung, 01 mục tiêu cụ thể về kiến thức, 01 mục tiêu cụ thể về kỹ năng. 01 mục tiêu về thái độ, 02 mục tiêu về ngoại ngữ và tin học và mô tả vị trí việc làm của SV sau khi ra trường. CTĐT năm 2023 sẽ được áp dụng đào tạo từ khóa tuyển sinh năm 2023.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu CTĐT ngành TMĐT được trình bày rõ ràng đầy đủ kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi đạo đức, vị trí việc làm.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu CTĐT ban hành năm 2023 chưa cụ thể thang đo mức độ thành thạo kỹ năng số cho phù hợp với xu hướng chuyên đổi số hiện nay của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với Khoa QTKD hiệu chỉnh mục tiêu CTĐT ngành TMĐT nhằm cụ thể thang đo mức độ thành thạo kỹ năng số cho phù hợp với xu hướng chuyên đổi số hiện nay của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra CTĐT trình độ đại học ngành TMĐT được ban hành theo Quyết định số 533/QĐ-HV ngày 05/07/2018 [H1.01.01.01], trong đó xác định rõ các CĐR về kiến thức (9 CĐR); về kỹ năng chuyên môn (11 CĐT); về kỹ năng mềm (3 CĐR); về năng lực tự chủ và trách nhiệm (3 CĐR); về ngoại ngữ và tin học (2 CĐR).

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành TMĐT được ban hành theo Quyết định số 556/QĐ-HV ngày 09/7/2021 [H1.01.02.01], về cơ bản kế thừa CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành TMĐT năm 2018.

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành TMĐT được ban hành theo Quyết định 927/QĐ-HV ngày 17/07/2023 [H1.01.02.02] đã có những thay đổi đáng kể trên cơ sở tiếp thu ý kiến các BLQ và đối sánh với CTĐT ngành TMĐT của các trường đại học có thứ hạng cao trên thế giới và các CTĐT trong nước đã được kiểm định chất lượng.

CĐR của CTĐT đại học ngành TMĐT được xác định cụ thể, rõ ràng, đóng góp vào từng mục tiêu của CTĐT thông qua ma trận mục tiêu - CĐR trong Bản mô tả CTĐT ngành TMĐT với Đề cương các môn học ngành TMĐT trình độ đại học hệ chính quy năm 2023 đã được gắn mã Chuẩn đầu ra [H1.01.02.02].

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành TMĐT đã nêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR cũng được xây dựng theo Quy trình xây dựng và công bố CĐR được hướng dẫn tại Công văn số 2196/BGDĐTGDĐH ngày 22/04/2010 về Hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR ngành đào tạo [H1.01.02.03] và Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CTĐT trình độ ĐH, ThS, TS [H1.01.02.04], đều được xác định rõ ràng và được thể hiện thông qua 4 yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp, gồm: Kiến thức; kỹ năng; mức tự chủ, trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TMĐT còn được xác định rõ ràng qua CĐR của từng học phần trong CTĐT ngành TMĐT năm 2013 [H1.01.02.05]; mỗi học phần đều có CĐR cần đạt được và ma trận liên kết nội dung học phần với CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

Kiến thức

CTĐT đại học ngành TMĐT trang bị cho SV những kiến thức sau:

LO1. Vận dụng kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và hành vi để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh điện tử;

LO2. Phân tích mô hình kinh doanh và các chức năng kinh doanh của doanh nghiệp;

LO3. Xây dựng phương pháp hoạch định, tổ chức, kiểm soát hoạt động kinh doanh điện tử;

LO4. Sử dụng phương pháp và công cụ thu thập và khai thác dữ liệu để làm căn cứ ra các quyết định kinh doanh;

LO5. Xây dựng phương án thiết kế, triển khai và vận hành hệ thống kinh doanh điện tử của tổ chức, doanh nghiệp;

LO6. Phân biệt các tác nghiệp chuyên sâu trong kinh doanh điện tử như: cung ứng điện tử, bán hàng trực tuyến, marketing điện tử, thanh toán điện tử, phân phối điện tử.

Kỹ năng nghề nghiệp

LO7. Sáng tạo mô hình kinh doanh điện tử; Hình thành kế hoạch kinh doanh điện tử; Đề xuất cách giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến kinh doanh điện tử;

LO8. Phân tích, tính toán để hình thành ý tưởng, thiết lập yêu cầu, xác định chức năng, lập mô hình hệ thống kinh doanh điện tử và quản lý dự án ứng dụng kinh doanh điện tử trong tổ chức, doanh nghiệp;

LO9. Sử dụng kỹ thuật và công cụ để thực hiện các tác nghiệp kinh doanh điện tử căn bản như: cung ứng điện tử, bán hàng và marketing điện tử, thanh toán điện tử, phân phối điện tử...;

LO10. Tạo việc làm trong lĩnh vực kinh doanh điện tử cho mình và cho người khác.

Kỹ năng mềm

LO11. Làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

LO12. Giao tiếp trực tiếp, giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp đa phương tiện, thuyết trình với các BLQ và các đối tác kinh doanh;

LO13. Quản lý và lãnh đạo các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả và hiệu suất làm việc.

LO14. Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế trở lên hoặc tương đương. Có khả năng sử dụng tiếng Anh để phục vụ công việc, học tập và nghiên cứu.

LO15. Sử dụng công nghệ thông tin trong công việc.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

LO16. Có phẩm chất đạo đức: sẵn sàng đương đầu với khó khăn và chấp nhận rủi ro; ứng xử độc lập, chuyên nghiệp và có trách nhiệm với xã hội, tôn trọng pháp luật;

LO17. Nhận biết và phân tích môi trường hoạt động nghề nghiệp trong và ngoài tổ chức, doanh nghiệp;

LO18. Phát triển nghề nghiệp, ham mê nghiên cứu và học tập suốt đời.

CĐR của CTĐT ngành TMĐT ban hành năm 2023 của Học viện cho thấy SV sau khi hoàn thành CTĐT sẽ nắm được các kiến thức từ đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và cơ sở chuyên ngành (CĐR 1 đến CĐR 6), đạt được các kỹ năng nghề nghiệp (CĐR 7 đến CĐR 10), cũng như kỹ năng mềm (CĐR 11 đến CĐR 15), năng lực tự chủ và trách nhiệm (CĐR 16 đến CĐR 18). Các CĐR này bao hàm tất cả các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết đáp ứng mục tiêu của CTĐT. Các CĐR được mô tả rõ ràng, cụ thể, được sắp xếp theo nhóm về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm, đảm bảo khả năng làm việc tại các vị trí việc làm phù hợp cho SV tốt nghiệp CTĐT ngành TMĐT.

SV tốt nghiệp ngành TMĐT đạt được CĐR là những ứng viên tiềm năng cho các vị trí công việc sau: Tại các doanh nghiệp kinh doanh điện tử / doanh nghiệp sở hữu website TMĐT bán hàng: chuyên viên hoặc quản lý hoạt động cung ứng điện tử, bán hàng trực tuyến, marketing điện tử, logistics điện tử, thanh toán điện tử, quản trị quan hệ khách hàng, quản trị và vận hành hệ thống bán hàng đa kênh, xây dựng và phát triển hệ thống TMĐT của doanh nghiệp; Tại các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ TMĐT: chuyên viên hoặc quản lý phụ trách tư vấn, triển khai các giải pháp kinh doanh điện tử cho các doanh nghiệp khác (B2B); tư vấn, triển khai giải pháp phát triển hệ thống thông tin kinh doanh, quản trị cơ sở dữ liệu kinh doanh; Viên chức tại các cơ quan quản lý nhà nước về TMĐT và kinh tế số; Nhà sáng lập doanh nghiệp kinh doanh điện tử; Nghiên cứu, giảng dạy ngành TMĐT, kinh doanh số tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo đại học và cao đẳng. Các vị trí việc làm cụ thể mà NH có thể đảm nhận khi tốt nghiệp CTĐT ngành TMĐT cũng được nêu rõ trong nội dung về mục tiêu và CĐR [H1.01.02.04].

Trong các tài liệu và biên bản hội thảo Chương trình khung CTĐT ngành TMĐT đã hoàn toàn đồng ý về CĐR của CTĐT ngành TMĐT [H1.01.01.04]; trong biên bản họp chuyên môn của Khoa về rà soát về CĐR CTĐT kết luận như sau: “CĐR ngành TMĐT chi tiết, đầy đủ, rõ ràng và bao hàm các kiến thức, kỹ năng, năng lực cần thiết đáp ứng mục tiêu CTĐT” [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]; trong biên bản thẩm định CTĐT của Hội đồng thẩm định CTĐT ngành TMĐT năm 2023 có nhận xét về CĐR của CTĐT hoàn toàn phù hợp với CTĐT ngành TMĐT [H1.01.01.07].

CĐR của CTĐT ngành TMĐT đã nêu được cụ thể về kiến thức, kỹ năng, thái độ đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. Tuy nhiên, mức độ lượng hóa của một số CĐR của CTĐT chưa được rõ ràng và một số CĐR khá định tính. Nội dung CĐR của CTĐT ngành TMĐT ban hành năm 2023 chưa làm nổi bật các kỹ năng cần thiết của NH về chuyển đổi số trong học tập và trong công tác sau này.

Trước tháng 3 năm 2022, Học viện rà soát đổi mới CTĐT, trong đó có CĐR dựa theo các quy định của Bộ GD&ĐT. Từ tháng 3/2022, Học viện ban hành Quy định về xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT (QĐ số 393/QĐ-HV ngày 23/3/2022) [H1.01.02.06]. Văn bản này có định nghĩa, hướng dẫn khá đầy đủ về nội dung, yêu cầu đối với CĐR của CTĐT trình độ đại học, trình độ thạc sỹ, trình độ tiến sỹ và CĐR của học phần. Học viện sẽ thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT để xây dựng CĐR và các nội dung khác của CTĐT. Học viện quy định số lượng thành viên, cơ cấu của hội đồng (giáo viên am hiểu ngành/chuyên ngành, chuyên gia phát triển CTĐT và ĐBCLGD, đại diện nhà tuyển dụng). Văn bản này cũng quy định 9 bước xây dựng CĐR và 9 bước xây dựng CTĐT. Văn bản cũng quy định, Hội đồng có thể thành lập tổ giúp việc để thực thi công việc. Trong quy trình thiết kế CĐR (CTĐT), ở bước thứ 4, thứ 5 và thứ 6 (ở bước 3, bước 4), Học viện yêu cầu thiết kế phiếu khảo sát CĐR cho các bên liên quan, thực hiện khảo sát, phân tích kết quả. Kết quả nhận được là cơ sở cho xây dựng CĐR. Ở quy định này Học viện cũng đưa ra mẫu phiếu khảo sát CĐR.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành TMĐT có nội dung đầy đủ về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm được trình bày rõ ràng, đáp ứng mục tiêu CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Nội dung CĐR của CTĐT ngành TMĐT ban hành năm 2023 chưa làm nổi bật các kỹ năng cần thiết của NH về chuyển đổi số trong học tập và trong công tác sau này.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2026, Phòng Đào tạo chủ trì và QTKD phối hợp hiệu chỉnh CĐR làm nổi bật các kỹ năng cần thiết của NH về chuyển đổi số trong học tập và trong công tác sau này.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành TMĐT được xây dựng trên cơ sở ý kiến đóng góp của các BLQ như nhà sử dụng lao động, chuyên gia, nhà khoa học, GV và SV tốt nghiệp, SV đang học tại Học viện.

Năm 2018, CĐR của CTĐT đại học ngành TMĐT đã được rà soát theo Kế hoạch số 111/KH-HV ngày 05/3/2018 của Học viện [H1.01.03.01] về việc rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành TMĐT và CĐR CTĐT năm 2021 được ban hành theo Quyết định số 556/QĐ-HV ngày 09/7/2021 [H1.01.02.01]. Năm 2023, CĐR của CTĐT ngành TMĐT đã được rà soát theo Kế hoạch số 101/KH-HV ngày 09/02/2023 [H1.01.03.02], theo Tờ trình số 28/TTr-QT1 ngày 14/09/2020 về kế hoạch điều chỉnh CTĐT của Khoa QTKD [H1.01.03.03] và được sự đồng ý của Giám đốc Học viện về việc hiệu chỉnh CTĐT ngành TMĐT Thông báo kết luận số 89/TB-HV ngày 19/05/2021 của Giám đốc HV về hiệu chỉnh CTĐT đại học ngành TMĐT [H1.01.03.04].

Trong đợt rà soát điều chỉnh CTĐT ngành TTĐPT năm 2018, Khoa QTKD đã dựa trên Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CTĐT trình độ ĐH, ThS, TS để xây dựng và triển khai quy trình rà soát điều chỉnh CĐR [H1.01.02.04]; trong đợt rà soát điều chỉnh năm 2023, Khoa ĐPT đã dựa trên Thông tư số 17/2021/TT-BGD&ĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học [H1.01.03.05]. Quá trình rà soát, đánh giá và cập nhật CĐR CTĐT ngành TMĐT được định kỳ thực hiện theo kế hoạch với qui trình gồm các bước như sau:

Bước 1: Các Khoa rà soát, khảo sát, đánh giá nội dung CĐR CTĐT hiện tại.

Bước 2: Trên cơ sở kết quả khảo sát, rà soát đánh giá hiện trạng, Khoa đề xuất việc hiệu chỉnh (nội dung CĐR, cấu trúc CTĐT, nội dung CTĐT), dự kiến các nội dung cần điều chỉnh và báo cáo Ban giám đốc Học viện.

Bước 3: Khoa tổ chức triển khai hiệu chỉnh, sửa đổi CĐR, CTĐT, tổ chức hội thảo nội bộ Khoa, xin ý kiến của Hội đồng Khoa học đào tạo (KHĐT) của Khoa để thống nhất.

Bước 4: Tổ chức xin ý kiến NTD, chuyên gia, cựu SV; tổ chức hội thảo chung trong Học viện về nội dung CĐR và CTĐT mới.

Bước 5: Hoàn thiện CĐR, CTĐT để xin ý kiến Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện (nếu cần) và trình Giám đốc Học viện phê duyệt ban hành.

Như vậy, quá xây dựng CĐR của CTĐT có sự tham gia ý kiến của các BLQ (Bước 4) và CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ nhờ việc hoàn thiện CĐR, CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên có liên quan.

Các ý kiến đóng góp của các BLQ được thu thập thông qua phiếu khảo sát từ NTD, chuyên gia, cựu SV [H1.01.01.13], [H1.01.01.14] và thông qua các hội thảo, hội nghị, tổ chức lấy ý kiến về nội dung CTĐT và mục tiêu, CĐR CTĐT do Khoa QTKD tổ chức [H1.01.03.06], [H1.01.03.07].

Theo Quyết định số 927/QĐ-HV ngày 17/07/2023 ban hành CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành TMĐT, CĐR của CTĐT được gửi cho các đơn vị liên quan trong Học viện, Bộ GD&ĐT và Bộ TT&TT [H1.01.02.02]. Đồng thời, CĐR của CTĐT đã ban hành được công bố công khai trên website của Học viện và các tài liệu, cổng thông tin điện tử của Học viện và Khoa QTKD [H1.01.03.08]. Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT còn được in trong sổ tay SV hằng năm [H1.01.03.09] và được tích hợp trong hệ thống hỗ trợ học tập PTIT-Slink của Học viện [H01.03.10]. Tuy nhiên, việc các bên liên quan (BLQ) tiếp cận CĐR còn mang tính thụ động và chưa có các có các phương pháp công bố trực tiếp CĐR cho các BLQ.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành TMĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động, chuyên gia và SV tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Hình thức truyền thông về CĐR tới các BLQ còn chưa được đa dạng, một số BLQ còn chưa nhận thức được ý nghĩa của CĐR.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, Văn phòng, Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa QTKD bổ sung cách thức truyền thông về CĐR đa dạng và hấp dẫn hơn nhằm tăng cường nhận thức về CĐR đối với các BLQ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành TMĐT được xác định rõ ràng và được thể hiện trong bản mô tả CTĐT vào các năm 2021 và năm 2023 phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn và Mục tiêu chiến lược của Học viện cũng như phù hợp với mục tiêu của GDĐH; cấu trúc của CĐR CTĐT trình độ đại học QTKD phù hợp với Điều 5 của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT.

CĐR của CTĐT ngành TMĐT đã nêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

CĐR của CTĐT trình độ ĐH ngành TMĐT đã phản ánh được yêu cầu và có sự tham gia đóng góp của NTD, nhà khoa học, GV, CBQL, cựu SV và SV năm cuối. Trong quy trình rà soát điều chỉnh CĐR năm 2023, Khoa QTKD đã khảo sát ý kiến của các BLQ về Dự thảo CĐR đã được khoa đề xuất; công bố công khai trên trang Website của Học viện và Khoa, đồng thời phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân và lưu giữ ở các đơn vị chức năng của Học viện để các bên đều có thể tiếp cận thuận lợi.

Học viện và Khoa QTKD đã khảo sát các BLQ về CĐR của CTĐT, tuy nhiên mẫu khảo sát của các NTD chưa đa dạng. Phương thức truyền thông về CĐR của ngành TMĐT chưa đa chiều nên chưa thu hút được sự quan tâm của đông đảo các đối tượng bên ngoài Học viện.

Hàng năm các phòng chức năng phối hợp với Khoa huy động cựu SV, NTD tham gia vào việc cho ý kiến về mục tiêu giáo dục của Học viện và mục tiêu của riêng ngành TMĐT, cũng như mức độ phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện để có thể thu thập được nhiều ý kiến đa chiều mang tính đại diện cao đóng góp để xây dựng và điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành TMĐT đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí: 4,6/7.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT đại học ngành TMĐT được xây dựng theo hướng dẫn của BGD&ĐT. Bản mô tả CTĐT cung cấp cho các BLQ các thông tin về CTĐT, Mục tiêu của CTĐT bao gồm mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực, phẩm chất đạo đức, trình độ ngoại ngữ, vị trí việc làm; CĐR của CTĐT; ma trận mục tiêu - CĐR (thể hiện sự đóng góp của các CĐR vào việc đạt được mục tiêu cụ thể); phương pháp KT&DG, mô tả CTDH bao gồm cấu trúc CTDH, nội dung đào tạo, kế hoạch giảng dạy; ma trận quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT; tóm tắt nội dung các HP cốt lõi trong CTĐT; phương pháp dạy/học; kiểm tra/đánh giá. ĐCHP được chuẩn hoá, đầy đủ thông tin và cập nhật. Bản mô tả CTĐT được cập nhật định kỳ và công bố công khai trên các phương tiện truyền thông Học viện. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các BLQ dễ dàng tiếp cận, giúp NH và học viên có nguyện vọng học tại trường hiểu về CTĐT; giúp cho NTD lao động nắm bắt được các thông tin về kiến thức và các kỹ năng mềm mà NH

đã được trang bị để có quyết định tuyển dụng hợp lý; giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và đánh giá viên hiểu được mục tiêu của CTĐT và các KQHT dự kiến. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn là cơ sở cho việc thu nhận thông tin phản hồi từ phía SV đang học, cựu SV và các NTD, giúp cho việc cải tiến CTĐT nhằm nâng cao khả năng đạt được các KQHT dự kiến.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Trước năm 2019, những thông tin về mô tả CTĐT đại học ngành TMĐT được thể hiện trong bản đính kèm với Chương trình khung GDDH ngành TMĐT trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 533/QĐ-HV ngày 05/07/2018 [H1.01.01.01]; Năm 2021, bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành TMĐT được ban hành theo Quyết định số 558/QĐ-HV ngày 09/7/2021 [H2.02.01.01]; Năm 2023, bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành TMĐT được ban hành theo Quyết định số 929/QĐ-HV ngày 17/07/2023 [H2.02.01.02].

Bản mô tả CTĐT được thiết kế bao gồm các nội dung sau: Tên CSGD; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; Mục tiêu của CTĐT bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm, trình độ ngoại ngữ và tin học; CĐR của CTĐT được chia làm CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; ma trận mục tiêu - CĐR (thể hiện sự đóng góp của các CĐR vào việc đạt được mục tiêu cụ thể); phương pháp KTĐG, mô tả CTDH bao gồm cấu trúc CTDH, nội dung đào tạo, kế hoạch giảng dạy; ma trận quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT và mô tả tóm tắt các HP CTĐT.

Giữa hai đợt rà soát điều chỉnh CTĐT năm 2021 và năm 2023, bản mô tả CTĐT năm 2023 của ngành TMĐT đã có những thay đổi đáng kể về nội hàm, cụ thể: Đã được bổ sung các mục như: ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CĐR), ma trận thể hiện quan hệ giữa CĐR và mục tiêu, ma trận quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT; ma trận PPDH so với CĐR, ma trận phương pháp đánh giá SV với CĐR, trình tự thực hiện chương trình; và mô tả tóm tắt các HP. Bản mô tả CTĐT ngành TMĐT năm 2023 còn có những thay đổi về nội dung các mục, đặc biệt là thay đổi trong CĐR và khung CTĐT. Mục tiêu đào tạo, CĐR CTĐT đã được xác định cụ thể hơn. Khoa QTKD đã thực hiện điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với xu thế công nghệ hiện đại như:

Bản mô tả CTĐT cũng đưa các thông tin đối sánh CĐR CTĐT ngành TMĐT đáp ứng Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực; Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào

tạo, điều kiện tốt nghiệp; Chiến lược giảng dạy và học tập; Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá nhằm đạt CDR; Mô tả sự liên hệ giữa CDR (PLOs), HP, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs); Tiến trình học tập chuẩn và danh sách các HP tiên quyết. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT ngành TMĐT còn chưa có tóm tắt đối sánh CTĐT ngành TMĐT của Học viện với các CTĐT ngành TMĐT của các Trường đại học trong nước và ngoài nước, mặc dù khi xây dựng và hiệu chỉnh CTĐT ngành TMĐT đã được nghiên cứu và tham khảo.

Bản mô tả CTĐT ban hành năm 2023 đã bao hàm các nội dung và thông tin mới nhất về mục tiêu, CDR, cấu trúc và nội dung đào tạo, đề cương các HP, phản ánh đầy đủ CTĐT ngành TMĐT đổi mới và cập nhật mới nhất trên cơ sở khảo sát các BLQ, tuy nhiên việc lấy ý kiến đóng góp cho bản mô tả CTĐT năm 2023 chưa thật sự rộng rãi, còn hạn chế các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành TMĐT.

Thông qua Biên bản họp Khoa về việc hiệu chỉnh chương trình khung giáo dục đại học ngành TMĐT năm 2021 và 2023 [H1.01.01.04]; Báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát về chương trình đào tạo và bản mô tả chương trình đào tạo năm 2021 và 2023 [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]; Biên bản họp khoa về việc đóng góp ý kiến Dự thảo Mục tiêu, Chuẩn đầu ra, Thời gian đào tạo và Khung chương trình giáo dục đại học ngành TMĐT năm 2021 và 2023 [H1.01.01.05], [H1.01.01.06] cho thấy Bản mô tả CTĐT ngành TMĐT đã có đủ các nội dung theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng. Tuy nhiên, các ý kiến đóng góp cho Bản mô tả CTĐT ngành TMĐT năm 2023 của các bên liên quan ngoài Học viện chưa thật sự sâu để có thể khai thác được các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành TMĐT đã bao gồm đầy đủ các thông tin và nội dung theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT và có so sánh CTĐT ngành TMĐT của Học viện với một số CTĐT ngành TMĐT của các trường đại học hàng đầu trong nước.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát các BLQ lấy ý kiến đóng góp cho Bản mô tả CTĐT năm 2023 chưa thật sự sâu rộng, còn hạn chế các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành TMĐT.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, trong lần rà soát và điều chỉnh bản mô tả CTĐT ngành TMĐT sắp tới, Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa QTKD cần đưa ra những giải pháp hữu hiệu hơn để liên kết với các cựu SV, các NTD, hiệp hội nghề nghiệp tham gia đóng góp ý kiến thiết thực nhằm cải tiến và cập nhật bản mô tả CTĐT.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. *Mô tả hiện trạng*

Giai đoạn trước năm 2022, Học viện có ban hành mẫu đề cương chi tiết theo Hướng dẫn số 474/HV-ĐT&KHCV ngày 26/6/2012 [H2.02.02.01] và hàng năm, Phòng Đào tạo cung cấp mẫu đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn các đơn vị xây dựng/điều chỉnh đề cương chi tiết học phần.

Kể từ năm 2022, Học viện ban hành quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT theo Quyết định số 393/QĐ-HV ngày 23/3/2022, trong đó có mẫu ĐCHP [H2.02.02.02]. Đồng thời, căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT, Học viện đã chỉnh sửa mẫu đề cương chi tiết học phần theo Quyết định số 705/QĐ-HV ngày 09/6//2022 [H2.02.02.03].

Trong chu kỳ KĐCLGD, Học viện đã ban hành 3 bộ ĐCCT HP: năm 2020 (QĐ số 151/QĐ-HV ngày 05/3/2020) [H2.02.02.04], năm 2021 (QĐ số 134/QĐ-HV, ngày 26/02/2021) [H2.02.02.05] và năm 2022 (QĐ số 1061/QĐ-HV ngày 12/8/2022) [H2.02.02.06].

Đề cương các HP trong CTĐT ngành TMĐT ban hành năm 2023 gồm 57/57 HP [H2.02.02.07] được biên soạn theo mẫu chung do Học viện hướng dẫn. 100% đề cương các HP đều có đầy đủ các thông tin theo yêu cầu Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH bao gồm: tên đơn vị đảm nhận giảng dạy, thông tin GV giảng dạy, tên HP, số tín chỉ, mục tiêu, CDR của HP, ma trận chuẩn đầu ra của môn học/HP, tóm tắt nội dung HP, nội dung chi tiết của HP, cấu trúc HP, hình thức tổ chức giảng dạy, phương pháp dạy - học, phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá, học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo.

Việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung nội dung ĐCHP được thực hiện thường xuyên hàng năm theo kế hoạch của Học viện [H2.02.02.08], nhằm đảm bảo nội dung kiến thức HP được liên tục cập nhật kiến thức QTKD, kinh tế quản lý mới, đáp ứng tốt nhu cầu của thực tiễn và của doanh nghiệp sử dụng lao động. Việc triển khai thực hiện được thông báo và phổ biến tới từng GV vào quý I hàng năm, các bộ môn và khoa thống nhất kế hoạch để

đăng ký các HP cần điều chỉnh ĐCHP. Đặc biệt, sau khi ban hành CTĐT ngành TMĐT đổi mới năm 2023, với 100% số lượng các HP được hiệu chỉnh, biên soạn mới.

Việc triển khai thực hiện được thông báo và phổ biến tới từng GV vào đầu quý I hàng năm. Sau đó, trên cơ sở đánh giá tình hình và nhu cầu thực tiễn, các bộ môn và khoa thống nhất kế hoạch để đăng ký các học phần cần điều chỉnh ĐCHP [H2.02.02.09]. Tiếp theo, phòng Đào tạo tổng hợp và trình ban hành Kế hoạch điều chỉnh ĐCHP của tất cả các ngành đào tạo trong Học viện và gửi lại cho các khoa, bộ môn thực hiện thông qua các cuộc hội thảo cấp bộ môn, khoa để điều chỉnh và nghiệm thu ĐCHP hàng năm trong giai đoạn 2018-2023 [H2.02.02.10]. Đề cương chi tiết học phần sau khi xây dựng, thẩm định được khoa chuyển tới Phòng Đào tạo trình giám đốc Học viện ký quyết định ban hành [H2.02.02.11].

Khoa QTKD đã lên kế hoạch rà soát, điều chỉnh ĐCCT các HP hiện có và bổ sung thêm HP mới. Khoa đã gấp rút hoàn thành xây dựng toàn bộ ĐCHP cho CTĐT trong năm 2021. Việc điều chỉnh các ĐCHP được hoàn thành trong năm và được ban hành kịp thời phục vụ giảng dạy trên cơ sở lấy ý kiến các BLQ [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát còn một số câu hỏi trong phiếu khảo sát không được đối tượng được khảo sát trả lời hoặc trả lời với cùng một mức cho các câu hỏi khác nhau; Việc phân tích kết quả khảo sát chưa đảm bảo tính khoa học, chưa thuận lợi cho việc khai thác các thông tin phục vụ cho việc điều chỉnh và cập nhật các ĐCCT HP.

Trong chu kỳ kiểm định CLGD, Học viện đã 2 lần rà soát, đổi mới, cập nhật ĐCCT vào các năm 2021 năm 2023 ngoài ra giữa các năm trên có các quyết định ban hành cho ĐCCT của một số học phần mới. Ở mỗi lần điều chỉnh ĐCCT, Học viện đều có mẫu đề cương, có hướng dẫn; các ĐCCT được cập nhật bổ sung. So với ĐCCT năm 2018, năm 2021 thay đổi các học phần của khối kiến thức Mác-Lênin, các học phần tiếng Anh, loại bỏ 4 học phần (Lịch sử các học thuyết kinh tế, Tin học quản lý, Quản trị bán hàng, Tổ chức sản xuất). Năm 2023, thiết kế và đưa vào áp dụng tất cả các ĐCCT cho CTĐT TMĐT. Tuy nhiên, Các ĐCCT HP đi kèm với phiên bản mới của CTĐT được thẩm định và ban hành trong một khoảng thời gian sau đó.

2. Điểm mạnh

100% các HP trong CTĐT đều có ĐCHP và nội dung ĐCHP được cập nhật kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Các ĐCCT HP đi kèm với phiên bản mới của CTĐT được thẩm định và ban hành trong một khoảng thời gian sau đó.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Phòng Đào tạo chủ trì, Khoa QTKD phối hợp thực hiện rà soát lại các DCCT HP Và ban hành đồng thời ba văn bản: CTĐT, bản mô tả CTĐT và các DCCT HP của CTĐT để đảm bảo tính khoa học, chuyên nghiệp và thuận lợi cho các BLQ triển khai thực hiện CTĐT và thuận lợi cho việc theo dõi giám sát mức độ triển khai CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các HP được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành TMĐT ban hành theo Quyết định số 558/QĐ-HV ngày 09/7/2021 [H2.02.02.01] và Bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành TMĐT ban hành theo Quyết định số 929/QĐ-HV ngày 17/07/2023 [H2.02.01.02] được gửi cho các đơn vị liên quan trong Học viện, như Khoa QTKD, lưu tại Thư viện, văn thư và tại phòng Đào tạo qua văn bản gửi Bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành TMĐT trong nội bộ Học viện [H2.02.03.01]. Đồng thời, Bản mô tả CTĐT cũng được gửi cho các đơn vị có liên quan bên ngoài Học viện, bao gồm Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông [H2.02.03.02].

Để các cơ quan quản lý, SV đang theo học, SV khóa mới, các cá nhân và tổ chức có nhu cầu tìm hiểu về CTĐT ngành TMĐT, Bản mô tả CTĐT sau khi được Giám đốc phê duyệt chính thức đã được công bố trên Website của Học viện. (<https://ptit.edu.vn>) và trang tin điện tử của Khoa QTKD [H2.02.03.03]. Ngoài ra, SV được cung cấp tài khoản cá nhân trên hệ thống học tập Edusoft và hệ thống hỗ trợ học tập PTIT-Slink để dễ dàng và thuận tiện truy cập, tìm hiểu nội dung ĐCHP theo ngành học của mình để phục vụ cho quá trình học tập của mình [H2.02.03.04], đồng thời, được giới thiệu tới các GV thỉnh giảng của Khoa QTKD, tới các doanh nghiệp được Khoa QTKD gửi SV tham quan thực tế và thực tập tốt nghiệp cuối khóa, cung cấp cho các chuyên gia, doanh nghiệp tham gia giảng dạy khóa đào tạo ngành TMĐT tại Học viện [H2.02.03.05].

Tổng số 57/57 ĐCHP trong CTĐT đều được công bố công khai bằng các hình thức khác nhau. Trong quá trình đào tạo, SV từ khi nhập học đã được cung cấp thông tin đầy đủ về CTĐT thông qua các tài liệu được phổ biến khi nhập học, ngoài ra, NH còn được cung cấp ĐCHP cũng như các tài liệu phục vụ đào tạo thông qua các hình thức khác nhau như

thư viện, văn phòng khoa, các phòng chức năng, GV, giới thiệu trên lớp, ... Tuy nhiên, một số SV và doanh nghiệp chưa được cung cấp kịp thời thông tin về đề cương các HP.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành TMĐT và đề cương các HP được công bố rộng rãi, công khai trên nhiều kênh thông tin khác nhau.

3. Điểm tồn tại

ĐCHP trong CTĐT ngành TMĐT đôi khi còn chưa được cập nhật nhanh và kịp thời đến NH và các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng Đào tạo chủ trì phối hợp với Phòng CT&CTSV và Khoa QTKD phối hợp công bố kịp thời ĐCHP đến các BLQ bằng các hình thức khác nhau và phương tiện đa dạng.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT ngành TMĐT năm 2023 có đầy đủ các mục nội dung theo quy định và có những thay đổi về nội dung các mục, đặc biệt là CDR và cấu trúc CTĐT. Có 57 ĐCCT HP với đầy đủ các thông tin theo quy định và được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Học viện. Việc cập nhật các ĐCHP được triển khai theo hai hướng là cập nhật số mục trong mỗi đề cương và cập nhật nội dung ĐCCT HP.

Bản mô tả CTĐT và các ĐCCT HP đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Học viện, đồng thời cũng được các GV giới thiệu cho SV trong giờ học đầu tiên của mỗi HP. Các BLQ như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV, cựu SV, v.v... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT ngành TMĐT trên website của Học viện.

Các ý kiến đóng góp cho Bản mô tả CTĐT mới nhất năm 2023 của các BLQ ngoài Học viện chưa nhiều để có thể khai thác được các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT.

Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí: 5,00/7.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Học viện đã thực hiện xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật CTĐT thường xuyên, gần đây toàn bộ CTĐT ngành TMĐT đã được đổi mới đáp ứng yêu cầu phát triển về công nghệ trong lĩnh vực ICT và nhu cầu của thị trường lao động.

Cấu trúc của CTĐT được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Học viện và BGD&ĐT với các yêu cầu về hình thức, mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành TMĐT, đáp ứng nhu cầu nhân lực ngành TMĐT ngày nay.

Chương trình dạy học (CTDH) có cấu trúc, trình tự logic và được thiết kế theo trật tự các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, ngành, và chuyên ngành. Nội dung các HP được cấu trúc khoa học, theo trình tự từ thấp lên cao và đặc biệt nội dung giữa các HP mang tính kế thừa, liên kết, mở rộng và thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. CTDH của ngành TMĐT được thiết kế với các phương pháp dạy và học, KTĐG nhằm hỗ trợ SV đạt được CĐR.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học ngành TMĐT các phiên bản năm 2018, 2021 và 2023 được thiết kế và đưa vào sử dụng dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ cũng như mức độ tự chủ, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp [H1.01.01.01], [H1.01.02.01] và [H1.01.02.02]. Theo đó, định hướng quá trình thiết kế, xây dựng CTDH hoàn toàn dựa trên CĐR đã được xác định ngay từ đầu. Hình 3.1 (*Phụ lục 2*) mô tả khái quát quy trình thiết kế, xây dựng CTDH đại học ngành TMĐT được áp dụng tại Học viện.

Trong quy trình thiết kế CTDH, khung chương trình gồm các khối kiến thức được xây dựng trên cơ sở các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Tiếp theo, các HP được đề xuất đóng góp vào từng CĐR cụ thể, và ĐCCT của các HP được hoàn thành dựa trên mô tả HP và mục tiêu cần đạt của HP trong CĐR.

Chương trình dạy học gồm 3 khối kiến thức chính: khối kiến thức giáo dục đại cương (bao gồm khối kiến thức chung và khối kiến thức cơ bản nhóm ngành), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (bao gồm khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành, khối kiến thức chuyên ngành), và khối thực tập và HP tốt nghiệp. Cụ thể theo bảng 3.1 (*Phụ lục 2*).

Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 45 tín chỉ chiếm 34,6% dung lượng của CTĐT; Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với 75 tín chỉ, chiếm 57,7% dung lượng của CTĐT; Khối kiến thức cơ sở khối ngành và ngành với 57 TC chiếm 44,6% dung lượng của CTĐT; Khối kiến thức chuyên ngành gồm 18 TC và chiếm 13,8% dung lượng của CTĐT được thể hiện chi tiết tại Bảng 3.2 (*Phụ lục 2*). Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp được thực hiện vào học kỳ cuối tại các doanh nghiệp lĩnh vực hoạt động phù hợp với từng

chuyên ngành đào tạo, sau khi SV hoàn thành xong các HP trong CTĐT; Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp trong CTĐT chiếm 10 TC chiếm 7,6% dung lượng của CTĐT ngành TMĐT, được thể hiện chi tiết tại Bảng 3.3 (*Phụ lục 2*).

Từ khối các kiến thức và khung chương trình, Bảng 3.4 (*Phụ lục 2*) mô tả mối quan hệ giữa các HP và CĐR (ma trận HP - CĐR) của CTĐT năm 2023 [H1.01.01.03] và mỗi HP trong CTDH đều có đóng góp khác nhau để đáp ứng các CĐR.

Tất cả các HP đều có đóng góp vào việc đạt được các CĐR với mức độ khác nhau, từ các HP đại cương, cơ sở ngành, ngành đến chuyên ngành dựa trên nội dung kiến thức, mục tiêu của HP. Như vậy, CTDH ngành TMĐT được thiết kế dựa trên các yêu cầu cụ thể của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Trong CTDH ngành TMĐT, các phương pháp giảng dạy và học tập được kết hợp sử dụng với nhiều hình thức phong phú, như giảng dạy lý thuyết, đọc tài liệu và báo cáo, bài tập nhóm, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, tiểu luận, bài tập thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, chuyên đề, các bài giảng kết hợp thực tế tại doanh nghiệp,... đã phát huy được tính chủ động, sáng tạo của GV và NH, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đạt được CĐR của cả CTDH. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH cụ thể tại bảng “Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)”, bảng “Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá nhằm đạt Chuẩn đầu ra” và bảng “Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), HP, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)” CTDH ngành TMĐT năm 2018, 2021 và năm 2023 [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03].

Phương pháp giảng dạy, học tập được sử dụng phù hợp với nội dung từng HP, nhằm đạt được CĐR của HP, đóng góp vào CĐR của CTĐT. Các HP giáo dục đại cương chủ yếu sử dụng phương pháp giảng lý thuyết kết hợp bài tập, bài tập nhóm. Các HP cơ sở ngành ngoài giảng lý thuyết, bài tập đã bắt đầu kết hợp đọc tài liệu và báo cáo, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, đề án nghiên cứu,... phù hợp với đặc điểm tính chất của các HP kinh tế và TMĐT. Khối các HP chuyên ngành được chú trọng hơn trong việc kết hợp các phương pháp giảng dạy lý thuyết với bài tập thảo luận nhóm, đề án nghiên cứu, nghiên cứu tình huống tại các doanh nghiệp có lĩnh vực hoạt động phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Với các HP chuyên ngành và khối kiến thức thực tập tốt nghiệp, Khoa QTKD đã sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập cơ bản để trang bị kiến thức lý thuyết ở trường kết hợp với các chuyên đề thực tập tại doanh nghiệp do các chuyên gia hướng dẫn giảng

dạy, nhằm giúp NH mở rộng kiến thức và kỹ năng gắn với nghề nghiệp thuộc lĩnh vực chuyên ngành của ngành TMĐT đang được đào tạo tại Học viện.

Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH cũng được thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, như kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp, báo cáo thuyết trình, bài tập nhóm, thi tự luận, hội đồng chấm báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp, ... nhằm đánh giá chính xác và khách quan kết quả học tập, góp phần đạt được CDR của CTDH [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. Hầu hết các HP được kiểm tra đánh giá theo phương pháp kết hợp giữa đánh giá thái độ, kiểm tra kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành. Phần lý thuyết thường được đánh giá thông qua điểm chuyên cần, thái độ học tập, kiểm tra giữa kỳ, tiểu luận, báo cáo bài tập nhóm, chấm tiểu luận... và thi kết thúc HP. Khối kiến thức giáo dục đại cương với kiến thức chung và lý thuyết chủ yếu sử dụng các phương pháp đánh giá truyền thống như thi viết tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp. Các HP kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành ngoài hình thức thi viết tự luận thông thường còn kết hợp sử dụng các phương pháp đánh giá phù hợp với ngành TMĐT và trình độ chuyên môn như bài tập lớn, tiểu luận, đề án môn học. Với các HP chuyên ngành phương pháp đánh giá cũng được sử dụng linh hoạt kết hợp giữa thi viết tự luận, bài tập lớn, tiểu luận, tuy nhiên phương pháp tiểu luận, đề án kết hợp với báo cáo được chú trọng để đánh giá kiến thức chuyên môn, cũng như kỹ năng làm việc, năng lực tự chủ và trách nhiệm của NH. Mặc dù vậy, hình thức thi kết thúc HP chủ yếu là hình thức thi viết tự luận nên việc đánh giá kỹ năng của NH vẫn còn hạn chế.

Bảng “Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), HP, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)” CTDH ngành TMĐT năm 2023, nhiều phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá được sử dụng linh hoạt tùy vào yêu cầu đầu ra của mỗi HP [H3.03.01.03].

Thông qua Phiếu khảo sát và bảng tổng hợp ý kiến về chương trình dạy học ngành TMĐT năm 2021 và 2023 [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]; Biên bản họp khoa về CTDH ngành TMĐT năm 2021 và 2023 [H3.03.01.06], [H3.03.01.07] và Hồ sơ giảng dạy của GV Khoa QTKD trong từng học kỳ, năm học (bao gồm đăng ký môn học, thời khóa biểu, xác nhận khối lượng giảng dạy) [H3.03.01.08] cho thấy Khoa QTKD đã xây dựng tổ hợp 7 PPGD: dạy trực tiếp, dạy dựa vào hoạt động - trải nghiệm, dạy kỹ năng tư duy, dạy học tương tác, dạy theo hướng nghiên cứu, dạy dựa vào công nghệ, và tự học. Mỗi một phương pháp này lại có các hình thức cụ thể, ví dụ, dạy trực tiếp có giải thích cụ thể, thuyết giảng,

tham luận, câu hỏi gợi mở. Các phương pháp giảng dạy và học tập được kết hợp sử dụng phát huy được tính chủ động, sáng tạo của GV và NH, góp phần đạt được CĐR của cả CTĐT.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học đại học ngành TMĐT được thiết kế và đưa vào sử dụng dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ cũng như mức độ tự chủ, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp; có sử dụng kết hợp giảng dạy lý thuyết tại Học viện với các chuyên đề từ chuyên gia trong, ngoài nước và thực tập tại doanh nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Hình thức thi kết thúc HP chủ yếu là hình thức thi viết tự luận nên việc đánh giá kỹ năng của NH vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, Trung tâm KT&ĐBCLGD chủ trì và phối hợp với Khoa QTKD điều chỉnh quy định các hình thức thi kết thúc HP tăng các HP có hình thức thi trắc nghiệm khách quan, các hình thức thi kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, kết hợp giữa tự luận và vấn đáp để có thể linh hoạt hình thức kiểm tra đánh giá kết thúc HP cho phù hợp với từng HP và phù hợp với CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học đại học ngành TMĐT được thiết kế bao gồm các khối kiến thức theo trình tự logic, từ khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành đến khối kiến thức chuyên ngành và thực tập tốt nghiệp cùng khóa luận tốt nghiệp. Các HP đại cương, khối kiến thức chung được sắp xếp giảng dạy trong những năm học đầu tiên cung cấp các kiến thức khoa học, xã hội và kỹ năng, năng lực chung, đóng góp vào 17/18 CĐR của CTĐT. Các học kì tiếp theo của CTDH tập trung vào các HP giáo dục chuyên nghiệp kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành TMĐT, trang bị cho NH các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nền tảng của ngành học, đóng góp vào 6 CĐR về kiến thức, 3 CĐR kỹ năng chuyên môn và 4 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Từ học kỳ 7, SV được cung cấp kiến thức chuyên ngành chuyên sâu đã chọn, đóng góp vào 3 CĐR về kiến thức, 3 CĐR kỹ năng chuyên môn và 4 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Học kỳ 8 dành riêng cho thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp và HP tốt nghiệp (khóa luận tốt

nghiệp hoặc các HP thay thế tốt nghiệp) cung cấp cho NH các kiến thức chuyên môn và thực tiễn, mở khả năng làm việc độc lập và tự chủ, đóng góp vào 18/18 CĐR của CTĐT.

Mục tiêu và yêu cầu đầu ra của mỗi HP đều được thể hiện đầy đủ trong ĐCCT của HP, bao gồm các mức cần đạt được về kiến thức, kỹ năng của NH. Đóng góp cụ thể của từng HP vào CĐR được liệt kê trong Bảng 3.4 “Mô tả mối quan hệ giữa các HP trong các khối kiến thức và CĐR của CTĐT” (*Phụ lục 2*) từ Bản mô tả CTĐT ngành TMDT năm 2023 [H2.02.01.02].

Đề cương chi tiết của mỗi HP trong CTDH đều liệt kê đầy đủ thời lượng lý thuyết, thực hành, bài tập lớn/tiểu luận, hoạt động nhóm và các yêu cầu kiểm tra, đánh giá NH. Trên cơ sở đó GV có thể lựa chọn các phương pháp giảng dạy phù hợp, như thuyết trình, thảo luận nhóm bài tập, báo cáo tiểu luận, làm bài tập trực tiếp, câu hỏi lựa chọn, thực tại doanh nghiệp... giúp NH tiếp thu và nắm vững kiến thức. Dựa trên yêu cầu đầu ra và các đầu điểm đánh giá cần thực hiện trong ĐCCT của HP, các hình thức kiểm tra, đánh giá NH đa dạng, như kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp, báo cáo thuyết trình bài tập nhóm, thi tự luận, hội đồng chấm báo cáo, khóa luận tốt nghiệp... nhằm đánh giá chính xác và khách quan kết quả học tập, góp phần đạt được CĐR của CTĐT [H1.01.02.02]. Các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá NH được lựa chọn có hỗ trợ và bổ sung cho nhau, nhằm đánh giá chính xác từng phần kết quả học tập của mỗi NH.

Các HP giáo dục đại cương trang bị các kiến thức lí thuyết chung về khoa học, xã hội, sử dụng phương pháp giảng lí thuyết kết hợp bài tập, phù hợp với phương pháp đánh giá truyền thống như thi viết tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp. Các HP cơ sở ngành và chuyên ngành ngoài giảng lí thuyết, bài tập đã bắt đầu kết hợp đọc tài liệu và báo cáo, tiểu luận, đề án môn học, bài tập lớn,.. Khối kiến thức chuyên ngành được kết hợp tất cả các phương pháp giảng dạy và học tập, tăng cường các phương pháp phát triển khả năng tự học, sáng tạo, nghiên cứu của NH thông qua đọc tài liệu và báo cáo, đề án môn do vậy phương pháp đánh giá được sử dụng linh hoạt kết hợp giữa thi viết tự luận, bài tập lớn, tiểu luận,... Tổ hợp các phương pháp giảng dạy và đánh giá của tất cả các HP trong CTĐT phù hợp và tương thích để cùng hướng đến CĐR được mô tả chi tiết trong Bảng “Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)”, bảng “Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá nhằm đạt Chuẩn đầu ra” và bảng “Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), HP, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá

(AMs)” CTDH ngành TMĐT năm 2018 [H3.03.01.01], năm 2021 [H3.03.01.02] và năm 2023 [H3.03.01.03].

Đề cương chi tiết của tất cả các HP trong CTDH đều xác định rõ ràng mục tiêu về kiến thức và kỹ năng để đóng góp vào việc đạt được CDR chung của toàn bộ CTDH [H2.02.02.07]. Đóng góp cụ thể của từng HP vào CDR được mô tả trong Ma trận CDR - HP tại Bảng 3.4 (*Phụ lục 2*) từ Bản mô tả CTĐT ngành TMĐT [H1.01.02.01-02].

CTĐT năm 2023 có: 55,67% số học phần sử dụng 2 PPGD; 20,62% số HP sử dụng 3 PPGD; 19,59% số HP sử dụng 4 PPGD. Học viện đánh giá kết quả học tập của NH theo quá trình, bao gồm điểm chuyên cần (10%), điểm giữa kỳ (30%) và bài đánh giá cuối kỳ (60%). Đánh giá giữa kỳ có 2-3 bài đánh giá với các hình thức: bài kiểm tra, bài thuyết trình, làm việc nhóm; đánh giá cuối kỳ sử dụng đa dạng các hình thức. Nội dung học phần hướng tới đạt PLO.

Trong quá trình xây dựng, cũng như chỉnh sửa, bổ sung, đổi mới CTDH, ĐCCT các HP được tập thể các GV trong Khoa QTKD và các chuyên gia biên soạn, định kỳ hiệu chỉnh theo yêu cầu về chuyên môn, kết hợp với kinh nghiệm giảng dạy, yêu cầu thị trường và xu thế phát triển KHCCN trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

Khoa QTKD đã căn cứ vào kết quả khảo sát đánh giá của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên sau từng học kỳ trong giai đoạn 2019 - 2023 [H3.03.02.01] để cải tiến chất lượng, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học bằng nhiều hình thức, như: Tăng thời lượng môn thực tập tốt nghiệp, bổ sung một số môn học; điều chỉnh mục tiêu, CDR phù hợp với xu thế phát triển của công nghệ thông tin, điều chỉnh thời lượng CTĐT, bổ sung các kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin; bổ sung, cập nhật các môn học liên quan đến kiến thức chuyên ngành; điều chỉnh tăng thời lượng, rà soát, điều chỉnh đề cương một số môn học.

CTĐT ngành TMĐT được biên soạn, hiệu chỉnh có nghiên cứu, tham khảo CTĐT đại học ngành TMĐT của các trường đại học có uy tín ở trong nước và ngoài nước [H3.03.02.02] và được định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan gồm chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên, đơn vị sử dụng lao động, cựu sinh viên tốt nghiệp, kết hợp với kinh nghiệm giảng dạy và tham khảo xu thế phát triển của ngành TMĐT.

Thông qua Báo cáo tổng hợp ý kiến nhận xét của các BLQ về CTDH ngành TMĐT năm 2021 và 2023 (kèm theo Phiếu khảo sát) [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]; các biên bản Hội thảo cấp khoa về đề cương chi tiết ngành TMĐT, bao gồm các biên bản hội thảo về

xây dựng ĐCCT các học phần của từng bộ môn; Biên bản họp khoa về dự thảo CTDH ngành TMĐT năm 2021, 2023 [H3.03.01.06], [H3.03.01.07] cho thấy ĐCCT được biên soạn, hiệu chỉnh trên cơ sở lấy ý kiến của NH, các GV trong Khoa QTKD và các BLQ đến các lĩnh vực kinh doanh, TMĐT, logistics, marketing. Tuy nhiên, việc khảo sát ý kiến đóng góp từ các chuyên gia và doanh nghiệp về nội dung HP chưa thường xuyên và còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Nội dung và PPGD, học tập, đánh giá được xây dựng đóng góp vào CDR của CTĐT ngành TMĐT rõ ràng.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến đóng góp từ các chuyên gia và doanh nghiệp về nội dung HP chưa thường xuyên và còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng Đào tạo chủ trì, Khoa QTKD phối hợp mở rộng lấy ý kiến đóng góp từ các chuyên gia và doanh nghiệp về nội dung HP hằng năm.

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học hệ đại học ngành TMĐT năm 2018 và 2021 được thiết kế theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015, Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CTĐT trình độ ĐH, ThS, TS [H1.01.02.04]. Học viện có Kế hoạch rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy năm 2020 [H1.01.03.01] và năm 2023 [H1.01.03.02]. Đồng thời, Khoa QTKD ban hành Kế hoạch rà soát điều chỉnh chương trình dạy học ngành TMĐT năm 2021 và năm 2023 [H3.03.03.01]. Chương trình dạy học ngành TMĐT ban hành năm 2021 được thiết kế gồm các khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức ngành và khối kiến thức chuyên ngành [H1.01.01.02].

CTDH ngành TTĐPT năm 2023 được thiết kế theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học [H3.03.03.02]. CTDH năm 2023 [H1.01.01.03] có 130 tín chỉ (không tính các kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh và Kỹ năng mềm). Kết cấu các khối kiến thức như sau: kiến thức đại cương

34,6%, kiến thức cơ sở khối ngành và ngành 43,6%, chuyên ngành 13,8% và thực tập, khóa luận tốt nghiệp 7,6%. Kết cấu, thời lượng CTDH của các HP là hợp lý.

Trong CTDH, mỗi khối kiến thức lại gồm một số HP, trong đó các HP trong khối có liên kết chặt chẽ, hình thành một khối thống nhất, có kế thừa và bổ sung cho nhau. Trong từng HP chỉ rõ mục tiêu và nội dung cụ thể, các HP tiên quyết và HP học trước, mối liên kết giữa các HP bằng “ Tiến trình học tập chuẩn và danh sách các môn học (tiên quyết, trước, sau và song hành)” trong bản mô tả CTĐT ngành TMĐT năm 2023 [H2.02.01.02] và Chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành TMĐT năm 2023 .

Cụ thể, trong CTDH ban hành năm 2023, các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được giảng dạy trong các năm đầu nhằm trang bị cho NH các kiến thức và kỹ năng cơ bản, tạo nền tảng để có thể tiếp thu các kiến thức chuyên sâu hơn liên quan đến ngành học. Các HP cơ bản ngành được giảng dạy vào các năm học thứ 1 và thứ 2 nhằm trang bị cho NH những kiến thức và kỹ năng cơ bản của nhóm ngành TMĐT, như các HP Toán cao cấp 1,2, Lý thuyết xác suất và thống kê, Toán kinh tế, Pháp luật đại cương, Tâm lý quản lý. Các HP kiến thức cơ sở khối ngành và ngành như: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị học, quản trị chiến lược, marketing căn bản, Nhập môn kinh doanh, Kinh tế lượng, Quản trị sản xuất, Quản trị tài chính doanh nghiệp, Logistics căn bản, Luật kinh doanh,..... Các HP thuộc khối kiến thức ngành TMĐT được giảng dạy vào các học kỳ 2,3,4,5,6. Kỳ học thứ 7 được dành cho các kiến thức và kỹ năng chuyên ngành. Nhờ việc tiếp thu, tích lũy các kiến thức và kỹ năng qua từng học kỳ với từng khối kiến thức được sắp xếp một cách khoa học trong CTDH, NH có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết đạt CĐR khi tốt nghiệp ra trường.

Tiến trình đào tạo chuẩn toàn khoá được phân bố hợp lý, trong đó khối kiến thức đại cương được giảng dạy trước, tiếp theo đến khối kiến thức cơ sở ngành, tiếp đến khối kiến thức ngành, rồi đến khối kiến thức chuyên ngành và thực tập, tốt nghiệp. Trong mỗi khối kiến thức, các HP được sắp xếp hợp lý trong tiến trình đào tạo, từ các HP có kiến thức - kỹ năng cơ bản đến các HP chuyên ngành có kiến thức - kỹ năng chuyên sâu nhằm đảm bảo NH có thể tích lũy các kiến thức và kỹ năng đáp ứng CĐR. Trong CTDH và ĐCCT tất cả các HP đều chỉ rõ các môn học tiên quyết, các môn học trước, môn học song hành. Cùng với trang bị kiến thức các kỹ năng cá nhân, kỹ năng mềm, năng lực và phẩm chất, thái độ của NH cũng được rèn luyện và nâng cao. Nhờ vậy, sau khi học lần lượt từng khối kiến thức trong CTĐT, NH có đủ các kiến thức và kỹ năng cần thiết để tiếp tục học các khối

kiến thức tiếp theo và đến cuối khoá học tích lũy đầy đủ kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của CDR [H1.01.02.03]. Nhờ vậy, sau khi học lần lượt từng khối kiến thức trong CTĐT, NH có đủ các kiến thức và kỹ năng cần thiết để tiếp tục học các khối kiến thức tiếp theo và đến cuối khoá học tích lũy đầy đủ kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của CDR.

Ngoài ra, thời gian và trình tự thực hiện từng học phần được bố trí triển khai theo kế hoạch đào tạo của Học viện hàng năm trên cơ sở bố trí đầy đủ nguồn lực, theo tiến trình dạy học chuẩn cho từng năm học và toàn khóa [H3.03.03.03]. Kế hoạch đào tạo toàn khóa học được in trong Sổ tay SV. SV biết được kế hoạch tổng thể trong cả thời gian đào tạo chuẩn. Kế hoạch đào tạo mỗi học kỳ/thời khóa biểu được phổ biến tới người học để người học đăng ký học. CTDH, kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt được công bố trên website của Học viện. Khi bắt đầu vào mỗi môn học, GV phổ biến đề cương chi tiết học phần cho người học, đăng tải lên hệ thống đào tạo trực tuyến.

Khoa QTKD đã họp Khoa về việc rà soát, đánh giá các nội dung trong CTDH trước khi cải tiến thông qua biên bản họp [H3.03.03.04] đã khẳng định “Chương trình dạy học ngành TMĐT ban hành năm 2018 cơ bản đã đáp ứng được các yêu cầu về nhân lực trong ngành TMĐT; trong quá trình thực hiện đào tạo cho năm học 2019-2020 chưa có phát sinh vấn đề khi triển khai vào giảng dạy, biên soạn đề cương, phân công giảng dạy và thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo, tuy nhiên, để đáp ứng tốt hơn, CTDH cần tham khảo ý kiến của các bên liên quan: sinh viên, giảng viên, các nhà khoa học, các nhà tuyển dụng”; Biên bản họp Khoa về việc rà soát, đánh giá các nội dung trong CTDH sau khi cải tiến [H3.03.03.05], cũng đã cho thấy: “Chương trình đào tạo ngành TMĐT ban hành năm 2021 cơ bản đã đáp ứng được các yêu cầu về nhân lực trong ngành TMĐT. Trong quá trình thực hiện đào tạo cho năm học 2022-2023 chưa có phát sinh vấn đề khi triển khai vào giảng dạy. Cần hoàn thiện hệ thống đề cương, bài giảng đầy đủ”.

CTDH ngành TMĐT được rà soát, đánh giá định kỳ để điều chỉnh, cập nhật nhằm đảm bảo cho NH đạt được CDR với kiến thức, kỹ năng và năng lực sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của các cơ quan, doanh nghiệp, với các vị trí việc làm như trong mục tiêu CTĐT. CTDH ngành TMĐT bám sát theo chương trình khung ngành TMĐT ban hành theo Quyết định số 533/QĐ-HV ngày 05/07/2018 [H1.01.01.01], sau đó được đổi mới, hiệu chỉnh, ban hành theo Quyết định số 557/QĐ-HV ngày 09/7/2021 [H1.01.01.02] và được đổi mới toàn diện với 100% các HP cập nhật, thay đổi, biên soạn mới đã được ban hành theo Quyết định số 928/QĐ-HV ngày 17/07/2023 [H1.01.01.03].

Hàng năm Khoa QTKD đều thực hiện việc rà soát, điều chỉnh ĐCCT các HP trong CTĐT theo kế hoạch của Học viện, quy trình qui định cụ thể: các bộ môn chuyên môn rà soát các HP được phân công phụ trách đào tạo; Khoa tổ chức hội thảo xem xét, rà soát, lấy ý kiến và lên kế hoạch điều chỉnh ĐCCT trình Học viện phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, khoa giao các bộ môn thực hiện việc điều chỉnh và chủ trì việc đánh giá nghiệm thu, Giám đốc Học viện ký quyết định ban hành. Việc rà soát, hiệu chỉnh ĐCHP được tiến hành hằng năm, cập nhật, kịp thời, tuy nhiên một số nội dung trong CTĐT như mục tiêu, CDR mặc dù được rà soát, xem xét, đánh giá định kì, nhưng việc thay đổi, cập nhật còn chưa được tiến hành thường xuyên

CTDH ngành TMĐT khi được điều chỉnh đều có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp [H3.03.03.06], Cụ thể:

- CTĐT ngành TMĐT xây dựng năm 2018, 2021 đã tham khảo các trường đại học trong nước bao gồm: Trường ĐH Thương Mại, Trường ĐH Sư phạm kỹ thuật TP.HCM, Trường ĐH Công nghiệp TP.HCM, Trường ĐH Kinh tế – Luật thuộc ĐH Quốc gia TP.HCM và chương trình ngành QTKD chuyên ngành TMĐT của Trường ĐH Ngoại thương. Các trường đại học ở nước ngoài gồm: London South Bank (Vương quốc Anh); University of Toledo (Mỹ); Brunel University (Vương Quốc Anh); London South Bank University (Vương Quốc Anh); Rajiv Academy for Technology and Management (Ấn Độ); Limkokwing University (Ma-lai-xi-a).

- CTDH ngành TMĐT đổi mới, ban hành năm 2023 đã tham khảo các CTĐT ngành TMĐT của các trường đại học hàng đầu trong nước bao gồm: Trường ĐH Thương mại (chứng nhận kiểm định của VNU-CEA; Trường ĐH Công nghiệp TP HCM (chứng nhận kiểm định chất lượng của AUN-QA). (Bảng “Đổi sánh CTĐT với các cơ sở đào tạo trong nước”; Các trường ĐH nước ngoài gồm: University of Toledo (Mỹ) - BBA in Electronic Commerce; Monash University (Melbourne Australia); Monash University (Melbourne Australia);

Việc tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế đảm bảo cho CTĐT ngành TMĐT có tính cập nhật, hiện đại, theo kịp xu hướng phát triển khoa học công nghệ hiện nay. Một số HP chuyên ngành, chuyên sâu được tùy chọn, một số HP như chuyên đề, đề án có tính mở, cho phép tích hợp và thay đổi các nội dung mới, cập nhật, bám sát xu thế và sự phát triển của kiến thức, nhu cầu thị trường, và được giảng dạy bằng các phương pháp mới, linh hoạt và kết hợp. Tuy nhiên, Khoa QTKD chưa đối sánh sâu về các kiến thức

và kỹ năng được truyền tải trong từng HP, phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng trong từng HP.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành TMĐT của Học viện được thiết kế có cấu trúc hợp lý, logic, gắn kết giữa các khối kiến thức. CTDH ngành TMĐT của Học viện cũng được xây dựng trên cơ sở tham khảo, đối sánh với nhiều trường đại học có uy tín trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Khoa QTKD chưa đối sánh sâu về các kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong từng HP, phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng trong từng HP.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, khi kết thúc năm học Khoa QTKD tham khảo và đối sánh CTĐT ngành TMĐT của Học viện với các CTĐT ngành TMĐT của các trường đại học khác, Khoa cần tập trung sâu các nội dung về kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong mỗi HP, CĐR của từng HP, PPGD và phương pháp kiểm tra đánh giá của từng HP để tạo lập cơ sở điều chỉnh và hoàn thiện các HP thuộc CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành TMĐT được thiết kế và đưa vào sử dụng dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp. Phiên bản CTDH năm 2023 được thiết kế với 57 HP/130 tín chỉ, bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khối thực tập và tốt nghiệp.

Tất cả các HP trong CTDH đều có sự tương thích về nội dung và đáp ứng cụ thể cho từng CĐR của CTĐT ngành TMĐT được thể hiện qua ma trận kỹ năng về sự đóng góp của mỗi HP cho CĐR của CTĐT, được thể hiện trong bản mô tả CTĐT ban hành năm 2023.

Các HP trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự liên mạch và kế thừa giữa các HP thuộc khối kiến thức đại cương với 45 tín chỉ và được bố trí trong 4 kỳ đầu; khối kiến thức cơ sở khối ngành và chuyên ngành gồm 75 tín chỉ và được đưa vào dần dần từ kỳ thứ 3 cho đến kỳ 8 (kì 3 và kì 4 chỉ đưa 2 đến 3 môn cơ sở khối ngành, sang đến kỳ 5 tăng dần số môn cơ sở và chuyên ngành trong từng kỳ). Các HP bắt buộc và lựa chọn của ngành được thiết kế để SV có thể học từ kỳ 7 (năm thứ 4). Thực tập và khóa luận tốt nghiệp gồm 10 tín

chỉ được cấu trúc trong 1 học kỳ cuối của khóa học giúp SV áp dụng được kiến thức một cách tổng hợp.

Việc khảo sát ý kiến đóng góp từ các chuyên gia và doanh nghiệp về nội dung HP chưa thường xuyên và còn hạn chế. Khoa QTKD chưa đối sánh sâu về các kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong từng HP, phương pháp dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng trong từng HP.

Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí: 4,67/7.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Học viện ban hành quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học để đạt được CDR như Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT (393/QĐ-HV ngày 23/03/2022); Các biên bản họp của Khoa QTKD về CDR và các biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo thông qua CDR.

Tổ chức hoạt động dạy và học, trong đó bao gồm phương pháp tiếp cận trong dạy và học là khâu quan trọng, then chốt trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo cũng như hoàn thành mục tiêu đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa QTKD đã xây dựng tổ hợp các phương pháp sử dụng cho việc giảng dạy và học tập, trong đó kết hợp nhiều hình thức giảng dạy linh hoạt, phù hợp với từng nội dung, từng HP. Tổ hợp các phương pháp dạy và học nhằm đạt mục tiêu giáo dục của Học viện cũng như mục tiêu của CTĐT ngành TMĐT, trong đó chú trọng giáo dục toàn diện cho NH, trang bị cho NH những khả năng sau:

- Khả năng tự khám phá kiến thức: NH có kỹ năng nghiên cứu, phân tích và tổng hợp tài liệu; hiểu được các chiến lược học tập khác nhau và lựa chọn chiến lược thích hợp nhất cho mình.

- Khả năng ghi nhớ kiến thức lâu dài: Phương pháp học nhấn mạnh vào khả năng hiểu chứ không phải học thuộc, giúp NH nhớ lâu hơn.

- Khả năng nhận thức các mối liên hệ giữa kiến thức cũ và mới: Chất lượng học tập phụ thuộc vào khả năng tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.

- Khả năng tạo ra kiến thức mới: NH học tập có chất lượng biết khám phá tri thức của người khác và gắn kết nó với kinh nghiệm và kiến thức đã học của bản thân để đưa đến những phát kiến mới mẻ.

- Khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề.

- Khả năng truyền đạt kiến thức cho người khác: Chất lượng học tập của NH phụ thuộc vào việc NH có khả năng hình thành và diễn đạt những suy nghĩ và hành động độc lập của mình một cách mạch lạc và rõ ràng.

- Tính hiệu học: NH học tập có chất lượng là NH có tinh thần học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu giáo dục của Học viện được quy định trong các văn bản Nhà nước bao gồm Quyết định số 516/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11/7/1997 về việc thành lập Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông [H4.04.01.01], Quyết định số 222/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/02/2016 về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện [H4.04.01.02], Quyết định số 879/BTTTT của Bộ trưởng BTT&TT ngày 25/5/2016 về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông [H4.04.01.03] và Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 2/4/2021 của HĐHV ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông [H4.04.01.04].

Mục tiêu giáo dục của Học viện được xác định và thể hiện trong sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Học viện ban hành theo Quyết định số 516/QĐ-HV ngày 06/06/2017 [H1.01.01.08]; Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 được Học viện ban hành theo Quyết định 156/QĐ-HV ngày 05/03/2020 [H1.01.01.09], Nghị quyết số 42/NQ-HV ngày 25/11/2021 của HĐHV [H1.01.01.10]. Năm 2021, Học viện đã ban hành triết lý và mục tiêu giáo dục theo Quyết định số 967/QĐ-HV, ngày 28/10/2021 [H4.04.01.05] với nội dung: “*Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm*”. Học viện xác định mục tiêu chiến lược “*Đến năm 2025, trở thành trường đại học có quy mô và chất lượng đào tạo, nghiên cứu hàng đầu Việt Nam về công nghệ số, là một trong các đơn vị chủ lực cung cấp nhân lực, tri thức, chuyển giao công nghệ phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Là cơ sở đào tạo đại học tiên phong trong đổi mới phương thức đào tạo, có hệ sinh thái số gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường, SV, doanh nghiệp và xã hội với mô hình quản trị đại học thông minh, thân thiện và chuyên nghiệp*”.

Nội dung Triết lý giáo dục, phù hợp với mục tiêu của Học viện: “*Phát triển Học viện trở thành trung tâm giáo dục của đất nước và khu vực, định hướng ứng dụng vào năm 2030; đào tạo nguồn nhân lực cán bộ khoa học, công nghệ, có trình độ chuyên môn cao,*

tư duy, trí tuệ, cống hiến”. Đồng thời sau khi ban hành Học viện đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng và thực hiện kế hoạch truyền thông, phổ biến Triết lý giáo dục đến toàn thể CBGV, SV và các cá nhân, tổ chức liên quan ngoài Học viện. Đi kèm với Triết lý giáo dục, Học viện có văn bản giải thích ý nghĩa của Triết lý giáo dục tới toàn thể CBGV, NH và các cá nhân, tổ chức xã hội có liên quan.

Mục tiêu và triết lý giáo dục của Học viện được phổ biến tới các CB, GV trong các Hội nghị công chức, viên chức, người lao động Học viện và Hội nghị tổng kết năm học của Học viện [H4.04.01.06] và tài liệu hội nghị công chức, viên chức, người lao động, hội nghị tổng kết năm học Khoa QTKD hằng năm và tài liệu riêng của Khoa QTKD phổ biến Triết lý giáo dục đến SV của khoa [H4.04.01.07]. Các mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo, CĐR được đội ngũ GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT và ĐCCT các HP, từ đó đảm bảo mục tiêu giáo dục được thể hiện xuyên suốt trong các hoạt động dạy và học.

Mục tiêu giáo dục của Học viện cũng được phổ biến tới SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học [H2.02.03.05]. Trong tuần sinh hoạt công dân, SV được giới thiệu về Học viện, truyền thống lịch sử, tầm nhìn sứ mạng, cũng như mục tiêu giáo dục của Học viện. Ngoài ra SV cũng được giới thiệu về các khoa đào tạo cũng như giải thích về quyền và nghĩa vụ của SV. SV của Khoa QTKD cũng được giới thiệu về ngành đào tạo, các chuyên ngành, cơ hội nghề nghiệp, mục tiêu và CĐR của CTĐT trong buổi gặp gỡ và giao lưu với tân SV đầu khóa học khi nhập học [H4.04.01.08].

Biên bản họp khoa phổ biến triết lý giáo dục của Học viện [H4.04.01.09] cho thấy triết lý giáo dục được tất cả CB, GV, NH của khoa hiểu rõ và thực hiện.

Đối với nhà tuyển dụng (NTD), mục tiêu giáo dục của Học viện được trao đổi trong các buổi tọa đàm và định hướng nghề nghiệp, ngày hội việc làm do Phòng CT&CTSV phối hợp với các khoa tổ chức định kỳ hằng năm [H4.04.01.10] và một số NTD cũng được Khoa QTKD mời tham gia xây dựng CTĐT và cho ý kiến đánh giá về CTĐT của khoa. Mục tiêu giáo dục của Học viện được tuyên bố công khai và phổ biến tới toàn xã hội trên Website của Học viện [H4.04.01.11].

Mỗi GV khi bắt đầu giảng dạy HP của mình, đều dành thời gian để giới thiệu triết lý giáo dục của Học viện gắn với việc giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, CĐR, tiêu chí và phương thức đánh đổi với HP trong CTDH ngành TMĐT. Các GV và CVHT sẽ cập nhật các thông báo của Học viện và Khoa đến với NH, đồng thời Khoa cũng bố trí phân công CVHT trực thường xuyên tại Văn phòng để kịp thời tư vấn, giải đáp thắc

mắc giúp NH hiểu rõ CTĐT, kế hoạch phân bổ nội dung CTĐT và mục tiêu đào tạo, giúp các SV có kế hoạch đăng ký các HP phù hợp.

Triết lý giáo dục của Học viện được giới thiệu, phổ biến rộng rãi tới các BLQ với nhiều hình thức đa dạng như: pano, áp phích đặt tại các vị trí trang trọng tại Học viện; Triết lý giáo dục còn được phổ biến thông qua các video giới thiệu về Học viện, các bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng; trên website của Học viện. Triết lý giáo dục còn được phổ biến tới SV trong tuần sinh hoạt công dân và đưa vào trong sổ tay SV. Tuy nhiên, việc xác định mức độ hiểu và thực hiện mục tiêu giáo dục trong đội ngũ CB, GV và NH chưa được khảo sát thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của Học viện và Khoa QTKD được xác định rõ ràng và phù hợp với mục tiêu phát triển Học viện; được tuyên bố cụ thể trong các văn bản pháp lý của Học viện. Các mục tiêu giáo dục được phổ biến rộng rãi tới NH, đội ngũ CB, GV và các BLQ bằng các hình thức đa dạng.

3. Điểm tồn tại

Khoa QTKD chưa thực hiện việc khảo sát, đánh giá thường xuyên về việc CB, GV và NH hiểu rõ mục tiêu giáo dục của Học viện và CTĐT ngành TMĐT.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, Văn phòng phối hợp với Khoa QTKD khảo sát nhằm xác định mức độ hiểu và thực hiện mục tiêu giáo dục của Học viện, ngành TMĐT đối với CB, GV, NH Khoa QTKD. Đồng thời, Học viện và Khoa cần đa dạng hơn về các phương thức phổ biến và giải thích rõ và sâu rộng hơn về Triết lý giáo dục của Học viện để các BLQ đặc biệt là CB, GV và SV trong Học viện đều hiểu rõ ý nghĩa của Triết lý giáo dục của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình phát triển CTDH, Khoa QTKD xác định mục tiêu thiết kế hoạt động dạy và học của các HP là giúp SV tuần tự tích lũy kiến thức, có kiến thức thực tế và năng lực thực hành, rèn luyện năng lực ngoại ngữ và kỹ năng mềm, năng động, sáng tạo, tích

cực, chủ động trong học tập, có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, góp phần đạt được CĐR của CTĐT ngành TMĐT năm 2021 [H1.01.02.01] và 2023 [H1.01.02.02].

Tổ hợp các PPGD được thiết kế và thực hiện trong ĐCCT HP/môn học tương đối đa dạng và phù hợp để đạt được CĐR được thể hiện trong CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành TMĐT ban hành theo Quyết định số 927/QĐ-HV ngày 17/07/2023 [H1.01.01.03]. Cụ thể: Các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành đều được giảng dạy với nhiều phương pháp đa dạng như: nghe giảng trên lớp trong đó kết hợp sử dụng bảng và máy chiếu giúp tăng khả năng trực quan và diễn giải kiến thức của GV cũng như khả năng tiếp thu của SV; làm bài tập trên lớp giúp SV nắm chắc kiến thức môn học; các giờ thực hành tại phòng máy giúp SV tăng cường kỹ năng thực hành, áp dụng kiến thức lý thuyết vào giải quyết vấn đề; các bài tập lớn dạng dự án nhỏ giúp SV trải qua quy trình công việc thực tế, hình thành khả năng làm việc nhóm, đẩy nhanh quá trình tiếp cận với công việc ngoài doanh nghiệp và xã hội; các buổi báo cáo bài tập lớn cũng là giờ các em mở rộng kiến thức, khả năng tư duy cũng như khả năng thuyết trình. Các hình thức dạy học được mô tả trong CTDH bao gồm thuyết giảng, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, tổ chức thảo luận nhóm, giao bài tập, giao chủ đề môn học hoặc tiểu luận môn học để SV làm báo cáo thuyết trình, tăng tương tác giữa GV với SV, xây dựng bài giảng điện tử có mô phỏng.

Khi bắt đầu giảng dạy HP, GV công bố cho NH về ĐCHP, CĐR của HP và phương pháp học tập của từng chương trong nội dung HP. Trên cơ sở ma trận CĐR, xác định mục tiêu đào tạo theo các tiêu chí khác nhau, các PPGD và hoạt động dạy - học đối với CTDH ngành TMĐT được xác định phù hợp cho từng HP và được nêu cụ thể tại Bảng thống kê phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG CTDH ngành TMĐT năm 2018, 2021 và năm 2023 [H3.03.01.03]. Trong đó: PPGD nội dung lý thuyết của các HP được áp dụng linh hoạt dưới các hình thức: Thuyết trình (diễn giải), phát vấn, thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận nhóm, giao bài tự học....; đối với nội dung thực hành của các HP, PPGD được áp dụng: Làm mẫu, nêu vấn đề, thảo luận nhóm ...

GV giảng dạy HP hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp, giúp SV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Nhiều PPDH tích cực đã được sử dụng như: phương pháp thảo luận nhóm, làm mẫu, nghiên cứu tình huống, dạy học dựa trên vấn đề, phương pháp thuyết trình ...

Với hoạt động dạy học trên lớp, các PPGD được sử dụng bao gồm: Dạy học trực tiếp, Dạy học dựa vào hoạt động, Trải nghiệm, Dạy kỹ năng tư duy, Dạy học tương tác, Dạy

học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy, Dạy học dựa vào công nghệ giúp SV nắm chắc kiến thức HP, cải thiện kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình.

Đối với các HP lý thuyết, PPDH chủ yếu là thuyết trình, giải quyết tình huống, đặt câu hỏi thảo luận, tổ chức học tập theo nhóm... Với các phương pháp này, SV đạt được khả năng thu nhận và áp dụng kiến thức thông qua sự tương tác với GV, SV trong lớp qua đó giúp SV phát triển được khả năng phân tích, tổng hợp và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến ngành học, nhằm đạt được CĐR về kiến thức. Đối với các HP thuộc phương pháp chuyên ngành, GV yêu cầu SV lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động nhóm, Với phương pháp dạy - học này giúp SV có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn, rèn kỹ năng thực hành, làm việc nhóm, báo cáo thuyết trình, và nắm bắt công việc trong thực tế doanh nghiệp.

Với hoạt động thực hành, SV ngành TMĐT được học tập trên hệ thống trang thiết bị và phần mềm chuyên ngành hiện đại, được cập nhật thường xuyên do các doanh nghiệp tài trợ như phần mềm Quản lý và bán hàng đa kênh Sapo, Phần mềm quản lý bán hàng Nhanh.vn, phần mềm Thiết kế website Thương mại điện tử Webby [H4.04.02.01]. Học viện cũng xây dựng và cung cấp hướng dẫn thực hành cho nhiều HP về Thương mại điện tử, Bán lẻ trực tuyến, cho phép SV dễ dàng làm các bài thực hành mọi lúc mọi nơi, chỉ với chiếc máy tính cá nhân có kết nối Internet [H4.04.02.02]. Nhiều HP thực hành được giảng dạy dựa trên các phần mềm mô phỏng, SV có thể thực hành trên phòng máy tính tại Học viện hoặc tự cài đặt trên máy tính cá nhân theo tài liệu và video hướng dẫn của GV.

Bên cạnh việc chú ý đến ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của các môn học/HP, Hội đồng khoa đã họp xây dựng Kế hoạch rà soát, phát triển hệ thống học liệu của Khoa để cung cấp cho SV các học liệu cần thiết [H4.04.02.03].

Hàng năm, Khoa xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác dự giờ đối với các GV cũng như tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm giờ giảng nhằm đáp ứng CĐR cho từng HP [H4.04.02.04], [H4.04.02.05]. Kết quả, đa số GV đều được đánh giá xếp loại ở mức độ khá, giỏi và sử dụng phương pháp phù hợp với đặc trưng bộ môn, với nội dung của bài giảng hoặc với điều kiện thực tế.

Trong thời gian diễn ra dịch Covid-19, GV của Khoa đã kịp thời chuyển đổi hình thức đào tạo từ trực tiếp sang trực tuyến ở tất cả các loại hình đào tạo [H4.04.02.06].

Trong bản mô tả CTĐT năm 2023 [H2.02.01.02] đã quy định số tín chỉ và thời gian thực hiện cho hoạt động thực tập, thực tế. Thực tập tốt nghiệp HP bắt buộc của CTĐT với mục đích giúp SV thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. Quá trình thực hiện các PPGD gắn liền với hướng dẫn NH thực hiện các hoạt động học tập phù hợp, giúp người học lĩnh hội kiến thức, có kỹ năng thực hiện, hướng đến đạt CDR. CTĐT năm 2021 (tính chung tất cả các chuyên ngành) có: 55,67% số học phần sử dụng 2 PPGD; 20,62% số HP sử dụng 3 PPGD; 19,59% số HP sử dụng 4 PPGD. CTĐT năm 2023 có 98,4% học phần sử dụng 3 PPGD, 16,2% học phần sử dụng 4 phương pháp giảng dạy.

Trong HP Chuyên đề của học kỳ cuối, SV được các chuyên gia, cán bộ tại doanh nghiệp trực tiếp đào tạo, huấn luyện để triển khai các dự án môn học ngay trên môi trường kinh doanh thực tế. Có thể nói việc đưa cán bộ doanh nghiệp tham gia giảng dạy là hoạt động tiên phong, đổi mới của Học viện trong việc đảm bảo thực hiện CDR của CTĐT [H4.04.02.07].

Đặc biệt, PPDH qua dự án triển khai tại doanh nghiệp đã được chú trọng áp dụng và đây đều là các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực kinh tế và có ký kết quan hệ hợp tác chính thức với Khoa QTKD. Tại doanh nghiệp, SV không chỉ được đào tạo quy trình nghiệp vụ cho nhân viên thực tập mà còn được trực tiếp tham gia vào các hoạt động kinh doanh thực tế. Điểm đánh giá việc hoàn thành các dự án thực tế tại doanh nghiệp được xác định là một trong những cấu phần điểm đánh giá kết thúc HP của SV [H4.04.02.08].

Với hoạt động thực tập, thực tế tại doanh nghiệp, tất cả SV năm cuối được tham gia các khóa thực tập toàn thời gian tại doanh nghiệp [H4.04.02.09].

Với các hoạt động ngoại khóa, SV ngành TMĐT được tham gia vào các nhóm nghiên cứu các đề tài, dự án nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của các GV trong Khoa QTKD [H4.04.02.10]. Bên cạnh đó, các buổi tham quan thực tế, các hoạt động kiến tập, thực tập, triển khai dự án thực tế thuộc lĩnh vực TMĐT tại các doanh nghiệp được Học viện thường xuyên tổ chức cho SV ngành TMĐT tham dự.

Ngoài ra, nhằm đáp ứng nhu cầu được tiếp xúc và trải nghiệm nhiều nền văn hóa mới, khám phá thế giới xung quanh, phát triển bản thân, đồng thời được tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến ở các quốc gia khác nhau trên thế giới, hằng năm Học viện tổ chức các chương trình trao đổi cho SV chính quy thông qua mạng lưới các trường đối tác nước ngoài. Điều

này mở ra cơ hội học hỏi, mở mang kiến thức và là một môi trường thuận lợi để trau dồi khả năng ngoại ngữ (Chương trình trao đổi SV từ năm 2017-2021) [H4.04.02.11].

GV của khoa ngoài việc thực hiện đề tài, nhiệm vụ KHCN các cấp còn hướng dẫn SV NCKH và SV được khuyến khích tham gia NCKH từ năm học thứ nhất. Khoa đã xây dựng danh mục đề tài gợi ý, sau đó SV lựa chọn đề tài, Khoa xét duyệt tên đề tài và phân công GV hướng dẫn [H4.04.02.12]. Những công trình NCKH có chất lượng được lựa chọn báo cáo điển hình cấp khoa hoặc Học viện. Thông qua các buổi hội thảo trao đổi học thuật, hội thảo chuyên đề, và trực tiếp tham gia nghiên cứu, các SV Khoa QTKD đã thể hiện tốt khả năng nghiên cứu.

Học viện và Khoa QTKD cũng tổ chức các hoạt động ngoại khóa khác như cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong HSSV Học viện P-Startup; Các cuộc thi chuyên môn ngành TMĐT (ECR2017; PTIT Yes 2020 [H4.04.02.13]. Các CLB có nhiều hình thức hoạt động, học tập và giải trí phù hợp, trong đó các bạn SV khóa trên giúp đỡ các bạn SV khóa dưới, các bạn SV giỏi hỗ trợ các bạn SV kém hơn. Các CLB này đều hoạt động hiệu quả và đóng góp nhiều hoạt động và thành tích chung của Khoa cũng như Học viện. Tuy nhiên, số SV tham gia NCKH chưa nhiều và các hoạt động NCKH và tham gia các cuộc thi phong trào SV, các CLB mới chỉ tập trung ở nhóm các SV khá, giỏi hoặc tích cực chủ động trong học tập, chưa lan tỏa đến các SV yếu kém hoặc ngại tham gia các hoạt động xã hội.

Ngay từ khi nhập học, NH đã được phổ biến CTDH, các phương pháp học tập cũng như CDR của CTĐT thông qua Hệ thống quản lý học tập trực tuyến của Học viện. Trong quá trình học tập, SV được các CVHT hướng dẫn xây dựng kế hoạch học tập cá nhân và phê duyệt đăng ký học tập trong từng học kỳ và cung cấp đầy đủ các tài liệu, văn bản hướng dẫn, ... theo các Quy định về công tác CVHT tại Học viện ban hành theo các Quyết định 1235/QĐ-HV ngày 31/12/2015, Quyết định 333/QĐ-HVCS ngày 27/07/2018; Quyết định 47/QĐ-HV ngày 14/01/2022 [H4.04.02.14] và các Biên bản họp giữa các lớp SV với CVHT trong từng học kỳ, năm học [H4.04.02.15]. Đồng thời, với mỗi học phần, ngay khi lên lớp các GV trong khoa đều hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp, từ đó giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR.

Sau khi kết thúc HP trong mỗi học kỳ, Học viện tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV [H3.03.02.01]. Đa số NH hài lòng với các PPDH và cách truyền đạt mà GV sử dụng (44,7% hoàn toàn hài lòng; 51,3% hài lòng; và chỉ có 4% chưa

hài lòng). “GV có PPDH phù hợp, hòa đồng, cởi mở, hiểu tâm lý SV; giảng dạy lôi cuốn, dễ hiểu, gần gũi với thực tiễn giúp SV hứng thú lĩnh hội những kiến thức, hiểu bài; vận dụng một số PPDH tích cực để nâng cao chất lượng bài giảng”. Kết quả phản hồi được TTKT&ĐBCLGD tổng hợp và thông báo kết quả đánh giá của NH đến từng GV và khoa chuyên môn để có sự điều chỉnh về hoạt động dạy học và PPDH cho phù hợp hơn với thực tiễn giáo dục. Thống kê cho thấy 96% SV hài lòng với các hoạt động dạy học cũng như các PPDH, đánh giá KQHT của SV ngành TMĐT.

Ngoài ra Học việc cũng tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về CSVC, trang thiết bị sử dụng trong các hoạt động dạy và học như phòng học, thư viện, phòng thực hành, máy tính, máy chiếu, loa, mic, điều hòa, v.v... [H4.04.02.16]. Thống kê cũng cho thấy 86,73% SV cơ bản hài lòng với với cơ sở hạ tầng, trang thiết bị sử dụng trong các hoạt động dạy học.

Thông qua các Biên bản họp khoa về hoạt động dạy và học /các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTDH ngành TMĐT năm 2021 và 2023 [H3.03.01.06-07]; Biên bản họp Hội đồng khoa về đẩy mạnh hoạt động liên kết với các doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH tại Khoa QTKD [H4.04.02.17] có thể khẳng định Khoa QTKD đã tổ chức các hoạt động dạy và học đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR và người học hài lòng với các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTDH ngành TMĐT.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy học/PPDH được thiết kế và sử dụng một cách đa dạng và phù hợp giúp SV đạt được CĐR. Khoa QTKD tiên phong trong việc đưa các chuyên gia và cán bộ doanh nghiệp vào giảng dạy các HP chuyên ngành đòi hỏi tính thực tiễn cao. PPGD theo dự án cũng được chú trọng thực hiện giúp SV phát huy toàn bộ kiến thức, kỹ năng trong quá trình học nhằm đảm bảo CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Số SV tham gia NCKH chưa nhiều và các hoạt động NCKH, tham gia các cuộc thi SV, các CLB mới chỉ tập trung ở nhóm các SV khá giỏi hoặc tích cực chủ động trong học tập, chưa lan tỏa đến toàn thể SV ngành TMĐT.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Khoa QTKD nghiên cứu, đề xuất giải pháp và tuyên truyền mở rộng hoạt động NCKH đến toàn thể SV trong Khoa.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Triết lý giáo dục đã được Học viện và Khoa phổ biến, thảo luận và quán triệt vào xây dựng mục tiêu đào tạo, CDR ngành TMĐT; được các bộ môn triển khai vào giảng dạy thông qua rà soát và cập nhật lại CTĐT, ĐCCT HP và PPGD. Sau mỗi năm học, Bộ môn và GV cập nhật, điều chỉnh nội dung môn học và phương pháp giảng dạy để phù hợp hơn.

100% ĐCCT các HP mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập được sử dụng phù hợp với HP như: Dạy học trực tiếp, Dạy học dựa vào hoạt động/dự án thực tế, Trải nghiệm, Dạy kỹ năng tư duy, Dạy học tương tác, Dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy, Dạy học dựa vào công nghệ [H2.02.02.02]. Đặc biệt trong lịch trình giảng dạy của từng HP, GV đều gợi ý tài liệu học tập cần tham khảo theo từng chương hoặc nội dung cụ thể để SV có sự chuẩn bị tốt nhất, khuyến khích vai trò tự nghiên cứu, tự học của SV. Thông qua các bài tập lớn, thuyết trình, SV sẽ được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng viết báo cáo và kỹ năng thuyết trình.

Trong đề cương chi tiết cũng quy định rõ thời lượng tự học, tự nghiên cứu ít nhất từ 30 tiết/1 tín chỉ. SV phải nghiên cứu tài liệu trong thời gian tự học trước khi lên lớp và đây là một yêu cầu bắt buộc trong tất cả các đề cương chi tiết. Đặc biệt trong lịch trình giảng dạy của từng học phần, GV đều gợi ý tài liệu học tập cần tham khảo theo từng chương hoặc nội dung cụ thể để SV có sự chuẩn bị tốt nhất, khuyến khích vai trò tự nghiên cứu, tự học của SV được chi tiết tại bài giảng các học phần trong CTĐT ngành TTĐPT năm 2023 [H4.04.03.01].

Trong quá trình giảng dạy, SV được yêu cầu tự đọc và tìm hiểu một số nội dung mở rộng theo yêu cầu của GV. Các hoạt động dạy và học giúp hình thành khả năng phân tích, tổng hợp, tư duy phản biện và kỹ năng làm việc nhóm cho SV được thể hiện qua việc thực hiện các bài tập lớn và tiểu luận HP. GV sử dụng các hoạt động dạy học/PPDH phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Tuy nhiên, trong một số ĐCHP, các mục tiêu đặt ra cho SV đối với hoạt động tự học, tự nghiên cứu còn chưa cụ thể và chưa phản ánh rõ nét sự liên kết, bổ sung cho nhau giữa hoạt động tự học với hoạt động học tập khác của HP.

Hoạt động dạy học/PPDH đa dạng được GV sử dụng một cách phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Dạy học trên giảng đường: hỗ trợ kỹ năng nghe, hiểu và tóm lược các kiến thức, thông tin.

Nhằm trang bị cho SV khả năng tự học, tự nghiên cứu, GV đã triển khai đào tạo cho SV ngành TMĐT các kỹ năng tự học, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch - tổ chức công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, v.v. SV được tham gia các buổi tranh luận để nâng cao kỹ năng phản biện. Đối với các HP chuyên ngành, SV được yêu cầu thực hiện báo cáo bài tập lớn/tiểu luận dưới dạng báo cáo khoa học nhằm giúp SV vận dụng kiến thức HP để giải quyết một vấn đề thực tế.

Ngoài ra, Học viện có hệ thống học tập trực tuyến để cung cấp thông tin về môn học, kế hoạch giảng dạy và học liệu, hỗ trợ SV tự học [H4.04.02.06] và hệ thống thực hành trực tuyến Dlab cung cấp các bài thực hành cùng khả năng đánh giá tự động giúp sinh viên có thể chủ động học tập và cải thiện kỹ năng ở các học phần thực hành mọi lúc, mọi nơi.

Với mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa ĐPT và Học viện định kỳ tổ chức các đợt tập huấn về PPGD để tất cả GV có cơ hội tiếp cận những vấn đề thực tế liên quan đến PPGD, được học hỏi chia sẻ với nhau, từ đó điều chỉnh và lựa chọn các PPGD phù hợp hơn, giúp cải tiến hoạt động học tập của SV cũng như cách đánh giá SV [H4.04.03.02]. Các thay đổi, cập nhật CTDH còn dựa trên ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV theo học kỳ, năm học [H3.03.02.01].

CTĐT có phân bổ hợp lý nhóm các môn học nhằm trang bị kỹ năng mềm cho SV như: giao tiếp, làm việc nhóm, trình bày báo cáo, tự nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu, v.v... Đối với các học phần cần kỹ năng thực hành, ĐCCT của môn học đều nêu rõ số lượng các tiết học chữa bài tập và thực hành trên máy, nội dung chi tiết các bài tập và bài thực hành; 100% đề cương chi tiết các học phần ghi rõ số tiết tự học của SV và những tài liệu đọc thêm [H4.04.03.03].

Hàng năm, Khoa lập kế hoạch và tổ chức triển khai nhiều hoạt động để khuyến khích SV NCKH, trau dồi kiến thức học thuật, rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho việc học tập suốt đời. SV được tham gia các đề tài NCKH với GV, được tham gia các đề tài NCKH của SV, tham gia các Hội nghị NCKH ở cấp Học viện hàng năm [H4.04.02.12]. Học viện và Khoa tổ chức và khuyến khích SV tham gia các cuộc thi SV NCKH do BGD&ĐT tổ chức, như cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong Học sinh – SV Việt nam”. Sản phẩm dự thi các do nhóm SV ngành TMĐT của Học viện luôn đạt giải cao ở cuộc thi này

ở cả cấp Học viện và cấp quốc gia. Năm 2019, 2022 nhóm SV của Khoa QTKD được vào vòng chung kết cấp quốc gia của cuộc thi này.

Học viện và Khoa cũng đã chủ động tổ chức các cuộc thi chuyên môn có quy mô lớn với sự tham gia của các trường đại học hàng đầu về đào tạo kinh tế và quản lý như trường đại học Kinh tế Quốc dân, trường đại học Ngoại thương, như cuộc thi ECR năm 2017, PTIT Yes năm 2020 [H4.04.02.12].

SV năm thứ 3 và năm thứ 4 được tham gia các hoạt động kiến tập, thực tập, thực tế thuộc lĩnh vực QTKD tại các công ty, doanh nghiệp để rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể, áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn, tham gia các hoạt động liên quan đến chương trình hợp tác giữa Học viện và các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam để SV tiếp cận với yêu cầu thực tế của doanh nghiệp [H4.04.02.09]. SV năm thứ 4 được tham gia các hoạt động, thực tập thực tế tại các công ty, doanh nghiệp để rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể, áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn và tham gia hoạt động hội thảo giao lưu giữa SV với các doanh nghiệp về kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, về ngành nghề đào tạo. Qua các đợt thực tập tại các doanh nghiệp, SV Khoa QTKD được các công ty, doanh nghiệp đánh giá có trình độ chuyên môn và kỹ năng giao tiếp tốt.

Để hỗ trợ SV về khả năng tự học, tự nghiên cứu kiến thức từ các nguồn sách, tạp chí chuyên ngành chất lượng cao ở Việt Nam và trên thế giới, GV của Khoa QTKD đã biên soạn “Tài liệu hỗ trợ SV phương pháp tìm kiếm, tra cứu tài liệu khoa học trên Internet” và hướng dẫn SV sử dụng, đây là tài liệu rất hữu ích đối với SV và được SV sử dụng trong suốt quá trình học tại Học viện và cả sau khi tốt nghiệp [H4.04.03.04]

Khoa QTKD phối hợp với Đoàn thanh niên tổ chức các chương trình ngoại khóa như đêm nhạc Datenight 2022, giải bóng đá khoa các năm 2019, 2022. Bên cạnh đó là các cuộc thi như Nét đẹp trường P, Sáng tạo 48H, ... [H4.04.03.05] qua đó giúp sinh viên tăng cường khả năng tương tác, mạnh dạn trong các hoạt động ngoài khóa cũng như hỗ trợ lẫn nhau trong học tập..

Học viện đã khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp, cựu SV để cải tiến chương trình và chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng các yêu cầu của các doanh nghiệp. Các tiêu chí đánh giá về trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng hội nhập, khả năng làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, khả năng ứng dụng kiến thức công việc vào thực tế đều được các doanh nghiệp đánh giá ở mức đạt yêu cầu tuyển dụng [H4.04.03.06]. Tỷ lệ SV

tốt nghiệp ngành TMĐT tham gia trả lời phiếu hỏi ở các đợt khảo sát trong năm học 2022-2023 dao động từ 89% - 91% so với số SV tốt nghiệp được khảo sát. Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ SV ngành TMĐT có việc làm với tỷ lệ 87% - 90%.

Báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát về CTDH ngành TMĐT năm 2021 [H3.03.01.04], năm 2023 [H3.03.01.05]; Biên bản họp Khoa về việc sử dụng các hoạt động dạy học/ PPGD năm 2021 [H3.03.01.06], năm 2023 [H3.03.01.07] đã khẳng định: CTDH có 100% ĐCCT các HP đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm; nhấn mạnh đến hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm hướng tới việc nâng cao khả năng học tập suốt đời.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học đa dạng thúc đẩy NH rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, đặc biệt là các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm liên quan đến thiết kế, xây dựng và vận hành dự án thực tế về kinh doanh và quản trị tại các doanh nghiệp hoặc các dự án khởi nghiệp của SV ngay trong và sau quá trình học tại Học viện.

3. Điểm tồn tại

Trong một số ĐCHP, các mục tiêu đặt ra cho SV đối với hoạt động tự học, tự nghiên cứu còn chưa cụ thể và chưa phản ánh rõ nét sự liên kết, bổ sung cho nhau giữa hoạt động tự học với hoạt động học tập khác của HP.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa QTKD rà soát lại các ĐCHP để bổ sung và hoàn thiện hơn với những hướng dẫn chi tiết cho SV về việc tự học, tự nghiên cứu các vấn đề trong từng chương mục của HP và rèn luyện cho SV khả năng tự học tự nghiên cứu và học tập suốt đời. Đồng thời Khoa QTKD lập kế hoạch mở rộng hoạt động NCKH đến nhiều SV hơn.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Học viện đã ban hành Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục, với nội dung: “*Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm*”. Nội dung Triết lý giáo dục, phù hợp với mục tiêu của Học viện: “Phát triển Học viện trở thành trung tâm giáo dục của đất nước và khu vực, định hướng ứng dụng vào năm 2030”. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ nhằm giúp các hoạt động dạy và học được thiết

kế phù hợp để đạt được CĐR, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV.

Học viện có quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học để đạt được CĐR như Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT (393/QĐ-HV ngày 23/03/2022); Biên bản họp của Khoa về CĐR; ... Các văn bản trên đều hướng đến xác định, lựa chọn các hoạt động dạy của GV phù hợp với việc đảm bảo cho SV tiếp thu kiến thức, kỹ năng, thái độ đặc biệt là chuyên môn nghề nghiệp để đáp ứng năng lực nghề nghiệp sáng tạo, chuyển giao KHCN như đã nêu trong Triết lý giáo dục.

Các phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành TMĐT là phù hợp và có một số PPDH mang tính sáng tạo, tiên phong. Các hoạt động giảng dạy của GV và học tập của SV là đa dạng, linh hoạt, giúp NH thuận lợi trong việc đạt CĐR của CTĐT. Các hoạt động học tập đa dạng như NCKH, tự học, thảo luận, thuyết trình, kiến tập, thực tập nghề nghiệp, các khóa học nâng cao kỹ năng mềm giúp SV có năng lực học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy và NH và đặc biệt là có sự tham gia của các doanh nghiệp, các chuyên gia, các “giảng viên - doanh nhân” trong môi trường học tập cởi mở và thân thiện, tôn trọng và hỗ trợ NH một cách tích cực.

Học viện đã tổ chức cho SV học tập ngoại khóa, tạo lập môi trường phù hợp để rèn luyện tính năng động, tính thích nghi, tự tin... thông qua việc tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, các cuộc thi SV NCKH; mời các báo cáo viên, chuyên gia có kinh nghiệm trong các lĩnh vực để chia sẻ, định hướng cho SV thông qua các buổi tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm.

Bên cạnh đó có những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là cần tăng cường thu thập ý kiến phản hồi của các bên như SV, GV và NTD khi đổi mới PPGD; cần tăng thêm số lượng phiếu khảo sát thu thập ý kiến phản hồi của các bên như SV, GV và NTD khi đổi mới PPGD; cần đẩy mạnh hoạt động NCKH cho SV, tham gia hoạt động các CLB của Khoa QTKD nhằm nâng cao năng lực tự học; trong một vài ĐCHP, việc hướng dẫn việc tự học, tự nghiên cứu cho SV còn khá chung chung.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí: 5/7.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá KQHT của NH là một trong những khâu quan trọng trong công tác tổ chức đào tạo. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng quan trọng đến việc học tập và nghề nghiệp sau

này của NH, đồng thời cung cấp cho Học viện, Khoa QTKD các thông tin giá trị về chất lượng dạy - học và các dịch vụ hỗ trợ NH.

Việc đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR của CTĐT ngành TMĐT, quá trình đánh giá được bắt đầu ngay từ khâu tuyển sinh đầu vào và thực hiện xuyên suốt quá trình học tập của SV cho tới khi tốt nghiệp.

Mục đích của việc KTĐG là nhằm xác định mức độ kiến thức cũng như kỹ năng mà SV cần đạt được so với mục tiêu của CTĐT cũng như mục tiêu của từng HP trong CTĐT ngành TMĐT. Việc đánh giá kết quả của SV căn cứ vào CDR và nội dung của CTĐT. Các quy định về đánh giá KQHT của NH theo CTĐT ngành TMĐT được công bố công khai tới NH và các BLQ trước khi bắt đầu triển khai CTĐT. Trong tiết học đầu tiên của các HP, NH được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí KTĐG sử dụng trong HP đó. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng và có tính liên tục, đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng, phù hợp với đặc thù của từng HP.

Thông tin về KQHT được phản hồi kịp thời giúp NH cải thiện quá trình học tập của bản thân, đáp ứng với mục tiêu đào tạo. Ngoài ra, NH cũng dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về việc đánh giá KQHT của GV trong quá trình học tập tại Học viện. Các quy định về đánh giá KQHT đã được trình bày cụ thể, rõ ràng trong các quy định về đào tạo, thi, KTĐG KQHT do Học viện ban hành và được thông báo công khai tới SV qua nhiều kênh thông tin với các hình thức đa dạng.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với Triết lý giáo dục, trong đó, việc đánh giá KQHT của NH được xây dựng và thường xuyên được điều chỉnh trong chu kỳ KĐCL.

Học viện có các quy trình và kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH. Kể từ năm 2012, khi chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Học viện đã ban hành các quy định để triển khai tổ chức đào tạo, tài liệu hướng dẫn, thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá và đo lường trong giáo dục với những nội dung về đánh giá, phân loại đánh giá, quy trình và các phương pháp đánh giá, một số kỹ thuật để xây dựng công cụ đánh giá dựa trên CDR của từng học phần. Cụ thể:

Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 897/QĐ-HV ngày 11/12/2012 [H5.05.01.01]. Trong quy định này đã dành toàn bộ chương V để quy định về việc đánh giá kết quả và thi kết thúc HP: Điều 23 quy định tiêu chí đánh giá KQHT; Điều 24 quy định việc đánh giá kết quả HP (các hình thức đánh giá và hình thức thi kết thúc HP); Điều 25 quy định thang điểm đánh giá (theo thang điểm 10, điểm quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4); Điều 29 quy định việc tổ chức kỳ thi kết thúc HP.

Năm 2018, căn cứ Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012), Học viện ban hành Quy định đào tạo cao đẳng, đại học theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định số 474/QĐ-HV ngày 19/6/2018 [H5.05.01.02]: Tại điều 29 quy định công tác tổ chức thi kết thúc HP gồm các nội dung về tiêu chí đánh giá KQHT, các hình thức đánh giá kết quả HP và thang điểm đánh giá, trong đó có nội dung “*Các quy định chi tiết khác liên quan thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc HP hệ cao đẳng, ĐHCQ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 691/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Giám đốc Học viện*”.

Năm 2021, căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của BGD&ĐT ban hành theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của BGD&ĐT, Học viện ban hành Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định số 838/QĐ-HV ngày 11/10/2021 [H5.05.01.03], tại Chương III, Điều 18 và Chương V, Điều 23, 24, 25, 26 liên quan đánh giá kết quả HP cho các HP lý thuyết và HP thực hành có tổ chức thi kết thúc HP và quy định điểm đánh giá của GV đối với SV; quy định thang điểm đánh giá (theo thang điểm 10, điểm quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4); Điều 29 quy định việc tổ chức kỳ thi kết thúc HP. Quy định đã thể hiện rõ Học viện dựa trên nhóm 4 tiêu chí để đánh giá CDR của NH: Tiêu chí về kiến thức chung, kiến thức và kỹ năng chuyên ngành; Tiêu chí về trình độ ngoại ngữ; Tiêu chí về trình độ tin học; Tiêu chí về kỹ năng mềm.

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện đã hai lần chỉnh sửa, ban hành các Quy định đào tạo đại học theo tín chỉ và kết cấu bản quy định năm 2021 giữ nguyên như năm 2018, được điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các nội dung quy định về đánh giá KQHT của NH theo đúng Quy chế đào tạo trình độ đại học của BGD&ĐT.

Học viện ban hành các quy định về việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với mục đích cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR. Trong

suốt quá trình đào tạo, việc học tập trên lớp được đánh giá người học thông qua điểm chuyên cần, các bài kiểm tra giữa kỳ, các bài tập nhóm, bài thực hành, thực tập; Bài thi cuối kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: thi tự luận, trắc nghiệm, trắc nghiệm kết hợp với tự luận, vấn đáp; thực tập tốt nghiệp; thi tốt nghiệp/làm KLTN và được quy định tại các văn bản, cụ thể:

Quy định tổ chức thi kết thúc HP hệ cao đẳng, ĐHCQ theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 691/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 13/9/2013 [H5.05.01.04]. Trong đó quy định về việc ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc HP; áp dụng cho thi kết thúc HP với các hình thức trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, thi học phần thay thế tốt nghiệp ban hành theo Quyết định số 1277/QĐ-HV ngày 31/12/2018 [H5.05.01.05], sau đó được thay thế bằng Quyết định số 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06], trong đó có các quy trình và tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR. Cụ thể, Điều 3 quy định về "Đánh giá kết quả học phần"; Điều 12 quy định về "Đề thi, đáp án", trong đó Khoản 1 quy định số lượng đề thi, đáp án "Đề thi tự luận: Đảm bảo nguyên tắc mỗi ca thi sử dụng tối thiểu 2 đề thi. Mỗi đề thi có tối thiểu 2 câu hỏi/đề thi. Thang điểm, đáp án thi tự luận: Tính theo thang điểm 10. Trong đáp án, mỗi câu được chia thành điểm của các ý nhỏ, tối thiểu đến 0,25 điểm. Yêu cầu đối với đề thi: Mỗi đề thi phải có đáp án thi, kèm thang điểm chi tiết được chi tiết đến 0,25 điểm (thang điểm 10). Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR và quy định tại Điều 3 "Đánh giá kết quả học phần". Cụ thể, Khoản 1 quy định "Điểm học phần được đánh giá dựa trên các điểm đánh giá thành phần bao gồm (i) Điểm đánh giá quá trình (gồm điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thí nghiệm – thực hành (nếu có); Điểm chuyên cần; điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận, bài tập lớn. (ii) Điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần có trọng số không dưới 50%. Điều 4 quy định "Kế hoạch thi kết thúc học phần, bố trí phòng thi", trong đó quy định Kế hoạch thi được gửi đến các đơn vị liên quan, lớp SV và thông báo trên bảng tin, website của Học viện một tháng trước kỳ thi đối với kỳ thi chính và 01 tuần đối với kỳ thi phụ"; Lịch thi của học kỳ chính phải được thông

báo cho SV ít nhất 01 tháng và kỳ thi phụ ít nhất 01 tuần trước kỳ thi. Nội dung quy định cũng phân công trách nhiệm cụ thể đối với các đơn vị, cá nhân tham gia quá trình tổ chức đánh giá người học: Ban Thanh tra các kỳ thi có nhiệm vụ thanh tra tất cả các nội dung có liên quan đến công tác tổ chức kỳ thi; tổ chức quán triệt đầy đủ chủ trương của Học viện về việc tổ chức kỳ thi nghiêm túc, khách quan, đảm bảo chất lượng đào tạo, phòng chống tiêu cực trong thi, kiểm tra tới CB, GV và SV dự thi; đôn đốc các đơn vị, cá nhân trong quá trình thực hiện quy trình quản lý và tổ chức thi, kiểm tra theo quy định; tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của tập thể, cá nhân về công tác thi, kiểm tra; Văn phòng Học viện chuẩn bị, cung cấp văn phòng phẩm phục vụ cho kỳ thi, Phòng Tài chính - Kế toán phối hợp lập dự trù kinh phí phục vụ cho kỳ thi, cung cấp danh sách SV chưa hoàn thành học phí;...

Học viện giao nhiệm vụ cho Phòng Giáo vụ tổ chức xây dựng kế hoạch đào tạo năm học, kế hoạch giảng dạy và kế hoạch thi; giao nhiệm vụ cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ chức các kỳ thi. Quy trình tổ chức các kỳ thi nêu rõ về việc cho điểm quá trình, xếp lịch thi, ra đề, tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm, phúc tra, lưu trữ bài thi và công bố điểm. Quy trình có sự tham gia của nhiều đơn vị trong Học viện như: (i) Phòng Giáo vụ là đơn vị lập Kế hoạch thi. (ii) Trung tâm KT&ĐBCLGD là đơn vị tổ chức thi bao gồm 03 bước (ra đề, coi thi, tổ chức chấm thi và thông báo kết quả, cách tính điểm bộ phận và điểm học phần); phụ trách in sao, lưu trữ đề thi; tổ chức các ca thi; lưu trữ bài thi, bảng điểm, các biên bản. (iii) các bộ môn phụ trách việc ra đề thi, phân công GV chấm thi/chấm phúc tra. (iv) Ban Thanh tra các kỳ thi giám sát việc bốc thăm, in sao đề thi, giám sát công tác coi thi, chấm thi/chấm phúc tra. (v) Trung tâm Thí nghiệm Thực hành quản lý các phòng máy thi thực hành. (vi) Trung tâm Dịch vụ là đơn vị chuẩn bị, quản lý phòng thi. (vii) Văn phòng Học viện bố trí CB bảo vệ trực giữ trật tự tại khu vực tổ chức thi. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2019-2023, Trung tâm KT&ĐBCLGD và Khoa QTKD chưa tiến hành tham khảo ý kiến các BLQ để đánh giá sự phù hợp của các văn bản đã ban hành trong lĩnh vực khảo thí.

Trong thời gian diễn ra dịch bệnh Covid-19, Học viện kịp thời ban hành các văn bản triển khai công tác tổ chức thi trực tuyến như: Hướng dẫn tổ chức thi trực tuyến trong thời gian phòng, chống đại dịch Covid-19 ban hành theo Quyết định số 470/QĐ-HV ngày 09/6/2021 [H5.05.01.07] và Hướng dẫn bổ sung hình thức thi trực tuyến trong thời gian

phòng, chống đại dịch Covid-19 ban hành theo Quyết định số 654/QĐ-HV ngày 04/8/2021 [H5.05.01.08].

Học viện ban hành Quy trình về tổ chức thực tập tốt nghiệp theo Quyết định số 05/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 10/01/2011 để hướng dẫn đánh giá và chấm điểm thực tập tốt nghiệp (TTTN) của SV [H5.05.01.09].

Để đánh giá kết quả tốt nghiệp của SV, Học viện ban hành Quy định về việc đánh giá và tổ chức bảo vệ đồ án khóa luận tốt nghiệp (ĐA/KLTN) theo Quyết định số 924/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 15/11/2011 [H5.05.01.10] và trong thời gian dịch bệnh Covid-19, Học viện ban hành Quy định về việc tổ chức đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến trong thời gian dịch Covid-19 theo Quyết định số 594/QĐ-HV ngày 15/7/2021 [H5.05.01.11].

Học viện ban hành Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đại học hệ chính quy theo ban hành theo Quyết định số 685/QĐ-HV ngày 18/9/2018 [H5.05.01.12], tại khoản 1, Mục III quy định việc biên soạn ngân hàng câu hỏi thi đối với môn thi tự luận và thi trắc nghiệm. Quy trình xây dựng, quản lý, sử dụng và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của phương pháp kiểm tra đánh giá người học gồm 12 bước: (1) Xác định phạm vi nội dung ra đề; (2) Viết câu hỏi: do các giáo viên, các nhà khoa học phụ trách; (3) Đánh giá lại câu hỏi về mặt nội dung; (4) Đánh giá lại câu hỏi về tính công bằng; (5) Kiểm tra thử câu hỏi với SV; (6) Phân tích thống kê từ kết quả kiểm tra thử: đánh giá độ khó của câu hỏi, đánh giá khả năng phân biệt trình độ SV của câu hỏi, đánh giá kết quả của các SV cùng trình độ nhưng thuộc các thành phần khác nhau (tôn giáo, dân tộc, giới tính) để xem xét tính công bằng; (7) Hiệu chỉnh và hình thành bản nháp của các câu hỏi thi đã hoàn thiện; (8) Thẩm định của các chuyên gia bên ngoài; (9) Thẩm định của hội đồng chuyên môn: bao gồm đại diện của cố vấn của các trường, chuyên gia tuyển sinh của các trường đại học, các nhà giáo dục, các GV (10) Biên tập, sửa bản in, in, và phân phối; (11) Tổ chức thi; (12) Phân tích thống kê sau khi thi: thực hiện phân tích giống như đã thực hiện ở bước 6 để đảm bảo kết quả thi thử và thi thật không có độ chênh lệch lớn.

Đề cương chi tiết học phần của CTĐT có thiết lập phương pháp và nội dung đánh giá người học. Đề cương chi tiết các học phần tại Mục 10 "Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học" có quy định cụ thể về nội dung, tiêu chí đánh giá các loại bài tập và thi kết thúc học phần [H5.05.01.13]. Căn cứ đề cương chi tiết học phần, Học viện ban hành văn bản hướng dẫn các khoa xây dựng mới và hiệu chỉnh ngân hàng câu hỏi

thi kết thúc các học phần của CTĐT [H5.05.01.14]. Theo văn bản hướng dẫn, việc thiết kế ngân hàng câu hỏi thi các học phần dựa trên cơ sở 6 cấp độ của thang cấp độ tư duy Bloom, các bộ môn chủ động thiết kế câu hỏi từ dễ đến phức tạp tương ứng với 3 cấp độ tư duy (Bậc 1: Nhớ, biết; Bậc 2: Hiểu, áp dụng; Bậc 3: Phân tích, tổng hợp, đánh giá). Đối với những học phần chưa xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, Học viện xây dựng kế hoạch biên soạn đề thi để hướng dẫn GV biên soạn đề thi, với yêu cầu đề thi phải bám sát nội dung, chương trình giảng dạy, đồng thời đạt yêu cầu phân loại được năng lực của người học, phải phát huy khả năng tư duy, sáng tạo của người học và đủ thời gian quy định cho mỗi học phần.

Kết quả học tập của NH được đánh giá thông qua các hoạt động học tập trên giảng đường (lớp học và phòng thí nghiệm thực hành) và tại các cơ sở SV đến thực tập, với các phương pháp đánh giá cụ thể:

Căn cứ Quy định về tổ chức thực tập tốt nghiệp, hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN [H5.05.01.09]: Kết thúc thời gian thực tập theo yêu cầu của đề cương và hướng dẫn của GVHD, SV phải hoàn thành báo cáo thực tập theo đúng thời hạn quy định; các khoa tổ chức đánh giá, chấm điểm (có tham khảo điểm của cơ sở thực tập, của CB hướng dẫn dưới hình thức phù hợp (vấn đáp hoặc chấm điểm báo cáo...) trong thời hạn đã được phê duyệt theo đề cương thực tập và công bố điểm cho SV.

Quy trình tổ chức thực hiện ĐA/KLTN ban hành theo Quyết định 924/QĐ-HV ngày 15/11/2011 [H5.05.01.10] hướng dẫn đánh giá ĐA/KLTN với các phiếu nhận xét của người phản biện và phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng, điểm đánh giá chi tiết đến 0,25 điểm.

Việc đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ cao đẳng, đại học chính quy theo học chế tín chỉ [H5.05.01.04], [H5.05.01.05]: Trong đó điểm đánh giá học phần là tổng điểm của tất cả các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4; đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành, tùy theo tính chất của học phần, điểm học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá thành phần; đối với các học phần thực hành: SV phải tham dự đầy đủ các bài thực hành được quy định cho mỗi học phần. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành. Việc lựa chọn phương pháp đánh giá học phần được quy định cụ thể

trong đề cương chi tiết của học phần thông qua bài thi kết thúc học phần với hình thức có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

Việc đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp thực hiện theo Quy định về tổ chức thực tập tốt nghiệp hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN [H5.05.01.09]: Trong đó điểm TTTN do Khoa tổ chức đánh giá, chấm điểm, có tham khảo điểm của cơ sở thực tập, của người hướng dẫn và tổ chức cho SV/ Nhóm SV báo cáo kết quả TTTN dưới hình thức phù hợp (vấn đáp hoặc chấm điểm báo cáo...).

Việc đánh giá KLTN thực hiện theo Quy định tổ chức thực hiện ĐA/KLTN ban hành theo Quyết định 924/QĐ-HV ngày 15/11/2011 [H5.05.01.10]. Trong đó điểm đánh giá KLTN là trung bình cộng điểm đánh giá của người phản biện và các thành viên hội đồng. Để có đủ điều kiện làm KLTN, SV cần đạt điểm trung bình chung tích lũy từ khá trở lên, trường hợp SV không đủ điều kiện làm KLTN sẽ học và thi các học phần thay thế KLTN do khoa đề xuất và được giám đốc học viện phê duyệt theo Quy định thi các học phần thay thế tốt nghiệp theo Quyết định số 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06].

Giai đoạn 2019-2023, Học viện đã ban hành tài liệu hướng dẫn, thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá và đo lường trong giáo dục với những nội dung như: đánh giá, phân loại đánh giá, quy trình đánh giá, các phương pháp đánh giá, một số kỹ thuật để xây dựng công cụ đánh giá dựa trên CĐR của từng học phần.

Trong bản mô tả CTĐT ngành TMĐT tại Mục 3. Chuẩn đầu ra ban hành kèm theo 927/QĐ-HV, ngày 17/07/2023 [H2.02.01.02] có xây dựng ma trận liên kết giữa học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Các phương pháp đánh giá của CTĐT phong phú, đa dạng (chuyên cần, bài tập, thuyết trình, hoạt động, viết, làm việc nhóm, thí nghiệm, thực hành trắc nghiệm tự luận, vấn đáp, báo cáo), phù hợp với CĐR của CTĐT ngành TMĐT. Phương pháp đánh giá của từng học phần cụ thể đã được tổ chức hội thảo và thông qua ở cấp bộ môn và khoa trước khi trình giám đốc học viện phê duyệt theo đề cương chi tiết học phần.

Học viện thực hiện nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp để đạt được CĐR đã được công bố. Việc tổ chức thi kết thúc học phần gồm nhiều phương pháp: tự luận, trắc nghiệm, bán trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, phù hợp với từng môn học, giúp đánh giá khách quan quá trình học tập của người học. Người học phải thể hiện được năng lực tư duy, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề với yêu cầu nhất định. Cụ thể:

- Đối với các môn học trên lớp, việc đánh giá quá trình được thực hiện bởi GV (theo dõi chuyên cần và các bài kiểm tra định kỳ); việc đánh giá kết thúc môn học/học phần do Trung tâm KT&ĐBCLGD là đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức thi;

- Đối với các môn học thực hành, các khoa chủ trì việc tổ chức đánh giá thông qua các sản phẩm, báo cáo của SV (ví dụ các môn kiến tập, thực tập, thực hành nghề nghiệp);

- Việc thiết kế nội dung kiểm tra, đánh giá từng học phần bám sát ma trận CĐR đã được công bố về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Kết thúc mỗi kỳ học, SV được tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, trong đó có nội dung liên quan đến lấy ý kiến SV về hình thức đánh giá môn học [H3.03.02.01]. Kết quả khảo sát cho thấy các loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá đối với từng môn học/học phần trong CTDH được xây dựng đã phản ánh xác thực về mức độ phù hợp của các loại hình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Cụ thể: kết quả khảo sát học kỳ II năm học 2020-2021 số phiếu phát ra là 29,563 phiếu, số phiếu có giá trị là 29,563 phiếu (trong đó khoa Viễn thông có 2,292 phiếu; Khoa Công nghệ thông tin có 7,026 phiếu, khoa Khoa Đa phương tiện có 2,924 phiếu; Khoa QTKD có 1,786 phiếu và khoa Khoa Cơ bản là 7,657 phiếu) về sự hài lòng đối với các hình thức thi/kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho tỷ lệ hài lòng khá cao: Khoa Công nghệ thông tin là 96,3%, Khoa Đa phương tiện là 95,3%, Khoa QTKD là 98,5%; Khoa Cơ bản là 97,5%; khảo sát về tính “công bằng và khách quan trong đánh giá người học” cho thấy có trên 95% người học hài lòng với kết quả đánh giá.

Thông qua nội dung nêu trên, các hoạt động và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR qua việc đánh giá học phần với đề thi có đáp án, thang điểm đánh giá và các mức độ đạt được của từng SV từ không đạt đến khá, giỏi để đo mức độ đạt được của CĐR từng học phần; KLTN được giao cho SV khá giỏi thực hiện và do hội đồng đánh giá để đo CĐR theo thang điểm cụ thể.

2. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống quy định, quy trình, tài liệu hướng dẫn đầy đủ và tạo sự đồng bộ, thống nhất giữa các đơn vị, GV, SV trong quá trình thực hiện việc đánh giá KQHT của NH.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa tham khảo ý kiến các BLQ để đánh giá sự phù hợp của các văn bản đã ban hành trong lĩnh vực khảo thí.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, Trung tâm KT&ĐBCLGD tổ chức hội thảo xin ý kiến nhận xét, góp ý của các BLQ đánh giá sự phù hợp của các văn bản đã ban hành trong công tác khảo thí.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học CTĐT ngành TMĐT được quy định tại Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ năm 2018 [H5.05.01.02] và năm 2021 [H5.05.01.03]. Tại Quy chế đào tạo năm 2021, quy định cụ thể như sau:

- Thời gian: Mỗi học kỳ chỉ tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần (gọi là kỳ thi chính) và một kỳ thi phụ dành cho SV chưa dự thi kỳ thi chính có lý do chính đáng và đã được chấp nhận (nếu có). Trường hợp đặc biệt do giám đốc Học viện quyết định.

- Hình thức thi kết thúc học phần: bài thi kết thúc học phần được thực hiện bằng một trong các hình thức như thi viết (tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy hoặc trên máy tính), vấn đáp, thực hành hoặc kết hợp các hình thức trên. Hình thức thi của từng học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và được giám đốc Học viện phê duyệt.

- Hình thức đánh giá trực tuyến: Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi cần đảm bảo sự trung thực, công bằng, khách quan và trọng số của điểm đánh giá bằng hình thức trực tuyến không được vượt quá 50%.

- Cách tính điểm thành phần và điểm học phần: Điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân; điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận (điểm thành phần) nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn đến một chữ số thập phân; điểm liệt quy định cho các thành phần của học phần là 0 điểm.

- Đánh giá lớp học phần

(1) Đánh giá lớp học phần là một trong những biện pháp quan trọng trong công tác đảm bảo CLGD. Việc đánh giá lớp học phần được tiến hành thông qua thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau về nội dung học phần, tổ chức lớp học phần, các hoạt động dạy và học của mỗi lớp học, từ đó đưa ra đánh giá kết luận để có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Các nguồn thông tin có thể bao gồm:

- + Ý kiến phản hồi từ CB phụ trách lớp học phần và các CB khác;
- + Ý kiến phản hồi từ phía SV của lớp học phần;
- + Thông tin kiểm tra giảng dạy từ Tổ công tác dự giờ;
- + Thống kê điểm đánh giá học phần của lớp học phần.

(2) Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị tổ chức việc đánh giá lớp học phần cuối mỗi học kỳ, năm học. Các kết quả đánh giá lớp học phần được báo cáo trực tiếp với giám đốc học viện. Giám đốc Học viện quyết định hình thức sử dụng các kết quả đánh giá lớp học phần và chỉ đạo thực hiện biện pháp điều chỉnh cần thiết.

Toàn bộ 57/57 đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành TMĐT năm 2023 [H1.01.01.03] và các ĐCCT được Học viện ban hành năm 2022 [H2.02.02.01] đều nêu rõ hình thức, thời gian, tiêu chí, trọng số điểm kiểm tra đánh giá (thi viết, thi vấn đáp, thực hành...), đặc biệt chú trọng việc xây dựng thang đánh giá gồm: tiêu chí đánh giá về nhận thức, kỹ năng, thái độ; mức độ thành tích đạt được theo yêu cầu của chuẩn đầu ra học phần.

Tại Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học, cao đẳng chính qui theo học chế tín chỉ đã quy định cụ thể thời gian, hình thức thi và phúc khảo kết quả thi [H5.05.01.05], [H5.05.01.06]. Nội dung và phương pháp đánh giá được các GV thay đổi cho phù hợp với nội dung của học phần theo đề cương chi tiết của các học phần.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học thường xuyên suốt trong quá trình học tập thông qua các hình thức như: thi viết tự luận, thi trắc nghiệm khách quan, thi trắc nghiệm khách quan bằng máy tính, thi kết hợp viết và trắc nghiệm khách quan, thi kết hợp viết và trắc nghiệm khách quan bằng máy tính, thi vấn đáp, thi thực hành, viết tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, bảo vệ chuyên đề... tùy theo tính chất từng học phần. Đánh giá định kỳ (bài kiểm tra) là đánh giá kết quả học tập của SV sau khi hoàn thành một phần chương trình của học phần. Điểm học phần là trung bình cộng theo trọng số của điểm đánh quá trình và điểm thi kết thúc học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân (đối với những học phần có thi kết thúc học phần). Đánh giá kết quả học tập một học phần trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần theo Quyết định số 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021

[H5.05.01.06]. Cụ thể, Điều 8 trình bày kết cấu điểm thành phần, thi kết thúc học phần, điểm tổng kết học phần đối với học phần. Các thông tin về cơ chế phản hồi, khiếu nại phúc tra được trình bày rõ tại Điều 10. Khiếu nại điểm, phúc khảo điểm bài thi kết thúc học phần. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kỳ thi cuối kỳ được thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo và Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần ĐH, CĐ theo học chế tín chỉ.

Việc đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp thực hiện theo Quy định về tổ chức thực tập tốt nghiệp hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN [H5.05.01.09]. Học viện tổ chức xét cho SV đủ điều kiện đăng ký thực tập và viết chuyên đề thực tập cuối khóa theo 02 đợt trong tháng 01 và tháng 07; thời gian thực tập cuối khóa tại cơ sở là từ 05 đến 06 tuần; việc đánh giá học phần TTTN diễn ra vào tuần cuối của đợt thực tập, SV nộp quyền có xác nhận của cơ sở thực tập cho GV hướng dẫn để chấm điểm TTTN; điểm TTTN do khoa tổ chức đánh giá, chấm điểm, có tham khảo điểm của cơ sở thực tập, của người hướng dẫn và tổ chức cho SV/ Nhóm SV báo cáo kết quả TTTN dưới hình thức phù hợp (vấn đáp hoặc chấm điểm báo cáo...).

Việc đánh giá KLTN thực hiện theo quy trình tổ chức thực hiện ĐA/KLTN ban hành theo Quyết định số 924/QĐ-HV ngày 15/11/2011 [H5.05.01.10]. Trong đó quy định cụ thể về thời gian giao ĐA/KLTN; hình thức đánh giá thông qua hội đồng chấm KLTN; KLTN được đánh giá bởi ba loại điểm: Điểm đánh giá của người hướng dẫn; điểm đánh giá của người phản biện và điểm do các thành viên hội đồng chấm; Điểm đánh giá ĐA/KLTN là trung bình cộng các điểm của từng thành viên hội đồng, người phản biện và người hướng dẫn, được làm tròn đến phần nguyên.

Học viện giao nhiệm vụ cho Phòng Giáo vụ tổ chức xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và kế hoạch thi; giao nhiệm vụ cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ chức các kỳ thi. Đầu năm học, Học viện ban hành văn bản “Kế hoạch đào tạo năm học” trong đó ghi rõ tuần nào trong học kỳ sẽ là tuần thi kết thúc các học phần (thường được tổ chức vào tuần thứ 18); Học viện ban hành lịch thi cụ thể cho từng học phần; thực hiện và đánh giá KLTN hoặc thi tốt nghiệp. Kế hoạch đào tạo năm học được gửi đến các đơn vị quản lý và các khoa/bộ môn để thông báo cho SV, GV; được công khai trên cổng thông tin điện tử của Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/giaovu> để các đối tượng liên quan được biết [H5.05.02.01].

Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, Trung tâm KT&ĐBCLGD phổ biến cho SV quy chế đào tạo có nội dung kiểm tra đánh giá và quy định thi, kiểm tra trong quá trình học tập tại Học viện [H5.05.02.02]. Kế hoạch đào tạo toàn khóa học được in trong Sổ tay SV và được phát cho SV trong “*Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học*” với các mốc thời gian học, nghỉ lễ tết, học bù, ôn và thi cuối kỳ được trình bày cụ thể trong cuốn hướng dẫn này tại mục kế hoạch đào tạo toàn học viện theo từng năm học [H5.05.02.03].

Trước mỗi học kỳ, Phòng Giáo vụ thông báo thời khóa biểu của từng học phần trên website Học viện và SV đăng ký học online trên hệ thống QLĐT: <http://qltd.ptit.edu.vn> [H5.05.02.04].

Trong tiết học đầu tiên của học phần, GV giảng dạy học phần có trách nhiệm thông báo tới SV nội dung về tiêu chí đánh giá về nhận thức, kỹ năng, thái độ; mức độ thành tích đạt được theo yêu cầu của chuẩn học phần, giúp SV hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của học phần qua đề cương chi tiết học phần được Học viện phê duyệt [H2.02.01.02].

Các hình thức kiểm tra đánh giá KQHT của người học được phổ biến rộng rãi và công khai tại kế hoạch thi kết thúc học phần, thi lại, thi cải thiện điểm trong từng học kỳ [H5.05.02.05]; Kế hoạch thi và bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp cuối khóa [H5.05.02.06]. Đồng thời SV có thể tra cứu thông tin về các quy định, hướng dẫn liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập trên website Học viện hoặc Fanpage của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục với nội dung đăng tải các thông tin liên quan về đánh giá kết quả học tập của người học [H5.05.02.07].

Mặc dù Học viện có hệ thống văn bản về đánh giá KQHT của người học tương đối đầy đủ, nhưng các quy định, hướng dẫn về thi/đánh giá kết quả học tập ở nhiều văn bản khác nhau nên chưa thuận tiện cho việc triển khai thực hiện.

Thực hiện chương trình chuyển đổi số, mỗi SV Học viện được cấp mã định danh để truy cập phần mềm PTIT-Slink khai thác các thông tin liên quan đến SV trong quá trình học tập tại học viện thông qua điện thoại di động ở mọi lúc, mọi nơi [H5.05.02.08].

2. Điểm mạnh

Phần mềm PTIT-Slink giúp SV có thể truy cập khai thác thông tin đầy đủ, mọi lúc, mọi nơi trong thời gian học tập tại Học viện.

3. Điểm tồn tại

Các quy định, hướng dẫn về thi, đánh giá kết quả học tập ở nhiều văn bản khác nhau nên chưa thuận tiện cho việc triển khai thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, Trung tâm KT&ĐBCLGD nghiên cứu, rà soát hệ thống văn bản, các quy định về thi, đánh giá kết quả học tập có tính tích hợp, đồng bộ để thuận tiện hơn trong việc triển khai thực hiện và đăng tải trên website Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác đánh giá kết quả học tập được nêu tại Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện năm 2021 [H5.05.01.03] và Quy định thi kết thúc học phần [H5.05.01.05], [H5.05.01.06], cụ thể: Bài thi kết thúc học phần được thực hiện bằng một trong các hình thức như thi viết (tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy hoặc trên máy tính), vấn đáp, thực hành hoặc kết hợp các hình thức trên, được quy định tại bản mô tả CTĐT đại học ngành TMĐT năm 2023 [H2.02.01.02] và đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành TMĐT được giám đốc Học viện phê duyệt [H2.02.02.06] trên cơ sở Khoa QTKD đề xuất hình thức và phương pháp đánh giá phù hợp đối với CDR của CTĐT và CDR của từng học phần.

Quy định hình thức thi kết thúc học phần [H5.05.01.06] nêu rõ hình thức kiểm tra phong phú, đa dạng gồm: tự luận, trắc nghiệm, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần, đồng thời được quy định trong đề cương chi tiết học phần và được giám đốc Học viện phê duyệt tất cả đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT đều nêu rõ hình thức, thời gian, tiêu chí, trọng số điểm kiểm tra đánh giá (thi viết, thi vấn đáp, thực hành...), đặc biệt chú trọng việc xây dựng thang đánh giá gồm: tiêu chí đánh giá về nhận thức, kỹ năng, thái độ; mức độ thành tích đạt được theo yêu cầu của chuẩn học phần.

Khoa QTKD sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học như đánh giá quá trình và đánh giá cuối học kỳ có tiêu chí đánh giá rõ ràng đảm bảo tính công bằng. Đối với đánh giá quá trình bao gồm đánh giá điểm chuyên cần (chủ yếu đánh giá việc đi học đầy đủ, tham gia thảo luận, các hoạt động trên lớp v.v.). Đối với đánh giá cuối kỳ có các phương pháp gồm thi tự luận, thực hành, kết hợp tự luận,

trắc nghiệm và vấn đáp... Phương pháp đánh giá đánh giá kết quả học tập của NH cũng từng bước được đa dạng hóa gồm: tự luận, thực hành, trắc nghiệm khách quan và thực hành, tiểu luận, báo cáo thực tập; tất cả các phương thức kiểm tra đánh giá này đều có kèm theo mẫu biểu đánh giá với các tiêu chí phù hợp cho từng hình thức thi.

CTĐT ngành TMĐT năm 2023 [H1.01.01.03] có 57 học phần: Đối với đánh giá cuối kỳ có các phương pháp gồm thi tự luận được áp dụng chủ yếu ở 38 học phần (chiếm tỉ lệ 66,67%); phương pháp thực hành được áp dụng chủ yếu ở 3 học phần (chiếm tỉ lệ 5,26%), phương pháp kết hợp tự luận, trắc nghiệm và vấn đáp được áp dụng chủ yếu ở 16 học phần (chiếm tỉ lệ 28,07%).

Trong đó, mỗi học phần đều đảm bảo có đủ các điểm bộ phận và có quy định về trọng số điểm, điểm thi kết thúc học phần có trọng số từ 50-70%.

Kết thúc kỳ thi mỗi học kỳ, khoa tiến hành tham khảo kết quả phân tích phổ điểm thi dựa trên kết quả báo cáo của Trung tâm KT&ĐBCLGD [H5.05.03.01]; ý kiến khảo sát của người học đối với hoạt động giảng dạy do Trung tâm KT&ĐBCLGD cung cấp và cảnh báo học vụ do Phòng Giáo vụ thực hiện để đánh giá về mức độ phù hợp của hình thức thi, kiểm tra đánh giá cũng như sự tác động của các hình thức thi, kiểm tra đánh giá người học và đề xuất về việc cần điều chỉnh phương pháp đánh giá kết thúc học phần. Nội dung rà soát tập trung vào các phương pháp kiểm tra đánh giá và tổ hợp phương pháp kiểm tra đánh giá đã được áp dụng cho từng học phần, tuân thủ các quy định, quy chế về đào tạo và đánh giá người học, từ đó đưa ra những kiến nghị để giải quyết và được thể hiện qua bảng thống kê phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá CTDH ngành TMĐT năm 2018 [H3.03.01.07], năm 2021 [H3.03.01.08] và năm 2023 [H3.03.01.09]. Căn cứ kết quả rà soát, Khoa QTKD có văn bản gửi phòng Giáo vụ để đưa vào kế hoạch thi trong từng học kỳ, cụ thể như chuyển đổi hình thức thi từ thi tự luận sang thi trắc nghiệm trên phần mềm máy tính với các học phần Hệ điều hành Windows và Linux/Unix, Cơ sở an toàn thông tin, An toàn ứng dụng web và cơ sở dữ liệu; Khoa Cơ bản: học phần Giải tích 1, Đại số, Triết học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Khoa Đa phương tiện đề nghị chuyển hình thức thi cho 11 học phần [H5.05.03.02].

Các phương pháp đánh giá KQHT đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng, cụ thể:

- Về độ giá trị, Học viện đã ban hành Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần theo Quyết định số 685/QĐ-HV ngày 18/9/2018 [H5.05.01.12]. Khoa QTKD đã xây dựng và đảm bảo mỗi học phần đều có ngân hàng câu

hỏi thi [H5.05.03.03], hoặc bộ câu hỏi ôn tập được bộ môn thông qua sau khi họp điều chỉnh, đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ban hành năm 2022.

- Về độ tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể. Đề thi và đáp án thi cuối kỳ được bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá trước khi nộp về Trung tâm KT&ĐBCLGD [H5.05.03.04]. Bài thi của SV được chấm chi tiết theo đáp án/ hướng dẫn chấm thi với quy trình chấm được chuẩn hóa (đánh số phách, rọc phách, hai GV cùng chấm, lập bảng điểm thi theo số phách...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học.

Từ năm học 2020-2021, Học viện sử dụng phần mềm edusoft để GV nhập điểm thành phần [H5.05.02.05] và điểm thành phần các học phần sẽ được đăng tải công khai trên Portal SV [H5.05.03.05]. Việc kiểm tra đánh giá được tách khỏi quá trình giảng dạy và bài thi tự luận được tổ chức thi riêng đề chẵn, lẻ, rọc phách và chấm chéo đối với chấm phúc khả; bài thi thực hành và báo cáo: chấm chung, chấm chéo giữa các GV cùng tham gia giảng dạy một học phần [H5.05.03.06].

Khoa thực hiện nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp để đạt được CDR đã được công bố. Việc tổ chức thi kết thúc học phần gồm nhiều phương pháp: tự luận, trắc nghiệm, bán trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, phù hợp với từng môn học, giúp đánh giá khách quan quá trình học tập của người học. Người học phải thể hiện được năng lực tư duy, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề với yêu cầu nhất định. Cụ thể:

- Đối với các môn học trên lớp, việc đánh giá quá trình được thực hiện bởi GV (theo dõi chuyên cần và các bài kiểm tra định kỳ); việc đánh giá kết thúc môn học/học phần do Trung tâm KT&ĐBCLGD là đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức thi;

- Đối với các môn học thực hành, Khoa chủ trì việc tổ chức đánh giá thông qua các sản phẩm, báo cáo của SV (ví dụ các môn kiến tập, thực tập, thực hành nghề nghiệp).

- Việc thiết kế nội dung kiểm tra, đánh giá từng học phần khoa bám sát ma trận CDR đã được công bố về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Căn cứ vào Quy định về thực hiện ĐA/KLTN trong đào tạo trình độ ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện [H5.05.01.10], Học viện có quyết định danh sách SV được làm đồ án/ khóa luận, danh sách GV hướng dẫn. KLTN được đóng bìa cứng, trình bày sạch sẽ, có xác nhận của GV hướng dẫn. Học viện có quyết định Hội đồng chấm KLTN (mỗi hội đồng có 5 thành viên). Các thành viên Hội đồng chấm và cho điểm trên phiếu

chấm. Điểm của đồ án là điểm trung bình chung số học của 7 đầu điểm (gồm điểm của 5 thành viên hội đồng + điểm của GV chấm phần biện + điểm của GV hướng dẫn), theo thang điểm 10, được làm tròn đến 1 chữ số thập phân [H5.05.03.07].

Năm 2023, Học viện đã ban hành hướng dẫn về việc xây dựng và quản lý sử dụng ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm trình độ ĐH ban hành theo Quyết định số 405/HD-HV ngày 21/04/2023, trong đó có xây dựng ma trận ngân hàng câu hỏi thi và ma trận đề thi [H5.05.03.08].

Học viện ban hành các kế hoạch rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT trình độ đại học chính quy và thành lập các tổ soạn thảo rà soát lại các loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nhằm kiểm soát các hoạt động không phù hợp của các phương pháp kiểm tra đánh giá; kịp thời điều chỉnh để đạt được độ tin cậy của các quy trình như quy trình tổ chức thi học kỳ, quy trình xét tốt nghiệp, quy trình đánh giá kết quả học tập. Khoa QTKD đã tổ chức các buổi họp đánh giá hình thức thi, đã bổ sung, áp dụng các loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học như: thi vấn đáp, tiểu luận, trắc nghiệm, làm đồ án, sự kiện. v.v. đối với các học phần và các kỳ thi. Tuy nhiên, trong quá trình đánh giá kết quả học tập, Khoa QTKD và Trung tâm KT&ĐBCLGD chưa thực hiện việc thống kê tỷ lệ SV thi đạt, không đạt của từng học phần để có phương án điều chỉnh NHCHT các học phần trong các kỳ thi đối với các khóa học sau.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập đã đo lường được mức độ đạt CĐR của SV. Điều này được thể hiện ở kết quả khảo sát SV năm học 2020-2021, khảo sát về tính “công bằng và khách quan trong đánh giá người học” cho thấy có trên 95% người học hài lòng về kết quả đánh giá. Đồng thời, thống kê số SV phúc tra, phúc khảo điểm thi trong chu kỳ kiểm định cũng cho thấy tỉ lệ người học thắc mắc, khiếu nại về kết quả thi các năm học rất nhỏ, dưới 1% (năm học 2018-2019: 0,11%; năm học 2019- 2020: 0,09%; năm học 2020-2021: 0,42%; năm học 2021-2022: 0,47%).

2. Điểm mạnh

Phương pháp đánh giá kết quả học tập được đa dạng hóa, đảm bảo độ tin cậy, khách quan, công bằng và đáp ứng được mục tiêu đánh giá kết quả học tập của người học theo CĐR ngành TMĐT. Nhiều học phần chuyên ngành trong CTĐT ngành TMĐT áp dụng hình thức thi trên máy và trắc nghiệm đảm bảo độ tin cậy được sử dụng.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình đánh giá kết quả học tập, Học viện chưa thực hiện việc thống kê tỷ lệ SV thi đạt, không đạt của từng học phần để có phương án điều chỉnh NHCHT các học phần trong các kỳ thi đối với các khóa học sau.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với Khoa QTKD tổ chức việc thống kê tỷ lệ % SV thi không đạt của từng học phần và mời chuyên gia đến tập huấn cho GV về phương pháp kiểm tra đánh giá để điều chỉnh NHCHT các học phần.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Quy định đào tạo đại học theo tín chỉ ban hành năm 2021 [H5.05.01.03]: Tại khoản 2, Điều 29 quy định vào buổi học cuối cùng của mỗi học phần, GV giảng dạy học phần công bố điểm thành phần môn học và điều kiện dự thi kết thúc học phần cho SV, lập danh sách SV dự thi gửi Trung tâm KT&ĐBCLGD chậm nhất 3 ngày trước ca thi; tại Điều 33 quy định cảnh báo kết quả học tập là hình thức cảnh báo cho SV về kết quả học tập yếu kém của bản thân, đồng thời là cơ sở để xem xét điều kiện buộc thôi học và thời điểm cảnh báo học tập vào cuối mỗi học kỳ là cơ sở để SV xem xét, lập kế hoạch cải thiện kết quả học tập sau từng học kỳ.

Tại khoản 2, Điều 23, của Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, thi học phần thay thế thi tốt nghiệp trình độ đại học quy định "*Điểm học phần được thông báo sau ngày thi học phần đó chậm nhất 15 ngày trên website của Học viện hoặc tại các Apps ứng dụng, phần mềm quản lý của Học viện*"... [H5.05.01.06].

Đầu mỗi năm học, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học [H5.05.02.02], SV nhập học được phổ biến về quy định đào tạo có đề cập đến nội dung phản hồi kết quả học tập của NH. Ngoài ra, các quy định này được công khai trên website của Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/> và trong cuốn Sổ tay SV được phát cho SV khi nhập học [H5.05.02.03]; được Phòng Giáo vụ đăng tải trên website Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/giaovu/> và Trung tâm KT&ĐBCLGD thông báo, hướng dẫn SV trong từng kỳ thi trên website Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/ttkk/> để thông báo cho SV

Năm 2021, thực hiện chương trình chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo, Học viện đã triển khai phần mềm ứng dụng quản lý hệ thống PTIT' S-link. Phần mềm này hỗ trợ người học tra cứu kết quả học tập của mình dễ dàng, nhanh chóng và thuận tiện trên mọi thiết bị di động [H5.05.02.08] và qua bản in cứng gửi Phòng Giáo vụ. Các trường hợp khiếu nại, phúc khảo của SV đều được giải quyết kịp thời.

Hồ sơ, kết quả học tập của người học được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập của người học, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu khi được yêu cầu trên phần mềm QLĐT EduSoft qua tài khoản email SV được Học viện cấp ngay sau khi nhập học [H5.05.02.04].

Một tuần trước thời gian thi của học phần theo kế hoạch thi, GV nhập điểm thành phần trên hệ thống quản lý đào tạo và hoàn thiện danh sách SV đủ điều kiện dự thi gửi cho Trung tâm KT&ĐBCLGD và lưu bản photocopy tại khoa [H5.05.04.01] và trong buổi học cuối của học phần, SV được GV công bố điều kiện dự thi kết thúc học phần theo quy định. Khi kiểm tra giữa kỳ để xác định điểm thành phần của môn học, GV có chữa bài kiểm tra, phân tích kết quả để định hướng SV, chỉ rõ điểm mạnh và điểm yếu của SV theo từng môn học, giúp SV có phương pháp và ý thức học tập tốt hơn. Tuy nhiên, việc thông báo các điểm thường xuyên đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm sau khi thi kết thúc học phần là chưa hợp lý.

Mười ngày sau khi thi kết thúc học phần đối với hình thức thi tự luận, SV được Trung tâm KT&ĐBCLGD công bố kết quả thi và điểm học phần trên website Học viện [H5.05.04.02] để SV có thể biết được KQHT của từng học phần. Đồng thời, Bảng điểm học phần được gửi Phòng Giáo vụ để xét cảnh báo học vụ và lưu tại Trung tâm KT&ĐBCLGD [H5.05.04.03].

Bên cạnh việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học trong đánh giá quá trình và sau các kỳ thi kết thúc học phần, việc phản hồi về kết quả đánh giá người học còn được thực hiện thông qua việc cảnh báo học vụ của phòng Giáo vụ khi tổng hợp kết quả học tập của người học vào mỗi học kỳ [H5.05.04.04].

Việc đánh giá điểm rèn luyện được thực hiện theo Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học ban hành theo Quyết định số 1236/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H5.05.04.05], trong đó Phòng CT&CTSV chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống các quy trình, lập kế hoạch và lựa chọn loại hình đánh giá điểm rèn luyện của SV theo Quy chế công tác SV.

Sau khi có kết quả học tập và rèn luyện, vào cuối mỗi học kỳ và cuối năm học, Phòng CT&CTSV liên hệ với gia đình để thông báo kết quả học tập và rèn luyện đối với những

trường hợp tạm dừng học do nghỉ học không có lý do và trường hợp buộc thôi học do học kém để gia đình nắm bắt được tình hình học tập và rèn luyện của SV, từ đó giúp SV có những điều chỉnh phù hợp nhằm cải thiện kết quả học tập của NH.

Học viện ban hành Quy định về công tác Cố vấn học tập theo Quyết định số 1235/QĐ-HV ngày 31/12/2015 với mục tiêu nhằm hỗ trợ NH trong suốt thời gian học tập tại Học viện [H5.05.04.06]. Căn cứ quy định, Khoa QTKD phối hợp với Phòng CT&CTSV đề nghị các CVHT giải đáp đầy đủ các thắc mắc cũng như hỗ trợ NH đăng ký học đúng tiến độ, rà soát điểm tổng kết, lập danh sách NH thuộc diện cảnh báo để có sự tư vấn, hỗ trợ kịp thời. Các cuộc họp giữa CVHT và NH được thực hiện thường xuyên trong mỗi học kỳ và có biên bản họp nộp về Phòng CT&CTSV để theo dõi, tổng hợp và báo cáo Ban giám đốc Học viện [H5.05.04.07]. Biên bản họp lớp của SV ngành TMĐT cho thấy không có sự phàn nàn về vấn đề công bố, phản hồi kết quả học tập.

Các quy định liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh khác nhau như: công khai cho SV trên website của Học viện; trong lịch thi cá nhân của từng SV trên hệ thống đăng ký học, SV cũng được thông báo các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Nhờ việc thông tin kịp thời và nhanh chóng, NH có thể lập kế hoạch đăng ký học, học lại, học cải thiện điểm phù hợp với tiến độ học tập. SV có thể dựa vào KQHT và điểm rèn luyện của từng kỳ, căn cứ vào quyết định cảnh báo học vụ theo học kỳ để lập kế hoạch học tập phù hợp, tránh được tình trạng bị buộc thôi học khi bị cảnh báo 3 kỳ liên tiếp, tuy nhiên vẫn có một vài trường hợp công bố kết quả chậm do GV bận công việc riêng, không trả điểm thi đúng thời hạn.

Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV sau từng học kỳ trong giai đoạn 2019-2023 [H3.03.02.01] và kết quả khảo sát, đánh giá chất lượng đào tạo của khoa đối với SV năm cuối [H5.05.04.08] cho thấy trên 90% SV hài lòng với việc thông báo điểm thi kịp thời và cách thức GV cung cấp thông tin phản hồi về bài làm của SV giúp họ điều chỉnh kịp thời các hoạt động học tập để cải thiện chất lượng; SV trả lời hài lòng với câu hỏi về "GV công bằng, khách quan trong cách đối xử cũng như đánh giá người học" được đánh giá "đồng ý" và "hoàn

Toàn bộ hồ sơ đánh giá kết quả học tập của người học trong toàn khóa học được lưu giữ đầy đủ bản cứng tại Trung tâm KT&ĐBCLGD và file dữ liệu trên Phần mềm quản lý đào tạo Edusoft theo đúng tiến trình học tập của người học, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu khi được yêu cầu [H5.05.02.04].

2. Điểm mạnh

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo đã giúp người học được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời và chính xác.

3. Điểm tồn tại

Việc thông báo các điểm thường xuyên đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm sau khi thi kết thúc học phần là chưa hợp lý

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ I, năm học 203-2025, Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với Khoa QTKD bổ sung quy định GV phải thông báo điểm kiểm tra giữa kỳ sớm hơn (ngay vào tuần tiếp theo sau khi kiểm tra giữa kỳ) để SV có thể điều chỉnh lại phương pháp học tập nhằm nâng cao kết quả học tập của bản thân.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Toàn bộ quy trình khiếu nại về kết quả học tập của NH được chi tiết và cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, thi các học phần thay thế tốt nghiệp theo Quyết định số 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06]. Quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định số 474/QĐ-HV ngày 19/6/2018 và Quyết định số 838/QĐ-HV ngày 11/10/2021 [H5.05.01.02], [H5.05.01.03].

Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ năm 2021 [H5.05.01.03], tại Điều 30. Khiếu nại điểm và sửa điểm (1) Đối với điểm đánh giá quá trình, SV có thể khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy học phần khi công bố điểm. (2) Đối với điểm thi kết thúc học phần, khi khiếu nại điểm SV phải làm đơn xin phúc tra, đóng lệ phí theo quy định và nộp cho Trung tâm KT&ĐBCLGD. (3) Thời hạn khiếu nại điểm là chậm nhất 10 ngày kể từ ngày công bố điểm. Sau thời hạn này, mọi yêu cầu khiếu nại điểm đều không được chấp nhận. (4) Trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đơn phúc tra điểm của SV, Trung tâm KT&ĐBCLGD phải tổ chức chấm phúc tra và công bố kết quả phúc tra cho SV. Đồng thời, quy chế có quy định về học lại, thi lại, thi nâng điểm để NH đạt kết quả học tập tốt nhất, đây là cơ sở để NH đăng ký học cải thiện điểm để đạt kết quả tốt nghiệp loại khá, giỏi.

Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo học chế tín chỉ [H5.05.01.06]: Tại Điều 17, Giải quyết thắc mắc, khiếu nại về điểm thi.

- Nguyên tắc: Chỉ tiếp nhận và giải quyết những khiếu nại về điểm thi đối với các học phần áp dụng hình thức thi viết. Không giải quyết các khiếu nại về điểm thành phần, điểm thi vấn đáp, thi trắc nghiệm trên máy, thực hành ...

- Khi phát hiện có sự khác biệt giữa điểm thi đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý, SV có trách nhiệm thông báo cho Trung tâm KT&ĐBCLGD để được xem xét, giải quyết.

- Tiếp nhận đơn của SV: Trong thời hạn không quá năm (5) ngày sau khi công bố điểm học phần, SV có khiếu nại về điểm thi làm đơn đề nghị xem xét điểm thi kết thúc học phần; Ban cán sự lớp tập hợp đơn của toàn bộ SV trong lớp, lập danh sách SV đề nghị xem xét điểm thi kết thúc học phần và nộp về Trung tâm KT&ĐBCLGD. Không tiếp nhận đơn của SV nộp sau thời hạn nêu trên; Hết thời hạn nhận đơn, Trung tâm KT&ĐBCLGD lập bảng tổng hợp các khiếu nại của SV và những thông tin cần thiết cho giải quyết khiếu nại.

- Giải quyết khiếu nại: Trung tâm KT&ĐBCLGD tra cứu bài thi và kiểm tra tình trạng bài thi để phát hiện các trường hợp sai sót trong công tác thư ký chấm thi; Nếu phát hiện có sai sót, Trung tâm lập bảng điểm phúc khảo và ghi rõ lý do sai sót. Nếu không có sai sót, Trung tâm KT&ĐBCLGD sẽ thông báo cho Bộ môn quản lý học phần để chấm phúc khảo.

- Điều chỉnh và công bố điểm phúc khảo: Trung tâm KT&ĐBCLGD đối chiếu điểm đã công bố với điểm chấm phúc khảo: Nếu điểm chấm phúc khảo bằng điểm đã công bố thì giữ nguyên điểm đã công bố; Nếu điểm chấm phúc khảo và điểm đã công bố chênh lệch nhau 1 điểm thì lấy điểm chấm phúc khảo làm điểm chính thức; Nếu điểm chấm phúc khảo và điểm đã công bố chênh lệch nhau lớn hơn 1 điểm, Trung tâm KT&ĐBCLGD có văn bản đề nghị Bộ môn tổ chức đối thoại trực tiếp giữa GV chấm thi lần đầu và GV chấm phúc khảo (có ghi biên bản) để thống nhất điểm. Trường hợp không thống nhất được thì báo cáo Giám đốc Học viện giải quyết.

- Mỗi điểm thi sau khi sửa chữa phải lập biên bản, kèm hồ sơ có liên quan, có chữ ký xác nhận của trưởng bộ môn quản lý học phần và đồng thời phải lưu lại tên người sửa, thời gian sửa. Tại tiết e, Khoản 3, Điều 24 Quy định tổ chức thi kết thúc học phần (QĐ số 1037 ngày 12/11/2021) quy định "chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc khảo, Trung tâm KT&ĐBCLGD công bố điểm phúc khảo cho SV và tiến hành điều chỉnh điểm (nếu có)..."

Tất cả các văn bản trên đều được Trung tâm KT&ĐBCLGD phổ biến cho SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, khóa học [H5.05.02.02]. Đồng thời, SV còn được phổ biến quy trình khiếu nại về kết quả học tập trước khóa học tại Sổ tay SV được phát cho SV khi nhập học [H5.05.02.03].

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/giaovu> và trước mỗi học kỳ, cố vấn học tập có phổ biến quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập tại các cuộc họp với lớp SV [H5.05.04.07]. Hiện tại, phần mềm quản lý đào tạo chưa có chức năng cho phép phúc khảo bài thi để tạo điều kiện thuận lợi cho SV khi muốn đăng ký phúc khảo bài thi.

Trong từng học kỳ, sau khi có điểm thi của tất cả các môn thi trong kỳ thi, toàn bộ điểm sẽ được đồng bộ vào tài khoản cá nhân của SV tại phần mềm quản lý đào tạo Edusoft và phần mềm ứng dụng PTIT-Slink; đồng thời thông báo trên website của Học viện về thời gian nhận đơn phúc tra [H5.05.05.01]. Sau khi kết thúc thời gian nhận đơn phúc tra, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục tập hợp đơn, lập danh sách và rút bài phúc khảo của SV và bàn giao cho các khoa/bộ môn có SV đề nghị phúc khảo bài thi. Bộ môn sẽ nhận bài và phân công 02 GV chấm thi thực hiện. Trong 02 GV chấm phúc khảo, phải có ít nhất 01 GV không chấm thi học phần đó lần đầu. Điểm chấm phúc khảo được ghi vào phiếu chấm điểm phúc khảo bài thi (theo mẫu). Nếu thấy có biểu hiện tiêu cực sẽ xử lý theo quy định. Địa điểm chấm phúc khảo tại phòng chấm thi tập trung. Sau 08 ngày kể từ ngày kết thúc nhận đơn phúc khảo, Trung tâm KT&ĐBCLGD thông báo kết quả tới SV có đơn phúc khảo và thông báo công khai trên website của Học viện (Điều 24 của Quy định tổ chức thi kết thúc học phần).

Báo cáo kết quả chấm thi phúc tra trong 5 năm gần đây giai đoạn 2019-2023 [H5.05.05.02] cho thấy tỷ lệ khiếu nại về kết quả học tập của NH toàn Học viện nhỏ hơn 1,5% tính trên quy mô đào tạo của các ngành học. Cụ thể, năm học 2016-2017 có 26 bài phúc khảo; năm học 2018-2019 có 22 bài phúc khảo, trong đó có 01 bài thay đổi điểm do khi chấm điểm (bài thi trắc nghiệm trên giấy), CB chấm thi nhầm mã đề của SV; năm học 2020-2021 có 61 bài phúc khảo, trong đó có 01 bài thay đổi 0,5 điểm do giáo viên chấm lần thứ nhất chấm sót ý. Các năm khác không có trường hợp nào phúc khảo. Tất cả các bài thay đổi điểm do lỗi kỹ thuật như chấm sót, cộng nhầm điểm thành phần, hoặc chấm sai mã đề thi trắc nghiệm. Hồ sơ theo dõi việc khiếu nại/kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của người học các năm học (đơn đăng ký phúc khảo điểm, hóa đơn nộp tiền, bảng

điểm phúc khảo, biên bản đối thoại,...) được lưu tại Trung tâm KT&ĐBCLGD để thuận lợi trong việc tra cứu [H5.05.05.03].

Các trường hợp khiếu nại, phúc khảo của SV đều được giải quyết kịp thời. Học viện thực hiện tổ chức khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của người học về các nội dung liên quan đến đánh giá người học do Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với các khoa/bộ môn thực hiện. Kết quả lấy ý kiến được phân tích và tổng hợp trong các báo cáo về kết quả khảo sát ý kiến của SV trước khi tốt nghiệp. Kết quả cho thấy tỷ lệ người học hài lòng với tiêu chí về phương pháp và nội dung kiểm tra đánh giá, sự phù hợp, tính chính xác, công bằng minh bạch, tỷ lệ người học hài lòng về kết quả kiểm tra, đánh giá đạt trên 90% và không có trường hợp phàn nàn về việc thiếu công bằng, minh bạch trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV [H3.03.02.01]. Đồng thời, thống kê số SV phúc tra, phúc khảo điểm thi trong chu kỳ kiểm định cũng cho thấy tỉ lệ người học thắc mắc, khiếu nại về kết quả thi các năm học rất nhỏ, dưới 1% (năm học 2017-2018: 0,02%; năm học 2018-2019: 0,11%; năm học 2019-2020: 0,09%; năm học 2020-2021: 0,42%; năm học 2021-2022: 0,47%).

2. Điểm mạnh

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện không có đơn thư khiếu nại về công tác chấm thi sau các kỳ thi.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm quản lý đào tạo Edusoft chưa có chức năng cho phép SV phúc khảo bài thi trực tuyến.

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ I, năm học 2024-2025, Phòng Giáo vụ phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm nâng cấp các tính năng của phần mềm quản lý đào tạo, bổ sung thêm một số tác vụ như chức năng cho phép phúc khảo bài thi để tạo điều kiện thuận lợi cho SV khi muốn đăng ký phúc khảo bài thi.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Học viện đã ban hành Quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định tổ chức thi kết thúc học phần (trong đó quy định về việc ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần) áp dụng cho thi kết thúc học phần với các hình thức trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Dựa vào các quy định này, Trung tâm Khảo thí

và Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập của SV. Quy trình này nêu rõ về việc cho điểm quá trình, xếp lịch thi, ra đề, tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm, phúc tra, lưu trữ bài thi và công bố điểm.

Khoa QTKD cũng đưa ra phương pháp đánh giá phù hợp đối với CĐR của CTĐT và đối với CĐR mỗi học phần. Hình thức kiểm tra phong phú, đa dạng gồm: tự luận, trắc nghiệm, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đã được Khoa QTKD sử dụng có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Đề cương chi tiết học phần cũng chỉ rõ nội dung phương thức đánh giá SV với CĐR học phần.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới SV một cách công khai trên các trang website Học viện, khoa. Đầu mỗi năm học, trong tuần sinh hoạt công dân, GV và NH được phổ biến về quy định đào tạo có đề cập đến nội dung phản hồi kết quả học tập. Ngoài ra, các quy định này được công khai trên website của Học viện và trong Sổ tay SV.

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời đến SV nhằm giúp SV cải thiện việc học tập của mình. Đặc biệt khi SV không thỏa mãn với kết quả học tập của mình sẽ được tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và có thể phúc khảo bài thi thông qua một quy trình phúc khảo bài thi quy định chặt chẽ và khoa học.

Khoa QTKD chưa tổ chức đánh giá một cách khoa học về mức độ đáp ứng yêu cầu, sự phù hợp của từng hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đã được thiết kế đối với việc đo lường được mức độ đạt CĐR và chưa phân tích phổ điểm, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy và mức độ khó/dễ của các câu hỏi thi/đề thi để điều chỉnh các đề thi phù hợp với yêu cầu đánh giá được CĐR của học phần. Việc thông báo các điểm thường xuyên đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm sau khi thi kết thúc học phần là chưa hợp lý. Phần mềm quản lý đào tạo của Học viện chưa tích hợp chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi của SV vào phần mềm.

Mặc dù còn một số tồn tại, nhưng nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của người học của CTĐT ngành TMĐT được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các hướng dẫn của CTĐT để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí: 4,60/7

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Để thực hiện được sứ mạng và mục tiêu đã đề ra thì một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định việc thực hiện thành công mục tiêu chính là phát triển đội ngũ GV, NCV cũng như thường xuyên quan tâm để việc xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của Học viện đạt chuẩn chất lượng cả về giảng dạy và NCKH.

Kế hoạch nguồn nhân lực của Học viện được thể hiện trong Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định để đảm bảo thực hiện các mục tiêu của chiến lược đến năm 2025, Học viện phấn đấu có 850 CB, GV (trong đó có 670 GV, CB nghiên cứu); 100% GV đạt chuẩn; thu hút 20 - 25 chuyên gia, GV quốc tế đến làm việc tại Học viện; xây dựng bồi dưỡng đội ngũ CB trẻ (40 - 50 người).

Trải qua 25 năm xây dựng và phát triển, Học viện và Khoa QTKD luôn quan tâm và có kế hoạch xây dựng đội ngũ GV, NCV có trình độ chuyên môn cao, đủ năng lực tham gia công tác giảng dạy, NCKH và đóng góp có hiệu quả cho các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện thực hiện chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV nhằm đạt được chiến lược phát triển Học viện. Năm 2020, Học viện đã ban hành Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.09] và nội dung bản chiến lược đã được chỉnh sửa, ban hành vào năm 2021, sau khi thành lập Hội đồng Học viện [H1.01.01.10]. Nội dung Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 xác định: “*Triển khai các hoạt động thu hút, tuyển dụng, đào tạo nhằm mục tiêu đến năm 2025 số lượng lao động của Học viện đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo và NCKH đề ra, cụ thể đạt 850 CB, với cơ cấu 75% là lao động trực tiếp (nghiên cứu, giảng dạy, kinh doanh trực tiếp); trong đó 100% GV đạt chuẩn, tỷ lệ tiến sĩ đạt trên 50%*” phù hợp với kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025 của BTT&TT theo Quyết định số 212/QĐ-BTTTT ngày 19/02/2021 [H1.01.01.10-1] là “*Tăng cường xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân lực an toàn thông tin mạng nhằm góp phần triển khai thành công chương trình*

chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số xã hội số và nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trong lĩnh vực an toàn thông tin trên trường quốc tế”.

Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ CB, GV Học viện được nêu cụ thể tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2015-2020 [H6.06.01.01] và nhiệm kỳ 2020-2025 [H6.06.01.02]. Nội dung nghị quyết nêu rõ tổng số lao động Học viện đến năm 2025 là 850 người; phát triển đội ngũ CB đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và đồng bộ về cơ cấu. Căn cứ các văn bản nêu trên, Đảng ủy Học viện đã ban hành Nghị quyết về việc mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử số 534/NĐ-HV ngày 06/7/2018 [H6.06.01.02-1].

Giai đoạn 2019-2023, công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Học viện được thực hiện dựa trên đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho các mục tiêu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng (PVCĐ). Hằng năm, căn cứ các nhiệm vụ được giao, các đơn vị trong Học viện thực hiện rà soát tình hình thực tế, các nhiệm vụ mới, thực hiện đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị gửi phòng TCCB-LĐ tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Học viện phê duyệt, trên cơ sở đó Học viện lập kế hoạch nguồn nhân lực cho cả năm và trung hạn.

Học viện thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ CB theo các văn bản hướng dẫn của BTT&TT [H6.06.01.03], cụ thể: Quyết định số 275-QĐ/BCSD ngày 20/03/2017 của Ban cán sự Đảng BTT&TT về việc Phê duyệt bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017-2020 và quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025 của Học viện; Kế hoạch số 797/KH/BCSD ngày 23/10/2018 của Ban cán sự Đảng Bộ Thông tin Truyền thông về việc rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp Vụ, cấp Phòng và tương đương giai đoạn 2018 - 2020 và nhiệm kỳ 2020 - 2025; Quyết định số 1331/QĐ-BTTTT ngày 03/8/2020 của BTT&TT về việc Phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025 của Học viện và Hướng dẫn về công tác quy hoạch CB lãnh đạo quản lý của Bộ Thông tin Truyền thông theo Quy định số 128-QĐ/BCS ngày 31/08/2022; Hướng dẫn về công tác rà soát quy hoạch CB lãnh đạo quản lý của Học viện tại văn bản số 128-CV/BCS ngày 31/08/2022.

Căn cứ văn bản nêu trên, Đảng ủy và Ban giám đốc Học viện ban hành các kế hoạch và quyết định thực hiện công tác quy hoạch các vị trí lãnh đạo các khoa, bộ môn, phòng ban chức năng Học viện, cụ thể: Kế hoạch số 830/KH-HV ngày 02/11/2018 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp Học viện, cấp Phòng và tương đương giai

đoạn 2018-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết của ĐUHV về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương VI khóa XII trong việc tái cơ cấu nguồn lực, tăng cường kỷ luật, kỷ cương lao động tại văn bản số 547-NQ/ĐU ngày 06/12/2018; Quyết định số 580/QĐ-HV ngày 12/8/2020 về việc phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương nhiệm kỳ 2020-2025; Quyết định số 207/QĐ-HV ngày 29/03/2021 về việc phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương giai đoạn 2021-2025 của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông; Quyết định số 208/QĐ-HV ngày 29/03/2021 về việc phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương giai đoạn 2021-2025 của HVCS tại TP.HCM; Quyết định số 392/QĐ-HV ngày 10/5/2021 về việc Phê duyệt Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp bộ môn, cấp phòng các đơn vị trực thuộc giai đoạn 2021-2025 của Học viện; Kế hoạch số 122/KH-HV ngày 25/02/2021 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo giai đoạn 2021-2025 của Học viện; Kế hoạch số 905/KH-HV ngày 23/9/2022 về việc triển khai công tác quy hoạch CB lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026-2031; Hướng dẫn số 932/HV-TCCB ngày 29/09/2022 về công tác rà soát quy hoạch CB lãnh đạo quản lý của Học viện; ...

Sau khi thực hiện quy hoạch, Học viện có công văn báo cáo Bộ Thông tin Truyền thông đề phê duyệt kết quả xây dựng quy hoạch Ban Giám đốc nhiệm kỳ 2017-2020 và 2020-2025. Đối với CBQL các đơn vị, thực hiện hướng dẫn về công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2016-2021, Học viện đã ban hành quyết định phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương giai đoạn 2021-2025 của Học viện.

Đối với các chức danh lãnh đạo, Học viện xây dựng Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo theo từng giai đoạn và BTT&TT đã phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017-2020 và quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025. Học viện cũng đã phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương nhiệm kỳ 2020-2025.

Trước năm 2021, công tác bổ nhiệm CB thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm CB Học viện ban hành theo Quyết định số 20/QĐ-TCCB ngày 23/01/2009 [H6.06.01.04] và các quy định, hướng dẫn của Bộ Thông tin Truyền thông. Năm 2021, căn cứ Nghị định số

115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quy định phân cấp quản lý CB, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp, người lao động thuộc BTT&TT ban hành theo Quyết định số 1929/QĐ-BTTTT ngày 11/11/2020, Học viện đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện theo Quyết định số 445/QĐ-HV ngày 01/6/2021 [H6.06.01.05]. Quy định này là cơ sở để Học viện chỉ đạo Khoa QTKD thực hiện việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đội ngũ CB lãnh đạo của khoa và các bộ môn trực thuộc tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của BTT&TT. Trong giai đoạn 2019-2023, Giám đốc Học viện đã ký các quyết định bổ nhiệm 01 trưởng khoa và 01 Trưởng bộ môn thuộc Khoa QTKD [H6.06.01.06]. Các CB được bổ nhiệm theo đúng quy định của BGD&ĐT, trưởng khoa, phó trưởng khoa, trưởng bộ môn đều có trình độ tiến sĩ. Công tác quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Học viện tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của BTT&TT; được phổ biến và gửi đến từng đơn vị, CB, viên chức qua đường công văn, hộp thư điện tử của CB theo địa chỉ ... @ptit.edu.vn.

Học viện đã ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động theo Quyết định số 1166/QĐ-HV, ngày 24/12/2018 và ngay sau khi thành lập, Hội đồng Học viện đã ban hành Nghị quyết số 54/NQ-HĐHV ngày 18/01/2022 về Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động của Học viện [H6.06.01.07], trong đó quy định cụ thể về quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn viên chức và người lao động tại Học viện.

Hàng năm, căn cứ các nhiệm vụ được giao, các đơn vị trong Học viện thực hiện đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị gửi Phòng TCCB-LĐ tổng hợp, báo cáo lãnh đạo học viện phê duyệt, trên cơ sở đó Học viện xây dựng kế hoạch lao động hằng năm [H6.06.01.08]. Nội dung kế hoạch lao động xác định cụ thể quy trình tuyển dụng, số lượng cần tuyển, mô tả vị trí việc làm, tiêu chuẩn của các vị trí tuyển dụng phù hợp và đáp ứng yêu cầu theo đề án vị trí việc làm và các quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

Dựa trên các mục tiêu chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong chiến lược phát triển Học viện, đề án vị trí việc làm và căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực, kế hoạch công tác của từng đơn vị, hằng năm Học viện xây dựng Kế hoạch tuyển dụng lao động, trong đó có việc tuyển dụng GV cho Khoa QTKD [H6.06.01.09]. Ngoài các tiêu chí tuyển dụng chung, các đơn vị có thể đề xuất các tiêu chí cao hơn tiêu chí theo quy định nhằm đạt được mục đích thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Học

viện. Nhu cầu của xã hội đối với nguồn nhân lực ngành TMĐT rất cao và có rất nhiều đơn vị trong lĩnh vực tài ATTT được thành lập và nhiều công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, nên Học viện khó thu hút được GV có trình độ tiến sỹ, học hàm GS, PGS về giảng dạy CTĐT Ngành TMĐT tại Học viện.

Kể từ năm 2014, công tác phát triển năng lực GV của các khoa, viện và CBQL Học viện được định hướng theo Kết luận số 322/TB-HV ngày 25/4/2014 của Giám đốc Học viện [H6.06.01.10], đây là cơ sở để Học viện triển khai công tác đào tạo bồi dưỡng NCV, GV trong những năm tiếp theo.

Học viện đã ban hành Quy chế về đào tạo và bồi dưỡng đối với viên chức và người lao động theo Quyết định số 647/QĐ-HV ngày 27/7/2017 [H6.06.01.11]. Trong đó quy định đối tượng, mục đích, nguyên tắc cử đi đào tạo, bồi dưỡng, các chính sách, đặc biệt là chính sách khuyến khích, hỗ trợ học phí cho viên chức và người lao động đi bồi dưỡng (học tập tại Việt Nam được hỗ trợ học phí, chi phí đi lại và được thanh toán đầy đủ lương và phúc lợi; học ở nước ngoài được hỗ trợ bảo hiểm xã hội và 40% tiền lương cơ bản và được đảm bảo các chế độ bảo hiểm, nâng lương thường xuyên theo quy định của Học viện và Nhà nước); quyền lợi và nghĩa vụ của viên chức cũng như trình tự thủ tục để viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng và đi thực tế căn cứ để thực hiện; quy trình xác định nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng của CB, GV và NV ở các đơn vị (trong đó nêu rõ các bước xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng: từ nguyện vọng cá nhân đến ra quyết định cử đi đào tạo bồi dưỡng và tiếp nhận trở lại làm việc).

Hàng năm, Học viện ban hành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBVCNLD Học viện [H6.06.01.12] và căn cứ kế hoạch, Học viện đã tổ chức và cử CB, viên chức và người lao động đi tham gia nhiều khoá bồi dưỡng như: Bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, về trung cấp lý luận chính trị, về quản lý hành chính nhà nước chương trình chuyên viên - chuyên viên chính, tin học, về chuyển đổi số, về đổi mới sáng tạo, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp GV hạng I, II, III, bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh văn phòng, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, bồi dưỡng an ninh quốc phòng đối tượng 4, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu cơ bản và đấu thầu qua mạng, kỹ năng nắm bắt tâm lý học đường dành cho cố vấn học tập, bồi dưỡng Cấp ủy cơ sở.

Để giám sát, quản lý công tác quy hoạch đội ngũ GV, NCV Học viện, Hội đồng Học viện đã ban hành Quy chế giám sát của Hội đồng Học viện nhiệm kỳ 2020-2025 theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐHV ngày 26/10/2021 [H6.06.01.13]. Giai đoạn 2021-2023, Hội đồng

Học viện đã ban hành kế hoạch thực hiện công tác giám sát đối với các lĩnh vực của Học viện, thành lập đoàn kiểm tra giám sát về công tác cán bộ, lao động của Học viện và ban hành kết luận giám sát trong lĩnh vực này. Đồng thời, khi chuyển về trực thuộc Bộ TT&TT, năm 2020, Học viện đã triển khai khắc phục trong công tác tuyển dụng theo kết luận 71-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban bí thư theo chỉ đạo của Bộ TT&TT tại Hồ sơ triển khai công văn số 4983/BTTTT-TCCB ngày 16/12/2020 của Bộ TTTT về việc khắc phục trong công tác tuyển dụng theo kết luận 71-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban bí thư [H6.06.01.14].

Công tác tuyển dụng, bố trí công việc, chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV, NCV được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Luật lao động và Luật Viên chức, cụ thể tại hồ sơ lưu trữ tại Phòng TCCB-LĐ về hợp đồng lao động; các quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc của viên chức, người lao động Học viện; các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành [H6.06.01.15].

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 đã xác định cụ thể việc thu hút, tuyển dụng, đào tạo nhằm mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ đạt trên 50% tổng số GV Học viện.

3. Điểm tồn tại

Học viện còn khó khăn trong việc thu hút được GV có trình độ TS và học hàm GS, PGS về làm công tác giảng dạy tại Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu đề xuất với Giám đốc học viện ban hành cơ chế chính sách nhằm thu hút GV có trình độ cao và học hàm GS, PGS về làm việc tại Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ CB tham gia hoạt động giảng dạy CTĐT ngành TMĐT bao gồm GV Khoa QTKD, CBQL các đơn vị chức năng và NCV của Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông (CDIT), đơn vị có con dấu trực thuộc Học viện.

Tổng số CB, GV, NCV, NV của Học viện tính đến thời điểm hiện tại là 767 người, với 459 GV, 308 NV. Đội ngũ GV của Học viện là 459 người, trong đó có 4 GS (0,87%); 28 PGS (6,1%); 141 TS (30,72%); 257 Thạc sĩ (55,99%); 113 GV thỉnh giảng, trong đó có 4 GS (3,5%); 22 PGS (1,5%); 34 TS (30,1%); 50 Thạc sĩ 44,2%).

Đội ngũ GV cơ hữu của CTĐT ngành TMĐT là 15 người, trong đó có 01 Phó giáo sư (chiếm tỷ lệ 6,67%), 03 Tiến sĩ (chiếm tỷ lệ 30%) và 11 Thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 73,33%). Ngoài ra khoa còn mời các GV kiêm giảng là các CB từ các đơn vị khác trong Học viện tham gia giảng dạy tại khoa. Độ tuổi trung bình của GV cơ hữu của khoa là 46,24 tuổi.

Tỷ lệ SV/GV của ngành TMĐT tính trung bình 5 năm trong chu kỳ kiểm định CLGD là 18,36 SV/GV. Tỷ lệ này đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học theo quy định tại Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của BGD&ĐT và Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018.

Ngoài đội ngũ GV cơ hữu, để phục vụ công tác giảng dạy, Khoa mời các GV thỉnh giảng, doanh nghiệp cùng hợp tác giảng dạy nhằm tạo cơ hội để SV tiếp cận sớm nhất với các công nghệ hiện đại và thực tiễn công việc từ các doanh nghiệp cũng như tiếp cận, định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp tại Học viện.

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT của BGD&ĐT quy định số giờ chuẩn giảng dạy của GV [H6.06.02.01], năm 2015, Học viện ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV và GV thỉnh giảng tại Học viện theo Quyết định số 914/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.02], theo đó khối lượng công việc của đội ngũ GV được quy đổi theo giờ chuẩn và được cụ thể hóa cho từng đối tượng GV (GV và GV giữ chức vụ quản lý) với định mức chế độ làm việc của nhà giáo trong Học viện là 270 giờ/năm. Đồng thời, Học viện ban hành Quy định về nhiệm vụ trong hoạt động đào tạo và NCKH của CB tại các đơn vị thuộc Học viện để làm cơ sở tính khối lượng giảng dạy và NCKH cho NCV, CBQL [H6.06.02.03].

Năm 2020, Căn cứ quy định của BGD&ĐT về việc Quy định chế độ làm việc của GV trong các cơ sở giáo dục đại học [H6.06.02.04], Học viện ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung phương án tính khối lượng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của GV tại Học viện theo Quyết định số 650A/QĐ-HV ngày 10/9/2020 [H6.06.02.05]. Tuy nhiên, Học viện

chưa có quy định cụ thể về số giờ giảng, loại hình và số lượng hoạt động NCKH (đề tài, bài báo quốc tế) cho từng hạng GV, cũng như cho các GV có học hàm GS, PGS.

Học viện ban hành Danh mục vị trí công việc đối với CB, GV Khối QLĐT phía Bắc theo Quyết định số 1191/QĐ-HV ngày 28/12/2018 và phê duyệt Hệ thống bản MTCV chuẩn đối với các vị trí công việc tại Khối QLĐTPB Học viện theo Tờ trình số 503/TTr-TCCB-LĐ ngày 20/12/2018 [H6.06.02.06], trong đó có nội dung ban hành bản mô tả công việc đối với chức danh GV để làm cơ sở đo lường, đánh giá khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV Học viện.

Trong từng học kỳ, căn cứ bản mô tả công việc của GV, Khoa thực hiện phân công chuyên môn cho GV theo từng bộ môn [H6.06.02.07]. Sau khi GV thực hiện theo bảng phân công chuyên môn, Học viện thống kê khối lượng công việc của GV và thực hiện qui đổi giờ giảng dạy theo giờ chuẩn [H6.06.02.08]; đối với giờ NCKH, Học viện tiến hành rà soát thống kê giờ NCKH và giảng dạy để có căn cứ thực hiện theo quy định về NCKH đối với GV [H6.06.02.09]. Đối với trường hợp GV thiếu giờ NCKH sẽ được quy đổi từ giờ giảng theo quy định. Đối với NCV của Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông và CBQL các đơn vị chức năng Học viện phải thực hiện giờ giảng theo quy chế kiêm giảng của Học viện và chủ yếu tập trung vào công tác NCKH, hướng dẫn SV thực tập, làm đồ án tốt nghiệp [H6.06.02.10].

Học viện có quy định, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV. Thể hiện tại các văn bản như: Quy định đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối Quản lý đào tạo phía Bắc ban hành theo Quyết định số 207/QĐ-HV ngày 26 tháng 3 năm 2018 [H6.06.02.11]; Quy định tạm thời về các tiêu chí khuyến khích đối với CB giảng dạy của Học viện ban hành theo Quyết định số 370/QĐ-TCCB ngày 27 tháng 6 năm 2012 [H6.06.02.12], trong đó xác định cụ thể các tiêu chí phân loại GV theo mức A, B, C với mục tiêu khuyến khích GV chủ động đăng ký học tập để đạt trình độ tiến sỹ và tiếng Anh đạt chuẩn B2 theo khung tham chiếu châu Âu, việc này góp phần quan trọng để giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH của GV Học viện; Quyết định về việc sửa đổi bổ sung phương án tính khối lượng thực hiện giảng dạy của GV tại Học viện [H6.06.02.13].

Phòng Giáo vụ tổ chức việc giám sát thời gian lên lớp của GV thông qua việc ghi Sổ nhật ký giảng dạy của GV trong từng kíp học, đảm bảo GV lên lớp đúng giờ và sổ được lưu trữ tại phòng giáo vụ [H6.06.02.14]; Tổ Thanh tra thuộc Văn phòng Học viện có nhiệm

vụ thanh tra định kỳ việc chấp hành nội quy, thời gian lên lớp đối với GV trên giảng đường [H6.06.02.15].

Sau từng học kỳ, Trung tâm KT&ĐBCLGD lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV với Phiếu khảo sát gồm 10 tiêu chí và kết quả khảo sát được báo cáo LDHV để chỉ đạo, điều hành hoạt động của Học viện và công bố công khai để lãnh đạo khoa nắm rõ tình hình giảng dạy chung của khoa và giúp GV có phương hướng điều chỉnh hoạt động giảng dạy [H3.03.02.01].

Đề định hướng cho các hoạt động PVCĐ của CB, GV, Học viện đã ban hành Quy định các hoạt động kết nối và PVCĐ tại Học viện theo Quyết định số 334/QĐ-HV ngày 29/4/2021; Quyết định thành lập Ban chỉ đạo các hoạt động kết nối và PVCĐ năm 2021 và 2022; Kế hoạch các hoạt động kết nối và PVCĐ năm học 2021-2022 [H6.06.02.16]. Căn cứ hướng dẫn của Học viện, Khoa QTKD chủ động tham gia các hoạt động PVCĐ như: Tham gia bồi dưỡng các đội tuyển SV tham gia các kỳ thi ATTT; quyên góp tiền ủng hộ đồng bào khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; ... thông qua báo cáo công tác kết nối và PVCĐ năm 2021. Tuy nhiên, Hoạt động PVCĐ của GV chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động PVCĐ chưa được thuận lợi.

Căn cứ khối lượng công việc thực tế thực hiện được Học viện giao về giảng dạy, NCKH và PVCĐ trong từng năm học, GV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc có đánh giá của khoa và gửi Học viện phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại CBGV của Khoa QTKD hằng năm [H6.06.02.17]. Kết quả đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng hằng năm cho thấy đội ngũ GV của Khoa QTKD đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ, 100% GV khoa đều hoàn thành khối lượng công việc theo quy định. Tỷ lệ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ viên chức của Khoa QTKD trong 5 năm giai đoạn 2019-2023 đạt 15% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 50% hoàn thành tốt nhiệm vụ và 35% hoàn thành nhiệm vụ. 100% GV Khoa QTKD đều đạt mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

Kết quả đánh giá mức khuyến khích GV giai đoạn 2019-2023 cho thấy tỷ lệ trung bình GV của Học viện đạt mức A là 46,22%; mức B là 33,78% và mức C là 20%, trong đó riêng GV của Khoa QTKD được đánh giá loại A dao động từ 90% - 96% [H6.06.02.18].

Thông qua hội nghị CB viên chức và các báo cáo tổng kết hằng năm của Học viện và Khoa QTKD, GV không có phản nản, khiếu nại về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá của Khoa và Học viện về các công việc GV đã thực hiện [H4.04.01.06], [H4.04.01.07].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ GV/NH của CTĐT ngành TMĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành của BGD&ĐT.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động PVCĐ của GV chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động PVCĐ không thuận lợi.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với các khoa nghiên cứu xây dựng các tiêu chí định lượng các hoạt động PVCĐ của GV để thuận lợi cho việc đo lường và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [H1.01.01.10], xác định: “Triển khai các hoạt động thu hút, tuyển dụng, đào tạo nhằm mục tiêu đến năm 2025 số lượng lao động của Học viện đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo và NCKH đề ra, cụ thể đạt 850 CB, với cơ cấu 75% là lao động trực tiếp (nghiên cứu, giảng dạy, kinh doanh trực tiếp); trong đó 100% GV đạt chuẩn, tỷ lệ tiến sĩ đạt trên 50%” phù hợp với Kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025 của BTT&TT “*Tăng cường xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân lực an toàn thông tin mạng nhằm góp phần triển khai thành công chương trình chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số xã hội số và nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trong lĩnh vực an toàn thông tin trên trường quốc tế*”.

Học viện đã ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động theo Quyết định số 1166/QĐ-HV, ngày 24 tháng 12 năm 2018 và Nghị quyết số 51/NQ-HĐHV, ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Học viện [H6.06.01.07], trong đó quy định cụ thể về quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn viên chức và người lao động tại Học viện. Ngoài các tiêu chí tuyển dụng nói chung, các đơn vị có thể đưa ra các tiêu chí cao hơn tiêu chí theo quy định nhằm đạt được mục đích thực hiện chiến lược nhân sự của Học viện. Đồng thời, các tiêu chí tuyển dụng còn được quy định cụ thể tại Danh mục vị trí công

việc tại các phòng/ban, trung tâm chức năng ban hành theo Quyết định số 1191/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.06] và Khung năng lực, bản mô tả công việc theo Đề án vị trí việc làm ban hành năm 2014, được hiệu chỉnh, ban hành theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 [H6.06.03.01] và được triển khai tại Khoa QTKD từ năm 2016.

Dựa trên các mục tiêu chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong Chiến lược phát triển Học viện và Đề án vị trí việc làm; căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực, kế hoạch công tác của từng đơn vị, hằng năm Học viện xây dựng Kế hoạch tuyển dụng lao động, trong đó xác định rõ quy trình tuyển dụng, số lượng cần tuyển, mô tả vị trí việc làm, tiêu chuẩn của các vị trí tuyển dụng phù hợp và đáp ứng yêu cầu theo Đề án vị trí việc làm và các quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp [H6.06.01.09].

Thông báo tuyển dụng GV các năm từ 2019 đến 2023 [H6.06.03.02] đều nêu rõ các tiêu chí tuyển dụng GV ngành TMĐT với các tiêu chí cơ bản: có trình độ chuyên môn giỏi, có năng lực sáng tạo, tư duy đổi mới; có đạo đức tốt, sức khỏe tốt; có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc; yêu nghề, gắn bó với Học viện. Trong đó, các điều kiện ưu tiên chung đối với các ứng viên vào vị trí GV: Có trình độ tiến sĩ; được đào tạo ở nước ngoài; có chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5 hoặc tương đương trở lên; đang là GV hoặc có kinh nghiệm giảng dạy, quản lý giáo dục, NCKH; có kết quả biên soạn tài liệu, bài giảng, công trình NCKH đã công bố; tuổi dưới 40 (đối với tiến sĩ tuổi dưới 45); chế độ đãi ngộ: Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu và CGCN, có cơ hội thăng tiến; được tạo điều kiện ra nước ngoài hợp tác giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi học thuật, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy tối đa năng lực của bản thân và phát triển nghề nghiệp; được hưởng thu nhập theo vị trí việc làm, tương xứng với năng lực và kết quả công tác; được hưởng đầy đủ các chế độ về BHXH, BHYT theo quy định của Nhà nước. Sau khi có kết quả trúng tuyển, các GV được bố trí sinh hoạt chuyên môn tại khoa và sẽ được một GV hướng dẫn trực tiếp, hỗ trợ cho GV mới được tuyển dụng. Thông báo tuyển dụng được đăng tải trên website Học viện tại địa chỉ: Portal.ptit.edu.vn/hoc-vien-cong-nghe-buu-chinh-vien-thong-thong-bao-tuyen-dung/ và trên các báo việc làm và các trang mạng xã hội về tuyển dụng [H6.06.03.03].

Hằng năm, Học viện thành lập Hội đồng tuyển dụng GV cho từng khoa để xét tuyển hồ sơ trên cơ sở trình độ, kết quả/thành tích học tập/nghiên cứu, kinh nghiệm tích lũy ứng viên và sự phù hợp với ngành học, ngành đào tạo. Các ứng viên có hồ sơ đủ điều kiện sẽ

được mời tham dự vòng kiểm tra, sát hạch gồm: phỏng vấn trao đổi, đánh giá năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, khả năng sư phạm, giảng thử [H6.06.03.04].

Trong chu kỳ KĐCL, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng, Học viện đã tuyển dụng được 180 nhân sự, trong đó có 53 Tiến sỹ, 104 thạc sỹ và 23 cử nhân (hướng dẫn thực tập và làm việc hành chính). Trong đó tuyển dụng được 166 GV và tuyển bổ sung 07 GV cho Khoa QTKD [H6.06.03.05].

Để đạt được mục tiêu của Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ GV, Học viện đã xây dựng chính sách thu hút và ưu đãi đối với đội ngũ GV như: Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện [H6.06.01.05]; Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động [H6.06.01.07]; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng đối với CB, viên chức, người lao động thuộc Học viện [H6.06.01.11]; Quy định chế độ làm việc đối với GV và GV thỉnh giảng tại Học viện [H6.06.02.02]; Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí viên chức, người lao động trong Học viện được cử đi đào tạo tiến sĩ trong nước giai đoạn 2021-2025; ... Các văn bản trên đã thể hiện chính sách ưu đãi của Học viện đối với việc thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV. Tuy nhiên, số GV được tuyển dụng chỉ đáp ứng được trên 70% so với chỉ tiêu cần tuyển.

Kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm và bố trí sắp xếp nhân sự của Học viện được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng: trên website của Học viện <http://ptit.edu.vn>, báo in và gửi qua hệ thống văn bản nội bộ của HV, treo tại bảng tin của Phòng TCCB và gửi qua email tới ứng viên.

Tiêu chí đề bạt và bổ nhiệm các vị trí CB của Học viện đã được thể hiện trong Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện ban hành theo Quyết định số 445/QĐ-HV ngày 01/6/2021 [H6.06.01.05] nêu rõ nguyên tắc; điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm, quy trình bổ nhiệm; bổ nhiệm lại và kéo dài thời gian giữ chức vụ; quy định về thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động viên chức quản lý; quy định về biệt phái CB của Học viện. Tùy từng vị trí được bổ nhiệm, Quy chế quy định rõ ràng về các tiêu chí về đạo đức, về trình độ chuyên môn, bằng cấp, các yêu cầu về kinh nghiệm làm việc, quy trình bổ nhiệm. Đối với vị trí lãnh đạo, quản lý yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, uy tín, tư duy, khả năng đoàn kết, tập hợp, quy tụ viên chức trong đơn vị; yêu cầu về kỹ năng gồm có kỹ năng giao việc, ngoại giao, xử lý tình huống,

giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng tổng hợp, phân tích, nhận định và đánh giá trong quản lý, điều hành công việc. Tùy từng vị trí quản lý là các khoa, trung tâm chuyên môn hay các phòng ban chức năng, các tiêu chuẩn năng lực được xác định cụ thể; theo yêu cầu của công tác quản lý.

Trong giai đoạn 2019 - 2023, trên cơ sở quy hoạch và kết quả đánh giá năng lực đội ngũ CBQL, Học viện đã bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, luân chuyển 122 lượt CBQL các cấp (trong đó, Ban Giám đốc: bổ nhiệm mới 01 nhân sự, bổ nhiệm lại 04 nhân sự; luân chuyển 09 nhân sự; bổ nhiệm mới 68 Trưởng, Phó khoa/phòng/bộ phận; bổ nhiệm lại 40 nhân sự). Các nhân sự được bổ nhiệm theo đúng quy hoạch.

2. Điểm mạnh

Học viện ban hành khung năng lực, bản mô tả công việc theo từng vị trí việc làm và được triển khai từ năm 2016 để làm cơ sở cho công tác tuyển dụng GV.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa có chính sách và cơ chế đặc thù để thu hút GV có trình độ học vị và học hàm cao PGS, GS về làm GV cơ hữu của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với các khoa nghiên cứu, xây dựng chính sách và cơ chế đặc thù với những chế độ đãi ngộ có mức hấp dẫn cao hơn để có thể cạnh tranh thu hút được nhiều hơn nữa các GV có học vị tiến sĩ và học hàm PGS, GS về làm GV cơ hữu của Học viện, đặc biệt là GV ngành TMĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ CB, GV, NV của Học viện được quy định tại Khung năng lực và bản Mô tả công việc của từng vị trí việc làm trong Đề án vị trí việc làm của Học viện ban hành theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 [H6.06.03.01] và Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12/4/2021 của Hội đồng Học viện [H4.04.01.04]. Đề án vị trí việc làm trình bày tóm tắt công việc, nội dung, yêu cầu về năng lực, trách nhiệm cụ thể từng chức danh, vị trí làm việc, khối lượng, tần suất thực hiện, và xác định các tiêu chí về năng lực đội ngũ GV về trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên và tiếng Anh trình độ B1, năng lực NCKH, năng

lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH, năng lực lựa chọn và áp dụng các PPGD, năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, năng lực nghiên cứu; có yêu cầu về năng lực đối với lãnh đạo khoa, đối với Trưởng khoa, bên cạnh học vị tiến sĩ trở lên cần phải có kỹ năng về quản lý thông qua lớp bồi dưỡng có chứng chỉ chuyên viên chính trở lên. Tuy nhiên, chức danh GV chỉ quy định năng lực chung của GV, chưa mô tả cụ thể vị trí việc làm của GV có học hàm GS, PGS và trình độ TS.

Căn cứ Đề án việc làm, Học viện xây dựng bản mô tả công việc của các vị trí công việc trong khoa (trưởng, phó khoa; trưởng/phó BM; GV) [H6.06.04.01]. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, bản mô tả vị trí việc làm chưa có yêu cầu về năng lực chuyên sâu về thiết kế chương trình và chưa phân biệt rõ các hạng GV I, II, III trong bản mô tả công việc.

Đối với vị trí lãnh đạo, quản lý yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, uy tín, tư duy, khả năng đoàn kết, tập hợp, quy tụ viên chức trong đơn vị; yêu cầu về kỹ năng gồm có kỹ năng giao việc, ngoại giao, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng tổng hợp, phân tích, nhận định và đánh giá trong quản lý, điều hành công việc. Tùy từng vị trí quản lý là các khoa, trung tâm chuyên môn hay các phòng ban chức năng, các tiêu chuẩn năng lực được xác định cụ thể; theo yêu cầu của công tác quản lý, được quy định trong Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện (QĐ số 445/QĐ-HV ngày 01/6/2021) [H6.06.01.05].

Học viện đã giao phòng TCCB-LĐ tham mưu, theo dõi, tổng hợp về đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV, đánh giá xếp loại chất lượng CB, công chức, viên chức, và phụ trách công tác thi đua khen thưởng [H6.06.04.02]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được sử dụng để xem xét, đánh giá xếp loại viên chức và được lấy làm căn cứ xem xét danh hiệu thi đua, khen thưởng và để làm căn cứ xem xét cử CB, GV, NV đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn.

Việc đánh giá năng lực của GV được thực hiện định kỳ theo từng thời điểm trong năm và dựa trên các tiêu chí đánh giá cụ thể, có 6 hình thức đánh giá:

- Đánh giá hàng tháng:

+ Để đánh giá GV hàng tháng, Học viện ban hành Quy chế trả lương của Khối QL&ĐTPB theo Quyết định số 468/QĐ-TCCB ngày 26/7/2012 [H6.06.04.03]; Quy định Đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối QL&ĐT phía Bắc ban hành theo Quyết định số 207/QĐ-HV ngày 26/3/2018 [H6.06.02.11]; Quyết định sửa đổi bổ sung phương án tính

khối lượng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của GV tại Học viện ban hành theo Quyết định số 650A/QĐ-HV ngày 10 tháng 9 năm 2020 [H6.06.02.05].

+ Cuối mỗi tháng, khoa họp xét chất lượng công tác để đánh giá năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc của từng GV và gửi kết quả đánh giá về Phòng TCCB-LĐ để tổng hợp, họp Hội đồng lương xác định mức lương chi trả hàng tháng cho từng CB, GV [H6.06.04.04]. Đồng thời, hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện công việc của cá nhân VC-NLĐ hàng tháng được lưu tại Phòng TCCB-LĐ Học viện.

- Đánh giá theo quý:

+ Căn cứ quy định và hướng dẫn của BTT&TT tại Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với công chức, viên chức ban hành theo Quyết định số 2276/QĐ-BTTTT ngày 23/12/2020 và Hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng CB công chức, viên chức năm 2021 theo công văn số 643/TCCB ngày 10/11/2021 của BTT&TT [H6.06.04.05], Học viện ban hành Công văn hướng dẫn về việc đánh giá và phân loại CB, công chức, viên chức, người lao động (887/HV-TCCB ngày 20/11/2020) và văn bản hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại VC, NLĐ theo quý [H6.06.04.06].

+ Thực hiện hướng dẫn của Học viện, các khoa triển khai đánh giá GV theo các tiêu chí đánh giá viên chức của BTT&TT và kết quả đánh giá được gửi về Phòng TCCB-LĐ để tổng hợp theo quý báo cáo BTT&TT. Quy trình đánh giá được cụ thể như sau: GV tự đánh giá theo mức điểm của từng tiêu chí với tổng điểm 100, sau đó khoa, bộ môn tổ chức cuộc họp CB chủ chốt đánh giá từng GV, xác nhận kết quả đánh giá gửi Phòng TCCB-LĐ. Các phiếu đánh giá từng cá nhân có xác nhận của trưởng khoa được lưu tại Phòng TCCB-LĐ.

- Đánh giá theo học kỳ: Công tác đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được thực hiện thông qua việc TTKT&ĐBCLGD triển khai lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV đối với mỗi học phần thông qua Phiếu khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV tại Quy định lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV ban hành theo Quyết định số 816/QĐ-HV ngày 23/11/2015 [H6.06.04.07]. Qua báo cáo kết quả khảo sát của TTKT&ĐBCLGD [H3.03.02.01] cho thấy đa số các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của NH, trên 90% SV đánh giá tốt về hoạt động giảng dạy của GV Khoa QTKD.

- Đánh giá cuối năm:

+ Xác nhận khối lượng giảng dạy: Phòng Giáo vụ tổng hợp khối lượng giảng dạy của từng GV, gửi khoa để đối chiếu, xác nhận việc hoàn thành giờ giảng của GV [H6.06.04.08].

+ Xác nhận giờ NCKH: Phòng QL KH-CN-HTQT xác nhận giờ NCKH của từng GV căn cứ kết quả thực hiện hoạt động NCKH từng GV trong năm [H6.06.04.09].

- Đánh giá theo đăng ký của GV trong từng năm học:

+ Với mục tiêu từng bước nâng cao trình độ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ của đội ngũ GV Học viện, Học viện ban hành Quy định tạm thời về các tiêu chí khuyến khích đối với CB giảng dạy của Học viện theo Quyết định số 370/QĐ-TCCB ngày 27/6/2012 [H6.06.04.10].

+ Vào đầu mỗi năm học, Học viện tổ chức cho GV đăng ký mức chất lượng A, B, C với Học viện, trong đó tập trung vào các tiêu chí như hoàn thành khối lượng giảng dạy, tham gia NCKH và đạt chuẩn trình độ tiếng Anh; cuối năm, căn cứ kết quả công việc, Học viện xem xét đánh giá mức độ hoàn thành của từng GV để xếp loại mức khuyến khích GV làm cơ sở thi đua khen thưởng hằng năm [H6.06.04.11]. Kết quả đánh giá giai đoạn 2019-2023, tỷ lệ trung bình GV của Học viện đạt mức A là 46,22%; mức B là 33,78% và mức C là 20%, trong đó riêng GV của Khoa QTKD được đánh giá mức A dao động từ 90% - 96%.

- Đánh giá viên chức xét thi đua khen thưởng:

+ Hằng năm, Học viện công bố công khai trên hệ thống thông tin quản lý và gửi đến các đơn vị kế hoạch đánh giá viên chức và mẫu phiếu đánh giá công chức, viên chức và người lao động. Theo đó, các bước thực hiện việc đánh giá, phân loại từ cấp độ cá nhân, bộ môn đến cấp khoa, viện.... Các tiêu chí đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ năm học được xếp loại theo 4 mức độ: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. được phổ biến rộng rãi tới toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong toàn Học viện.

+ Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng kế hoạch trong năm học tới, việc tự đánh giá căn cứ theo hướng dẫn của Học viện và thể hiện trên bản kiểm điểm viên chức hằng năm của CBGV Khoa QTKD [H6.06.04.12]. Sau đó, lãnh đạo khoa đánh giá, cuối cùng hội đồng thi đua khen thưởng cấp Học viện đánh giá, bình xét xếp loại thi đua.

- Đánh giá theo KPI:

Giai đoạn từ năm 2018-2020, Học viện ban hành Hệ thống đánh giá kết quả thực hiện công việc theo KPIs áp dụng tại Học viện trong từng năm. Trong Hệ thống đánh giá này

có Hệ thống KPI cấp Học viện chia làm 6 nhóm trụ cột gồm: Đào tạo và bồi dưỡng, Khoa học và công nghệ, Hợp tác quốc tế, Kết nối và PVCĐ, Nguồn nhân lực và quản trị đại học, Tài chính và cơ sở vật chất [H6.06.04.13].

Từ năm 2021, các KPI được thể hiện trong Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030. Chiến lược đã thiết lập các chỉ tiêu trọng tâm KPI thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2025 đối với các lĩnh vực: Chỉ tiêu về quy mô đào tạo, chỉ tiêu về tài chính, chỉ tiêu về cơ cấu nhân lực, chỉ tiêu về chất lượng và chuẩn mực quốc tế; chỉ tiêu về KHCCN; chỉ tiêu về xây dựng đại học số. Ví dụ: trong lĩnh vực về đào tạo và bồi dưỡng: tăng quy mô đào tạo chính quy đạt: 20.000 SV, học viên; các hệ đào tạo khác đạt 10.000 SV, học viên; tăng số ngành đào tạo của Học viện từ 25 đến 30 ngành; đào tạo trên môi trường số 30% cho hệ đào tạo chính quy, 90% cho các hệ đào tạo khác, đảm bảo đến năm 2025 có 50% khối lượng đào tạo trên môi trường số; xây dựng 03-05 chương trình chất lượng cao chiếm 20% tổng chỉ tiêu chính quy, 03-05 chương trình liên kết quốc tế với lưu lượng 500 sinh viên... Trong lĩnh vực nâng cao tiềm lực NCKH, đến năm 2025 có 10 đăng ký sở hữu trí tuệ, phát minh sáng chế; đăng cai tổ chức 02-03 hội nghị quốc tế hàng năm; có 20 giải pháp CGCN có uy tín trên toàn quốc, doanh thu dịch vụ khoa học công nghệ gấp hai lần giai đoạn 2015-2020.

Kết quả trong 5 năm của chu kỳ KĐCLGD cho thấy: Đa số các GV của Khoa QTKD có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức tương đối cao với tỷ lệ đạt từ 90 đến 96%, 100% các GV ngành TMĐT được khoa, học viện đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ xếp loại A [H6.06.04.14]; GV Khoa QTKD đạt thành tích được tặng thưởng 3 giấy khen của giám đốc học viện, 4 giấy khen của BTT&TT, 14 GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 1 GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp bộ; 58 lượt GV đạt LĐTT.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí khuyến khích đối với GV của Học viện là cơ sở và động lực để khuyến khích GV nâng cao năng lực NCKH và trình độ ngoại ngữ.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả vị trí việc làm chưa có yêu cầu về năng lực chuyên sâu về thiết kế chương trình và chưa phân biệt rõ các hạng GV I, II, III trong bản mô tả công việc.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Phòng tổ chức CB - LĐ xây dựng bản mô tả công việc bổ sung yêu cầu về năng lực chuyên sâu về thiết kế chương trình và phân biệt rõ các hạng GV I, II, III trong bản mô tả công việc.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. *Mô tả hiện trạng*

Năm 2014, Học viện đã tổ chức khảo sát, đánh giá sự phù hợp về trình độ năng lực của đội ngũ CBQL, GV với yêu cầu phát triển của Học viện để xác định định hướng công tác đào tạo chuyên môn cho việc phát triển năng lực GV của các khoa, viện và CBQL Học viện theo Kết luận số 322/TB-HV ngày 25/4/2014 của Giám đốc Học viện [H6.06.01.10].

Học viện đã ban hành Quy định về đào tạo và bồi dưỡng đối với viên chức và người lao động theo Quyết định số 647/QĐ-HV ngày 27/7/2017 [H6.06.01.11]. Trong đó quy định đối tượng, mục đích, nguyên tắc cử đi đào tạo, bồi dưỡng, các chính sách, đặc biệt là chính sách khuyến khích, hỗ trợ học phí cho viên chức và người lao động đi bồi dưỡng; quyền lợi và nghĩa vụ của viên chức cũng như trình tự thủ tục để viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng và đi thực tế căn cứ để thực hiện; quy trình xác định nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng của CB, GV và NV ở các đơn vị (trong đó nêu rõ các bước xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng: từ nguyện vọng cá nhân đến ra quyết định cử đi đào tạo bồi dưỡng và tiếp nhận trở lại làm việc).

Năm 2021, Học viện ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí cho viên chức, NLD được cử đi đào tạo tiến sỹ trong nước giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 513/QĐ-HV ngày 18/6/2021 [H6.06.05.01]. Theo quy định này, GV khi đi học tiến sỹ trong nước sẽ được hỗ trợ kinh phí một lần sau khi có kết quả công nhận đã hoàn thành CTĐT tiến sỹ với mức hỗ trợ 90 triệu khi hoàn thành CTĐT tiến sỹ ở các trường ngoài Học viện và 50 triệu đồng khi học ở Học viện, ...

Vào Quý I hằng năm, Học viện thông báo đến các đơn vị về đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng CB, GV, công nhân viên, trong đó, yêu cầu các đơn vị tập hợp nhu cầu của CB, GV, NV về đào tạo bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ. Trên cơ sở đăng ký của CB, GV, NV các đơn vị tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng gửi về phòng TCCB [H6.06.05.02], trong đó có danh mục các khoá đào tạo theo tiêu chuẩn vị trí chức danh, các khoá bồi dưỡng nâng cao trình độ, phục vụ công tác đang đảm nhiệm.

Phòng TCCB-LĐ tổng hợp đăng ký của các đơn vị, đối chiếu với chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Học viện nhằm đáp ứng mục tiêu “*Học viện có nguồn nhân lực chất lượng cao với quy mô và cơ cấu phù hợp; có hệ thống quản trị hiện đại, hoàn thành chuyển đổi số hầu hết các hoạt động của nhà trường*” và Đề án vị trí việc làm để duyệt sơ bộ nhu cầu của các đơn vị; sau đó tổng hợp thành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của năm tiếp theo cho toàn Học viện và trình lãnh đạo học viện phê duyệt [H6.06.01.12]. Nội dung đào tạo bồi dưỡng tập trung vào các khoá đào tạo theo tiêu chuẩn vị trí chức danh nghề nghiệp, các khoá bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy, NCKH, an ninh quốc phòng, tin học văn phòng, ngoại ngữ, ... phục vụ công tác đang đảm nhiệm.

Căn cứ kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng hằng năm, Học viện đã tổ chức và cử CB, viên chức và người lao động tham gia nhiều khoá bồi dưỡng như: Bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, về trung cấp lý luận chính trị, về quản lý hành chính nhà nước chương trình chuyên viên - chuyên viên chính, tin học, về chuyển đổi số, về đổi mới sáng tạo, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp GV hạng I, II, III, bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh văn phòng, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, bồi dưỡng an ninh quốc phòng đối tượng 4, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu cơ bản và đấu thầu qua mạng, kỹ năng nắm bắt tâm lý học đường dành cho cô vấn học tập, bồi dưỡng cấp ủy cơ sở, ... [H6.06.05.03].

Học viện đã có chính sách đào tạo bồi dưỡng GV từ nguồn lực nội bộ và khuyến khích GV đi học nghiên cứu sinh sau khi được tuyển dụng. Trong 5 năm, Học viện đã cử 03 CBGV ngành TMĐT đi học NCS [H6.06.05.04]. Việc quản lý CBGV, NV của Học viện đi công tác, học tập trong nước và ngoài nước được thực hiện theo Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện ban hành theo Quyết định số 316/QĐ-HV ngày 18/5/2020 [H6.06.05.05]. Các GV đi học ở nước ngoài hằng năm đều nộp báo cáo kết quả học tập theo quy định tại Quy chế đào tạo, bồi dưỡng đối với CB, viên chức, người lao động thuộc Học viện ban hành năm 2017 (trong đó quy định về việc báo cáo kết quả học tập hằng năm đối với NCS tại nước ngoài để làm cơ sở trả lương, đóng BHXH cho các đối tượng này trong thời gian học tập) [H6.06.05.06].

Với những CB được bổ nhiệm hoặc quy hoạch chức danh lãnh đạo đơn vị, Học viện đã chi trả toàn bộ kinh phí để cử các CBGV của Khoa QTKD tham gia bồi dưỡng Lý luận chính trị trung cấp, cao cấp. Các CB này sau khi hoàn thành khóa học đã được cấp bằng và nộp về Phòng TCCB-LĐ đảm bảo tiêu chuẩn CB theo quy định [H6.06.05.07].

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện thực hiện trao đổi, hợp tác với các cơ sở, các tổ chức giáo dục uy tín trong và ngoài nước trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng kết nối thực tập, hỗ trợ chia sẻ kinh nghiệm, PPGD đại học, tổ chức hội thảo, tập huấn (ký biên bản ghi nhớ đào tạo tiếng Nhật với Học viện Công nghệ Shibaura Nhật Bản cử SV sang học tập, nghiên cứu ngắn hạn theo thỏa thuận ngày 28/11/2017; ký kết với Viện Khoa học và Công nghệ tiến tiến JAIST Nhật Bản về hỗ trợ học bổng cho học viên cao học của Học viện sang học tập theo thỏa thuận ngày 28/04/2017); ký kết với ĐH Lille 1 - Khoa học và Công nghệ Pháp hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo theo thỏa thuận ngày 07/06/2017); ký kết với ĐH Padova Italia trao đổi về hoạt động hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu và trao đổi CB, GV, SV theo thỏa thuận ngày 10/04/2018; ...[H6.06.05.08]. Căn cứ thỏa thuận, Học viện đã cử CB, GV tham dự các hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm chuyên môn do đối tác tổ chức ...[H6.06.05.09].

Học viện phân bổ kinh phí cử CBGV đi đào tạo bồi dưỡng thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ Học viện ban hành theo Quyết định số 1233/QĐ-HV ngày 31/12/2019 [H6.06.05.10]. Trong đó đặc biệt khuyến khích đội ngũ GV, NCV tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn: GV học tập tại Việt Nam được hỗ trợ học phí, chi phí đi lại và được thanh toán đầy đủ lương và phúc lợi. GV học ở nước ngoài được hỗ trợ bảo hiểm xã hội và 40% tiền lương cơ bản được đảm bảo các chế độ bảo hiểm, nâng lương thường xuyên theo quy định của Học viện và pháp luật. Học viện hỗ trợ toàn bộ kinh phí cho GV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Trong giai đoạn 2019-2023, số lượng GV Học viện được cử đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài còn hạn chế do chưa tìm được nguồn kinh phí để cấp học bổng cho GV có nhu cầu và định mức chi cho đào tạo dài hạn của Học viện còn ở mức thấp (770 triệu đồng/5 năm), chiếm 0,05%/tổng thu.

Tổng kinh phí chi cho đào tạo dài hạn và ngắn hạn trong chu kỳ KĐCLGD chiếm 0,5% tổng nguồn chi và kết quả [H6.06.05.11]. Trong chu kỳ KĐCL, Học viện đã đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho 4244 lượt CB công chức, viên chức và người lao động, bình quân đạt 3,2 lượt người (chiếm tỷ lệ 83,89%), trong đó có, đã có 31 lượt viên chức được cử đi đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ ở trong và nước ngoài, 01 người nghiên cứu sau tiến sĩ; Khoa QTKD đã cử 72 lượt GV đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, tham gia các hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước (đạt tỷ lệ 114,29%). Qua quá trình đào tạo bồi dưỡng, có thể khẳng định, đến thời điểm hiện tại,

100% GV của Khoa QTKD có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và đạt chuẩn chức danh GV theo quy định thông qua việc bố trí chức danh nghề nghiệp GV (hạng I, II và III).

Đối với GV được cử tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn trong nước, Học viện giao Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I&II tổ chức quản lý các khóa học theo quy trình tổ chức do giám đốc trung tâm ban hành [H6.06.05.12]. Kết thúc khóa học, Trung tâm tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ, chứng nhận cho học viên hoàn thành khóa học và gửi báo cáo tổng kết khóa học về Phòng TCCB-LĐ [H6.06.05.13], đây là cơ sở để học viện đánh giá hiệu quả trong công tác đào tạo bồi dưỡng hằng năm.

Định kỳ, Phòng TCCB-LĐ có báo cáo gửi Văn phòng để tổng hợp báo cáo Bộ TT&TT, trong đó có nội dung báo cáo về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBVC Học viện [H6.06.05.14].

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm, Học viện đã cử 72 lượt GV của Ngành TMĐT đi đào tạo, bồi dưỡng, tham gia các hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước (đạt tỷ lệ 114,29%).

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa cử được nhiều GV đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài do nguyên nhân chưa tìm được nguồn kinh phí để cấp học bổng cho GV có nhu cầu.

4. Kế hoạch hành động

Kể từ năm 2024, Khoa QTKD làm việc với các doanh nghiệp trong ngành TT&TT để hợp tác tìm kiếm nguồn tài trợ của các doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí cho GV tham gia đào tạo NCS nước ngoài. Đồng thời, Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu đề xuất các chính sách tốt hơn trong đầu tư cho đào tạo dài hạn và tạo điều kiện tốt hơn cho GV được đi đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống quản trị của Học viện gồm: Đảng ủy Học viện, Hội đồng Học, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các hội đồng tư vấn như Hội đồng Khoa học và Đào tạo; Hội đồng đảm bảo chất lượng Học viện và hệ thống các đơn vị chức năng, đơn

vị trực thuộc Học viện được thành lập theo đúng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật, quy định của Bộ TT&TT.

Vào đầu mỗi năm học, Phòng Giáo vụ xây dựng và trình lãnh đạo học viện ban hành Kế hoạch đào tạo năm học, từng học kỳ và thời khóa biểu của các khóa đào tạo đối với tất cả các hình thức và trình độ đào tạo tại Học viện. Đồng thời, căn cứ kế hoạch Học viện, HVCS tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch đào tạo năm học và giao nhiệm vụ trọng tâm hằng năm cho GV các khoa 2 về giảng dạy và NCKH [H3.03.03.03].

Học viện có quy định, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc và quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV, thể hiện tại các văn bản, quy định như:

- Quy định chế độ làm việc đối với GV và GV thỉnh giảng tại Học viện ban hành năm 2009, được hiệu chỉnh năm 2015 và ban hành theo Quyết định số 914/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.02].

- Danh mục vị trí công việc tại các phòng/ban, trung tâm chức năng ban hành theo Quyết định số 1191/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.06].

- Đề án vị trí việc làm của Học viện ban hành theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 [H6.06.03.01].

- Căn cứ Quy định chế độ làm việc của GV cơ sở giáo dục đại học ban hành theo Quyết định số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của BGD&ĐT [H6.06.02.04], Học viện ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung phương án tính khối lượng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của GV tại Học viện ban hành theo Quyết định số 650A/QĐ-HV ngày 10/9/2020 [H6.06.02.05].

- Quy định Đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối Quản lý đào tạo phía Bắc ban hành theo Quyết định số 207/QĐ-HV ngày 26 tháng 3 năm 2018 [H6.06.02.11].

- Quy định công tác cố vấn học tập ban hành theo Quyết định số 1235/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H6.06.06.01] và được bổ sung, chỉnh sửa ban hành năm 2022 theo Quyết định số 47/QĐ-HV ngày 14/01/2022 [H6.06.06.02].

- Học viện đã xây dựng và ban hành Hệ thống đánh giá kết quả thực hiện công việc theo KPIs từ năm 2018 đến năm 2020. Hệ thống đánh giá kết quả thực hiện công việc theo KPIs cấp Học viện và 26 đơn vị trực thuộc là cơ sở đo lường kết quả công việc của các đơn vị [H6.06.04.13].

Căn cứ các quy định trên, kế hoạch đào tạo của khoa và CTĐT ngành TMĐT, các đơn vị quản lý đào tạo xây dựng thời khóa biểu cho mỗi học phần cho học kỳ kế tiếp theo và gửi cho các viện/khoa chuyên môn; các viện/khoa sẽ phân công giảng dạy. Trưởng khoa có trách nhiệm phân công GV giảng dạy theo đúng chuyên môn theo quy định của Học viện, căn cứ vào khối lượng giảng dạy giữa các GV giảng dạy trong bộ môn và GV thỉnh giảng; đảm bảo việc phân công giảng dạy cho các GV theo đúng chuyên môn, đủ khối lượng và tiếp thu được các đánh giá, phản hồi của SV. Việc phân công giảng dạy được thực hiện qua hệ thống văn bản của các khoa/viện chuyên môn. Hằng năm, Khoa QTKD xây dựng kế hoạch phân công nhiệm vụ cho GV tham gia công tác giảng dạy tại khoa với nội dung về giảng dạy, NCKH và các hoạt động PVCĐ (CVHT, GVCN, phụ trách phong trào SV, ...) [H6.06.02.07]. Kế hoạch phân công cụ thể nhiệm vụ cho GV được khoa gửi phòng Giáo vụ để phân công giảng dạy; phòng QLKH - HTQT để giao nhiệm vụ NCKH và thực hiện việc quy đổi ra giờ NCKH và việc bù trừ giữa giờ NCKH và giờ giảng được thực hiện theo quy định về quy đổi giờ NCKH của Học viện.

Vào đầu năm học, Khoa QTKD tổ chức cho GV đăng ký mức khuyến khích GV theo Quy định về các tiêu chí khuyến khích đối với cán bộ giảng dạy của Học viện (với các mức khuyến khích A, B, C) và tổng hợp báo cáo Học viện để theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ GV hằng năm [H6.06.02.12]. Đồng thời, khoa tổ chức cho GV đăng ký các danh hiệu thi đua năm học theo hướng dẫn của Học viện [H6.06.06.03], [H6.06.04.05].

Học viện phân công các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia vào công tác quản trị theo kết quả công việc của GV trong từng giai đoạn của năm học:

- Phòng TCCB-LĐ phụ trách tham mưu, theo dõi, tổng hợp về đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, GV, NV, đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, và phụ trách công tác thi đua khen thưởng. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được sử dụng để xem xét, đánh giá xếp loại viên chức và được lấy làm căn cứ xem xét danh hiệu thi đua, khen thưởng và để làm căn cứ xem xét cử CB, GV, NV đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn [H6.06.06.04];

- Phòng Giáo vụ được Học viện giao giám sát hoạt động dạy học với việc theo dõi việc thực hiện kế hoạch, lịch trình giảng dạy thông qua các hình thức như: Sổ theo dõi hàng ngày, sổ lên lớp, báo cáo hàng tháng, hằng năm, biên bản kiểm tra dự giờ, lịch giảng dạy hàng tuần, từng học kỳ [H6.06.06.05];

- Phòng Quản lý KH-CN-HTQT được Học viện giao nhiệm vụ tổ chức đăng ký, xét duyệt, nghiệm thu đề tài NCKH các cấp và tính khối lượng giờ NCKH cho GV trong từng năm học [H6.06.06.06];

- Phòng CT&CTSV theo dõi đánh giá kết quả công việc của hệ thống cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm giúp SV học tập đúng kế hoạch [H6.06.06.07];

- Trung tâm KT&ĐBCLGD tổ chức lấy ý kiến phản hồi SV về hoạt động giảng dạy của GV trong từng học kỳ, năm học [H6.06.06.08];

- Tổ Thanh tra giáo dục thuộc Văn phòng, Ban Thanh tra các kỳ thi giám sát hoạt động dạy học, kiểm tra việc thực hiện quy chế làm việc của GV, kịp thời nhắc nhở và xử lý các trường hợp vi phạm (nếu có) theo đúng quy chế của Học viện [H6.06.06.09];

- Khoa QTKD quản lý, xác nhận kết quả công việc của GV và theo dõi đánh giá GV qua công tác dự giờ [H6.06.06.10].

Trên cơ sở kế hoạch giảng dạy từng học kỳ của các đơn vị, Học viện quản trị theo các bước sau:

- Đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy:

+ GV lên lớp hàng ngày đều kê khai thông tin trên sổ theo dõi nhật ký giảng dạy/ Sổ lên lớp do Phòng Giáo vụ quản lý [H6.06.06.11]. Cuối học kỳ, Phòng Giáo vụ thống kê khối lượng giảng dạy của từng GV gửi các khoa xác nhận để làm thủ tục thanh toán.

+ Trong học kỳ, khoa/bộ môn sẽ tổ chức dự giờ đối với GV theo Quy định dự giờ của Học viện và kế hoạch dự giờ của khoa được thông báo tới GV theo từng học kỳ, năm học [H6.06.06.12].

+ Cuối học kỳ: Trung tâm KT&ĐBCLGD lập kế hoạch và triển khai đánh giá các hoạt động giảng dạy của GV và kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy vào cuối từng giai đoạn trong một học kỳ của năm học căn cứ theo Quy định lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV [H6.06.04.07] và tổng hợp thành báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi SV về hoạt động giảng dạy của GV sau từng học kỳ trong giai đoạn 2019-2023 [H3.03.02.01]. Kết quả khảo sát được báo cáo ban giám đốc để chỉ đạo, điều hành hoạt động của Học viện và công bố công khai để lãnh đạo khoa nắm rõ tình hình giảng dạy chung của khoa và GV có phương hướng điều chỉnh hoạt động giảng dạy.

- Đánh giá hoàn thành nhiệm vụ NCKH: Phòng Quản lý KH-CN-HTQT quản trị tiến độ thực hiện đề tài theo Quy định về nhiệm vụ trong hoạt động đào tạo và NCKH của các cán bộ tại các đơn vị thuộc Học viện ban hành theo Quyết định số 179/QĐ-HV ngày

21/04/2015 và Quy định về quản lý đề tài khoa học công nghệ cấp Học viện ban hành theo Quyết định số 338/QĐ-HV ngày 21/5/2020 [H6.06.06.13] với quy trình: Đầu năm học, Quản lý KH-CN-HTQT tổ chức cho GV đăng ký, xét duyệt và trình lãnh đạo học viện phê duyệt giao đề tài KH-CN cho GV; GV thực hiện và báo cáo tiến độ thực hiện giữa kỳ; khi hoàn thành phòng tổ chức nghiệm thu, đánh giá mức độ đạt của đề tài; cuối năm, từng GV kê khai giờ NCKH, gửi Phòng Quản lý KH-CN-HTQT để xác định giờ NCKH.

- Ngoài ra để quản trị tổng thể, hàng quý GV được đánh giá theo các tiêu chí đánh giá viên chức của BTT&TT và kết quả đánh giá được Phòng TCCB-LĐ tổng hợp theo quý để báo cáo về BTT&TT [H6.06.04.06].

- Công tác PVCD và các hoạt động khác: Công tác PVCD của GV và NCV cũng được Học viện và khoa quan tâm và được coi là một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại lao động của CBVC. Cán bộ GV Khoa QTKD thường xuyên tham gia các hoạt động tình nghĩa, ủng hộ người nghèo, đồng bào lũ lụt, và nhiều hoạt động tuyên truyền, vận động cộng đồng về bảo vệ môi trường, ... thông qua báo cáo công tác kết nối và PVCD năm 2021 của Phòng CT&CTSV [H6.06.02.16].

- Tổng kết thi đua khen thưởng qua đánh giá viên chức; bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng hằng năm: Học viện có chính sách công nhận và khen thưởng bao gồm các danh hiệu thi đua (lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp các cấp) và các hình thức khen thưởng (giấy khen, bằng khen) thông qua hướng dẫn công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng của Học viện [H6.06.06.14]. Quy trình cụ thể như sau:

- Vào cuối năm học, GV sẽ tự đánh giá thành tích cá nhân, sau đó đồng nghiệp tham gia góp ý. Riêng đối với các danh hiệu CSTĐ các cấp, khoa tiến hành bỏ phiếu đánh giá GV; sau khi có kết quả, hồ sơ được tổng hợp và gửi phòng TCCB-LĐ để hội đồng thi đua khen thưởng họp xét thi đua và công nhận các danh hiệu.

+ GV được đánh giá trên các tiêu chí chính là khối lượng giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác được khoa và Học viện phân công.

+ Dự thảo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBGV và quyết định phê duyệt công nhận mức khuyến khích GV của năm được gửi đến từng đơn vị, cá nhân để có phản hồi trước khi ban hành quyết định công nhận đánh giá, xếp loại [H6.06.02.17].

Thành tích thi đua và khen thưởng của GV Khoa QTKD cụ thể theo bảng 6.1 (*Phụ lục 02*). Tỷ lệ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ viên chức: 35% hoàn thành nhiệm vụ,

50% hoàn thành tốt nhiệm vụ và 15% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đánh giá thi đua của Khoa QTKD trong 5 năm của chu kỳ KĐCL, GV Khoa QTKD đạt thành tích được tặng thưởng 3 giấy khen của giám đốc học viện, 4 giấy khen của BTT&TT, 14 GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 1 GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp bộ; 58 lượt GV đạt LĐTĐ [H6.06.02.17]. Kết quả đánh giá, phân loại và danh sách GV, NCV được khen thưởng hằng năm được gửi tới các đơn vị và công khai cho tất cả CBVC Học viện được biết.

Định kỳ hằng năm, Học viện tổ chức khảo sát về mức độ hài lòng của CBGV về điều kiện, môi trường làm việc và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo [H6.06.06.15]. Kết quả khảo sát hằng năm cho thấy 93,75% CBGV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD; cũng như chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện được triển khai thực hiện theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn 4,9% GV cơ sở phía Bắc chưa hài lòng với chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện và 2,7% GV HVCS chưa hài lòng với chế độ phụ cấp, khen thưởng, phúc lợi phù hợp với năng lực và sự đóng góp trong hoàn thành công việc.

Báo cáo tổng kết hằng năm và các Hội nghị CBVCNLD của Khoa QTKD đều không nhận được thông tin về việc khiếu kiện của cán bộ, GV trong khoa [H6.06.06.16]. Đồng thời, việc ghi nhận đúng thành tích cho cán bộ đã tạo động lực cho cán bộ phát huy hết khả năng trong giảng dạy và không có đơn phản ánh hoặc khiếu nại về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Điểm mạnh

Hệ thống quản trị của Học viện được quản trị dưới nhiều góc độ khác nhau, với nhiều hình thức quản trị kết quả công việc và sự tham gia của các BLQ trong Học viện.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn 4,9% GV cơ sở phía Bắc chưa hài lòng với chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện và 2,7 % GV HVCS chưa hài lòng với chế độ phụ cấp, khen thưởng, phúc lợi phù hợp với năng lực và sự đóng góp trong hoàn thành công việc.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với các khoa tiến hành khảo sát nguyên nhân của sự không hài lòng để có kế hoạch điều chỉnh phù hợp.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. *Mô tả hiện trạng*

Các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV của Học viện thực hiện được quy định tại các quy định về công tác KHCN của Học viện ban hành, bao gồm:

- Quy định về hoạt động KHCN Học viện ban hành theo Quyết định số 1630/QĐ-TCCB-QLNCKH&TTTL ngày 18/12/1999 [H6.06.07.01];

- Quy định về nhiệm vụ trong hoạt động đào tạo và NCKH của các cán bộ tại các đơn vị thuộc Học viện ban hành theo Quyết định số 179/QĐ-HV ngày 21/04/2015 [H6.06.07.02];

- Quy chế Quản lý đề tài KHCN cấp Học viện năm 2020 ban hành theo Quyết định số 338/QĐ-HV ngày 21/5/2020 [H6.06.07.03] quy định NCKH và công nghệ để phục vụ xây dựng CTĐT mới, bồi dưỡng ngắn hạn, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, đổi mới PPGD và kiểm tra, đánh giá môn học;

- Quy chế Quản lý đề tài KHCN cấp Học viện năm 2023 ban hành theo Quyết định số 591/QĐ-HV ngày 28/4/2023 [H6.06.07.04];

- Quy định quản lý thực hiện báo cáo chuyên đề khoa học cấp Học viện ban hành theo Quyết định số 503/QĐ-HV ngày 30/6/2014 [H6.06.07.05], quy định việc viết bài, báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước; Hướng dẫn SV NCKH, học viên cao học viết luận văn Thạc sĩ, nghiên cứu sinh viết Luận án tiến sĩ; Tham gia Hội đồng đánh giá, nghiệm thu các công trình, đề tài NCKH các cấp; thực hiện báo cáo chuyên đề cấp Học viện và thực hiện các nhiệm vụ NCKH khác được Giám đốc Học viện giao.

- Quy định về hoạt động NCKH của SV Học viện ban hành theo Quyết định số 521/QĐ-HV ngày 25/06/2020 [H6.06.07.06];

- Quy định chế độ làm việc đối với GV và GV thỉnh giảng tại Học viện năm 2009 và được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2015 ban hành theo Quyết định số 914/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.02];

- Quy định hỗ trợ kinh phí cho các bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus ban hành theo Quyết định số 951/QĐ-HV ngày

23/10/2019 [H6.06.07.07], quy định việc công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và chính sách khuyến khích và thưởng viên chức thực hiện đề tài NCKH đúng thời hạn, đăng các bài viết quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus, hỗ trợ 30 triệu/bài thuộc danh mục ISI/Scopus thuộc nhóm Q1; 25 triệu/bài thuộc nhóm Q2...).

Mặc dù Học viện ban hành nhiều quy định về hoạt động KHCN của GV, NCV và NH, tuy nhiên, các nội dung được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, chưa tổng hợp trong một văn bản cụ thể để thuận tiện trong công tác tổ chức thực hiện.

Căn cứ các văn bản nêu trên, các loại hình sản phẩm NCKH mà GV, NCV của Học viện thực hiện bao gồm: (i) Thực hiện các chương trình, đề tài NCKH các cấp; (ii) NCKH và công nghệ để phục vụ xây dựng CTĐT mới; (iii) Biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo; (iv) Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; (v) Viết bài, báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước; (vi) Hướng dẫn SV NCKH, học viên cao học viết luận văn Thạc sĩ, nghiên cứu sinh viết Luận án tiến sĩ; (vii) Tham gia Hội đồng đánh giá, nghiệm thu các công trình, đề tài NCKH các cấp; (viii) Thực hiện báo cáo chuyên đề cấp Học viện và các nhiệm vụ NCKH khác được Giám đốc Học viện giao.

Học viện quy định số lượng sản phẩm NCKH thông qua định mức giờ NCKH hằng năm, đối với NCV thì gộp chung nhiệm vụ đào tạo và NCKH là 1.454 giờ, đối với GV là 590 giờ NCKH [H6.06.07.02], [H6.06.07.03]. Để đạt được định mức giờ NCKH theo quy định, GV, NCV Học viện chủ động xác định số lượng sản phẩm NCKH cần thực hiện hằng năm.

Đề định hướng cho các hoạt động KHCN của GV, NCV, năm 2017, Học viện ban hành Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2017-2022 theo Quyết định số 691/QĐ-HV ngày 11/8/2017 [H6.06.07.08], với mục tiêu xác định các loại hình KHCN đến năm 2022: Hoạt động KHCN đóng vai trò nòng cốt trong sự phát triển của Học viện và hỗ trợ cho việc đổi mới CTĐT để đáp ứng các yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; phát triển các bài báo khoa học trong nước và quốc tế cả số lượng và chất lượng, đặc biệt là các bài báo thuộc danh mục ISI và Scopus; hình thành một số sản phẩm, dịch vụ KHCN thương mại hóa, chiếm lĩnh được thị trường, tạo sự phát triển bền vững. Hằng năm, có trên 70% GV cơ hữu, NCV tham gia NCKH có bài báo, công trình được công bố trên các tạp chí và kỷ yếu khoa học công nghệ chuyên ngành có uy tín cao ở trong nước và quốc tế.

Chiến lược phát triển của Học viện được ban hành theo các Quyết định số 156/QĐ-HV ngày 05/03/2020 [H1.01.01.09]; Hội đồng Học viện ban hành Nghị quyết số 42/NQ-HV ngày 25/11/2021 về Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.10]. Nội dung chiến lược đã có chính sách khuyến khích GV NCKH (Khen thưởng GV có bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín (ISI, Scopus); Tạo điều kiện để cán bộ, GV tham gia các đề tài, dự án do Nhà nước, doanh nghiệp tài trợ; Hỗ trợ cán bộ, GV tham gia hội nghị, hội thảo chuyên ngành trong nước quốc tế...; thành lập các phòng Lab trọng điểm gắn với các nhóm nghiên cứu mạnh thuộc các lĩnh vực: Vô tuyến di động 5G; AI và dữ liệu lớn; An toàn thông tin; IoT; Blockchain; FinTech..., tiến tới hình thành một nhóm nghiên cứu đẳng cấp quốc tế.

Năm 2023, Hội đồng học viện ban hành Chiến lược phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo của Học viện giai đoạn 2023-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 theo NQ số 100/NQ-HV ngày 24/4/2023 [H6.06.07.09].

Hàng năm, để định hướng và đảm bảo môi trường hoạt động KHCN cho GV, NCV và NH tại Học viện, Giám đốc Học viện ban hành Kế hoạch khoa học công nghệ các năm từ 2019-2023 và được triển khai trên mọi lĩnh vực hoạt động của Học viện về quản lý, đào tạo, NCKH và CGCN, ... [H6.06.07.10]. Giám đốc Học viện đã ký các quyết định giao kế hoạch kinh phí NCKH, theo đó, dự toán kinh phí NCKH thực hiện các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp BTT&TT và các quỹ khác từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2019 - 2023 là 40.238 triệu đồng. Căn cứ kế hoạch kinh phí do Học viện phân bổ cho hoạt động NCKH, Phòng Quản lý KHCN&HTQT tổ chức cho GV, NCV đăng ký đề tài, nhiệm vụ NCKH và tổng hợp báo cáo lãnh đạo học viện phê duyệt kế hoạch giao nhiệm vụ đề tài, kinh phí NCKH cho CB, GV hàng năm [H6.06.07.11].

Theo kế hoạch được giao, đề tài cấp Học viện được chia thành 04 nhóm, bao gồm: Đề tài nhóm A là đề tài hỗ trợ NCKH với mục đích tạo môi trường nghiên cứu, hỗ trợ hoạt động NCKH cho GV Học viện nâng cao trình độ NCKH, kỹ năng trình bày báo cáo khoa học và xây dựng báo cáo tổng luận khoa học về sản phẩm nghiên cứu của đề tài KHCN. Kết quả đề tài nhóm A phải có áp dụng hiệu quả phục vụ công tác giảng dạy và NCKH cho các khoa, bộ môn đào tạo của Học viện; Đề tài nhóm B là đề tài hỗ trợ học thuật có nội dung nghiên cứu mang tính học thuật cao, kết quả của đề tài có tối thiểu là một bài báo đăng tải công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị khoa học được tính điểm công trình khoa học theo quy định của Hội đồng Giáo sư Nhà nước; Đề tài nhóm C là đề tài có

mục đích tạo ra hoặc hình thành các sản phẩm ứng dụng, dịch vụ KHCN có công nghệ tiên tiến và mang thương hiệu Học viện. Đề tài nhóm C phải có kết quả được ứng dụng trong Học viện hay phát triển thành sản phẩm thương mại hóa; Đề tài nhóm D là đề tài có mục đích nghiên cứu hình thành các sản phẩm KHCN áp dụng cho công tác quản lý điều hành của Học viện, các nghiên cứu đổi mới công tác quản lý, xác định luận điểm khoa học cho xây dựng phương hướng, chiến lược, cơ chế chính sách, nâng cao hiệu quả quản lý của Học viện.

Để tạo môi trường NCKH và tạo diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm về các vấn đề KHCN trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, Học viện được Bộ TT&TT cấp phép xuất bản Tạp chí KHCN Thông tin và Truyền thông. Tạp chí khoa học của Học viện ra đời, không ngừng đổi mới, mở rộng về số lượng và chất lượng, trong đó, phát triển từ 04 số/năm thành 08 số/năm và thêm lĩnh vực Kinh tế - Báo chí truyền thông và Công nghệ thông tin được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước công nhận tính 0.5 điểm và tỷ lệ bài báo quốc tế được công nhận. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho GV, NCV Học viện công bố kết quả NCKH và đăng tải bài báo [H6.06.07.12].

Học viện đã có sự phân công, ủy quyền cho các đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá kết quả thực hiện đề tài cấp Học viện theo từng loại như sau:

- Đối với các đề tài nhóm A và nhóm B: Học viện ủy quyền cho các trường khoa đào tạo đại học (và các trường đơn vị đào tạo tương đương). Viện trưởng viện nghiên cứu và các trường các đơn vị đào tạo tương đương khác có trách nhiệm tổ chức, quản lý thực hiện kế hoạch đề tài, phê duyệt và ký đề cương KHCN, ký kết hợp đồng KHCN với chủ trì đề tài KHCN, nghiệm thu kết quả đề tài KHCN và ký duyệt các thủ tục thực hiện đề tài KHCN đã được giao. Các đơn vị được ủy quyền có trách nhiệm quản lý thực hiện đề tài theo đúng nội dung Học viện đã phê duyệt, đảm bảo tiến độ, chất lượng nghiên cứu và tuân thủ các quy định liên quan.

- Đối với các đề tài nhóm C, nhóm D: Học viện quản lý thực hiện đề tài, phê duyệt và ký đề cương KHCN, ký kết hợp đồng KHCN, nghiệm thu kết quả và các thủ tục khác trong quá trình thực hiện đề tài KHCN thông qua đầu mối phòng Quản lý KHCN&HTQT. Đơn vị chủ trì đề tài có trách nhiệm triển khai và báo cáo thực hiện nghiên cứu, hội thảo khoa học và hội nghị đánh giá kết quả thực hiện đề tài.

- Đối với các đề tài KHCN do Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện: Giám đốc Học viện giao phó giám đốc Học viện phụ trách Cơ sở Học viện tại Thành phố

Hồ Chí Minh tổ chức quản lý, ký duyệt đề cương, ký kết hợp đồng KHCN, quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu, ký kết các văn bản liên quan đến thực hiện và thanh quyết toán các đề tài. Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm quản lý thực hiện đề tài theo đúng nội dung quyết định giao đề tài KHCN của Học viện, đảm bảo tiến độ, chất lượng nghiên cứu và tuân thủ các quy định liên quan.

Công tác theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của đội ngũ GV và NCV được Học viện thực hiện ở cấp Học viện và cấp đơn vị. Ở cấp Học viện, Phòng QLKH&HTQT là đơn vị đầu mối theo dõi, giám sát, kiểm tra hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện [H6.06.06.06]. Ở cấp đơn vị (HVCS tại Thành phố Hồ Chí Minh, các Khoa đào tạo, Viện nghiên cứu), có bộ phận theo dõi, giám sát việc thực hiện hoạt động NCKH của GV, NCV [H6.06.06.10]. Khoa QTKD được giao nhiệm vụ tổ chức cho GV của khoa đăng ký các hoạt động KHCN hằng năm, báo cáo học viện phê duyệt, tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, phòng QL KH&HTQT có chức năng giám sát việc thực hiện đề tài, yêu cầu chủ trì đề tài báo cáo tiến độ định kỳ và tổ chức nghiệm thu các đề tài theo tiến độ. Bên cạnh đó, Học viện thực hiện đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV thông qua việc đánh giá hoàn thành định mức giờ NCKH hằng năm của GV, NCV [H6.06.07.13].

Để cải tiến, đẩy mạnh hoạt động NCKH đối với GV, NCV, Học viện đã ban hành Quy định tạm thời về các tiêu chí khuyến khích đối với cán bộ giảng dạy của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông, trong đó quy định GV được xác định hoàn thành nhiệm vụ khi có đủ giờ NCKH [H6.06.02.12] và Quy định hỗ trợ kinh phí cho các bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus để thúc đẩy cả số lượng và chất lượng các bài báo khoa học công bố quốc tế [H6.06.07.07].

Trong chu kỳ KĐCLGD, CBGV của khoa QTKD thực hiện 74 đề tài NCKH cấp Học viện; đã công bố 89 bài đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành trong nước và 09 bài đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, xuất bản 06 cuốn sách [H6.06.07.14]

Kết quả thực hiện đề tài NCKH của GV Khoa QTKD giai đoạn 2019-2023 cụ thể theo các bảng thống kê số lượng bài báo được công bố do GV Khoa QTKD thực hiện (*Bảng 6.2-Phụ lục 02*) và Bảng thống kê số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus do GV Khoa QTKD thực hiện (*Bảng 6.3-Phụ lục 02*).

Hằng năm, tính trung bình Khoa QTKD có trên 70% GV cơ hữu, NCV tham gia NCKH, có bài báo, công trình được công bố trên các tạp chí và kỷ yếu khoa học công nghệ

chuyên ngành có uy tín cao ở trong nước và quốc tế. Đồng thời, các GV, NCV đều chấp hành nghiêm túc Quy định về tiêu chuẩn và ứng xử đạo đức trong hoạt động KHCN của Học viện ban hành theo quyết định số 1023/QĐ-HV ngày 22/11/2018 [H6.06.07.15] và không có hiện tượng vi Quy định về quản lý tài sản trí tuệ tại Học viện ban hành theo quyết định số 1452/QĐ-HV ngày 31/12/2021 [H6.06.07.16].

Phòng QL KHCN&HTQT thực hiện lưu trữ báo cáo kết quả đề tài và xây dựng CSDL danh sách đề tài đã nghiệm thu hằng năm để triển khai công bố trên trang web của Học viện tại địa chỉ: <https://portal.ptit.edu.vn/ket-qua-nghien-cuu/de-tai-san-pham/> để tạo điều kiện cho các nhà khoa học trong và ngoài Học viện có thể tra cứu thông tin. Đối với các bài báo đăng trên tạp chí trong và ngoài nước và các báo cáo tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế, Phòng đã thực hiện lưu trữ bản sao nội dung các bài báo, báo cáo đó, đồng thời cũng xây dựng CSDL bài báo và công bố trên website Học viện tại địa chỉ: <https://portal.ptit.edu.vn/ket-qua-nghien-cuu/baibao-khoa-hoc/>.

Ngoài việc thành lập các Nhóm nghiên cứu mạnh, Học viện còn thành lập các phòng nghiên cứu chuyên sâu như: Toán ứng dụng và Tính toán; Hệ thống vô tuyến và ứng dụng; An toàn Thông tin; Học máy và ứng dụng; Blockchain; Chuyển đổi số; Nghiên cứu quốc tế về trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu Đa phương tiện; Nghiên cứu quốc tế về trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu Đa phương tiện; Báo chí và truyền thông số; Dữ liệu và hệ thống máy tính; Kinh tế số. Đồng thời, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định bổ nhiệm các Trưởng phòng Lab [H6.06.07.17] và ban hành Quy định tạm thời về hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên sâu theo Quyết định số 753/QĐ-HV ngày 23/8/2016 [H6.06.07.18].

Công tác quản lý nghiên cứu của Học viện được cải tiến theo hướng ứng dụng CNTT, tạo thuận lợi cho việc quản lý hoạt động NCKH của bản thân GV cũng như công tác quản lý chung của Học viện. Năm 2021, Học viện đã triển khai thử nghiệm Phần mềm quản lý khoa học công nghệ tích hợp trên hệ thống phần mềm ứng dụng Ptit-Slink hỗ trợ CB, GV thực hiện kê khai kết quả NCKH của cá nhân trên phần mềm Ptit-Slink về các nội dung hoạt động bao gồm đề tài NCKH các cấp, bài giảng, giáo trình, hướng dẫn SV NCKH, bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước và quốc tế, báo cáo tại các hội nghị, hội thảo quốc gia và quốc tế [H6.06.07.19].

Hằng năm, Học viện đã thực hiện lấy ý kiến khảo sát của cán bộ, GV, NCV trong Học viện về công tác quản lý nghiên cứu của Học viện. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ

hài lòng của các BLQ đối với công tác quản lý thực hiện đề tài cấp Bộ (cấp Học viện) khá cao đạt trên 75% [H6.06.07.20].

Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH và HTQT của phòng QL KHCN&HTQT hằng năm có và có đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu về mức độ đạt được các KPIs về KHCN và xác định phương hướng của năm học tiếp theo [H6.06.07.21]. Đồng thời thời, trong báo cáo tổng kết hằng năm của Học viện đều có đánh giá mức độ đạt được của các KPIs.

2. Điểm mạnh

Giai đoạn 2019-2023, CBGV Khoa QTKD đã chủ trì thực hiện 74 đề tài NCKH cấp Học viện; đã công bố 89 bài đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành trong nước và 09 bài đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, xuất bản 06 cuốn sách.

3. Điểm tồn tại

Các quy định về hoạt động KHCN của GV, NCV được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, chưa tổng hợp trong một văn bản cụ thể để thuận tiện trong công tác tổ chức thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, Phòng QLKHCN&HTQT nghiên cứu, đề xuất ban hành Quy định hoạt động KHCN để tổng hợp các nội dung NCKH của GV, NCV tại các văn bản khác nhau, bao gồm các loại hình KHCN đối với CBGV trong Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Qua phân tích, đánh giá có thể nhận thấy Khoa QTKD nói riêng và Học viện nói chung trong những năm qua đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu), nhờ đó mà đội ngũ GV và NCV cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Tỷ lệ SV/GV và khối lượng công việc của đội ngũ GV luôn được đo lường, giám sát thường xuyên với mục đích làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

Học viện đã ban hành, phổ biến rộng rãi và công khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực chuyên môn) để bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được đánh giá một cách chính xác và khách quan

dựa trên những quy định, quy chế đã xây dựng với sự thống nhất cao trong đội ngũ GV trong Học viện. Bên cạnh đó, nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được Học viện xác định rất rõ thông qua các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai sâu rộng để đáp ứng nhu cầu đó.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng và nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV đã được Học viện, Khoa xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Hoạt động PVCĐ của GV chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động PVCĐ không thuận lợi. Chính sách và cơ chế đặc thù để thu hút GV có trình độ TS và học hàm cao PGS, GS chưa đạt được mức hấp dẫn và cạnh tranh cao để thu hút được nhiều hơn nữa các GV có học vị tiến sĩ và học hàm PGS và GS về làm GV cơ hữu của Học viện.

Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí: 5,00/7.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Học viện luôn chú trọng việc phát triển đội ngũ NV để đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ, đồng thời thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ qua việc tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, có hệ thống quản trị và cơ chế đánh giá năng lực, khen thưởng, kỷ luật đối với đội ngũ NV nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển của Học viện trong từng giai đoạn.

Đội ngũ NV Học viện bao gồm NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính, các bộ phận hỗ trợ SV khác và được bố trí tại các đơn vị chức năng Học viện gồm Phòng TCCB-LĐ, Phòng Đào tạo, Phòng Giáo vụ, Phòng Tài chính kế toán, Phòng QLKH-CN và HTQT, Văn phòng, Trung tâm Dịch vụ, Trung tâm TN-TH, Phòng CT&CTSV, TTKT&ĐBCLGD và Trợ lý Khoa QTKD. Đồng thời, đội ngũ NV còn được bố trí tại các Viện nghiên cứu (Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện, Viện Kinh tế Bưu điện, Viện CNTT và Truyền thông - CDIT), các Trung tâm Đào tạo BCVT I & II trực thuộc Học viện và các đơn vị quản lý của HVCS tại Tp. HCM.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Năm 2014, khi chuyển từ Tập đoàn Bru chính viễn thông Việt Nam về trực thuộc Bộ TT&TT, căn cứ yêu cầu phát triển của Ngành TT&TT giai đoạn 2015-2020, yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và để phục vụ việc quy hoạch đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ, Học viện đã phân tích và dự báo nhu cầu về đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác đồng thời căn cứ yêu cầu phát triển của Học viện và định hướng chuyển đổi số trong ngành giáo dục. Học viện đã thực hiện điều chỉnh Đề án vị trí việc làm năm 2014 và ban hành Đề án vị trí việc làm mới theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020. Nội dung Đề án đã xác định rõ số lượng đội ngũ NV quản lý, hỗ trợ của các đơn vị chức năng, các khoa, viện, trung tâm trực thuộc Học viện; đồng thời xác định cụ thể các vị trí lao động gồm vị trí kỹ thuật viên, NV làm việc tại Trung tâm thí nghiệm - thực hành, hệ thống Data center, Tổ ứng dụng CNTT thuộc Văn phòng, Thư viện, Trung tâm giao dịch một cửa và đội ngũ cán bộ, NV quản lý tại các đơn vị chức năng Học viện để hỗ trợ SV, GV, NCV trong công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ, trong đó có Khoa QTKD [H6.06.03.01].

Để xác định định biên lao động hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH, PVCĐ của GV, NCV và NH, Học viện đã xác định danh mục vị trí công việc tại các phòng, ban, trung tâm chức năng thuộc Khối QL&ĐTPB, xây dựng bản mô tả công việc và ban hành Hệ thống bản MTCV chuẩn đối với các vị trí công việc tại Khối Quản lý và Đào tạo Học viện theo Quyết định số 1191/QĐ-HV ngày 28/12/2018 [H6.06.02.06].

Việc phân tích, dự báo, xác định nhu cầu của đội ngũ NV được nêu cụ thể trong Chiến lược phát triển của Học viện ban hành năm 2020 [H1.01.01.09] và được điều chỉnh, bổ sung hoàn chỉnh năm 2021 sau khi thành lập Hội đồng Học viện [H1.01.01.10]. Nội dung Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 dựa trên sự phân tích bối cảnh trong nước, khu vực, quốc tế; thực trạng Học viện trong các lĩnh vực hoạt động và xác định: *“Triển khai các hoạt động thu hút, tuyển dụng, đào tạo nhằm mục tiêu đến năm 2025 số lượng lao động của Học viện đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo và NCKH đề ra, cụ thể đạt 850 cán bộ, với cơ cấu 75% là lao động trực tiếp (nghiên cứu, giảng dạy, kinh doanh trực tiếp); trong đó 100% GV đạt chuẩn, tỷ lệ tiến sĩ đạt trên 50%”*; *“Cơ cấu*

lao động của Học viện cần tiếp tục điều chỉnh, tỷ lệ lao động gián tiếp còn cao...”; đồng thời xác định mục tiêu về nguồn nhân lực và quản trị đại học “Học viện có bộ máy tinh gọn, hiệu quả; có nguồn nhân lực chất lượng cao với quy mô và cơ cấu phù hợp”. Nội dung này là phù hợp với Kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025 của Bộ TT&TT theo Quyết định số 212/QĐ-BTTTT ngày 19/02/2021 là “Tăng cường xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân lực an toàn thông tin mạng nhằm góp phần triển khai thành công chương trình chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số xã hội số và nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trong lĩnh vực an toàn thông tin trên trường quốc tế”.

Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ CBQL, NV hỗ trợ còn được nêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2015-2020 [H6.06.01.01] và nhiệm kỳ 2020-2025 [H6.06.01.02], trong đó nêu rõ tổng số lao động Học viện đến năm 2025 là 850 người và phát triển đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và đồng bộ về cơ cấu.

Thực hiện hướng dẫn công tác quy hoạch đội ngũ CBQL của Bộ TT&TT, trong giai đoạn 2019-2023, Đảng ủy và Ban giám đốc Học viện ban hành các kế hoạch và quyết định phê duyệt quy hoạch các vị trí lãnh đạo các khoa, bộ môn, phòng ban chức năng Học viện [H6.06.01.03].

Học viện ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện theo Quyết định số 445/QĐ-HV ngày 01/6/2021 [H6.06.01.05]. Quy định này là cơ sở để Học viện chỉ đạo các đơn vị thực hiện việc điều động, luân chuyển, biệt phái viên chức quản lý, NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đáp ứng mục tiêu phát triển của Học viện trong từng giai đoạn đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của Bộ TT&TT.

Học viện ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động theo Quyết định số 1166/QĐ-HV, ngày 24/12/2018 và sau khi thành lập, Hội đồng Học viện đã ban hành Nghị quyết số 54/NQ-HĐHV ngày 18/01/2022 về Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động của Học viện [H6.06.01.07], trong đó quy định cụ thể về quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn viên chức và người lao động tại Học viện.

Công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Học viện được thực hiện dựa trên đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho các mục tiêu đào tạo, NCKH và PVCD. Hằng năm, căn cứ các nhiệm vụ được giao, các đơn vị trong Học viện thực hiện rà soát tình hình thực

tế, các nhiệm vụ mới phát sinh để đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị gửi Phòng TCCB-LĐ tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Học viện phê duyệt, trên cơ sở đó Học viện xây dựng kế hoạch lao động [H6.06.01.08]. Nội dung kế hoạch lao động xác định cụ thể quy trình tuyển dụng, số lượng cần tuyển, mô tả vị trí việc làm, tiêu chuẩn của các vị trí tuyển dụng phù hợp và đáp ứng yêu cầu theo Đề án vị trí việc làm và các quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được quy định cụ thể cho từng vị trí công việc. Căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực, kế hoạch công tác của từng đơn vị, Học viện xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động hằng năm, trong đó có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho các đơn vị [H6.06.01.09]. Nội dung kế hoạch lao động xác định cụ thể số lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ NV hỗ trợ cần tuyển dụng cho các đơn vị.

Học viện có 3 viện nghiên cứu và 2 trung tâm đào tạo bồi dưỡng, nên Học viện luôn chủ động trong việc điều động đội ngũ NV hỗ trợ giữa các đơn vị khi có yêu cầu, do đó Học viện chưa quan tâm nhiều đến việc xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV. Thời gian tới, để đáp ứng yêu cầu công tác chuyển đổi số, Học viện xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với đội ngũ NV hỗ trợ, đặc biệt là đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin.

Tính đến 31/12/2023, tổng số CBQL (chức danh chuyên viên), kỹ thuật viên và NV của Học viện là 279 người, trong đó có 05 nhân sự làm việc tại thư viện; 05 nhân sự làm việc tại trung tâm thí nghiệm thực hành, 02 trợ lý của Khoa QTKD; Tổ ứng dụng CNTT (với 04 nhân sự) thuộc Văn phòng có nhiệm vụ quản lý hệ thống ứng dụng CNTT toàn Học viện; Văn phòng giao dịch một cửa hỗ trợ SV giải quyết các thủ tục hành chính trong quá trình học tập có 05 nhân sự được bố trí làm việc thường xuyên tại Văn phòng giao dịch một cửa. Danh sách trích ngang đội ngũ NV của từng bộ phận tại *Phụ lục 02* [H7.07.01.01] và danh sách NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống ứng dụng CNTT và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo khác có 86 người [H7.07.01.02] và được bố trí tại các bộ phận chi tiết theo Bảng 7.1, *Phụ lục 02*.

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, Học viện đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của SV và CBGV về công tác phục vụ của đội ngũ NV, chất lượng các dịch vụ, tiện ích hỗ trợ NH theo Quy định khảo sát CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện ban hành theo Quyết định 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2019 [H7.07.01.03]. Nội dung báo cáo kết quả khảo sát SV về mức độ hài lòng đối

với các bộ phận hỗ trợ trong chu kỳ KĐCLGD [H7.07.01.04] cho thấy tỷ lệ SV cơ bản đồng ý (hài lòng) và hoàn toàn đồng ý (hoàn toàn hài lòng) chiếm tỷ lệ 86,7%. Tuy nhiên, việc quy hoạch đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa thực sự chú ý đến tính đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành TMĐT. Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn tỷ lệ 5,36% SV chưa hài lòng về việc thay thế, sửa chữa kịp thời các trang thiết bị, máy móc của Trung tâm Thí nghiệm thực hành. Đây chính là cơ sở để khoa, học viện có giải pháp điều chỉnh kế hoạch phát triển nhân sự, nội dung đề án vị trí việc làm và từng bước xây dựng đội ngũ NV chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng được tốt hơn.

Đến thời điểm hiện tại, số lượng NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác là đủ để hoàn thành công việc và thông qua báo cáo tổng kết hằng năm của học viện và khoa, không có sự phàn nàn của đội ngũ này về những vướng mắc, khó khăn trong quá trình làm việc [H4.04.01.06], [H4.04.01.07]. Tuy nhiên, Việc quy hoạch đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được quan tâm đúng mức đến tính đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành TMĐT. Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn tỷ lệ 5.36% tổng số SV được khảo sát chưa hài lòng về việc thay thế, sửa chữa kịp thời các trang thiết bị, máy móc của Trung tâm thực hành thí nghiệm.

2. Điểm mạnh

Kết quả khảo sát cho thấy SV và CBGV rất hài lòng về công tác phục vụ của đội ngũ NV, chất lượng các dịch vụ, tiện ích hỗ trợ đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa quan tâm nhiều đến việc xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với các phòng, ban chức năng, trung tâm TNTH nghiên cứu, đề xuất chính sách thu hút và xây dựng các khóa bồi dưỡng đặc thù để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với đội ngũ NV hỗ trợ, đặc biệt là đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động theo Quyết định số 1166/QĐ-HV, ngày 24 tháng 12 năm 2018 và Nghị quyết số 51/NQ-HĐHV, ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Học viện [H6.06.01.07], trong đó quy định cụ thể về quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn viên chức và người lao động tại Học viện. Ngoài các tiêu chí tuyển dụng nói chung như tốt nghiệp đại học trở lên, tiếng Anh: 450 điểm TOEIC; sử dụng thành thạo tin học cơ bản văn phòng, nắm vững các văn bản, quy định và có kinh nghiệm trong công tác thuộc lĩnh vực tuyển dụng, có khả năng tư duy sáng tạo, có kỹ năng giao tiếp, soạn thảo văn bản, lập kế hoạch và quản lý công việc, làm việc nhóm ... , các đơn vị có thể đưa ra các tiêu chí cao hơn tiêu chí theo quy định nhằm đạt được mục đích thực hiện chiến lược nhân sự của Học viện. Đồng thời, các tiêu chí tuyển dụng còn được quy định cụ thể tại Danh mục vị trí công việc tại các phòng/ban, trung tâm chức năng ban hành theo Quyết định số 1191/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.06]; khung năng lực, bản mô tả công việc theo Đề án vị trí việc làm ban hành năm 2014, được hiệu chỉnh, ban hành theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 và được triển khai tại Học viện từ năm 2016 [H6.06.03.01].

Học viện thực hiện quy trình tuyển dụng đội ngũ NV hỗ trợ trong giai đoạn 2019-2023 cụ thể như sau:

- Hằng năm, trên cơ sở chiến lược phát triển và Quy chế tuyển dụng của Học viện, các đơn vị căn cứ kế hoạch phát triển của đơn vị và năng lực đội ngũ NV hiện có để cân đối, đề xuất nhu cầu và các tiêu chí tuyển dụng phù hợp với thực tiễn triển khai công việc gửi về phòng TCCB-LĐ [H7.07.02.01].

- Phòng TCCB-LĐ căn cứ định hướng phát triển chung của toàn Học viện, nhu cầu cán bộ của các đơn vị, kế hoạch lao động, khả năng tài chính của Học viện để thống nhất chỉ tiêu cần tuyển và trình giám đốc học viện ban hành Kế hoạch tuyển dụng lao động, trong đó xác định rõ quy trình tuyển dụng, số lượng cần tuyển, mô tả vị trí việc làm, tiêu chuẩn của các vị trí tuyển dụng phù hợp và đáp ứng yêu cầu theo Đề án vị trí việc làm và các quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp [H6.06.01.09].

- Học viện phát hành thông báo tuyển dụng lao động hằng năm bao gồm các thông tin về vị trí tuyển dụng; số lượng cần tuyển; tiêu chuẩn tuyển dụng và cơ hội việc làm,

thăng tiến, ... Trong thông báo nêu rõ các tiêu chí tuyển dụng như: có phẩm chất đạo đức tốt; lý lịch rõ ràng; ngoại hình cân đối, không có dị tật; có năng lực sáng tạo, tư duy đổi mới; có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc; yêu nghề, gắn bó với Học viện; có đủ sức khỏe để đảm nhận công việc theo quy định, có bằng tốt nghiệp phù hợp với vị trí việc làm và chuyên ngành đăng ký dự tuyển; đáp ứng yêu cầu theo chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm do Học viện và cơ quan cấp trên quy định [H6.06.03.02]. Thông báo tuyển dụng NV được đăng tải trên website Học viện tại địa chỉ: Portal.ptit.edu.vn/hoc-vien-cong-nghe-buu-chinh-vien-thong-thong-bao-tuyen-dung/ và trên các báo việc làm và các trang mạng xã hội về tuyển dụng [H6.06.03.04]. Tuy nhiên, do Học viện chủ động trong việc điều động đội ngũ NV giữa các đơn vị nghiên cứu và đào tạo nên chưa xây dựng chính sách cụ thể để tuyển dụng được các ứng viên có trình độ, kinh nghiệm chuyên môn về làm công tác TNTH và vận hành các ứng dụng CNTT của Học viện.

- Trên cơ sở hồ sơ của các ứng viên dự tuyển, Học viện thành lập Hội đồng tuyển dụng để xét tuyển hồ sơ trên cơ sở trình độ, kết quả/thành tích học tập/nghiên cứu, kinh nghiệm tích lũy của ứng viên và sự phù hợp với vị trí công việc cần tuyển dụng [H6.06.03.03]. Các ứng viên có hồ sơ đủ điều kiện sẽ được mời tham dự vòng kiểm tra, sát hạch gồm: phỏng vấn trao đổi, đánh giá năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, ... Sau khi có kết quả trúng tuyển, các NV được bố trí làm việc tại các đơn vị chức năng theo vị trí tuyển dụng [H7.07.02.02]. Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện tuyển dụng được 27 NV và được bố trí làm việc tại các đơn vị quản lý để hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ của Học viện.

Tiêu chí lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được cụ thể tại Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện ban hành theo Quyết định số 445/QĐ-HV ngày 01/6/2021 [H6.06.01.05]. Quy định nêu rõ nguyên tắc; điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm, quy trình bổ nhiệm; bổ nhiệm lại và kéo dài thời gian giữ chức vụ; quy định về thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động viên chức quản lý; quy định về biệt phái cán bộ của Học viện. Tùy từng vị trí được bổ nhiệm, Quy chế quy định rõ ràng về các tiêu chí về đạo đức, về trình độ chuyên môn, bằng cấp, các yêu cầu về kinh nghiệm làm việc, quy trình bổ nhiệm. Đối với vị trí lãnh đạo, quản lý yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, uy tín, tư duy, khả năng đoàn kết, tập hợp, quy tụ viên chức trong đơn vị; yêu cầu về kỹ năng gồm có kỹ năng giao việc, ngoại giao, xử lý tình

huống, giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng tổng hợp, phân tích, nhận định và đánh giá trong quản lý, điều hành công việc. Tùy từng vị trí quản lý là các khoa, trung tâm chuyên môn hay các phòng ban chức năng, các tiêu chuẩn năng lực được xác định cụ thể; theo yêu cầu của công tác quản lý.

Công tác bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ của Học viện được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ TT&TT và Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp Học viện, cấp Phòng và tương đương giai đoạn 2018-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 [H6.06.01.03]. Đồng thời, căn cứ yêu cầu thực tiễn đối với từng chức vụ quản lý trong giáo dục, các đơn vị có thể giới thiệu bổ sung vào quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch đối với một số cán bộ nhằm đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý Học viện.

Trong giai đoạn tháng 2019 - 2023, trên cơ sở quy hoạch và kết quả đánh giá năng lực đội ngũ CBQL, Học viện đã bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, luân chuyển 122 lượt CBQL các cấp (trong đó, Ban Giám đốc: bổ nhiệm mới 02 nhân sự, bổ nhiệm lại 04 nhân sự; luân chuyển 06 nhân sự; bổ nhiệm mới 76 Trưởng, Phó khoa/phòng/bộ phận; bổ nhiệm lại 40 nhân sự). Tất cả các nhân sự được bổ nhiệm đều theo đúng quy hoạch [H7.07.02.03]. Kết quả bổ nhiệm giai đoạn 2019 – 2023 được thể hiện trên hồ sơ của đội ngũ NV gồm các hợp đồng lao động, quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV và được lưu trữ tại Phòng TCCB-LĐ [H7.07.02.04]. Tuy nhiên, Nguồn tuyển dụng và hình thức thông báo tuyển dụng của Học viện chưa phong phú, rộng rãi và đa dạng để thu hút được nhiều ứng viên tiềm năng, chất lượng cao từ ngoài xã hội về công tác tại Học viện; mức thu nhập của từng vị trí việc làm chưa thực sự tạo sự hấp dẫn đối với ứng viên.

Thông báo tuyển dụng NV được đăng tải trên website Học viện tại địa chỉ: Portal.ptit.edu.vn/hoc-vien-cong-nghe-buu-chinh-vien-thong-thong-baotuyen-dung/ và trên các báo việc làm và các trang mạng xã hội về tuyển dụng; kết quả bổ nhiệm và bố trí sắp xếp nhân sự của Học viện được thông báo công khai trên website của Học viện <http://ptit.edu.vn> và gửi qua hệ thống văn bản nội bộ của Học viện, qua email tới ứng viên.

Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của CBGV, SV về điều kiện cơ sở vật chất 2019-2023 và Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH về tiêu chuẩn y tế, môi trường theo Quyết định số 519/QĐ-HV ngày 22/6/202. Kết quả đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng chiếm tỷ lệ cao trên 90%. Việc đánh giá hằng năm của Học viện và các đợt khảo sát từ các GV

và SV cho thấy rằng các NV hỗ trợ cung cấp một mức độ thỏa đáng của dịch vụ cho cả SV và GV [H6.06.06.15].

2. Điểm mạnh

Học viện có kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn NV để bổ nhiệm được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa xây dựng chính sách thu hút và xác định nguồn tuyển dụng để thu hút được rộng rãi nhiều ứng viên tiềm năng về công tác tại Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với các đơn vị nghiên cứu, đề xuất chính sách tuyển dụng để xây dựng phương án tuyển dụng phù hợp và các phương thức thông báo tuyển dụng phong phú, rộng rãi, đa dạng để thu hút được nhiều ứng viên tiềm năng, chất lượng cao từ ngoài xã hội về công tác tại Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, NV hỗ trợ của Học viện được quy định tại khung năng lực và bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm trong Đề án vị trí việc làm của Học viện ban hành theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 [H6.06.03.01]. Đề án vị trí việc làm trình bày tóm tắt công việc, nội dung, yêu cầu về năng lực, trách nhiệm cụ thể từng chức danh, vị trí làm việc, khối lượng, tần suất thực hiện, và xác định các tiêu chí về năng lực đội ngũ NV về trình độ chuyên môn, Tiếng Anh, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong công việc, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ,; có yêu cầu về năng lực đối với lãnh đạo phòng, ban, bên cạnh học vị thạc sĩ trở lên cần phải có kỹ năng về quản lý thông qua lớp bồi dưỡng có chứng chỉ chuyên viên chính trở lên và lãnh đạo quản lý cấp phòng.

Căn cứ Đề án vị trí việc làm, Học viện xác định các vị trí công việc đối với NV làm việc tại các đơn vị hỗ trợ đào tạo và NCKH (các đơn vị chức năng, viện nghiên cứu và trung tâm đào tạo bồi dưỡng trực thuộc Học viện) [H6.06.02.06] triển khai xây dựng bản mô tả công việc của các vị trí công việc CBQL và NV hỗ trợ tại các đơn vị (Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, chuyên viên, NV, kỹ thuật viên quản lý ứng dụng CNTT và trang thiết bị, thư viện viên, ...) [H7.07.03.01]. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, bản mô tả vị trí

việc làm chưa có yêu cầu về năng lực chuyên sâu đối với NV làm việc tại Trung tâm TNTH và triển khai các ứng dụng về CNTT tại Học viện.

Học viện giao phòng TCCB-LĐ phụ trách tham mưu, theo dõi, tổng hợp về đánh giá năng lực, hiệu quả công việc của cán bộ, GV, NV, đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức [H6.06.06.04]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của NV được sử dụng để xem xét, đánh giá xếp loại viên chức và được lấy làm căn cứ xem xét danh hiệu thi đua, khen thưởng.

Học viện ban hành các quy định về tiêu chí, quy trình đánh giá và tổ chức đánh giá năng lực của đội ngũ NV được thực hiện định kỳ theo từng thời điểm trong năm và dựa trên các tiêu chí đánh giá cụ thể với các nội dung và hình thức đánh giá. Cụ thể:

- Đánh giá hàng tháng:

+ Để đánh giá NV hàng tháng, Học viện ban hành Quy chế trả lương của Khối QL&ĐTPB theo Quyết định số 468/QĐ-TCCB ngày 26/7/2012 [H6.06.04.02]; Quy định Đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối QLĐT phía Bắc ban hành theo Quyết định số 207/QĐ-HV ngày 26/3/2018 và Quy định đánh giá hệ số chất lượng công tác hàng tháng tại CSHV ban hành theo Quyết định số 321/QĐ-CSHV ngày 01/9/2020 [H6.06.02.11].

+ Cuối mỗi tháng, các đơn vị họp xét chất lượng công tác để đánh giá năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc của từng NV, gửi kết quả đánh giá về Phòng TCCB-LĐ để tổng hợp, họp Hội đồng lương xác định mức lương chi trả hàng tháng cho từng cán bộ, NV [H6.06.04.03]. Hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện công việc của cá nhân VC-NLĐ hàng tháng được lưu tại Phòng TCCB-LĐ Học viện.

- Đánh giá theo quý:

+ Căn cứ quy định và hướng dẫn của BTT&TT tại Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với công chức, viên chức ban hành theo Quyết định số 2276/QĐ-BTTTT ngày 23/12/2020 và Hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ công chức, viên chức năm 2021 theo công văn số 643/TCCB ngày 10/11/2021 của Bộ TT&TT [H6.06.04.04], Học viện ban hành Công văn hướng dẫn về việc đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (887/HV-TCCB ngày 20/11/2020) và văn bản hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại VC, NLĐ theo quý [H6.06.04.05].

+ Thực hiện hướng dẫn của Học viện, các đơn vị triển khai đánh giá CBVC theo các tiêu chí đánh giá viên chức của Bộ TT&TT và kết quả đánh giá được gửi về Phòng TCCB-LĐ để tổng hợp theo quý Báo cáo Bộ TT&TT. Quy trình đánh giá được cụ thể như sau: Cá

nhân tự đánh giá theo mức điểm của từng tiêu chí với tổng điểm 100, sau đó đơn vị tổ chức cuộc họp cán bộ chủ chốt đánh giá từng NV, xác nhận kết quả đánh giá gửi Phòng TCCB-LĐ. Các Phiếu đánh giá từng cá nhân có xác nhận của Trưởng đơn vị được lưu tại Phòng TCCB-LĐ [H7.07.03.02].

- Đánh giá viên chức xét thi đua khen thưởng:

+ Hằng năm, Học viện công bố công khai trên hệ thống thông tin quản lý và gửi đến các đơn vị kế hoạch đánh giá viên chức và mẫu phiếu đánh giá công chức, viên chức và người lao động. Theo đó, các bước thực hiện việc đánh giá, phân loại từ cấp độ cá nhân, đơn vị quản lý, Học viện.... Các tiêu chí đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ cuối năm được xếp loại theo 4 mức độ: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. được phổ biến rộng rãi tới toàn thể viên chức và người lao động trong toàn Học viện [H7.07.03.03].

+ Vào tháng 12 hằng năm, các CBVCNLD đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học, việc tự đánh giá căn cứ theo hướng dẫn của Học viện và thể hiện trên bản kiểm điểm viên chức hằng năm của NV các đơn vị [H7.07.03.04]. Sau đó, lãnh đạo các đơn vị đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Học viện đánh giá, bình xét xếp loại thi đua.

- Đánh giá theo KPI: Để đánh giá thành tích chung của từng đơn vị trên cơ sở thành tích đạt được của CBVCNLD, Học viện ban hành hệ thống đánh giá kết quả thực hiện công việc theo KPIs của Học viện năm 2018, 2019 và 2020 [H6.06.04.12]. Đây là cơ sở Học viện xác định kết quả các chỉ tiêu chính trong hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Học viện hằng năm.

Kết quả đánh giá 5 năm thuộc chu kỳ KĐCLGD (2019-2023) cho thấy: đa số các NV của Học viện có kết quả đánh giá ở mức tương đối cao, dao động trong khoảng 90%-96% xếp loại A; 100% các NV được Học viện đánh giá hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.04.13]. Đội ngũ NV đạt thành tích được tặng thưởng 22 bằng khen của Bộ TT&TT, 01 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 93 người đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Trong đó, CBGV Khoa QTKD đạt thành tích có 01 người đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ TT&TT, 11 người đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Học viện, 04 người được tặng giấy khen của Bộ TT&TT và 03 người được tặng giấy khen của Giám đốc Học viện; 58 lượt người đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. 100% các CV, KTV và NV của Học viện được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có Khoa QTKD

Ngoài việc thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ NV thông qua tự đánh giá, cấp trên đánh giá. Học viện còn tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của SV và GV về tính chuyên nghiệp, thái độ phục vụ của NV các phòng, khoa, trung tâm căn cứ theo Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH về tiêu chuẩn y tế, môi trường theo Quyết định số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021 [H7.07.01.03] và Quy định khảo sát SV về CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện [H7.07.03.06].

Kết quả khảo sát đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng chiếm tỷ lệ cao, tỷ lệ trung bình có 86,7% SV hài lòng về CSVC và chất lượng phục vụ NH, trong đó có SV Khoa QTKD [H7.07.01.04].

Việc đánh giá hằng năm của Học viện và các đợt khảo sát từ các GV và SV cho thấy rằng các NV hỗ trợ cung cấp một mức độ thỏa đáng của dịch vụ cho cả SV và GV, điều này được thể hiện qua báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH (Tiêu chuẩn Y tế, Môi trường) từ 2019-2023, trong đó có Khoa QTKD [H6.06.06.15].

Tuy nhiên, hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của NH, GV đối với đội ngũ NV hỗ trợ còn chưa thường xuyên do tình hình dịch bệnh trong các năm 2019 và 2020 và quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực, ... đội ngũ NV còn được quy định ở nhiều văn bản khác nhau nên có thể chông chéo trong quá trình thực hiện. Học viện và các đơn vị phục vụ CTĐT cần lập kế hoạch kiểm tra, giám sát chất lượng phục vụ của đội ngũ NV do đơn vị quản lý hàng tháng, học kỳ và năm học để Học viện kịp thời có những điều chỉnh về nhân sự (khi cần) hoặc kế hoạch làm việc nhằm đáp ứng được nhu cầu của SV.

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV của Học viện được thực hiện qua 2 bộ tiêu chí đánh giá và qua khảo sát CBGV, SV.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của NH, GV đối với đội ngũ NV hỗ trợ còn chưa thường xuyên do tình hình dịch bệnh trong năm 2019 và 2020.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Văn phòng Học viện và TTKT&ĐBCLGD tổ chức khảo sát lấy ý kiến GV và SV định kỳ (1 năm/1 lần) để kịp thời có phân tích, đánh giá cụ thể nhằm cải tiến

các hoạt động hỗ trợ của đội ngũ NV. Đồng thời, Học viện và các đơn vị phục vụ CTĐT cần lập kế hoạch kiểm tra, giám sát chất lượng phục vụ của đội ngũ NV do đơn vị quản lý hàng tháng, học kỳ và năm học để kịp thời có những điều chỉnh về nhân sự hoặc kế hoạch làm việc để đáp ứng được nhu cầu của SV.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. *Mô tả hiện trạng*

Học viện đã ban hành Quy định về đào tạo và bồi dưỡng đối với viên chức và NLĐ theo Quyết định số 647/QĐ-HV ngày 27/7/2017 [H6.06.01.11]. Trong đó quy định đối tượng, mục đích, nguyên tắc cử đi đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt có chính sách khuyến khích, hỗ trợ học phí cho viên chức và người lao động đi bồi dưỡng; quyền lợi và nghĩa vụ của viên chức cũng như trình tự thủ tục để viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng và đi thực tế căn cứ để thực hiện; quy trình xác định nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ và NV ở các đơn vị (trong đó nêu rõ các bước xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng từ nguyện vọng cá nhân đến ra quyết định cử đi đào tạo bồi dưỡng và tiếp nhận trở lại làm việc).

Vào Quý I hằng năm, Phòng TCCB-LĐ trình giám đốc học viện ban hành kế hoạch đăng ký nhu cầu đào tạo tập huấn, bồi dưỡng của và gửi đến các đơn vị trong toàn Học viện để đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, trong đó đề nghị các đơn vị tập hợp nhu cầu của CBVCNLĐ về đào tạo bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ của năm (NV thí nghiệm thực hành, thư viện, tổ công nghệ thông tin, ...) [H6.06.05.02].

Trên cơ sở đăng ký của CBVCNLĐ, các đơn vị tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng gửi về phòng TCCB trong đó có danh mục các khoá đào tạo dự kiến tổ chức. Phòng TCCB-LĐ tổng hợp đăng ký của các đơn vị, đối chiếu với chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Học viện nhằm đáp ứng mục tiêu “*Học viện có nguồn nhân lực chất lượng cao với quy mô và cơ cấu phù hợp; có hệ thống quản trị hiện đại, hoàn thành chuyển đổi số hầu hết các hoạt động của nhà trường*” và Đề án vị trí việc làm để duyệt sơ bộ nhu cầu của các đơn vị; sau đó tổng hợp thành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của năm tiếp theo cho toàn Học viện và trình Lãnh đạo Học viện phê duyệt [H6.06.01.12]. Theo kế hoạch, loại hình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV gồm đào tạo dài hạn và ngắn hạn, các CTĐT bồi dưỡng đối với cán bộ, NV chủ yếu tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; chuẩn chức danh nghề nghiệp, lý luận chính trị, tiếng Anh và các kỹ năng phục vụ công việc, tăng

cường ứng dụng CNTT hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH, ... dựa trên yêu cầu của từng vị trí công việc.

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện ban hành theo Quyết định số 1233/QĐ-HV ngày 31/12/2019, Học viện phân bổ kinh phí chi cho công tác đào tạo bồi dưỡng, trong đó đặc biệt khuyến khích đội ngũ NV tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để chuyển sang chức danh GV. NV học ở nước ngoài được hỗ trợ bảo hiểm xã hội và 40% tiền lương cơ bản được đảm bảo các chế độ bảo hiểm, nâng lương thường xuyên theo quy định của Học viện và pháp luật [H6.06.05.10].

Trên cơ sở các kế hoạch được phê duyệt, các đơn vị lựa chọn và cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng phù hợp trình độ chuyên môn, vị trí công việc và thời gian làm việc, lập danh sách gửi phòng TCCB-LĐ Học viện để trình giám đốc ký quyết định cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.01].

Năm 2021, Học viện ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí cho CBVCNLD được cử đi đào tạo Tiến sỹ trong nước giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 513/QĐ-HV ngày 18/6/2021 [H6.06.05.01]. Theo quy định này, CBVCNLD Học viện khi đi học Tiến sỹ trong nước sẽ được hỗ trợ kinh phí một lần sau khi có kết quả công nhận đã hoàn thành CTĐT TS với mức hỗ trợ 90 triệu khi hoàn thành CTĐT Tiến sỹ ở các trường ngoài Học viện và 50 triệu đồng khi học tại Học viện, ... Hầu hết, các NV đều có cơ hội tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, điều này được cụ thể qua danh sách các khóa đào tạo, bồi dưỡng có sự tham gia của NV các bộ phận TNTH, thư viện, Tổ ứng dụng CNTT giai đoạn 2019 - 2023 [H7.07.04.02]. Một số NV có thể theo học trình độ tiến sĩ trong nước với sự hỗ trợ kinh phí của Học viện cũng như từ các nguồn học bổng khác của Nhà nước [H7.07.04.03].

Với những cán bộ được bổ nhiệm hoặc quy hoạch chức danh lãnh đạo đơn vị, Học viện đã chi trả toàn bộ kinh phí để cử 76 cán bộ này tham gia khóa bồi dưỡng Lý luận chính trị trung cấp, cao cấp. Các cán bộ này sau khi hoàn thành khóa học đã được cấp bằng và nộp về Phòng TCCB-LĐ đảm bảo tiêu chuẩn cán bộ theo quy định [H6.06.05.07].

Căn cứ thỏa thuận với các đối tác, Học viện đã cử CBVC tham dự các hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm chuyên môn do đối tác trong và ngoài nước tổ chức ...[H6.06.05.09].

Trong giai đoạn 2019 - 2023, Học viện đã tổ chức khoảng 72 khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV, với khoảng 1170 lượt người tham gia, trong đó có

đội ngũ cán bộ chuyên viên và NV của đơn vị TNTH, thư viện, tổ công nghệ thông tin. Tổng kinh phí chi cho đào tạo dài hạn và ngắn hạn 5 năm toàn Học viện chiếm 0,5% tổng nguồn chi, trong đó có đội ngũ NV, CV, KTV Khoa QTKD với 140 lượt người. (chiếm tỷ lệ 98,59%) [H6.06.05.11]. Tuy nhiên, các khóa bồi dưỡng, tập huấn và hội thảo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giai đoạn 2019-2023 chủ yếu dành cho cán bộ lãnh đạo và một số cán bộ, NV thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ, chưa có nhiều các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho các chuyên viên giáo vụ và công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập.

Đối với CBVCNLD được cử tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn trong nước, Học viện giao Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I&II tổ chức quản lý các khóa học theo quy trình tổ chức do giám đốc trung tâm ban hành [H6.06.05.12]. Kết thúc khóa học, trung tâm tổ chức cấp chứng chỉ, chứng nhận cho học viên hoàn thành khóa học và gửi Báo cáo tổng kết khóa học về Phòng TCCB-LĐ để làm cơ sở cho việc tổng kết, rút kinh nghiệm cho các khóa đào tạo tiếp theo [H6.06.05.13]. Thông qua các báo cáo tổng kết khóa học của Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I giai đoạn 2019-2023, có 100% cán bộ hỗ trợ được đáp ứng nhu cầu đào tạo bồi dưỡng so với nhu cầu đăng ký. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 4,47% NV chưa hài lòng về tiêu chí công tác đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, hỗ trợ NV trong thực hiện nhiệm vụ được giao và một số NV của Học viện chưa đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định; một số NV phòng thực hành chưa chủ động tìm các khóa tập huấn giúp nâng cao chất lượng công tác phục vụ giảng dạy

2. Điểm mạnh

Học viện luôn quan tâm đến nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV.

3. Điểm tồn tại

Các khóa học, tập huấn và hội thảo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giai đoạn 2019-2023 chủ yếu dành cho cán bộ lãnh đạo và một số cán bộ, NV thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ, chưa có nhiều các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho các chuyên viên giáo vụ và công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập; vẫn còn khoảng 4,47% NV chưa hài lòng về công tác đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, hỗ trợ NV trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Kế hoạch hành động

Định kỳ hằng năm, Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu tổ chức đánh giá hiệu quả của các khóa đào tạo bồi dưỡng để đúc rút ra những bài học từ thực tế phục vụ cho việc điều chỉnh lại kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân sự là cán bộ chuyên viên, KTV và NV các đơn vị chức năng của Học viện nhằm đáp ứng nhu cầu và phù hợp thực tiễn phát triển của Học viện

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có quy định cụ thể để quản trị theo kết quả công việc của NV được thể hiện tại các văn bản, quy định như:

Đề án vị trí việc làm của Học viện ban hành theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 và được chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở Đề án vị trí việc làm ban hành năm 2014 [H6.06.03.01]. Nội dung đề án được bổ sung các tiêu chí về năng lực đội ngũ NV về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học; có yêu cầu về năng lực đối với lãnh đạo các đơn vị về trình độ chuyên môn thạc sỹ trở lên và có trình độ tiếng Anh B1.

Sau khi danh mục vị trí công việc tại các phòng/ban, trung tâm chức năng được ban hành theo Quyết định số 1191/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.06], Học viện phê duyệt bản mô tả công việc cho từng vị trí theo hệ thống bản mô tả công việc chuẩn đối với các vị trí công việc tại Khối QLĐTPB Học viện theo Tờ trình số 503/TTr-TCCB-LĐ ngày 20/12/2018 của Phòng TCCB-LĐ, đây là cơ sở để xác định khối lượng và tần suất thực hiện công việc cụ thể của từng NV, đồng thời, là cơ sở để các đơn vị xây dựng kế hoạch công tác của đơn vị, trong đó có phân công cụ thể cho từng cá nhân về khối lượng công việc cần làm trong năm.

Học viện ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm, các đơn vị trực thuộc Học viện để phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân và làm căn cứ theo dõi, giám sát quá trình thực thi công việc [H6.06.06.04-10].

Học viện cũng ban hành các văn bản quy định việc chấp hành nội quy lao động và thời gian làm việc của CBVCNLD là một trong những tiêu chí quan trọng để xem xét, đánh giá chất lượng lao động của NV như: Nội quy lao động ban hành theo Quyết định số 550/QĐ-TCCB ngày 12/8/2009, trong đó quy định thực hiện giờ làm việc đối với cán bộ,

viên chức khối hành chính, cụ thể thời gian làm việc từ 08h00-17h00 các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và gửi tới toàn thể CBVC tại các đơn vị được biết và thực hiện [H7.07.05.01]; Quy chế làm việc Học viện ban hành theo Quyết định số 1248/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H7.07.05.02].

Học viện triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV theo từng tháng, quý và tổng kết năm, cụ thể: đánh giá hàng tháng để chi trả lương theo vị trí công việc; đánh giá viên chức hàng quý theo phiếu đánh giá của Bộ TT&TT; đánh giá phân loại viên chức, bình xét TĐKT cuối năm.

- Việc quản trị theo kết quả công việc được thực hiện theo Quy định Đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối Quản lý đào tạo phía Bắc ban hành theo Quyết định số 207/QĐ-HV ngày 26 tháng 3 năm 2018 [H6.06.02.11]. Trong đó quy định Phòng TCCB - LĐ trực tiếp theo dõi và đề nghị đơn vị, cá nhân có đánh giá hàng tháng; sau đó họp hội đồng lương đánh giá hàng tháng và có đề nghị khen thưởng cá nhân hoàn thành tốt công việc [H6.06.04.04].

Vào tháng cuối hàng quý và tháng 12 hằng năm, Học viện tổ chức đánh giá, phân loại viên chức theo quy định của BTT&TT và bình xét danh hiệu TĐKT theo Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với công chức, viên chức của Bộ TT&TT ban hành theo Quyết định số 2276/QĐ-BTTTT ngày 23/12/2020 [H6.06.04.05].

Học viện quy định công nhận và khen thưởng bao gồm các danh hiệu thi đua (lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp) và các hình thức khen thưởng (giấy khen, bằng khen) thông qua văn bản hướng dẫn công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng của Học viện hằng năm [H6.06.06.14]. Ngoài ra, Học viện còn tiến hành khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất đối với thành tích của tập thể và cá nhân trong từng thời điểm.

Trên cơ sở bản mô tả công việc đối với từng vị trí làm việc, mỗi NV hỗ trợ đều được giao nhiệm vụ theo từng chức danh cụ thể, trong đó thể hiện rõ khối lượng công việc, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH, đây là một trong những cơ sở để đánh giá tiến độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi NV [H7.07.05.03].

Hằng năm, Học viện căn cứ vào khả năng hoàn thành nhiệm vụ làm cơ sở cho việc khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho những NV có thành tích xuất sắc. Báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng hằng năm của Học viện cho thấy đa số các NV của

Học viện có kết quả đánh giá ở mức tương đối cao; 100% các NV được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và đây là động lực góp phần khuyến khích đội ngũ NV tiếp tục nỗ lực phấn đấu trong công tác phục vụ Học viện [H7.07.05.04].

Học viện ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐHV ngày 4/8/2021 của Hội đồng Học viện [H7.07.05.05], trong đó quy định cụ thể các văn bản cần phải xin ý kiến CBVCNLD trước khi ban hành. Quy định yêu cầu khi soạn thảo và ban hành quy định đánh giá hiệu quả công việc đối với cán bộ, viên chức (Quy chế trả lương, quy chế TĐKT, quy chế chi tiêu nội bộ, tiêu chí đánh giá chất lượng lao động hàng tháng, tiêu chí đánh giá phân loại và bình xét thi đua năm học...) đều có sự tham gia ý kiến đóng góp của CBVC. Quy trình ban hành văn bản gồm các bước: (1) Học viện giao cho Phòng TCCB-LĐ chủ trì, dự thảo văn bản, hoặc đề xuất thành lập các tổ/ nhóm soạn thảo, xây dựng quy định bao gồm đại diện cán bộ một số phòng, khoa, trung tâm để thực hiện nhiệm vụ xây dựng bản dự thảo quy định gửi tới các đơn vị trong toàn Học viện xin ý kiến; (2) Trên cơ sở đó, các đơn vị tổ chức cho CBVC tham gia góp ý và gửi báo cáo về thường trực hội đồng để tổng hợp, hoàn thiện quy định và báo cáo lãnh đạo học viện xem xét, phê duyệt ban hành. Việc được tham gia ý kiến giúp đội ngũ cán bộ, NV cải thiện hiệu quả công việc, đồng thời khi được tham gia góp ý xây dựng các quy định sẽ giúp họ hài lòng hơn về việc đánh giá hiệu quả công việc và công tác thi đua khen thưởng của Học viện. Các văn bản xin ý kiến và ý kiến đóng góp của các đơn vị được lưu tại hồ sơ phòng TCCB-LĐ.

Trong 5 năm đội ngũ NV hỗ trợ có 46 lượt người được nhận bằng khen Bộ TT&TT; 126 người đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở; 13 người đạt danh hiệu CSTĐ Bộ TT&TT; 1106 lượt người đạt danh hiệu LĐTT, trong đó có cán bộ Khoa QTKD.

Thông qua các hội nghị CBVC và hội nghị tổng kết công tác hằng năm của khoa và Học viện đều không nhận được khiếu nại, phàn nàn về công việc, đặc biệt là công tác thi đua khen thưởng của khoa và Học viện [H4.04.01.06], [H4.04.01.07].

Hằng năm, Văn phòng tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của CBVCNLD về điều kiện, môi trường làm việc [H7.07.01.04]. Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH giai đoạn 2019-2023, có các nội dung về sự hài lòng của người đánh giá về vị trí việc làm, đào tạo, bồi dưỡng và chế độ, chính sách [H6.06.06.15]. Kết quả khảo sát có tỷ lệ 94,56% NV hài lòng về chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,

khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện và chế độ tiền lương, thu nhập tăng thêm phù hợp với năng lực và sự đóng góp trong hoàn thành công việc được giao cho cá nhân. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 16,2% NV còn phân vân về việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Hiệu quả công việc của từng NV được định lượng, đánh giá hàng tháng bằng các tiêu chí cụ thể.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn 16,2% NV phân vân về việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu, đề xuất phương án, giải pháp quản trị theo kết quả công việc để tạo động lực cho NV trong công tác hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Quy hoạch phát triển đội ngũ NV của Học viện được xây dựng dựa trên quan điểm chỉ đạo từ Nghị quyết của Đảng ủy và Đề án vị trí việc làm đã được giám đốc học viện phê duyệt. Đội ngũ NV của Học viện và của Khoa QTKD đảm bảo về chất và lượng, được tuyển dụng đúng quy trình của Học viện, có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm về lĩnh vực công tác đảm nhận. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ hiện nay đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo và NCKH của khoa và Học viện.

Việc tuyển dụng, điều chuyển NV đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được điều chuyển hay tuyển dụng đều đảm bảo được các yêu cầu của vị trí việc làm. NV được đánh giá theo qui trình và được thông báo công khai. Học viện có văn bản hướng dẫn cụ thể để đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ để tự đánh giá và được đánh giá qua các cấp, từ đó biết được năng lực, trình độ và thái độ phục vụ của NV. Học viện đã kịp thời ban hành những quyết định cử cán bộ, viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về học tập và chế độ tài chính theo Quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ NV được quy định rõ ràng và công khai.

Việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện công bằng và khách quan thông qua quy chế thi đua khen thưởng phù hợp đã khuyến khích, động viên kịp thời tinh thần làm việc của đội ngũ NV.

Học viện chưa tổng kết đánh giá hiệu quả của các khóa đào tạo một cách bài bản để đúc rút ra những bài học từ thực tế đào tạo bồi dưỡng cán bộ NV của Học viện. Ngoài ra, trong những năm tiếp theo, Học viện cần sẽ hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV khoa học và hiệu quả hơn.

Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí: 5,00/7.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Người học là trung tâm của hoạt động đào tạo và chất lượng NH sẽ quyết định sự phát triển, tạo uy tín cho Học viện và Khoa QTKD.

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện và Khoa QTKD đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật rõ ràng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin hữu ích lựa chọn ngành học. Tiêu chí tuyển sinh và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch.

Người học ngành TMĐT tại Học viện được học tập và rèn luyện trong một môi trường năng động, sáng tạo và thân thiện và được tham gia vào tất cả các khâu trong tiến trình đào tạo, từ việc cơ cấu các HP dựa trên hệ thống phần mềm QLĐT, đến việc quy hoạch lộ trình thực hiện tiến trình đào tạo tùy theo điều kiện và năng lực về tài chính về quỹ thời gian, được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống kiểm soát phù hợp từ phần mềm đến hệ thống GV, GVCN, CVHT, trợ lý khoa, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị chức năng quản lý trực tiếp như Phòng CT&CTSV, Phòng Giáo vụ và các hoạt động hỗ trợ NH được hầu hết các đơn vị chức năng như Trung tâm KT&ĐBCLGD, Trung tâm Dịch vụ, Văn phòng Giao dịch một cửa đều phối hợp hỗ trợ hiệu quả cho NH.

Ngoài ra, Học viện còn tạo môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xanh - sạch - đẹp, các phương tiện hỗ trợ tiện ích, từ đó nâng cao ý thức NH và chất lượng đào tạo ngành TMĐT.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

Hằng năm, căn cứ vào năng lực đào tạo, phân tích nhu cầu và dựa trên tổng kết công tác tuyển sinh năm trước và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01], Học viện xác định chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành học, bậc học, của toàn Học viện [H8.08.01.02] và xây dựng Đề án tuyển sinh với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của CTĐT ngành TMĐT. Những thông tin dự báo về nhu cầu nhân lực của ngành TMĐT luôn được theo dõi và phân tích nhằm đưa ra những chính sách tuyển sinh phù hợp với thực tế tại các cuộc họp thống nhất xác định chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm. Bên cạnh đó, Học viện và Khoa cũng tham khảo ý kiến một số BLQ, đặc biệt là các nhà tuyển dụng để làm căn cứ xây dựng chính sách tuyển sinh.

Phòng CT&CTSV tổ chức khảo sát học sinh THPT khi tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh năm 2019 và 2022 [H8.08.01.03]. Kết quả khảo sát cho thấy có 92,8% học sinh tham gia khảo sát hài lòng với việc Học viện cung cấp đầy đủ kịp thời thông tin về CTĐT của Học viện; HVCS tại Thành phố HCM tổ chức khảo sát chất lượng SVTN và nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp năm 2021 và 2022, với 100% DN tham gia khảo sát có kế hoạch tiếp tục tuyển dụng SVTN từ HVCS thời gian tới, trong đó có SVTN ngành TMĐT [H8.08.01.04]. Tuy nhiên, việc tham khảo góp ý của các BLQ để xây dựng chính sách tuyển sinh chỉ dừng lại ở các đơn vị trong ngành, mà chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp ngoài ngành và quốc tế.

Trong chu kỳ kiểm định 2019-2023, Học viện có 5 Đề án tuyển sinh và các phương án điều chỉnh Đề án tuyển sinh [H8.08.01.05], với các chính sách và quy định về tuyển sinh được mô tả cụ thể, rõ ràng và đảm bảo đúng theo quy định BGD&ĐT. Nội dung các đề án đầy đủ thông tin chi tiết cho từng ngành tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh và được điều chỉnh qua các năm cho phù hợp với tình hình thực tế theo quy định của BGD&ĐT và năng lực, quy mô đào tạo của Học viện, đồng thời, các đề án tuyển sinh đều được gửi báo cáo BGD&ĐT.

Phạm vi tuyển sinh: Học viện tuyển sinh trên phạm vi cả nước (*thí sinh đăng ký xét tuyển vào cơ sở đào tạo nào sẽ theo học tại cơ sở đó theo mã vùng tuyển sinh là BVH hoặc BVS*) và quốc tế.

Đối tượng:

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (*theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên*) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (*trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành*) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (*đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam*) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (*sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT*);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

Chính sách ưu tiên:

- Học viện thực hiện chính sách ưu tiên về đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT;

- Học viện thực hiện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT và không giới hạn số lượng chỉ tiêu, được quy định tại Thông báo của Học viện (*có Thông báo riêng*) [H8.08.01.06].

- Học viện tuyển thẳng đối với các thí sinh có kết quả thi 3 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (tương ứng với tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển) từ 27,0 điểm trở lên (chỉ tính điểm bài thi); thí sinh tuyển thẳng được miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất.

Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch, thông báo tuyển sinh cho các hệ chính quy. VLVH, đại học từ xa, chất lượng cao [H8.08.01.07] và công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên) trên website Học viện (<https://ptit.edu.vn>), cổng thông tin tuyển sinh của Học viện (<https://tuyensinh.ptit.edu.vn>), của BGD&ĐT (<https://thituyensinh.vn>), các trang thông tin điện tử fanpage, facebook của Học viện [H8.08.01.08], trên các cảm nang, Brochure tuyển sinh giới thiệu các CTĐT của Học viện tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh do BGD&ĐT tổ chức [H8.08.01.09].

Học viện phân công cho các đơn vị chức năng thực hiện các chính sách, các công việc tuyển sinh. Phòng Đào tạo là đơn vị thường trực xây dựng đề án tuyển sinh, các thông báo xét tuyển, trúng tuyển, hướng dẫn nhập học; các đơn vị phối hợp là Trung tâm KT&BBDCCLGD, Phòng CT&CTSV. Khi thực thi công tác tuyển sinh, Học viện thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký, và các ban giúp việc khác thực hiện công việc theo quy chế tuyển sinh BGD&ĐT ban hành và quy định của Học viện [H8.08.01.10].

Chính sách tuyển sinh của Học viện/ngành TMĐT được cập nhật, điều chỉnh hằng năm căn cứ vào: Quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT; Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hằng năm; kết quả trúng tuyển hằng năm của NH ngành TMĐT; kết quả khảo sát tình trạng có việc làm của NH sau tốt nghiệp; dự báo nhu cầu nhân lực, điều kiện thực tế và xu hướng phát triển của ngành TMĐT. Ngoài phương thức tuyển thẳng theo quy định của BGD&ĐT, Học viện áp dụng các phương thức tuyển sinh khác nhau và được nêu cụ thể tại Đề án tuyển sinh từng năm:

- Năm 2019 xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT.

- Năm 2020, Học viện sử dụng 3 phương thức tuyển sinh: (1) tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT; (2) dựa vào kết quả thi THPT; (3) xét tuyển kết hợp giữa kết quả thi THPT và chứng chỉ SAT/IELTS/TOEFL IPT/đạt giải khuyến khích kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia/giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh.

- Năm 2021 ngoài phương thức tuyển sinh như năm 2020, đối với xét tuyển kết hợp có thêm một tổ hợp: kết hợp giữa kết quả thi THPT và học sinh chuyên Toán, Lý, Hóa, Tin học hoặc học sinh thuộc lớp chuyên Toán, Lý, Hóa, Tin học của các trường THPT trong điểm quốc gia và có điểm trung bình chung 3 năm cuối cấp đạt 8 điểm trở lên.

- Năm 2022 và 2023, có thêm phương thức dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy. Tuyển sinh các hình thức, các bậc học khác, chính sách tuyển sinh được ghi trong Thông báo tuyển sinh. Xét tuyển dựa vào bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy thì ngoài các yêu cầu theo quy định chung thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây: Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022 từ 80 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2022 từ 700 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2022 từ 25 điểm trở lên.

CTĐT ngành TMĐT tuyển sinh theo các phương thức: (i) Tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT; (ii) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT; (ii) Xét kết quả học tập THPT; (iii) Xét tuyển kết hợp giữa kết quả thi THPT và chứng chỉ SAT/IELTS/TOEFL ITP/đạt giải khuyến khích kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia/giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh; (iv) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy. Đề án tuyển sinh xác định các tổ hợp xét tuyển vào học ngành TMĐT là: A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, tiếng Anh) và D01 (Toán, Văn, Tiếng Anh).

Ngoài các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh như của Bộ GD&ĐT, Học viện có thêm chính sách ưu tiên trong tuyển sinh thông qua việc cấp các suất học bổng toàn phần (miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất) và học bổng bán phần (miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất) cho các thí sinh có kết quả thi THPT hoặc có thành tích cá nhân, thành tích học tập cao. Từ năm 2019 đến năm 2023, Học viện cấp 411 suất học bổng toàn phần và 1.395 suất học bổng bán phần cho các thí sinh đáp ứng yêu cầu nhận học bổng đầu vào các ngành đào tạo của Học viện. Mặc dù Học viện đã sử dụng phương thức tuyển thẳng, tuy nhiên trong giai đoạn KĐCLGD, ngành TMĐT chỉ có 01 thí sinh được tuyển thẳng.

Từ năm 2019, bên cạnh các thông tin chi tiết của năm tuyển sinh, thông tin ĐBCL của Học viện về đội ngũ GV và CSVC, Đề án tuyển sinh còn cung cấp cho NH thông tin tham khảo của 02 năm tuyển sinh trước đó của CTĐT ngành TMĐT (Phương thức tuyển sinh, điểm trúng tuyển); điều kiện đảm bảo chất lượng; về tình hình việc làm của hai khóa tốt nghiệp gần nhất và công khai nguồn thu tài chính và mức chi phí đào tạo trung bình hằng năm cho mỗi SV.

Từ năm 2022, Học viện bổ sung chính sách học bổng đặc biệt với số lượng dự kiến tối đa là 30 suất học bổng có tổng trị giá học bổng khoảng 3 tỷ đồng. Đối tượng để được xét cấp học bổng đặc biệt này là các thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán, Lý, Hóa và Tin học. Với học bổng đặc biệt này, thí sinh sẽ được miễn học phí trong toàn bộ thời gian học tập với điều kiện phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy năm học liên tục đạt từ loại Giỏi trở lên. Học viện tiếp tục duy trì chính sách học bổng cho các thí sinh đạt thành tích cao; Học bổng miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất với tối đa 100 suất cho các thí sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi quốc tế, quốc gia hoặc thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi Học sinh Giỏi cấp tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương các môn Toán, Lý, Hóa và Tin học hoặc đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT; Học bổng miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất với tối đa 300 suất cho thí sinh đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT (các thí sinh chưa đạt điều kiện để được xét cấp học bổng 100%). Thí sinh chỉ được xét và cấp một loại học bổng trong chính sách học bổng nêu trên. Ngoài ra, SV còn có nhiều cơ hội để được nhận các suất học bổng của các doanh nghiệp hàng đầu như: Samsung, VNPT, Mobifone, Viettel, FPT, AGR... cụ thể tại thông báo xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào đại học chính quy năm 2022 [H8.08.01.06].

Chính sách tuyển sinh, quy định tuyển sinh của Học viện được công khai trên cổng thông tin điện tử của tại địa chỉ: <https://ptit.edu.vn>; cổng thông tin đào tạo <https://daotao.ptit.edu.vn>; cổng thông tin tuyển sinh <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>; Các trang mạng xã hội chính thức của Học viện: facebook.com/ptittuyensinh, facebook.cpm/ptit/; quảng bá trên các Brochure tuyển sinh; trên cổng thông tin tuyển sinh của BGD&ĐT (<https://thituyensinh.vn/>). Thông tin tuyển sinh còn được công khai trên các báo: Giáo dục và Thời đại; Báo Tuổi trẻ; Báo Dân trí, ... [H8.08.01.11] và tạo đường dây Hotline giải đáp thắc mắc liên quan tuyển sinh để các thí sinh, phụ huynh liên hệ.

Hàng năm, Học viện xây dựng và triển khai kế hoạch tổng thể và chi tiết cho công tác tư vấn tuyển sinh, bao gồm: cẩm nang, ấn phẩm truyền thông tin tuyển sinh, ngày hội tư vấn, tư vấn mùa thi và tuyên truyền trực tiếp thông qua các hình thức như đến các trường THPT tư vấn hướng nghiệp, trao học bổng và tham gia Ngày hội tư vấn tuyển sinh tại ĐH Bách khoa Hà Nội và tại một số trường THPT trên các địa phương như Hải Phòng, Hải Dương, ... [H8.08.01.12].

Khoa QTKD phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác SV tổ chức các hoạt động tư vấn trực tuyến và xây dựng video giới thiệu về CTĐT ngành TMĐT và đăng tải trên website Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/> [H8.08.01.13] nhằm giới thiệu, quảng bá cũng như giải đáp tất cả các thắc mắc của thí sinh về thông tin tuyển sinh, hoạt động này thu hút được sự quan tâm của đông đảo học sinh và phụ huynh. Bên cạnh đó, thông qua các cuộc thi ATTT hoặc thông qua các đợt tập huấn với giáo viên phổ thông, Khoa QTKD cũng được giới thiệu, đó cũng là hình thức đưa hình ảnh của khoa, học viện đến với xã hội. Với chính sách tuyển sinh của Học viện đối với ngành TMĐT và CTĐT ngành TMĐT được xã hội biết đến, chất lượng đào tạo được công nhận là sự lựa chọn của những học sinh có đam mê với lĩnh vực TMĐT trên toàn quốc.

Kết thúc kỳ tuyển sinh hàng năm, Học viện đều tổng kết công tác tuyển sinh và triển khai nhiệm vụ năm tiếp theo, nội dung đánh giá về: (1) định hướng về công tác tuyển sinh trong năm; (2) tổ chức công tác tuyển sinh; (3) công tác truyền thông; (4) công tác phân tích, dự báo; (5) điểm chuẩn và lấy đến nguyện vọng bao nhiêu của từng ngành. 5 nội dung trên là cơ sở để Học viện đề ra chủ trương cho kỳ tuyển sinh tiếp theo và nội dung được phân tích cụ thể tại Báo cáo công tác tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.14].

Công tác giám sát tuyển sinh và nhập học được giao cho Hội đồng tuyển sinh và Ban thanh tra tuyển sinh. Học viện thực hiện các biện pháp khác nhau để giám sát công tác tuyển sinh và nhập học như thực hiện giám sát từng khâu của quá trình từ xây dựng đề án tuyển sinh, xác định chỉ tiêu tuyển sinh, giám sát quá trình thực hiện đăng ký nguyện vọng, giám sát xét tuyển, xác định điểm chuẩn theo từng mã ngành, giám sát thu nhận hồ, đối chiếu hồ sơ đăng ký và hồ sơ gốc... Học viện sử dụng phần mềm PMS-TM, camera an ninh để nâng cao chất lượng xét tuyển.

Học viện giao cho Phòng Giáo vụ kiểm dò toàn bộ hồ sơ theo từng phương thức tuyển sinh: phiếu đăng ký xét tuyển, học bạ, giấy chứng nhận tốt nghiệp, ngành học, mã đăng ký, tổ hợp xét tuyển...trước khi phân lớp học và có báo cáo công tác kiểm dò tuyển sinh [H8.08.01.15].

Ban thanh tra tuyển sinh thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành của thanh tra thi của BGD&ĐT, Học viện và có báo cáo công tác thanh tra tuyển sinh hằng năm [H8.08.01.16]. Kết thúc kỳ tuyển sinh hằng năm, Học viện lập báo cáo kết quả công tác tuyển sinh gửi báo cáo BGD&ĐT [H8.08.01.17].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Học viện được xác định rõ ràng, được công bố công khai qua các phương tiện truyền thông và cập nhật theo các quy định mới hằng năm của BGD&ĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc tham khảo góp ý của các BLQ để xây dựng chính sách tuyển sinh chỉ dừng lại ở các đơn vị trong ngành, mà chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp ngoài ngành và quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, phòng Đào tạo phối hợp với các khoa thực hiện việc khảo sát xin ý kiến các BLQ, trong đó chú trọng đến các doanh nghiệp ngoài ngành TT&TT, cũng như các doanh nghiệp nước ngoài để xây dựng chính sách tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn NH của ngành TMĐT được quy định trong các đề án tuyển sinh hằng năm với những nội dung cụ thể, rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian và phương thức tuyển sinh [H8.08.01.05].

Năm 2019, Học viện chỉ sử dụng duy nhất kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia để thực hiện xét tuyển thí sinh vào đại học. Từ năm 2020, Học viện mở rộng phương án tuyển sinh với 3 phương thức: (1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt 27,0 điểm trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021; (2) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia với khoảng 85% chỉ tiêu theo ngưỡng đảm bảo chất lượng Học viện công bố, xét trúng tuyển theo ngành và không có điểm chênh lệch giữa các tổ hợp bài thi/môn thi trong cùng một ngành; (3) Xét tuyển kết hợp giữa kết quả học tập ở bậc THPT với chứng chỉ quốc tế hoặc thành tích cá nhân trong kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi hoặc thành tích học tập tại các trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố, cụ thể như sau:

Phương thức 1 - Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Học viện thực hiện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học của BGD&ĐT và xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt 27,0 điểm trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021.

Phương thức 2 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2021: Học viện dành khoảng 85% chỉ tiêu cho xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2021; ngưỡng đảm bảo chất lượng được Học viện công bố sau khi có kết quả thi THPT; xét trúng tuyển theo ngành và không có điểm chênh lệch giữa các tổ hợp bài thi/môn thi trong cùng một ngành.

Phương thức 3 - Xét tuyển kết hợp: Năm 2021, Học viện xét tuyển theo phương thức kết hợp giữa kết quả học tập ở bậc THPT với chứng chỉ quốc tế *hoặc* thành tích cá nhân trong kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi *hoặc* thành tích học tập tại các trường THPT chuyên. Cụ thể:

a. Đối tượng 1: Thí sinh có chứng chỉ quốc tế SAT từ 1130/1600 trở lên *hoặc* ACT từ 25/36 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (*hoặc học kỳ 1 lớp 12*) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

b. Đối tượng 2: Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (*tính đến ngày xét tuyển*) đạt IELTS 5.5 trở lên *hoặc* TOEFL iBT 65 trở lên *hoặc* TOEFL ITP 513 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (*hoặc học kỳ 1 lớp 12*) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

c. *Đối tượng 3*: Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia *hoặc* đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia *hoặc* đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học và có kết quả điểm chung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (*hoặc học kỳ 1 lớp 12*) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

d. *Đối tượng 4*: Là học sinh chuyên các môn Toán, Lý, Hoá, Tin học của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (*các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học*) *hoặc* hệ/lớp chuyên các môn Toán, Lý, Hoá, Tin học của các trường THPT trọng điểm quốc; và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (*hoặc học kỳ 1 lớp 12*) đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

Từ năm 2022, Học viện có 4 phương thức tuyển sinh và bổ sung thêm (4) Xét tuyển dựa vào bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy thì ngoài các yêu cầu theo quy định chung thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây: Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022 từ 80 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2022 từ 700 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Trường đại học Bách khoa Hà Nội năm 2022 từ 25 điểm trở lên.

Đối tượng tuyển sinh nhóm ngành kinh tế: Thí sinh trúng tuyển vào đại học hệ chính quy trong năm của Học viện ở các ngành thuộc nhóm ngành kinh tế gồm ngành: Quản trị kinh doanh, kế toán, Marketing, Truyền thông đa phương tiện, ...

- Có trình độ tiếng Anh tối thiểu từ TOEFL iBT 30 điểm hoặc TOEFL ITP 360 điểm hoặc IELTS 4,0 điểm trở lên (tương đương với trình độ Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) hoặc tương đương. Các thí sinh chưa đạt yêu cầu trình độ tiếng Anh sẽ phải học khóa học tiếng Anh tăng cường trong học kỳ đầu tiên.

- Tự nguyện tham gia học và cam kết đóng học phí theo quy định của Học viện đối với chương trình chất lượng cao.

Trong đề án tuyển sinh trình độ đại học hằng năm, Học viện tuyên bố rõ tổ hợp các môn xét tuyển, theo từng phương thức xét tuyển với thông tin về ngành, mã ngành, tổ hợp xét tuyển từng CTĐT:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1.	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
2.	An toàn thông tin	7480202	A00, A01
3.	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	7510301	A00, A01
4.	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01
5.	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01
6.	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	7520207	A00, A01
7.	Công nghệ đa phương tiện	7329001	A00, A01, D01
8.	Truyền thông đa phương tiện	7320104	A00, A01, D01
9.	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01
10.	Marketing	7340115	A00, A01, D01
11.	Kế toán	7340301	A00, A01, D01
12.	Công nghệ tài chính (Fintech)	7340208	A00, A01, D01

Ghi chú:

- Tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa;
- Tổ hợp A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh;
- Tổ hợp D01: Toán, Văn, Tiếng Anh.

Các phương thức xét tuyển của Học viện đều phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT quy định. Trong chu kỳ đánh giá, năm 2019, Học viện áp dụng: (1) xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT; (2) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT, trong đó năm 2020 bổ sung thêm phương thức xét tuyển kết hợp kết quả thi THPT và các chứng chỉ quốc tế; năm 2021 mở rộng thêm phương thức xét tuyển kết hợp; từ năm 2022, thêm một phương thức tuyển sinh mới: dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy. Tổ hợp các môn xét tuyển được xác lập phù hợp cho từng nhóm ngành học: khối kinh tế sử dụng các tổ hợp A0, A1, D1; khối các ngành công nghệ, kỹ thuật sử dụng các tổ hợp A0 và A1.

Các tiêu chí tuyển sinh và phương pháp tuyển chọn NH được rà soát, đánh giá theo đúng quy trình, quy định và quyết định bởi hội đồng tuyển sinh hằng năm nhằm mục đích tuyển chọn được các thí sinh có chất lượng cao và phù hợp với ngành đào tạo. Căn cứ vào ý kiến phân tích, đánh giá của các chuyên gia, Hội đồng tuyển sinh đã đưa ra các phương hướng tuyển sinh đợt tiếp theo. Các vấn đề bất cập khác trong quy trình, hình thức tuyển sinh cũng được thảo luận trong các cuộc họp Hội đồng tuyển sinh hằng năm [H8.08.02.01],

đặc biệt là công tác giám sát, kiểm dò thông tin ưu tiên của các thí sinh trúng tuyển Đại học được rà soát hệ thống [H8.08.01.15]. Trước khi đề án tuyển sinh được công khai trên các kênh truyền thông của Học viện, đề án được các đơn vị trong học viện góp ý, đặc biệt là ý kiến của các khoa đề xuất chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, năng lực của học viện và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Điểm trúng tuyển được công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia theo quy định của Bộ GD&ĐT căn cứ vào số lượng người đăng ký, kết quả thi thực tế của từng năm [H8.08.02.02] và hằng năm Học viện đã đưa ra ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào dựa trên quy định của BGD&ĐT [H8.08.02.03]. Chỉ tiêu tuyển sinh xác định cho từng ngành, từng phương thức xét tuyển, đồng thời, Học viện ban hành chính khuyến khích thí sinh dự thi vào Học viện: trước năm 2022, thí sinh có kết quả thi THPT đạt 27 điểm trở lên được miễn 100% học phí năm thứ nhất; 300 thí sinh có kết quả thi THPT cao nhất được miễn 50% học phí năm thứ nhất. Từ kỳ tuyển sinh năm 2022, thí sinh được tuyển thẳng theo quy chế của BGD&ĐT được miễn học phí trong toàn bộ quá trình học nếu kết quả từng năm học đạt loại giỏi.

Kết quả tuyển sinh ngành TMĐT hằng năm của Học viện đều được công bố công khai trên website của Học viện. Các số liệu về số thí sinh đăng ký xét tuyển, trúng tuyển, số thí sinh trúng tuyển, tỷ lệ cạnh tranh, điểm tuyển đầu vào và số thí sinh nhập học thực tế được thống kê chi tiết tại Bảng 8.1, *Phụ lục 02*, nhằm phục vụ đánh giá công tác tuyển sinh và đưa ra những phương án cải tiến hoạt động này cho những năm tiếp theo. Qua kết quả thống kê cho thấy số thí sinh đăng ký vào CTĐT ngành TMĐT tăng theo xu thế có chọn lọc hiệu quả phù hợp với năng lực thí sinh khi lựa chọn ngành học. Số thí sinh trúng tuyển vào Học viện có chiều hướng ổn định theo chỉ tiêu tuyển sinh được phân bổ với điểm đầu vào luôn nằm trong top đầu các trường đại học có cùng ngành tuyển sinh.

Học viện triển khai nhiều hình thức tư vấn tuyển sinh đa dạng, giúp thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin và đăng ký thi tuyển [H8.08.01.11]. Học viện và khoa có nhiều cơ hội kết nối, thông tin đến các giáo viên phổ thông, vốn là cựu SV của Học viện về thông tin tuyển sinh, chính sách tuyển sinh đến các học sinh phổ thông. Học viện đã phân tích thí sinh tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh, nhưng chưa khảo sát và phân tích sâu đặc điểm của SV nhập học, những SV trúng tuyển nhưng không nhập học để tìm hiểu sâu hơn các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả tuyển sinh, từ đó tìm ra giải pháp cho công tác tuyển sinh có hiệu quả hơn trong thời gian tới. Nội dung báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hằng

năm của Học viện chưa đi sâu phân tích đầy đủ các công đoạn tuyển sinh và chưa có báo cáo công tác giám sát tuyển sinh.

Mặc dù Học viện có chính sách khuyến khích thí sinh có kết quả tuyển sinh cao nhập học, tuy nhiên không nhiều thí sinh nhập học theo phương thức tuyển thẳng, mỗi năm có chưa tới 50 thí sinh được tuyển thẳng và ngành TMĐT chỉ có 01 thí sinh được tuyển thẳng.

Học viện giao Phòng Đào tạo chủ trì và phối hợp với phòng Giáo vụ và phòng CT&CTSV xây dựng kế hoạch nhập học (nội dung, thời gian địa điểm..., phân công nhiệm vụ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và Ban thanh tra giám sát việc thực hiện công việc). Học viện xây dựng quy trình nhập học bao gồm 7 bước công việc, có sơ đồ và SV tình nguyện chỉ dẫn. Phòng Đào tạo là đơn vị chủ trì công tác nhập học, có 9 đơn vị khác phối hợp. Học viện thực hiện các biện pháp khác nhau để giám sát công tác tuyển sinh và nhập học; dụng phần mềm PMS-TM, camera an ninh để nâng cao chất lượng xét tuyển và nhập học [H8.08.02.04].

Tháng 12 hằng năm, Học viện tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh có sự tham gia của các đơn vị trong Học viện để rà soát lại nhu cầu nhân lực và nghiên cứu nội dung điều chỉnh phương thức tuyển sinh năm tiếp theo [H8.08.01.14]. Trên cơ sở các ý kiến rà soát về công tác tuyển sinh, Học viện thường xuyên có sự điều chỉnh, thay đổi về tiêu chí tuyển sinh và phương pháp tuyển sinh, cụ thể tăng từ 01 phương thức xét tuyển năm 2016 - 2019 lên 03 phương thức xét tuyển vào năm 2020 và 2021 và tăng lên thành 04 phương thức từ năm 2022; Hình thức tư vấn tuyển sinh đa dạng hơn, giúp thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin và đăng ký thi tuyển; thông tin về tuyển sinh của Học viện còn được thông báo rộng rãi đến học sinh các trường THPT thông qua việc kết nối với các giáo viên phổ thông, vốn là cựu SV của Học viện.

Sau khi kết thúc kỳ tuyển sinh, Ban thanh tra tuyển sinh thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành của thanh tra thi của Bộ GD&ĐT, Học viện và có báo cáo công tác thanh tra tuyển sinh hằng năm [H8.08.01.16] và Học viện tổ chức buổi tổng kết công tác tuyển sinh, gửi Báo cáo Bộ GD&ĐT và đề nghị khen thưởng các đơn vị có thành tích trong công tác tuyển sinh [H8.08.01.17].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được rà soát, đánh giá trong suốt quá trình tuyển sinh để kịp thời điều chỉnh phương thức tuyển sinh trong từng năm cho phù hợp với nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Học viện đã sử dụng phương thức tuyển thẳng, tuy nhiên trong giai đoạn 2019-2023, ngành TMĐT có rất ít thí sinh được tuyển thẳng.

4. Kế hoạch hành động

Từ khóa tuyển sinh năm 2024, Phòng CT&CTSV phối hợp với các khoa đề xuất các hình thức quảng bá truyền thông dạng hơn trong về phương thức tuyển thẳng với các ưu đãi đặc biệt về học bổng để có thể thu hút nhiều hơn thí sinh đăng ký tuyển thẳng vào học CTĐT ngành TMĐT của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ bao gồm: Phòng Giáo vụ, Phòng Đào tạo, Trung tâm KT&ĐBCLGD, Phòng CT & CTSV, các khoa, CVHT. Cụ thể:

(1) Phòng Giáo vụ có nhiệm vụ “Xây dựng khung kế hoạch đào tạo hằng năm; kế hoạch đào tạo cho các lớp, khoá, các hệ đào tạo theo chương trình, quy chế đào tạo; Thành lập lớp, xử lý lên lớp, ngừng học, buộc thôi học, cảnh báo học vụ theo kết quả học tập; xét cấp học bổng khuyến khích học tập; xét điều kiện dự thi tốt nghiệp... Tiếp nhận, sử dụng kết quả thi do TTKT&ĐBCLGD quản lý, cung cấp để thực hiện các nghiệp vụ quản lý: xét, xử lý kết quả học tập của SV; tổng hợp, đánh giá, phân loại kết quả học tập của SV theo học kỳ, năm học và khóa học; thực hiện các chế độ học tập của SV; định kỳ tổ chức tổng hợp, báo cáo và cung cấp thông tin, phổ biến thông tin kế hoạch đào tạo, thông tin dữ liệu SV cho các đơn vị liên quan, cho SV theo quy định” (Điều 2 QĐ số 621/QĐ-HV ngày 08/08/2018) [H8.08.03.01]. Phòng Giáo vụ phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCLGD theo dõi, tổng hợp bảng điểm học tập của SV các học kỳ được thiết lập trên phần mềm để báo cáo đề xuất Ban giám đốc Học viện xem xét, phê duyệt kết quả học tập của SV.

(2) Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm xét điều kiện tốt nghiệp và làm thủ tục cấp phát văn bằng tốt nghiệp cho SV (QĐ số 834/QĐ-HV ngày 18/11/2015) [H8.08.03.02].

(iii) Phòng CT & CTSV có nhiệm vụ “thực hiện các nghiệp vụ, thủ tục liên quan đến công tác SV đầu khóa, năm học, kỳ học: sinh hoạt tuần công dân đầu khóa học, đầu kỳ học; tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện, thực các hiện chế độ, chính sách có liên quan đối với

SV, hỗ trợ và chăm sóc SV, phối hợp với các đơn vị, CVHT trong công tác tư vấn học tập, rèn luyện, hỗ trợ việc làm đối với SV... ” (Điều 2-QĐ số 622/QĐ-HV ngày 08/08/2018) [H8.08.03.03].

(4) TTKT&ĐBCLGD có nhiệm vụ: “Tổ chức thi, chấm thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, các học phần thay thế tốt nghiệp, chấm phúc khảo, bảo vệ luận văn, đề án, khóa luận tốt nghiệp cho SV các hệ đào tạo; Quản lý lưu trữ bài thi đã chấm; quản trị cơ sở dữ liệu kết quả thi của SV, học viên; Công bố kết quả học tập của SV, học viên sau khi có kết quả...” (Điều 2 QĐ số 970/QĐ-HV ngày 01/11/2018) [H8.08.03.04].

(5) Tổ Thanh tra - Pháp chế thuộc Văn phòng Học viện có nhiệm vụ: “Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch, chương trình nội dung, phương pháp giáo dục, quy chế đào tạo, quy chế thi cử, cấp văn bằng, chứng chỉ; ... phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc khen thưởng, thi hành kỷ luật...SV” (Điều 2 QĐ số 525/QĐ-HV ngày 12/6/2017) [H8.08.03.05].

(6) Khoa QTKD tổ chức giám sát giờ lên lớp của SV, quá trình SV học tập và đánh giá điểm thành phần các môn học [H8.08.03.06]. Trong quá trình giảng dạy và khi kết thúc học phần, các GV sẽ đánh giá mức độ tích lũy CDR của SV theo lớp học phần.

(7) CVHT có trách nhiệm “Hướng dẫn SV tìm hiểu Quy chế, Quy định đào tạo của BGD&ĐT và của Học viện để SV nắm rõ trách nhiệm, quyền lợi của mình; nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện chung của SV, phối hợp với các đơn vị, cá nhân có liên quan, kịp thời tư vấn giúp đỡ SV giải quyết những khó khăn trong học tập, đảm bảo quyền lợi SV, tránh tình trạng SV bị cảnh cáo học tập hoặc buộc thôi học; giữ mối liên hệ với gia đình SV; thông tin kết quả học tập đến gia đình SV khi được yêu cầu...” (Các QĐ: số 1235/QĐ-HV ngày 31/12/2015; số 333/QĐ-HVCS ngày 27/07/2018; số 47/QĐ-HV ngày 14/01/2022) [H8.08.03.06]. Quy định về công tác cố vấn học tập quy định cụ thể nhiệm vụ của CVHT là có trách nhiệm hướng dẫn SV tìm hiểu quy chế, quy định đào tạo của BGD&ĐT và của Học viện; tư vấn cho SV đăng ký môn học, lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và toàn khoá học, chủ trì đánh giá kết quả rèn luyện của lớp SV theo đúng thời gian và quy định của Học viện. Quy định phân công rõ nhiệm vụ của từng đơn vị trong việc thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ SV. như: Phòng Chính trị & Công tác SV là đầu mối cung cấp các hoạt động và dịch vụ hỗ trợ, phòng Giáo vụ (hỗ trợ công tác học tập cho NH, các Khoa (đội ngũ CVHT hỗ trợ học tập cho NH, Trung tâm dịch vụ (hỗ trợ KTX cho SV), phòng Quản lý khoa học & Hợp tác quốc tế (hỗ trợ hoạt động NCKH của SV) và

Đoàn thanh niên (hỗ trợ hoạt động ngoại khóa) thực hiện các quyết định hỗ trợ NH. Bên cạnh đó, Học viện cũng triển khai các hoạt động tư vấn cho NH thông qua hoạt động của các đơn vị như: Phòng CT&CTSV, Đoàn thanh niên, Trung tâm đổi mới sáng tạo...

Hằng năm, các Khoa QTKD căn cứ trên năng lực, chuyên môn của GV thuộc khoa đề đề xuất các GV đảm nhận công tác CVHT theo nguyên tắc đối với mỗi lớp SV, Học viện quy định cứ 01 cán bộ là CVHT và một CVHT có thể phụ trách một hoặc nhiều lớp học cùng một khóa học hoặc các khóa học khác nhau, Phòng CT & CTSV tổng hợp danh sách và trình giám đốc ban hành các quyết định cử CVHT cho các lớp theo từng khóa học [H8.08.03.07].

Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của NH trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ, Học viện đã ban hành các quy định:

- Quy định về đào tạo đại học theo tín chỉ ban hành năm 2012, 2018 và 2021 [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], trong đó, tại Điều 12, Quy chế đào tạo năm 2021 đã quy định rõ khối lượng học tập của NH phải đăng ký trong mỗi học kỳ căn cứ kết quả học tập: Đối với học kỳ chính, NH được đăng ký tối thiểu không thấp hơn 15 tín chỉ (CTĐT cử nhân) và 16 tín chỉ (CTĐT kỹ sư), tối đa không vượt quá 25 tín chỉ; Điều 14 Quy định về học lại và học cải thiện điểm; Điều 18. Đánh giá lớp học phần; Điều 23. Tiêu chí đánh giá kết quả học tập; Điều 24. Đánh giá kết quả học phần. Khối lượng tín chỉ của CTĐT được phân bổ hợp lý theo từng học kỳ để NH đăng ký học tập. Để đảm bảo NH hoàn thành được CTĐT đúng thời hạn, Học viện cho phép NH được đăng ký học lại, học cải thiện điểm vào các kỳ học chính, kỳ học phụ. Đồng thời, những SV có kết quả học tập yếu, kém sẽ bị cảnh báo học vụ theo các mức 1, 2, 3.

- Học viện ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của SV theo Quyết định số 1213/QĐ-HV ngày 31/12/2015, kèm theo Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện với các mức điểm chi tiết để đánh giá sự tiến bộ của NH về rèn luyện theo từng học kỳ của năm học [H8.08.03.08]; Quy định về công tác SV theo Quyết định số 1236/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H8.08.03.09]. Theo quy định, vào tuần đầu tiên của mỗi học kỳ Phòng CT&CTSV triển khai đánh giá kết quả rèn luyện của SV và tổng hợp báo cáo lên hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của SV Học viện họp xét, thống nhất trình giám đốc công nhận kết quả. Việc đánh giá điểm rèn luyện do cá nhân SV tự đánh giá và sau đó được thẩm định với sự tham gia của CVHT, ban cán sự lớp, chi đoàn thông qua cuộc họp, bình xét.

Kết quả học tập, rèn luyện của NH được tổng hợp và thống kê theo từng học kỳ, năm học. Kết quả phân loại rèn luyện của SV được sử dụng trong việc xét cấp học bổng, khen thưởng, kỷ luật, xét thôi học, ngừng học theo quy định. Học viện thành lập các Hội đồng khen thưởng SV và ban hành các quyết định về công nhận thành tích khen thưởng SV theo năm học.

CTĐT ngành TMĐT được xây dựng dựa trên sự đánh giá, khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và luôn cập nhật những kiến thức mới để đảm bảo NH khi ra trường có năng lực, trình độ và kỹ năng đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Khối lượng học tập được phân bổ hợp lý nhằm đảm bảo NH có học lực trung bình hoàn thành được CTĐT đúng hạn. CTĐT ngành TMĐT có tổng cộng 130 tín chỉ, chưa tính các học phần giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, kỹ năng mềm. Khối lượng tín chỉ của CTĐT được phân bổ theo từng học kỳ để NH đăng ký học tập theo tiến trình học tập chuẩn theo quy trình đăng ký môn học theo tín chỉ [H8.08.03.10]. Để đảm bảo NH hoàn thành được CTĐT đúng thời hạn, Học viện cho phép NH được đăng ký học lại, học cải thiện vào các kỳ học chính, kỳ học phụ theo năm học [H8.08.03.12]. Kết quả trong 5 năm giai đoạn 2019-2023, Học viện đã tổ chức cho hơn 300 lượt SV ngành TMĐT học lại, học cải thiện điểm trong các học kỳ chính và học kỳ phụ.

Đề cương chi tiết các học phần của ngành TMĐT quy định rõ mục tiêu đạt được, phương thức kiểm tra, đánh giá cụ thể đối với từng học phần như mức độ chuyên cần, thái độ học tập, hình thức và cách thức đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ và được công khai cho NH vào tiết học đầu tiên của học phần [H8.08.03.13]. Bên cạnh đó, GV phụ trách học phần cũng tham gia giám sát quá trình học tập của NH thông qua đánh giá điểm thành phần (điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, thảo luận, TNTH, ...).

Học viện có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo theo tín chỉ, công thông tin quản lý đào tạo, các trang mạng xã hội để triển khai hoạt động đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Từ năm 2012, Học viện đã triển khai phần mềm quản lý đào tạo (có bản quyền) quản lý toàn bộ SV từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp ra trường, gồm quản lý điểm học tập, rèn luyện, thôi học, nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập, buộc thôi học, quản lý thi đua, chế độ chính sách... Hệ thống này cho phép Học viện giám sát được kết quả học tập, tiến độ học tập của NH [H8.08.03.14]. Phòng Giáo vụ được phân quyền để giám sát, theo dõi và quản lý cơ sở dữ liệu sự tiến bộ của NH trong học tập và tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học; Phòng CT&CTSV được phân quyền để giám sát, theo dõi và quản lý kết quả rèn luyện của NH.

Cơ sở dữ liệu về đăng ký học phần của SV, kết quả học tập của SV được cập nhật theo từng học kỳ vào phần mềm quản lý đào tạo và được lưu giữ trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Sau quá trình triển khai, phần mềm quản lý đào tạo chưa tính năng cảnh báo học vụ tự động khi NH thuộc trường hợp bị cảnh báo học vụ, việc nhắc nhở vẫn do CVHT và khoa QTKD tư vấn trực tiếp cho từng SV.

Cơ sở dữ liệu về kết quả học tập và rèn luyện của SV từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp được lưu trữ, quản lý trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo Edusoft và SV được cấp tài khoản đăng nhập để biết được kết quả học tập theo từng học kỳ, năm học. Phòng Giáo vụ theo dõi kết quả học tập của SV trong quá trình học tập tại Học viện, thông báo cảnh báo học vụ vào cuối mỗi học kỳ đối với những SV có kết quả học tập yếu, kém theo các mức 1, 2, 3 và theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học của SV.

Đầu mỗi học kỳ, nhằm giúp SV biết thông tin về kết quả học tập và chủ động lập kế hoạch học tập thích hợp, các CVHT phê duyệt đăng ký học phần của SV trong học kỳ tiếp theo gửi Phòng Giáo vụ để tổ chức các lớp môn học [H8.08.03.15]. Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo cho phép từng CVHT có thể xem và cập nhật được kết quả học tập theo từng học kỳ của SV, giúp CVHT có những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những SV không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn [H8.08.03.16]. Đồng thời, Học viện ban hành quy định về việc cấp và sử dụng hộp thư điện tử (email) của SV theo Quyết định số 1103/QĐ-HV ngày 06/12/2019 [H8.08.03.17] để có thể gửi các thông báo cảnh báo kết quả học tập của SV kịp thời theo đúng quy chế đào tạo.

Thực hiện nhiệm vụ của CVHT theo quy định của Học viện, hàng tháng, cố vấn học tập họp với các lớp SV để nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện của SV và kịp thời giám sát, nhắc nhở. Kết quả các cuộc họp lớp đều được gửi về Phòng CT&CTSV để phối hợp với Khoa QTKD giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của SV [H8.08.03.18]. Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của SV, phòng Chính trị & Công tác SV phối hợp với đội ngũ CVHT và khoa giữ mối liên hệ với SV và gia đình nhằm giúp SV tập trung học tập để cải thiện kết quả học tập.

Kết quả rèn luyện hằng năm được Học viện tổ chức đánh giá công khai tại các lớp, hầu hết các SV ngành TMĐT đều có kết quả rèn luyện loại tốt, xuất sắc. Cụ thể có: 11,20% xuất sắc, 45,35 % tốt, 50,88%, khá, 0,15 %, trung bình, 6,44 % yếu, kém (các SV yếu, kém hầu hết là các SV bỏ học) [H8.08.03.19]. Hằng năm, vẫn còn một tỷ lệ nhỏ NH ngành TMĐT có kết quả rèn luyện ở mức yếu kém, tập trung chủ yếu ở cơ sở Hà Nội (Năm học

2017-2018: 7,7%; năm học 2018-2019: 9,2%; năm học 2019-2020: 7,0%; năm học 2020-2021: 7,2%; năm học 2021-2022: 4,1%).

Kết thúc mỗi học kỳ, căn cứ CSDL KQHT trên phần mềm QLĐT, Học viện theo dõi và nắm bắt được tình hình học tập của SV. Đây là CSDL quan trọng để phòng Giáo vụ, phòng CT&CTSV và Khoa QTKD theo dõi, đánh giá sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và tỷ lệ tốt nghiệp chậm tiến độ, thôi học của SV ngành TMĐT.

2. Điểm mạnh

Học viện có phần mềm QLĐT được phân quyền cho các đơn vị chức năng liên quan chủ động quản lý, giám sát và theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện, cũng như theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ và thôi học.

3. Điểm tồn tại

Sau quá trình triển khai, phần mềm quản lý đào tạo chưa tính năng cảnh báo học vụ tự động khi NH thuộc trường hợp bị cảnh báo học vụ, việc nhắc nhở vẫn do CVHT và Khoa QTKD tư vấn trực tiếp cho từng SV.

4. Kế hoạch hành động

Quý II năm 2024, Phòng Giáo vụ phối hợp với Phòng Tài chính Kế toán làm việc với đơn vị cung cấp phần mềm để bổ sung tính năng tự động đưa ra cảnh báo cho các SV thuộc diện bị cảnh báo học vụ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện giao nhiệm vụ cho các đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác đối với NH. Phòng CT&CTSV tại cơ sở đào tạo ở Hà Nội và phòng Công tác SV HVCS tại Thành phố HCM [H8.08.03.03] (sau đây được gọi chung là phòng CT&CTSV) được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong công tác tổ chức các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho NH, Cụ thể:

- Thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đối với SV: Phòng CT&CTSV phối hợp với phòng Giáo vụ, phòng Tài chính - Kế toán tổ chức thực hiện các chế độ, chính

sách có liên quan đối với SV về học bổng hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp (nguồn kinh phí không phải từ quỹ học bổng khuyến khích học tập được học viện trích lập); học phí; khen thưởng, kỷ luật, trợ cấp xã hội; bảo hiểm; tín dụng đào tạo và các chế độ ưu tiên, hỗ trợ cho với SV tàn tật, khuyết tật, SV diện chính sách, SV gặp hoàn cảnh khó khăn theo quy định và phân cấp của Học viện.

- Công tác cố vấn học tập: Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa QTKD và các đơn vị chức năng trong việc bố trí cố vấn học tập cho các lớp SV. Căn cứ Quy định về công tác cố vấn học tập [H8.08.03.06], Hằng năm, Lãnh đạo Khoa căn cứ trên năng lực, chuyên môn của GV thuộc khoa để đề xuất các GV đảm nhận công tác CVHT, Phòng CT & CTSV tổng hợp danh sách và trình Giám đốc ban hành Quyết định cử CVHT cho các lớp SV khoa QTKD [H8.08.03.07]. Hằng năm Học viện cử khoảng 70-80 cán bộ, GV từ các đơn vị phòng ban chức năng và Khoa QTKD làm cố vấn học tập cho các lớp SV ngành TMĐT từ năm thứ 1 đến năm thứ 5 (đội ngũ Cố vấn học tập sẽ có sự thay đổi ở thời điểm năm thứ 3 khi các lớp được tách theo chuyên ngành đào tạo).

- Các hoạt động ngoại khóa và tổ chức các phong trào thi đua trong SV: Phòng CT&CTSV phối hợp với Đoàn thanh niên Học viện và các đơn vị có liên quan tổ chức các hoạt động phong trào: văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động tình nguyện, PVCD, giao lưu và các hình thức khuyến khích học tập khác; theo dõi công tác phát triển Đảng trong SV; quản lý các đội, nhóm, câu lạc bộ và Diễn đàn SV để tạo điều kiện cho NH có môi trường học tập, rèn luyện, phấn đấu.

- Hệ thống tư vấn, hỗ trợ SV:

+ Phòng CT&CTSV của 2 cơ sở đào tạo là các đơn vị chuyên trách, thực hiện nhiệm vụ tư vấn và hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm. Phòng bố trí các cán bộ chuyên trách có kinh nghiệm và tâm huyết để giúp đỡ tư vấn việc làm cho SV và được quy định cụ thể tại bản mô tả công việc của chuyên viên phụ trách công tác SV - mục số 4 “tư vấn hỗ trợ SV” [H8.08.04.01].

+ Ngoài ra, Học viện thành lập bộ phận một cửa để tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cho SV. Trong đó phòng Đào tạo có 01 nhân sự phụ trách giải đáp thắc mắc tuyển sinh, phòng Giáo vụ 01 nhân sự phụ trách học vụ, cấp bằng điểm.; Phòng Chính trị & Công tác SV có 01 nhân sự giúp NH trong vấn đề chính sách [H8.08.04.02].

+ Vào đầu năm học, Phòng CT&CTSV chủ trì, phối hợp với Đoàn TN Học viện, các khoa và đơn vị chức năng xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động ngoại khóa của SV

trong từng năm học báo cáo lãnh đạo học viện phê duyệt và triển khai tổ chức thực hiện. Nội dung kế hoạch được cụ thể tại kế hoạch công tác của Phòng CT&CTSV [H8.08.04.03] và chương trình công tác của Đoàn TN hằng năm (các hoạt động liên quan đến hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ học tập SV như các cuộc thi chuyên môn, nói chuyện chuyên đề, tư vấn hỗ trợ việc làm, lấy ý kiến SV được lên kế hoạch khung từ đầu năm, có sự phân công trách nhiệm chủ trì/phối hợp và kèm dự toán kinh phí) [H8.08.04.04].

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện đã các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH, cụ thể:

- Học bổng và hỗ trợ kinh phí cho SV có hoàn cảnh khó khăn trong học tập:

- + Học viện ban hành Quy định về tạo lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ học bổng SV để cấp học bổng cho những SV giỏi và SV có hoàn cảnh khó khăn nhưng có kết quả học tập khá, giỏi [H8.08.04.05].

- + Học viện có chính sách học bổng đãi ngộ cho SV ngoài học bổng khuyến khích học tập, Học bổng miễn giảm học phí cho các đối tượng chính sách xã hội của Nhà nước được Nhà nước cấp bù kinh phí. Hằng năm, Phòng CT&CTSV đã phối hợp với Khoa xét cấp học bổng và trợ cấp miễn giảm học phí cho SV. Giai đoạn 2019 - 2023, có 456 lượt NH ngành TMDT được miễn giảm 1,713,152 triệu đồng học phí [H8.08.04.06]. Học viện là trường đại học tự chủ tài chính, Học viện trích từ nguồn thu học phí cho Quỹ hỗ trợ SV để cấp bù thêm cho SV phần chênh lệch giữa học phí theo quy định của Nhà nước dành cho các trường đại học công lập chưa tự chủ và mức học phí của các trường đại học tự chủ tài chính. Chi tiết tại Bảng 8.1, *Phụ lục 02* về mức kinh phí cấp bù hằng năm.

Hằng năm, Học viện trích kinh phí trợ cấp cho SV có hoàn cảnh khó khăn và trích từ quỹ hỗ trợ SV để trợ cấp khó khăn cho SV các dịp khai giảng năm học mới hoặc tết nguyên đán [H8.08.04.07]. Đặc biệt trong năm 2020 và 2021, Học viện trích 6 tỷ đồng từ Quỹ hỗ trợ SV để hỗ trợ khó khăn đột xuất cho 12.000 SV Học viện gặp khó khăn do Covid, lũ lụt, hỗ trợ cước dữ liệu Internet cho SV trong năm 2020, hỗ trợ khó khăn cho SV ở Ký túc xá trong thời gian giãn cách dịch bệnh Covid-19 năm 2021.

- + Học viện cũng kêu gọi từ các nguồn học bổng hỗ trợ từ các doanh nghiệp như Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam Agribank, Ngân hàng Đầu tư phát triển BIDV, công ty Nastech, học bổng Honda, học bổng Panasonic, ... dành cho các SV có kết quả học tập, nghiên cứu xuất sắc ... [H8.08.04.08].

Thực hiện các quy định về công tác học sinh, SV của BGD&ĐT, Học viện cũng hỗ trợ các thủ tục hành chính cho các SV có nhu cầu đủ điều kiện, thuận lợi trong việc vay vốn ngân hàng phục vụ việc học tập [H8.08.04.09].

- Hoạt động ngoại khóa SV:

+ Học viện đã tổ chức cho SV học tập ngoại khóa, tạo lập môi trường phù hợp để rèn luyện tính năng động, tính thích nghi, tự tin... thông qua việc tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo về kỹ năng sống, thực hành xã hội, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần; chương trình đồng hành cùng thanh niên trong học tập, NCKH; ... được thể hiện thông qua báo cáo tổng kết công tác năm của Phòng CT&CTSV [H8.08.04.10].

+ Hoạt động Đoàn Thanh niên Học viện: Đoàn TN Học viện luôn chú trọng tạo lập một môi trường rèn luyện và học tập cho SV nuôi dưỡng và phát triển tiềm năng, quan tâm phát triển các năng lực khác, thông qua hoạt động của các câu lạc bộ SV, các thể hệ SV Học viện luôn giữ được truyền thống năng động, sáng tạo, giỏi ngoại ngữ, có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức tốt, ... Hoạt động của Đoàn TN được thể hiện cụ thể tại Báo cáo tổng kết công tác năm [H8.08.04.11], cụ thể: Hằng năm Học viện đã tổ chức các hoạt động tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp trực tiếp, trực tuyến cho các em học sinh cuối cấp tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Thanh hóa, Nam định, Nghệ an, Hải Phòng..., với khoảng trên 25.000 lượt SV tham gia sự kiện mỗi năm; Đoàn thanh niên định kỳ hằng năm phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác SV tổ chức chương trình tình nguyện “Tiếp sức mùa thi” với gần 380 SV tham gia hướng dẫn thí sinh đến địa điểm thi, hỗ trợ giữ đồ cho thí sinh khi vào thi; Chương trình hiến máu nhân đạo được tổ chức định kỳ 02-03 lần/năm, thu hút hơn 3200 lượt tham gia của SV. Học viện đã đóng góp hơn 2700 đơn vị máu (giai đoạn 2019-2023); Chương trình “Mùa hè xanh” hằng năm với các hoạt động như sửa đường, tổ chức dạy học, gây quỹ từ thiện, dọn vệ sinh môi trường, với hơn 625 lượt SV tham gia; Chương trình “Thấp lửa ngày đông” thu hút số lượng SV tham gia hằng năm, khoảng hơn gần 380 SV; Cuộc thi Tiếng hát SV Học viện; tổ chức Hội trại “Nhiệt Xanh PTIT 2018” kỷ niệm 65 năm ngày thành lập trường Bưu điện (1953-2018); Giải bóng đá SV; ... Trong giai đoạn 2019 - 2023, Đoàn Thanh niên Học viện đã có nhiều thành tích về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, cụ thể: Năm 2019: Đoàn Thanh niên Học viện đã vinh dự được tuyên dương tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện năm 2019 của Đoàn Khối các cơ quan Trung ương, và 02 cá nhân được tuyên dương có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện

năm 2019. Năm 2022 Đoàn Thanh niên Học viện đã được BCH Đoàn khôi các cơ quan Trung ương tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai cuộc thi Olympic tiếng anh học sinh, SV toàn quốc lần thứ IV năm 2022, Năm học 2018-2019 ĐTN HVCS đã được BCH Trung ương ĐTN Cộng sản HCM tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên trường học.

- Hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm SV:

+ Vào đầu học kỳ thứ 2 của mỗi khóa học, phòng Giáo vụ sẽ có buổi tập chung SV trên hội trường (khoảng 250-200 SV ngành TMĐT cho mỗi khóa học) để hướng dẫn SV cách thức đăng ký học phần theo tín chỉ bằng hình thức online trên hệ thống của Học viện. Đến thời điểm các lớp chuẩn bị tách chuyên ngành đào tạo, các SV lại được thông báo, hướng dẫn từ Khoa QTKD, phòng Giáo vụ để việc lựa chọn chuyên ngành đào tạo để phù hợp với bản thân mỗi SV. Năm thứ 4 của khóa học các SV sẽ được tư vấn và hỗ trợ liên hệ các công ty, đơn vị phù hợp để đi thực tập cuối khóa [H8.08.04.12].

+ Đoàn TN Học viện chủ động tổ chức Đội cờ đỏ SV Học viện hằng năm để quản lý giờ lên lớp của SV tại các giảng đường [H8.08.04.13].

+ Học viện tổ chức khóa bồi dưỡng kỹ năng nắm bắt tâm lý học đường dành cho đội ngũ CVHT của Học viện [H8.08.04.14].

+ Học viện xây dựng Website kết nối các doanh nghiệp để hỗ trợ cho SV trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp. Bên cạnh đó, Khoa QTKD thường xuyên phối hợp và hỗ trợ các doanh nghiệp khi được đề xuất để tổ chức các buổi kiến tập tại doanh nghiệp, các buổi tập huấn kỹ năng viết CV, kỹ năng phỏng vấn dành cho SV để trang bị hành trang cho SV khi bắt đầu tìm việc (các Website, đường link đăng thông tin tuyển dụng của Học viện cho doanh nghiệp: <https://portal.ptit.edu.vn/thong-tin-tuyen-dung/>, đường link kết nối doanh nghiệp với Học viện tại địa chỉ link <https://www.topcv.vn/jobfair/ptit,...>) [H8.08.04.15]. Các thông tin về tuyển dụng kịp thời được đăng trên trang thông tin tuyển dụng của Học viện: <https://portal.ptit.edu.vn/thong-tin-tuyen-dung>; đường link kết nối doanh nghiệp với Học viện tại đường link <https://www.topcv.vn/jobfair/ptit>, <https://jobs.ptit.edu.vn/...>).

+ Khoa QTKD cũng có quan hệ chặt chẽ với nhiều doanh nghiệp để liên hệ cử SV thực tập, tổ chức các buổi tọa đàm về chuyên môn và nghề nghiệp cho SV năm thứ 3 và thứ 4; phối hợp với các doanh nghiệp trong công tác tuyển dụng nhân sự [H8.08.04.16].

+ Từ năm 2015, Học viện triển khai dự án “Tăng cường cơ hội tiếp cận thị trường lao động cho SV Việt Nam” (gọi tắt là dự án VOYAGE”). Theo đó, Dự án Voyage cung cấp

cho SV của 3 trường Đại học tại Việt Nam, trong đó có Học viện hệ thống khảo sát SV nhằm: (1) Tạo CV trực tuyến và giúp các doanh nghiệp lựa chọn ứng viên, đánh giá và tuyển dụng nhân sự chất lượng cao trong CSDL SV và cựu SV của các trường Đại học tại Việt Nam; (2) Đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện sau khi kết thúc khóa học (đây cũng là yêu cầu bắt buộc của BGD&ĐT đối với các trường Đại học); (3) Tiếp cận các cơ hội việc làm được các doanh nghiệp đăng tải thông tin tuyển dụng trên hệ thống [H8.08.04.17].

+ Năm 2020, Học viện tổ chức Hội nghị bàn tròn với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động [H8.08.04.18], thông qua hội nghị, nhiều nội dung được đưa ra thảo luận để đưa tới một kết quả tốt nhất có lợi cho SV. Phát huy kết quả này, trong những năm tới, Phòng CT&CTSV sẽ là đầu mối, phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức nhiều buổi hội thảo tuyển dụng, buổi đào tạo trang bị kỹ năng mềm dành cho SV sắp tốt nghiệp.

+ Học viện luôn quan tâm đến các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho SV, nhằm hỗ trợ kỹ năng nghề nghiệp, các kỹ năng mềm để phục vụ cho việc đáp ứng nhu cầu tìm việc làm phù hợp sau khi ra trường. Học viện thường xuyên liên kết, phối hợp với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động là SV của Học viện cung cấp thông tin tuyển dụng trên website và fanpage của Học viện và của Khoa QTKD. Một năm 02 lần (vào tháng 4 và tháng 11), Học viện có tổ chức Ngày hội tuyển dụng và cơ hội việc làm PTIT, trong những dịp này Học viện có mời nhiều công ty, doanh nghiệp (Công ty VNPT, Mobifone, Sam sung Việt Nam, FPT, Viettel,...) có nhu cầu tuyển dụng lao động cùng tham gia giới thiệu với SV về nhu cầu tuyển dụng các vị trí lao động, các yêu cầu cần có khi làm việc tại doanh nghiệp, định hướng nghề nghiệp cho SV từ những năm còn ngồi trên ghế nhà trường [H8.08.04.19]. Ngoài 2 đợt tổ chức Ngày hội tuyển dụng hằng năm, còn có các buổi hội thảo của từng doanh nghiệp cụ thể như: Hội thảo tuyển dụng Samsung; Hội thảo tuyển dụng Luvina; Hội thảo tuyển dụng Sun Asterisk, ...; tổ chức các khóa học tăng cường kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, kỹ năng mềm và kỹ năng giao tiếp trong phỏng vấn xin việc; tổ chức mời một số đại diện cơ quan tuyển dụng lao động đến giao lưu giới thiệu nhu cầu tuyển dụng cũng như yêu cầu năng lực và kỹ năng nghề nghiệp của ứng viên ...

- Công tác NCKH của SV:

+ Hằng năm, Phòng QLKHCN & HTQT đều có kế hoạch triển khai, tổ chức các hoạt động NCKH cho CBGV, NV, SV của Học viện. Kết quả là đã có 17 đề tài NCKH của SV được khen thưởng với 249 SV được khen thưởng; Học viện tổ chức Hội nghị khoa học SV

hàng năm và tổ chức cho SV đăng ký tham gia giải thưởng SV NCKH các cấp được cụ thể tại danh mục đề tài NCKH của SV từ 2019-2023; Kỷ yếu hội nghị NCKH và các giải thưởng SV NCKH hàng năm [H8.08.04.20].

+ Trong quá trình học tập, SV được khuyến khích tham gia các hội, nhóm, câu lạc bộ [H8.08.04.21] NCKH, tham gia các cuộc thi chuyên môn, học thuật bổ ích thiết thực cho SV, đặc biệt khuyến khích SV tham gia các cuộc thi khởi nghiệp của SV do BGD&ĐT tổ chức [H8.08.04.22]. Năm thứ 4 của khóa học, các SV sẽ được tư vấn và hỗ trợ liên hệ các công ty, đơn vị phù hợp để đi thực tập cuối khóa; Phòng CT & CTSV phối hợp với Đoàn thanh niên Học viện tổ chức các buổi tọa đàm để nâng cao kỹ năng mềm, tổ chức các câu lạc bộ học thuật, câu lạc bộ văn hóa nghệ thuật để hỗ trợ NH trong nghiên cứu, học tập, rèn luyện sức khỏe và vui chơi giải trí: “CLB Bóng chuyên”; “CLB An toàn Thông tin”; “CLB BMA”; “CLB 37 độ sinh viên”; “CLB Guitar PGC”; “CLB Kết nối”; “CLB Cờ”; “CLB Tiếng Anh”; “CLB Truyền thông C.MC”....

- Cử SV đi thực tế, thực tập tại doanh nghiệp:

+ Giai đoạn 2019- 2023, Học viện ký kết 38 biên bản thỏa thuận, hợp tác với các đối tác trong nước như: Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Công nghệ Viễn thông quân đội Viettel, Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam, Công ty phần mềm F-Soft của Tập đoàn FPT, Tổng công ty Viễn thông Mobifone, Công ty Cổ phần phát triển công nghệ VINTECH, Công ty Cổ phần viễn thông FPT... [H8.08.04.23] để hợp tác NCKH, CGCN, hỗ trợ SV đến thực tập tham quan, kiến tập, trao học bổng và tuyển dụng SV khi có điều kiện. Đồng thời, để tạo môi trường học tập đa dạng, gắn lý thuyết với thực hành Học viện đã liên kết với các công ty, doanh nghiệp tổ chức cho đi thực tập, thực tế, thể hiện tại báo cáo các hoạt động hợp tác, kết nối doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020 [H8.08.04.24].

+ Học Viện đã ký biên bản thỏa thuận hợp tác và ghi nhớ với các trường học khác trên thế giới. Cụ thể hợp tác với trường đại học Gunma Nhật Bản; đại học Latrobe Australia, đại học Huddersfield của Vương quốc Anh... để tạo điều kiện cho SV có cơ hội thăm quan, giao lưu và trao đổi SV [H8.08.04.25]. Với mục tiêu nhằm đáp ứng nhu cầu được tiếp xúc và trải nghiệm nhiều nền văn hóa mới, khám phá thế giới xung quanh, phát triển bản thân, đồng thời được tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến ở các quốc gia khác nhau trên thế giới, hàng năm, Học viện tổ chức các chương trình trao đổi cho SV chính quy thông qua mạng lưới các trường đối tác nước ngoài. Điều này mở ra cơ hội học hỏi, mở mang kiến thức và là một môi trường thuận lợi để trau dồi khả năng ngoại ngữ.

Phòng CT&CTSV định kỳ tổ chức khảo sát NH và cựu NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo NH, NH trước khi tốt nghiệp cho thấy: Với nội dung “Những thông tin thu được từ các hoạt động hỗ trợ, hướng nghiệp, hội chợ, tư vấn việc làm có đáp ứng mong muốn của bạn” tỷ lệ “Hài lòng” và “Rất hài lòng” NH cuối khóa các năm 2019, 2021, 2022 có các giá trị tương ứng: 75%, 74,6%; 75,72%; Với nội dung “NH được cung cấp, hướng dẫn đầy đủ các quy chế, quy định có liên quan. Quy định rõ về quy trình và thời gian giải quyết các công việc có liên quan đến NH” mức độ hài lòng của NH các khóa được khảo sát các năm 2019, 2020, 2021 và 2022 có giá trị tương ứng là: 91,92%; 88,0%; 89,0%; 92,4% và kết quả khảo sát cũng cho thấy vẫn còn tỷ lệ 5,3% SV chưa thật sự hài lòng với hoạt động hỗ trợ này của Học viện [H8.08.04.26].

Với những hoạt động kể trên, tỷ lệ có việc làm sau 6-12 tháng của SV ngành TMĐT qua khảo sát việc làm của SV đã tốt nghiệp những năm vừa qua [H8.08.04.27] cụ thể tại Bảng 8.4, *Phụ lục 02* về tỷ lệ có việc làm sau 12 tháng của SV ngành TMĐT.

Kết quả khen thưởng SV ngành TMĐT giai đoạn 2019-2023 tham gia các cuộc thi và khen thưởng học tập loại xuất sắc, giỏi cụ thể tại Bảng 8.3. *Phụ lục 02*.

Hàng năm, Học viện đều tổ chức các cuộc đối thoại trực tiếp giữa Ban Giám đốc, lãnh đạo các đơn vị với SV nhằm tháo gỡ các vướng mắc của SV trong các hoạt động phục vụ, hỗ trợ SV, Học viện đã thông báo kết luận của Giám đốc tại Hội nghị đối thoại với SV, trong đó phân công cụ thể các đơn vị chức năng có nhiệm vụ giải quyết đề xuất của SV và ấn định thời gian hoàn thành. Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các BLQ, Ban giám đốc cùng các đơn vị trong Học viện đề ra phương hướng nhiệm vụ cải tiến chất lượng, triển khai kết luận của Giám đốc [H8.08.04.28]. Trong chu kỳ KĐCLGD (2019-2023), Học viện đã có nhiều cải thiện về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH như: cải tiến hỗ trợ thủ tục hành chính cho SV; kết nối các phân hệ quản lý đào tạo, quản lý SV và quản lý học phí của SV trong phần mềm tổng thể để tạo thuận lợi cho việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ NH; tin học hóa thủ tục hành chính, giấy chứng nhận SV được in trực tiếp từ phần mềm, đảm bảo chính xác, nhanh chóng và thuận tiện, ...

2. Điểm mạnh

Học viện đã có bộ phận chuyên trách (Phòng CT&CTSV) và các đơn vị phối hợp (Đoàn Thanh niên HV, các khoa đào tạo) đảm nhận nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ việc làm cho

SV, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng cho SV. Tỷ lệ SV hài lòng về công tác hỗ trợ thực tập, việc làm ở mức cao đạt trên 90%.

3. Điểm tồn tại

Kết quả khảo sát SV cho thấy vẫn còn tỷ lệ 5,3 % SV chưa thật sự hài lòng với hoạt động hỗ trợ của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024 - 2025, phòng CT&CTSV lập kế hoạch tổ chức khóa tập huấn kỹ năng tư vấn hỗ trợ SV trong môi trường chuyển đổi số cho CBQL, phục vụ để nâng cao chất lượng công tác hỗ trợ SV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện ban hành Nội quy lao động theo Quyết định số 550/QĐ-TCCB ngày 12/8/2009 [H7.07.05.01] và Quy chế làm việc của Học viện theo quyết định số 1248/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H7.07.05.02]. Các văn bản này quy định việc chấp hành nội quy lao động và thời gian làm việc của CBVCNLD, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Ngành giáo dục, trong đó quy định thực hiện giờ làm việc đối với cán bộ, viên chức khối hành chính, cụ thể thời gian làm việc từ 08h00-17h00 các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và gửi tới toàn thể CBVCNLD tại các đơn vị được biết và thực hiện.

Hội đồng Học viện ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐHV ngày 4/8/2021 [H7.07.05.05], với mục đích phát huy quyền dân chủ của CBVCNLD, NH và tăng cường nề nếp, kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Học viện, góp phần xây dựng môi trường giáo dục, thân thiện, lành mạnh, phòng chống các hành vi tiêu cực trong đào tạo; ban hành Quy chế giám sát của Hội đồng Học viện theo Nghị Quyết số 35/NQ-HĐHV ngày 26/10/2021 [H8.08.05.01], theo đó, HĐHV sẽ giám sát toàn diện các hoạt động của Học viện để đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch và hỗ trợ các hoạt động của Học viện tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật.

Các giảng đường đều có treo Nội quy giảng đường để SV thực hiện giờ lên lớp và chấp hành nội quy học tập theo quy định [H8.08.05.02]. Ký túc xá SV có nội quy Ký túc xá được treo tại các địa điểm thuận lợi để SV đều nhận biết thực hiện nội quy nhằm đảm

bảo nếp sống văn minh, trật tự và an toàn trong ký túc xá. Các Ký túc xá của Học viện (KTX B5, B1, B2 và Quận 9, Tp.HCM có bản nội quy treo ở sảnh các tầng [H8.08.05.03]. Để đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong khu vực giảng đường, bên cạnh việc treo các quy định, nội quy học đường tạo nên trật tự, kỷ cương trong môi trường học đường. Học viện đã bố trí SV thuộc đội cờ đỏ kiểm tra thẻ SV, kiểm soát ra vào khu vực giảng đường; lắp camera theo dõi ở các khu vực hành lang lớp học [H8.08.04.13].

Khuôn viên Học viện được cải tạo và trồng nhiều cây xanh tạo bóng mát trong điều kiện cho phép cũng như bố trí nhiều ghế đá để SV, khách đến liên hệ công tác nghỉ ngơi. Bên cạnh đó, Học viện cũng đã có dự án đầu tư cải tạo sân bóng chuyên, xây dựng mới sân bóng đá mini, sửa chữa nhà ăn, đầu tư trang thiết bị phục vụ giảng dạy học tập để SV có thể tham gia các hoạt động thể dục thể thao sau những giờ học tập căng thẳng [H8.08.05.04].

Để có được cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng làm việc và học tập tại Học viện, Học viện đang thực tốt những nội dung cụ thể sau:

- Học viện giao cho văn phòng, Trung tâm dịch vụ và Phòng TCHQ-QT CSHV tại Tp. HCM phối hợp quản lý và khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, NCKH [H8.08.05.05].

- Học viện có sơ đồ bố trí mặt bằng tổng thể: bố trí phòng làm việc của Hội đồng, Ban giám đốc Học viện; bố trí khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa, hội trường, thư viện, khu thực hành, thực tập, ký túc xá để hướng dẫn SV liên hệ làm việc và học tập tại Học viện và khách đến liên hệ công tác [H8.08.05.06]. Học viện cũng dành riêng một khu vực ngay cạnh cổng ra vào để bố trí Trung tâm giao dịch một cửa để tiếp nhận yêu cầu về hành chính, tư vấn giải đáp các thắc mắc của SV. Khu vực này được bố trí khoa học và có danh mục công việc, mẫu biểu sử dụng cho Bộ phận "một cửa" để SV dễ dàng tiếp cận thông tin cần tư vấn trong quá trình học tập tại Học viện [H8.08.04.02].

- Để đảm bảo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, an ninh, an toàn, Học viện đã thuê công ty dịch vụ bảo vệ, vệ sinh đảm bảo điều kiện vệ sinh và an ninh trong khuôn viên Học viện [H8.08.05.07], [H8.08.05.08]. Bộ phận Bảo vệ có nhiệm vụ trực 24/24 bảo vệ an ninh trật tự, an toàn về tính mạng và tài sản của Học viện, của CBGV và NH. Lực lượng bảo vệ của Học viện được đầu tư đầy đủ đồng phục, các phương tiện làm việc. Học viện đã lắp đặt hệ thống Camera giám sát tại cổng và các khu vực trọng yếu trong Học viện 24/24; phối hợp

với chính quyền và lực lượng an ninh địa phương tăng cường công tác an ninh trật tự, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, phòng chống các tệ nạn xảy ra trong khu vực Học viện. Học viện có bộ phận chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường gồm 20 người có nhiệm vụ quản lý, vệ sinh hệ thống phòng học, giảng đường, khu vệ sinh và các tài sản trang thiết bị đi kèm, đảm bảo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp trong toàn bộ khuôn viên Học viện. Hàng ngày, các phòng học, giảng đường đều được vệ sinh 2 lần trước và sau mỗi buổi học; khuôn viên Học viện được chỉnh trang vệ sinh hàng ngày.

- Công tác phòng chống cháy nổ, an toàn học đường luôn được Học viện quan tâm: để đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ, hằng năm Học viện đã cử cán bộ đi tập huấn công tác này, hệ thống phòng chống cháy nổ được đặt đúng vị trí theo yêu cầu và Học viện thường xuyên phối hợp với các cơ quan chức năng sở tại, công an Phường, thành phố để bảo vệ không để xảy ra các hiện tượng cháy nổ trong giai đoạn 2019-2023 [H8.08.05.09].

- Học viện bố trí Trạm Y tế tại Ký túc xá SV để giúp cho việc chăm sóc sức khỏe cho SV và cán bộ của Học viện kịp thời, nhất là trong mùa dịch Covid-19 [H8.08.05.10]. Qua báo cáo kiểm tra công tác y tế trường học hằng năm cho thấy công tác y tế học đường đảm bảo yêu cầu phòng chống dịch bệnh

Giai đoạn 2019-2023, Học viện tổ chức nhiều hoạt động tạo môi trường tâm lý, xã hội thoải mái cho SV, cụ thể:

- Chi bộ Phòng CT&CTSV tổ chức các chuyên đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: Năm 2018 tổ chức cho các đảng viên đi thăm khu di tích lịch sử K9; Năm 2019 đi về Ninh Bình; năm 2020 viếng Lăng Hồ Chủ Tịch; năm 2021 do dịch Covid 19 nên không tổ chức được việc tham quan các di tích lịch sử, nhưng vẫn tổ chức được các buổi họp chuyên đề [H8.08.05.11].

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Học viện định kỳ tổ chức ngày Chủ nhật xanh tại ký túc xá và khuôn viên Học viện để chỉnh trang và tạo lập môi trường sống lành mạnh cho SV; các hoạt động tình nguyện giữ gìn vệ sinh cảnh quan môi trường trong, dọn dẹp vệ sinh khuôn viên Học viện, quét vôi gốc cây. Năm 2019, Phòng Chính trị và Công tác SV đã phối hợp Đoàn thanh niên tổ chức cuộc thi “PTIT- Ký túc xá của tôi 2019” [H8.08.05.12] và tổ chức các chương trình tuyên truyền tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản cho SV các trường Đại học, cao đẳng, tổ chức lớp tập huấn về kiến thức kỹ năng và mô hình thực hành lối sống xanh cho SV, tổ chức triển lãm Bảo vệ Động vật hoang dã, ... [H8.08.05.13]. Các hoạt động giải trí lành mạnh khác để tạo tâm lý và không khí thoải mái

cho SV: vào các ngày lễ kỷ niệm lớn trong năm như 20/11; 8/3... Phòng Chính trị và Công tác SV phối hợp với Đoàn thanh niên Học viện tổ chức các hoạt động vui chơi văn nghệ thể thao, thi ảnh trong SV Học viện [H8.08.05.14].

Tại Báo cáo tổng kết chương trình công tác hằng năm của Đoàn TN Học viện cho thấy trong giai đoạn 2019-2023 [H8.08.05.15], Đoàn TN Học viện tổ chức nhiều hoạt động PVCD như: tình nguyện “Tiếp sức mùa thi” với gần 380 SV tham gia hướng dẫn thí sinh đến địa điểm thi, hỗ trợ giữ đồ cho thí sinh khi vào thi; chương trình hiến máu nhân đạo được tổ chức định kỳ 02-03 lần/năm, thu hút hơn 3200 lượt tham gia của SV, CB, GV, và NV. Học viện đã đóng góp hơn 2700 đơn vị máu trong giai đoạn 2019-2023; Chương trình “Mùa hè xanh” hằng năm với các hoạt động như sửa đường, tổ chức dạy học, gây quỹ từ thiện, dọn vệ sinh môi trường, với hơn 625 lượt SV tham gia giai đoạn 2019-2023 ; Chương trình “Thắp lửa ngày đông” thu hút số lượng SV tham gia khoảng hơn 380 SV và nhiều hoạt động khác tại môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan thoải mái cho SV Học viện.

Vào các ngày lễ lớn trong năm như 20/11; 8/3; 20/10, Công Đoàn Học viện thường tổ chức các hoạt động vui chơi như biểu diễn văn nghệ, thi kéo co, thi cắm hoa, ... giữa các đơn vị để tạo không khí và tâm lý thoải mái cho CB, GV và NV [H8.08.05.16].

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện đã đầu tư kinh phí chi cho công tác y tế là 2.959.900.000 đồng; chi cho công tác an ninh trật tự là 6.545.845.932 đồng; chi cho dịch vụ vệ sinh môi trường, sân vườn ngoại cảnh là 23.592.467.340 đồng. Môi trường, sức khỏe, sự an toàn được cải tiến: Lắp đặt các hệ thống rửa tay sát khuẩn; công tác vệ sinh dịch tễ được thực hiện thường xuyên; công tác khử khuẩn các khu vực như Ký túc xá, phòng học, giảng đường đều được thực hiện định kỳ; công tác PCCC được bổ sung cả về trang thiết bị về PCCC, bảo hiểm PCCC và phối hợp tổ chức các chương trình tập huấn nghiệp vụ, diễn tập PCCC định kỳ; lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh trật tự; ... [H8.08.05.17].

Để có thông tin phản hồi về thực trạng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện, hằng năm các đơn vị tổ chức khảo sát ý kiến NH và các BLQ về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong học viện, cụ thể:

- Trung tâm KT&ĐBCLGD đã thực hiện khảo sát các BLQ về điều kiện và môi trường làm việc, về công tác đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất trong đó có các nội dung liên quan đến môi trường, tâm lý, cảnh quan của Học viện hằng năm [H8.08.05.18]. Kết quả khảo sát đối với đối tượng SV hệ chính quy cho thấy, NH khá hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan của Học viện. Nội dung “Đội ngũ NV kỹ thuật có chuyên môn

tốt, nhiệt tình giải quyết đúng quy định theo yêu cầu của công tác dạy và học” mức độ hài lòng của NH được khảo sát các năm từ 2019 đến 2023 có giá trị tương ứng là: 90,25%; 86,0%; 87,8%; 91,34%; Với nội dung “Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá đáp ứng cơ bản yêu cầu của NH” mức độ hài lòng của NH được khảo sát các năm 2019, 2020, 2021 và 2022 có giá trị tương ứng là: 92,5%; 83,1%; 85,5%; 88,24%.

- Phòng CT&CTSV thực hiện khảo sát chất lượng dịch vụ tại văn phòng giao dịch một cửa qua hệ thống khảo sát trực tuyến để SV đánh giá về chất lượng dịch vụ tại văn phòng một cửa, tác phong, thái độ của từng cán bộ tiếp nhận hồ sơ và tư vấn cho SV [H8.08.05.19]. Báo cáo kết quả khảo sát Kết quả khảo sát cho thấy ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với tiêu chí như: thư viện đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, phòng đọc và các trang thiết bị phục vụ cho việc tra cứu tài liệu có tỷ lệ 96,7%; về điều kiện an ninh của ký túc xá đảm bảo an toàn có tỷ lệ 93% ; về số thuốc được cung cấp sau khi khám/sơ khám đáp ứng điều trị bệnh có tỷ lệ 76,6%; về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của nhà ăn sạch sẽ có tỷ lệ 93,3%.

Qua số liệu thống kê cho thấy, mức độ hài lòng trung bình về các BLQ đến cơ sở vật chất, chất lượng dịch vụ và môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện cho thấy khoảng 90% các ý kiến được khảo sát hài lòng. Tuy nhiên vẫn còn 5,3% ý kiến của SV phản hồi chưa tích cực về công tác giao tiếp với SV tại Văn phòng một cửa. Đồng thời, nội dung khảo sát và việc phân tích kết quả khảo sát các BLQ về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan được thực hiện chưa hợp lý nên chưa thu thập được nhiều các thông tin hữu ích phục vụ việc cải tiến, nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm.

2. Điểm mạnh

Khuôn viên của Học viện an toàn, sạch sẽ và thân thiện tạo không khí thoải mái và điều kiện tốt cho việc thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Nội dung khảo sát và việc phân tích kết quả khảo sát các BLQ về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan được thực hiện chưa hợp lý nên chưa thu thập được nhiều các thông tin hữu ích phục vụ việc cải tiến, nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, Phòng CT&CTSV nghiên cứu phân tích kết quả khảo sát các BLQ về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan một cách khoa học để góp phần phục vụ việc cải tiến, nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm SV Học viện

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Chính sách, tiêu chí tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong đề án tuyển sinh hằng năm của Học viện. Chính sách, tiêu chí tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn được cập nhật trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT và thực tế của Học viện. Ngoài các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh như của Bộ GD&ĐT, Học viện có thêm chính sách ưu tiên trong tuyển sinh thông qua việc cấp các suất học bổng toàn phần (miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất) và học bổng bán phần (miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất) cho các thí sinh có kết quả thi THPT hoặc có thành tích cá nhân, thành tích học tập cao.

Học viện có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với NH, bao gồm: Phòng Giáo vụ, Phòng Đào tạo, Phòng CT&CTSV, Trung tâm KT&ĐBCLGD và cố vấn học tập (CVHT). Học viện sử dụng phần mềm quản lý đào tạo Edusolf để hỗ trợ quá trình giám sát tiến trình học tập và rèn luyện của SV trong suốt khóa học.

Học viện đã chú trọng xây dựng môi trường sự phạm, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tình nguyện, tạo sân chơi lành mạnh, nhân văn trong Học viện; môi trường tâm lý, xã hội, làm việc thân thiện, tạo điều kiện thoải mái để thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của CB, GV, NV và NH.

Số mẫu được khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm chưa đủ lớn so với quy mô SV của CTĐT vì thế kết quả khảo sát mang tính đại diện chưa cao. Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của NH về công tác đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ NH chưa bao quát được trên phổ rộng các vấn đề thuộc môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan vì thế kết quả khảo sát chưa thu thập được nhiều thông tin sát thực để phục vụ cho việc cải tiến chất lượng. Một số câu hỏi khảo sát còn đa nghĩa nên khó thu được câu trả lời chính xác cho nội dung cần hỏi.

Tiêu chuẩn 8 có 05 tiêu chí: 4,80/7.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Chiến lược phát triển Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn 2030 đã xác định: Học viện có hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, đáp ứng yêu cầu học tập và giảng dạy, được hoàn thiện và nâng cấp hằng năm; có hệ thống phòng

LAB thí nghiệm thực hành hiện đại, hằng năm được đầu tư và cập nhật đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và học tập”; phát triển hệ thống giảng đường, ký túc xá hiện đại, nhà thi đấu thể thao, trung tâm y tế, khu nghiên cứu hỗn hợp tiên tiến. Đến năm 2025, hoàn thành 1 khu đào tạo Ngọc Trục, 2 khu giảng đường thông minh; cải tạo, xây mới 03 ký túc xá tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Huy động nguồn lực đầu tư đa dạng để phát triển với các nguồn do Học viện tích lũy; vay ngân hàng; xã hội hóa, tài trợ (các giảng đường, phòng học, phòng Lab được tài trợ và mang thương hiệu tập đoàn, doanh nghiệp)”.

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện luôn chú trọng đến việc nâng cấp, đầu tư mới trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu học tập và NCKH của SV và GV của CTĐT ngành TMDT. Ngoài việc trang bị đầy đủ thiết bị các phòng học, phòng thực hành, phòng làm việc, phòng máy tính, thư viện... hệ thống mạng wifi phủ sóng toàn bộ khuôn viên Học viện. Đặc biệt được sự hỗ trợ của các doanh nghiệp, các phòng Lab được đầu tư trang bị hiện đại và đáp ứng được các xu hướng phát triển của ngành TMDT trên thế giới. Học viện cũng quan tâm đến môi trường, sức khỏe, an toàn vệ sinh học đường và công tác phòng cháy, chữa cháy trong khuôn viên Học viện.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có trụ sở chính tại số 122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, có Cơ sở đào tạo Hà Đông tại Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội và HVCS tại Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 127.694,90m² phục vụ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ (trong đó miền Bắc là 63.464,70 m², miền Nam là 64.230,20 m²). Tổng diện tích sàn phục vụ đào tạo, NCKH là 79.376 m², với quy mô SV đại học chính quy tại thời điểm hiện tại là 13.795 SV chính quy, diện tích sàn phục vụ đào tạo đạt bình quân 5,75 m²/SV, đáp ứng Khoản 2 Điều 6 Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 [H9.09.01.01].

Học viện có 118 phòng làm việc, trong đó có: 12 phòng dành cho Ban Giám đốc, 58 phòng ở khu vực miền Bắc và 48 phòng ở khu vực miền Nam [H9.09.01.02]. Trong số các phòng trên (Có 25 phòng làm việc cho GS, PGS, GV cơ hữu với diện tích 3199 m²), Khoa KTĐT 1 (Hà Nội) được bố trí làm việc tại tầng 9 nhà A2 với 03 phòng với diện tích (sử dụng) 120 m², Khoa KTĐT 2 (Tp. HCM) được bố trí làm việc tại khu B (B17 và B19) với 05 phòng với diện tích 112 m². Các phòng làm việc của Học viện được trang bị máy tính,

máy in, máy photocopy (riêng khu vực làm việc chung của các phòng làm việc tại tầng 2 nhà A1 ở cơ sở Hà Nội dùng chung máy in, máy photocopy), bàn ghế làm việc và các tủ đựng tài liệu; các phòng làm việc được lắp đặt điều hoà, quạt treo tường đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm cho sức khoẻ cán bộ GV. Phòng làm việc của khoa được trang bị các tủ để chứa tài liệu, hồ sơ hoạt động với tủ đựng tư liệu, máy tính, bàn làm việc, dãy bàn dành cho hoạt động hội họp để phục vụ công tác quản lý hồ sơ, giải quyết vấn đề học vụ của khoa [H9.09.01.03].

Học viện có 122 phòng học/hội trường, trong đó có miền Bắc là 65 phòng học và miền Nam là 57 phòng học/hội trường, trong số 122 phòng học có: 02 phòng với hơn 200 chỗ ngồi (Cơ sở Hà Nội: 1 và Cơ sở Tp Hồ Chí Minh : 1); 34 phòng học từ 100-200 chỗ ngồi (Cơ sở Hà Nội 18 và cơ sở Hồ Chí Minh: 16); 52 (Cơ sở Hà Nội 30 và cơ sở Hồ Chí Minh: 22) phòng học từ 50-100 chỗ ngồi và 34 phòng học dưới 50 chỗ ngồi (Cơ sở Hà Nội 16 và cơ sở Hồ Chí Minh: 18). Các phòng học lý thuyết là dùng chung cho tất cả các ngành đào tạo của Học viện trong đó có ngành TMĐT. Học viện có 09 phòng hội trường, hội thảo phục vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo với phòng hội trường A2 có diện tích 1200 m² đáp ứng tối đa 700 chỗ [H9.09.01.04]. Toàn bộ phòng học đều được trang bị thiết bị trình chiếu (máy chiếu, tivi , máy tính), các hệ thống âm thanh, bảng viết, bảng từ, bàn ghế, hệ thống đèn chiếu sáng (102 trang thiết bị) đáp ứng tiêu chuẩn thiết kế phòng học theo quy định của Nhà nước. 100% phòng học đều được trang bị điều hoà không khí và thông gió phù hợp cho các hoạt động đào tạo [H9.09.01.05]. Tuy nhiên, một số phòng học ở HVCS tại TP. HCM chưa được trang bị điều hoà không khí.

Học viện có 40 phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, phòng, thực tập, luyện tập với tổng diện tích 9.859 m² được bố trí trong 65 tiểu phòng (Cơ sở Hà Nội có 33 tiểu phòng; Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh có 32 tiểu phòng) [H9.09.01.06]. Đồng thời, trong chu kỳ KĐCL, Học viện đã thành lập 12 phòng Lab phục vụ công tác NCKH và TNTH của SV [H6.06.07.17].

Căn cứ nhu cầu về trang bị CSVC, sửa chữa công cụ dụng cụ hằng năm của Học viện và CTĐT ngành TMĐT; kết quả rà soát, đánh giá chất lượng các trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ của Học viện, các đơn vị lập kế hoạch công việc, kinh phí, kế hoạch mua sắm công cụ dụng cụ, đầu tư trang thiết bị hằng năm, đề xuất thay thế các trang thiết bị cũ đáp ứng cho nhu cầu nghiên cứu và đào tạo gửi phòng Kế hoạch Đầu

tư để tổng hợp, báo cáo giám đốc học viện giao kế hoạch kinh phí đầu tư cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ hằng năm [H9.09.01.07].

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện đã đầu tư kinh phí cho mua sắm sửa chữa trang thiết bị, xây dựng cơ bản là 59.906 triệu đồng, qua đó CSVN và hạ tầng các phương tiện dạy và học của học viện đã được cải tiến như: cải tạo khu làm việc của ban giám đốc tại nhà A1; trang bị hệ thống trang âm cho phòng họp Hội đồng KHCN và phòng hội thảo tại tầng 2, nhà A1; cải tạo nâng cấp khu làm việc của các khoa, phòng, trung tâm; đầu tư một số phòng LAB hiện đại (Lab 4G, Lab AI, Lab Viễn thông FPT, ...); xây dựng công Học viện tại cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh ở khu vực Quận 1; ngầm hoá hệ thống dây điện ở cơ sở Hà Nội; mở rộng sân thể thao bóng chuyền, bóng rổ; nhà để xe SV; sửa chữa nhà ăn tại Cơ sở Hà Đông; ... Học viện có 01 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá, có 01 sân bóng rổ. Ký túc xá SV của Học viện: tại cơ sở Hà Nội với 03 tòa nhà (B1, B2, B5) có tổng diện tích sàn xây dựng là 7.012 m², có 156 phòng ở; tại cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 3.516 m² với 102 phòng ở và khu 5C với diện tích 1.404 m² với 54 phòng ở chất lượng cao [H9.09.01.07]. Tuy nhiên, một số hạng mục công trình xây dựng lâu có hiện tượng xuống cấp.

Hằng năm, Học viện làm việc với các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp để thu hút nguồn tài trợ từ phía các doanh nghiệp trong việc xây dựng các phòng Lab và tài trợ các phòng máy tính cho Học viện để tăng cường trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH, [H9.09.01.08]. Giai đoạn 2019-2023, Học viện đã nhận 775.000 USD từ nguồn tài trợ của các tập đoàn quốc tế (Motorola, Samsung, Asean-Ivo, Naver, Qualcomm; 17.859 triệu đồng từ nguồn tài trợ của các tập đoàn, doanh nghiệp trong nước (Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Viettel, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT-Telecom, Công ty Cổ phần Lumi Việt Nam, Công ty Cổ phần Công nghệ mạng LANCS Việt Nam).

2. Điểm mạnh

Học viện nhận được sự hỗ trợ hiệu quả từ các doanh nghiệp trong ngành TT&TT trong việc tăng cường các nguồn lực về trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH.

3. Điểm tồn tại

Một số hạng mục công trình xây dựng lâu có hiện tượng xuống cấp.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Phòng Kế hoạch đầu tư rà soát, đánh giá hiện trạng các hạng mục xây dựng để chủ động lập kế hoạch ngân sách sửa chữa, nâng cấp các công trình đã xuống cấp.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. *Mô tả hiện trạng*

Học viện có hai thư viện tại Cơ sở Hà Đông và Cơ sở Thành phố HCM tại Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là thư viện HVCS) phục vụ CBVCNLD và SV trong toàn Học viện, cụ thể:

- Thư viện tại cơ sở Hà Đông, Thành phố Hà Nội đặt tại tầng 1 nhà A3 có tổng diện tích 825m² gồm 04 phòng, bao gồm: 01 phòng đọc, 01 phòng mượn sách, 01 kho sách và 01 phòng làm việc của cán bộ. Thư viện có 03 cán bộ, trong đó có 02 cán bộ có trình độ đại học chuyên ngành thông tin thư viện và 01 cán bộ được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ về thư viện và có chứng chỉ cơ sở về thư viện viên [H9.09.02.01]. Các khu vực của thư viện được bố trí liên hoàn nhau; phòng đọc, kho sách tổ chức theo chuẩn thư viện và có phòng đọc, phòng mượn dành cho GV, SV riêng biệt và được phân chia cụ thể:

+ Khu vực sảnh với diện tích 66,5 m² có chứa 02 máy tra cứu và khu vực chờ, có các tủ gửi đồ để bạn đọc đến gửi đồ trước khi vào phòng đọc, mượn; có khu vực quầy thủ thư dành cho 2 phòng đọc và mượn có diện tích 21 m².

+ Kho sách Mở diện tích 56 m², là nơi bạn đọc vào tự chọn sách tại các giá sách; kho mượn diện tích 56,5 m² được tổ chức kho đóng, bạn đọc mượn sách về nhà qua thủ thư.

+ Khu vực học nhóm của bạn đọc có diện tích 22 m² được bố trí riêng để thuận tiện cho việc học nhóm.

+ Khu vực đọc sách có diện tích 189,5 m² được bố trí các bàn, ghế ngồi và khu vực đa phương tiện với 24 máy tính để bàn dành cho bạn đọc tra cứu và sử dụng các tài liệu trên mạng.

- Thư viện tại cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 893 m², gồm 04 phòng: 01 phòng đọc, 01 phòng mượn, 01 phòng kho và 01 phòng làm việc của cán bộ. Thư viện hiện có 02 cán bộ đều có trình độ chuyên môn về thông tin thư viện, trong đó có 01 cán bộ có trình độ Thạc sỹ và 01 có trình độ đại học [H9.09.02.02]. Thư viện được tổ chức đủ hai bộ phận riêng biệt là bộ phận nghiệp vụ và bộ phận phục vụ. Bộ phận phục vụ với hai hệ thống

phòng: phòng đọc mở và phòng mượn. phòng đọc mở có sức chứa khoảng 150 SV trong cùng một thời điểm, phòng mượn mỗi ngày có thể phục vụ khoảng 200 SV, ngày cao điểm khoảng 300 SV cùng lúc. Ngoài ra, thư viện còn có kho lưu và phòng xử lý nghiệp vụ với tổng diện tích 50m² để cán bộ thu nhận tài liệu, xử lý và lưu kho.

Diện tích của hai thư viện còn hẹp, số chỗ ngồi trong phòng đọc còn ít so với quy mô SV của Học viện dẫn đến việc thiếu chỗ ngồi cho SV vào thời điểm trước mỗi kỳ thi.

Học viện đầu tư hệ thống quản lý thư viện thực hiện bằng phần mềm, nguồn thông tin tư liệu được tổ chức phân loại theo chuẩn quốc tế, việc quản lý lưu hành (mượn, trả tài liệu), hồ sơ độc giả được cập nhật thường xuyên và quản lý bằng mã vạch. Thư viện tại cơ sở Hà Đông, Thành phố Hà Nội được đầu tư phần mềm quản trị thư viện tích hợp Libol 6.0 và thư viện cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng phần mềm quản trị thư viện Hilib 6.0 để xử lý và quản lý tài liệu. Thư viện của cả 02 cơ sở dùng chung phần mềm mã nguồn mở Dspace và được kết nối với nhau qua phần mềm thư viện điện tử Libol 6.0 và phần mềm thư viện số Dspace [H9.09.02.03]. Hiện nay, các cơ sở dữ liệu của thư viện với 8.096 biểu ghi đã được đưa lên mạng Lan và mạng Internet để NH tra cứu và sử dụng tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/tttv/>.

Học viện đã ban hành các văn bản, quy định hướng dẫn quản lý và sử dụng thư viện trong đó có:

- Nội quy thư viện qui định giờ phục vụ thư viện được treo tại sảnh lối vào thư viện [H9.09.02.04]: Thư viện mở cửa buổi sáng từ 8h00 -12h00 và buổi chiều từ 13h00 đến 17h00 các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu; đóng cửa vào Thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết. Riêng vào mùa thi thư viện mở cửa đến 21h00 và ngày thứ Bảy.

- Quy định về quản lý và cung cấp học liệu có hướng dẫn về việc mượn và trả sách đối với SV [H9.09.02.05]

- Quy định về tổ chức kho tài liệu và qui định về qui trình xử lý tài liệu [H9.09.02.06].

Trang thiết bị phục vụ triển khai nghiệp vụ công tác thư viện (bàn ghế, máy tính, thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, pho tô ccopy, ...) được học viện đầu tư đồng bộ và chi tiết tại bảng kiểm kê tài sản Học viện về trang thiết bị thư viện tại thời điểm 31/12/2023 [H9.09.02.07].

Nguồn tài nguyên thông tin của thư viện bao gồm cả tài liệu in ấn, cơ sở dữ liệu điện tử, tài liệu điện tử (E-book) và các bộ sưu tập số, có nhiều tài liệu chuyên ngành đặc thù về thông tin và truyền thông, đặc biệt là các loại tài liệu sách, tạp chí ngoại văn chuyên ngành.

Tổng số tài liệu về bản giấy là 11.406 nhan đề tài liệu với 93.725 bản, (Thư viện cơ sở Hà Nội có 6.882 nhan đề tài liệu, 57.901 bản sách; Thư viện cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh có 4.524 nhan đề sách; 35.824 bản sách); Về tài liệu điện tử, hiện thư viện có 2.119 E-book, 01 cơ sở dữ liệu Ebrary Academic Complete với 130.000 đầu sách thuộc các chủ đề KHCN - kỹ thuật - tự nhiên và xã hội. Về bộ sưu tập số, thư viện đã xây dựng các bộ sưu tập nội sinh bao gồm 1.921 giáo trình, bài giảng, tóm tắt các luận văn, luận án, đề tài NCKH, ... [H9.09.02.08].

Tài liệu trong diện bổ sung của thư viện đều dựa trên danh mục các tài liệu được đề cập trong đề cương học phần trong các CTĐT Học viện đang tổ chức đào tạo, trong đó có ngành TMĐT đã được ban hành và cập nhật thường xuyên [H9.09.02.09] và giáo trình, bài giảng do GV Học viện biên soạn đáp ứng các học phần trong CTĐT ngành TMĐT. Toàn bộ bài giảng, giáo trình của học viện sau khi nghiệm thu được xuất bản dưới dạng bản giấy và học liệu điện tử để đưa lên thư viện số, đảm bảo phục vụ đầy đủ cho các chuyên ngành đào tạo của học viện, trong đó có học liệu điện tử ngành TMĐT [H9.09.02.10]. Nguồn học liệu phục vụ cho ngành TMĐT trong Thư viện hiện có 110 đầu sách, bao gồm 36 đầu giáo trình và 74 đầu tài liệu tham khảo.

Học viện đặc biệt chú trọng đến việc phát triển tài liệu nội sinh bao gồm các giáo trình, bài giảng, đề tài NCKH, luận văn, luận án, ... của các GV, cán bộ, học viên thạc sỹ, tiến sỹ học tập tại học viện [H9.09.02.11]. Tính đến thời điểm 31/12/2023, nguồn tài liệu không công bố của học viện gồm có 5.560 luận án tiến sỹ, luận văn thạc sỹ, đề án, khóa luận tốt nghiệp đại học đã được cập nhật, đồng thời tiếp nhận một số đề tài NCKH đã được tổ chức nghiệm thu năm 2023. Tài liệu nội sinh của Học viện đã được xây dựng khá đầy đủ, đáp ứng tốt những yêu cầu cơ bản cho các chuyên ngành đào tạo của Học viện, nhu cầu của CBGV và NH.

Việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học tập được thực hiện theo Quy định về việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học của Học viện ban hành theo Quyết định số 249/QĐ-HV ngày 30/3/2017 [H9.09.02.12]. Trong giai đoạn 2019-2023, Thư viện đã bổ sung thêm 502 đầu giáo trình, tài liệu tham khảo với 2.878 bản. Số giáo trình, tài liệu tham khảo xuất bản từ 5 năm trở lên còn nhiều. Theo thống kê của Thư viện, CTĐT ngành TMĐT có khoảng 75,4% số giáo trình, tài liệu tham khảo được xuất bản từ 5 năm trở lên.

Thư viện Học viện đã tham gia các tổ chức, liên hiệp trong và ngoài nước để thiết lập các chính sách trao đổi, nhận biếu tặng tài liệu [H9.09.02.13], cụ thể Học viện là thành viên chính thức của Quỹ Châu Á; thành viên CLB các trường đại học kỹ thuật; thư viện đã tham gia vào Consortium và được chia sẻ nguồn tài nguyên điện tử phục vụ cho đào tạo và NCKH. Hằng năm thư viện được nhận tài trợ là các sách ngoại văn phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Học viện từ các cơ quan trong và ngoài nước, các tổ chức phi chính phủ [H9.09.02.14].

Kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến được Học viện triển khai hằng năm. Vào đầu năm, phòng QLKHCN & HTQT phối hợp với các khoa lập kế hoạch và dự trù kinh phí bổ sung tài liệu cho thư viện; bổ sung trang thiết bị thí nghiệm - thực hành để đáp ứng việc dạy học các CTĐT và NCKH ngành TMĐT. Phòng Kế hoạch - Đầu tư tập hợp đăng ký của các đơn vị để trình Lãnh đạo Học viện ban hành Quyết định giao chỉ tiêu công việc, kinh phí chung cho toàn Học viện trong đó có nội dung bổ sung nguồn học liệu cho thư viện [H9.09.02.15].

Đồng thời, các phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Thư viện điện tử Libol 6,0, phần mềm Quản lý tài nguyên số Dspace, ...) được bảo trì thường xuyên để đảm bảo hiệu quả khai thác nguồn tài nguyên thư viện của CBGV và NH [H9.09.02.16]. Trong chu kỳ KĐCL, Học viện đã đầu tư mới, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng với tổng số tiền là 1324 triệu đồng để mua bổ sung sách, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo cho các CTĐT của Học viện (năm 2019: 214 triệu đồng; năm 2020: 164 triệu đồng; năm 2021: 456 triệu đồng; năm 2022: 452 triệu đồng; năm 2023: 125 triệu đồng). Thư viện đã được bổ sung 641 đầu giáo trình, tài liệu tham khảo với 3.647 bản, trong đó, ngành TMĐT được bổ sung 128 đầu sách/375 bản. Tuy nhiên, kinh phí chi để mua bổ sung sách, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo cho các CTĐT của Học viện chiếm tỷ lệ nhỏ (đã chi 1.006 triệu đồng, chiếm 0,07%, theo cơ cấu chi - Bảng cơ cấu thu, chi của Học viện từ năm 2019 đến năm 2023).

Thư viện có sổ theo dõi bạn đọc vào mượn, trả tài liệu [H9.09.02.17] và theo thống kê lượt bạn đọc hằng năm qua các kênh như phần mềm thư viện điện tử, thông báo của nhà cung cấp CSDL điện tử, sổ nhật ký theo dõi tại thư viện và cho thấy số lượng bạn đọc sử dụng thư viện trung bình là 2.481 lượt người/tháng. Trong giai đoạn 2019-2023, có 145.711

lượng bạn đọc sử dụng sử dụng thư viện điện tử, trong đó có 2.298 lượt NH ngành TMĐT. Thư viện đã theo dõi số lượng bạn đọc đến thư viện hằng năm.

Hằng năm, Thư viện tổ chức ngày sách và văn hóa đọc để quảng bá thư viện và nâng cao văn hóa đọc trong CB, GV, NH của học viện [H9.09.02.19].

Học viện đã thực hiện khảo sát mức độ hài lòng về Thư viện của các BLQ

- Năm 2020 khi thực hiện khảo sát CB, GV về điều kiện môi trường làm việc tại Học viện đã có nội dung khảo sát về Thư viện, theo đó với câu hỏi “Thư viện và các nguồn tài liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu” có 82 % CB, GV trả lời hài lòng và rất hài lòng; có 87,5 % SV trả lời hài lòng và rất hài lòng với câu hỏi “Thư viện có đủ tài liệu tham khảo cho các môn học” [H9.09.02.20].

- Kết quả khảo sát ý kiến SV về mức độ đáp ứng nhu cầu bạn đọc của Thư viện cho thấy SV khá hài lòng về Thư viện của Học viện, chẳng hạn như tỷ lệ SV trả lời hài lòng về Thư viện ở cơ sở Hà Nội đều đạt trên 80% tùy theo từng năm, cụ thể: năm 2019 là 86,3%, năm 2020 là 88.1%, năm 2021 là 89.6%, năm 2012 là 83,04% và năm 2023 là 92,19%.

2. Điểm mạnh

Tài liệu nội sinh của Học viện đã được xây dựng khá đầy đủ, đáp ứng tốt những yêu cầu cơ bản cho các chuyên ngành đào tạo của Học viện, nhu cầu của GV và NH.

3. Điểm tồn tại

So với qui mô đào tạo của Học viện thì diện tích phòng đọc của thư viện nhỏ, thiếu chỗ ngồi cho SV vào thời điểm thi kết thúc học kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Phòng Kế hoạch đầu tư nghiên cứu, đề xuất phương án để mở rộng diện tích thư viện ở cả hai cơ sở đào tạo và phân bổ thêm kinh phí hằng năm để mua bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo để đảm bảo Thư viện có đủ giáo trình, tài liệu phục vụ cho các CTĐT của Học viện trong giai đoạn tới.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn 2019-2023, căn cứ chiến lược phát triển Học viện và yêu cầu công tác chuyển đổi số ngành TT&TT, Học viện xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành (TNTH),

trang bị đầy đủ các trang thiết bị với mục tiêu nâng cao chất lượng dạy và học, gắn liền giữa lý thuyết và thực hành:

Học viện có 40 Phòng thí nghiệm/thực hành được bố trí trong 65 phòng, bao gồm 33 phòng ở Bắc (Phòng thực hành Naver; Phòng Thực hành Quay phim chụp ảnh; Phòng thực hành mạch điện tử số; Phòng thực hành thực hành xử lý tín hiệu; phòng thực hành mạch điện số; phòng thực hành mạch điện tử; phòng thực hành công nghệ điện tử phần mềm 2; phòng thử nghiệm thực hành an ninh mạng 1, 2; phòng thực hành hệ thống thông tin 1, 2; phòng thực hành đa phương tiện 1, 2; phòng thực hành công nghệ phần mềm 1, 2, 3; phòng thực hành an ninh mạng; phòng thực hành toán ứng dụng; phòng thực hành samsung; phòng thực hành vật lý 1-5; phòng thực hành thông tin di động; phòng thực hành truyền dẫn ghép kênh; phòng mô phỏng 1, 2, 3; phòng thực hành thông tin vô tuyến; phòng thực hành 4 G Viettel; phòng thực hành FPT...) và 32 phòng ở miền Nam (Phòng thực hành vật lý 1-5; phòng thực hành an toàn thông tin; phòng thực hành đa phương tiện 2; phòng thực hành đồ họa; phòng studio; phòng thực hành máy vi tính 1, 2, 3; phòng thực hành mạng máy tính và truyền thông; phòng thực hành công nghệ phần mềm; phòng thực hành hệ thống thông tin; phòng thí nghiệm thực hành điện; phòng thí nghiệm thực hành điện tử tương tự; phòng thí nghiệm thực hành điện tử số; phòng thí nghiệm thông tin vô tuyến; phòng thí nghiệm thực hành mở...). NH ngành TMĐT được khai thác sử dụng chung các phòng thực hành máy tính: 501, 503, 507, 511, 601, 603, 611 tại nhà A3 và các khoa 2 tại CSHV [H9.09.03.01].

Trong số các phòng LAB của Học viện có những phòng được Học viện đầu tư hoặc được tài trợ bởi các doanh nghiệp với các thiết bị đồng bộ và hiện đại, chẳng hạn như: Phòng LAB học máy và ứng dụng, phòng LAB Toán ứng dụng và tính toán, phòng LAB mô phỏng mạng viễn thông, phòng LAB Samsung, phòng LAB Block Chain, phòng LAB 4G Viettel, phòng LAB Naver, phòng LAB Viễn thông FPT và hệ thống các phòng LAB An toàn thông tin, ... [H9.09.03.02]. CBGV và SV ngành TMĐT học tập sử dụng phòng TNTH và phòng Lab của học viện để phục vụ giảng dạy, học tập trên các phòng 501, 503, 507, 511, 601, 603, 611 tại nhà A3, Đồng và các khoa 2 tại CSHV [H9.09.03.03].

Từ năm 2020, khi xảy ra dịch bệnh Covid, Học viện đã triển khai nền tảng thực hành trực tuyến thông minh PTIT D - Lab để phục vụ cho các học phần thực hành của CTĐT khối ngành kỹ thuật của Học viện, theo đó SV có thể tham gia học thực hành từ hệ thống

này. Hệ thống thực hành trực tuyến thông minh này có thể đáp ứng lưu lượng cho 15.000 SV tham gia thực hành trong cùng thời điểm [H9.09.03.04].

Trong chu kỳ KĐCL, Học viện luôn quan tâm đến việc huy động các nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp, tập đoàn lớn của Ngành TT&TT trong việc đầu tư các phòng Lab, các trang thiết bị phục vụ công tác TNTH. Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ các trang thiết bị như máy tính, wifi, máy chiếu, máy in, màn chiếu, thiết bị điện tử, phần mềm mô phỏng, bàn ghế làm việc, ... phục vụ đào tạo và NCKH. Trang thiết bị của các phòng TNTH được mô tả chi tiết tại Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng của Học viện tại Đề án tuyển sinh hằng năm và được đăng tải trên website Học viện [H8.08.01.05], cụ thể:

- Phòng thí nghiệm vật lý được trang bị các thiết bị thí nghiệm vật lý về khảo sát điện trường biến thiên; hiện tượng giao thoa ánh sáng và máy tính; hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng và máy tính; chuyển động của điện tử trong điện từ trường; hiện tượng phân cực ánh sáng và máy tính; ...

- Phòng thực hành An toàn thông tin được trang bị: Máy tính, wifi, Switch 24 port; Smart Tivi Samsung 55 inch UA55K5500; HT cáp mạng LAN, Thiết bị Web Application Firewall Fortinet FortiWeb 400C (USA); Thiết bị Firewall Fortinet Fortigate 500D; Phần mềm ảo hóa máy chủ VMware vSphere 6; Phần mềm InsightUBA (formerly UserInsight); Phần mềm NXEXPP256 - NEXPOSE EXPRESS PERPETUAL LICENSE (256 IPs); Phần mềm dò quét lỗ hổng bảo mật Website Acunetix Vulnerability Scanner phiên bản Enterprise Edition; McAfee Network Security IPS-VM100 Virtual Software; Phần mềm COSEINC Automated Malware Analysis Lab (CAMAL); Thiết bị máy chủ quản trị hệ thống: Fujitsu RX2540 M2; Hệ thống phòng chống tấn công AntiDDoS: Fortinet FortiGate 600D; Hệ thống quản lý Log và phân tích sự kiện an ninh (SIEM) - McAfee Enterprise Security, Enterprise Log Manager and Event Receiver 5700 Combination (ETM-5700-ELM); Hệ thống Sandbox phân tích và phát hiện các tấn công ATP; Hệ thống giả lập tấn công hệ thống mạng: Ixia PerfectStorm ONE.

- Phòng thực hành công nghệ phần mềm, hệ thống thông tin, trí tuệ nhân tạo được trang bị máy tính, các thiết bị nhúng, các phần mềm để GV xây dựng các bài thí nghiệm thực hành đào tạo công nghệ, an toàn thông tin.

Ngoài các trang thiết bị CNTT, các phòng Lab được trang bị đồng bộ về các hệ thống nguồn, PCCC, chiếu sáng, điều hoà, bàn ghế, ... để phục vụ các quy mô từ 20 đến 50 người sử dụng trong cùng thời điểm [H6.06.07.17]:

- Phòng LAB rà quét lỗ hổng ATBM - LAB An toàn thông tin: Máy tính, server, Phần mềm dò quét lỗ hổng bảo mật Website Acunetix Vulnerability Scanner phiên bản Enterprise Edition; Phần mềm InsightUBA (formerly UserInsight); Phần mềm NXEXPP256 - NEXPOSE EXPRESS PERPETUAL LICENSE (256 IPs); McAfee Network Security IPS-VM100 Virtual Software; Phần mềm COSEINC Automated Malware Analysis Lab (CAMAL).

- Phòng LAB giả lập tấn công ATBM - LAB An toàn thông tin: Máy tính, server, Thiết bị máy chủ quản trị hệ thống: Fujitsu RX2540 M2, Hệ thống phòng chống tấn công AntiDDoS: Fortinet FortiGate 600D, Hệ thống giả lập tấn công hệ thống mạng: Ixia PerfectStorm ONE,

- Phòng LAB phân tích mã độc - LAB An toàn thông tin: Máy tính, server, Hệ thống quản lý Log và phân tích sự kiện an ninh (SIEM) - McAfee Enterprise Security; Enterprise Log Manager and Event Receiver 5700 Combination (ETM-5700-ELM; Hệ thống Sandbox phân tích và phát hiện các tấn công ATP; ...

Để nâng cao chất lượng hướng dẫn TNTH, năm 2018 Học viện đã bổ sung các phòng Lab An toàn thông tin; năm 2020, dự án tài trợ của Tập đoàn Công nghiệp và Viễn thông Quân đội Viettel trang bị phòng Lab 4G với giá trị trên 5 tỷ; năm 2021, dự án tài trợ Lab AI của Tập đoàn Naver trị giá 3 tỷ [H9.09.03.06]. Với hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành chuyên ngành và các phòng Lab được trang bị đủ các trang thiết bị, phần mềm đảm bảo đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH của GV, NH các CTĐT tại Học viện, trong đó có ngành TMĐT.

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác các trang thiết bị TNTH, Học viện thành lập Trung tâm TNTH tại cơ sở Hà Đông [H9.09.03.07], ban hành Quy định quản lý và hướng dẫn TNTH theo Quyết định số 233/QĐ-HV ngày 04/02/2018 của Giám đốc Học viện [H9.09.03.08] và Quy định tạm thời về hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên sâu (phòng Lab) [H9.09.03.09]. Trung tâm TNTH được bố trí 7 cán bộ, có 02 cán bộ là GV giảng dạy thực hành và 5 kỹ thuật viên có chuyên môn được đào tạo phù hợp để quản lý các máy móc, trang thiết bị của Trung tâm TNTH [H9.09.03.10]. Đối với các phòng TNTH tại cơ sở Thành phố HCM, Học viện giao cho các khoa 2 quản lý và trực tiếp đội

ngũ cán bộ kỹ thuật, GV của khoa vận hành, nhưng vẫn phải tuân thủ theo quy định quản lý và hướng dẫn TNTH học viện ban hành. Đối với các phòng Lab chuyên sâu, Học viện giao cho các GV có trình độ chuyên môn và học hàm tiến hành khai thác sử dụng.

Việc quản lý, khai thác sử dụng các phòng thực hành/thí nghiệm được thực hiện theo các văn bản: Quy định quản lý, sử dụng tài sản công của Học viện ban hành theo Quyết định số 1381/QĐ-HV ngày 29/12/2021 [H9.09.03.11], Quy định quản lý và hướng dẫn thí nghiệm thực hành tại cơ sở đào tạo Hà Nội ban hành theo Quyết định số 233/QĐ-HV ngày 04/02/2018 [H9.09.03.12] và Quy định tạm thời về hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên sâu ban hành theo Quyết định số 753/QĐ-HV ngày 23/08/2016 [H9.09.03.13].

Hàng năm, Trung tâm TNTH phối hợp với các khoa lập kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ TNTH gửi Phòng Kế hoạch - Đầu tư để tổng hợp trình giám đốc ban hành quyết định giao kế hoạch và kinh phí thực hiện việc bảo trì, nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng các máy móc, trang thiết bị [H9.09.03.14]. Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện chi cho sửa chữa máy móc trang thiết bị: 3140 triệu đồng và chi cho mua sắm CCDC, tài sản, TTB mới: 23.478 triệu đồng. Ngoài ra, Năm 2019, Công ty TNHH Điện tử Samsung tài trợ cho Khoa CNTT1 phòng Lab (QĐ số 491/QĐ-HV ngày 21/6/2019); năm 2020 Tập đoàn Công nghiệp và Viễn thông Quân đội Viettel trang bị phòng LAB 4G, một hệ thống 4G LTE hoàn chỉnh cho phép cung cấp đầy đủ các dịch vụ cơ bản của mạng viễn thông di động thế hệ thứ 4. Năm 2021, tập đoàn Naver tài trợ phòng LAB AI “Nghiên cứu Quốc tế về Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu Đa phương tiện” trị giá khoảng 3 tỷ đồng (Thỏa thuận ngày 22/02/2021); Năm 2021, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (2021) tài trợ phòng LAB Viễn thông (QĐ số 1240/QĐ-HV ngày 15/12/2021).

Các phòng thực hành thí nghiệm có nội quy, bảng thống kê danh mục tài sản và các sổ theo dõi, thống kê hoạt động của các trang thiết bị được ghi chép đầy đủ thông tin theo quy định. Định kỳ, Học viện đã tiến hành kiểm kê số lượng và chất lượng các trang thiết bị của các phòng thực hành, thí nghiệm để phân loại chất lượng của trang thiết bị dạy học. Các máy móc, thiết bị đều được dán mã quản lý; có bảng hướng dẫn sử dụng và các nguyên tắc an toàn, xử lý sự cố trong thực hành, thí nghiệm; sổ sách mượn - trả, theo dõi, ghi nhận hiện trạng cũng như tần suất sử dụng; nhật ký ra vào phòng thí nghiệm, thực hành. Hằng ngày, GV hướng dẫn ghi nhật ký sử dụng trước và sau khi sử dụng. Cán bộ phụ trách sẽ tổng hợp báo cáo về việc sử dụng trang thiết bị hằng năm, phối hợp với bộ phận Kỹ thuật - CSVC cập nhật, đánh giá, kiểm kê trang thiết bị để kịp thời mua sắm và sửa chữa trang

thiết bị, đảm bảo cho việc giảng dạy, học tập và NCKH. GV và SV phải tuân thủ các quy khi vào học tập hay NCKH, đồng thời phải ghi nhật ký sử dụng trước và sau khi sử dụng. Để đánh giá hiệu quả sử dụng, hằng năm Học viện có báo cáo công tác rà soát thực trạng CSVC của Học viện và qua nhật ký sử dụng phòng TNTH cho thấy các phòng TNTH được khai thác và sử dụng có hiệu quả [H9.09.03.15].

Tình trạng của các trang thiết bị phục vụ TNTH như: đang hoạt động/ đang sử dụng, đang hư hỏng hoặc không có nhu cầu sử dụng, ... được ghi nhận, đánh dấu vào biên bản kiểm kê tài sản hằng năm, làm cơ sở cho việc đề nghị thanh lý tài sản, hay lập kế hoạch mua sắm máy móc thiết bị, bổ sung dụng cụ, sửa chữa nhà cửa vật kiến trúc/hệ thống kỹ thuật, trong biên bản xác định cụ thể nguyên giá, giá trị còn lại của từng trang thiết bị tại phòng TNTH [H9.09.03.16]. Tuy các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành được duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp hằng năm, nhưng vẫn còn 267 máy tính tại các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị từ trước năm 2015, nên cấu hình không đáp ứng được việc sử dụng các chương trình phần mềm có dung lượng lớn.

2. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống phòng Lab chuyên sâu được đầu tư với các trang thiết bị hiện đại như phòng Lab ATTT, Samsung, Naver và 4G-Viettel.

3. Điểm tồn tại

Một số máy tính trong phòng thí nghiệm thực hành được trang bị từ trước năm 2015, nên cấu hình không đáp ứng được việc sử dụng các chương trình phần mềm cần dung lượng máy tính lớn.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Trung tâm TNTH đề xuất để Học viện đầu tư, nâng cấp máy tính đã cũ trong các phòng thí nghiệm, thực hành.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành chiến lược phát triển Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn 2030 [H1.01.01.10], trong đó có đề cập đến những nội dung về xây dựng hệ thống CNTT như: Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng máy tính và hệ thống an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu các hoạt động trong giai đoạn chuyển

đổi số; tăng cường phát triển hệ thống mạng Internet băng thông rộng đặc biệt là hệ thống Wifi phủ sóng toàn Học viện; Tập trung phát triển hạ tầng kết nối Internet vạn vật, xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng của Học viện; xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp trên cơ sở liên thông và đồng bộ các hệ thống cơ sở dữ liệu hiện có từ các ứng dụng công nghệ thông tin trong Học viện; đầu tư nền tảng và triển khai hệ thống ERP trong Học viện; đầu tư nền tảng và triển khai xây dựng hệ thống kết nối SV, GV và các tổ chức trong Học viện theo mô hình mạng xã hội nội bộ. Học viện xây dựng phương án ứng dụng CNTT để phát triển và hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ cho việc nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ. Trong đó:

(1) Về cơ sở hạ tầng: giải pháp đầu tư máy chủ để nâng cao khả năng quản lý nhiều dịch vụ khác nhau và lưu trữ CSDL; các thiết bị mạng, hệ thống máy tính, mạng Wifi, nâng cấp hệ thống sao lưu dữ liệu, đầu tư mới để nâng cao tính bảo mật của hệ thống và giúp phục hồi dữ liệu nhanh chóng;

(2) Về giải pháp phần mềm: xây dựng được hệ thống thông tin tích hợp với mô hình dữ liệu quản lý tập trung, hướng đến mô hình đại học số hóa; trang bị phần mềm quản lý đào tạo; phần mềm kế toán; phần mềm quản lý thư viện...; thống Email để quản lý và chia sẻ các thông tin đến các BLQ; sử dụng Google Drive làm kho lưu trữ, quản lý, chia sẻ thông tin, minh chứng trong các hoạt động của Học viện;

(3) Về giải pháp con người: văn phòng và các đơn vị khác phối hợp để thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến công việc theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Học viện có Kế hoạch xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tích hợp của Học viện ban hành theo kế hoạch số 1234/HV-KH ngày 31/12/2021 với mục tiêu xác lập, lưu trữ, cập nhật các số liệu về các lĩnh vực hoạt động của Học viện một cách khoa học, đồng bộ. Học viện xây dựng hệ thống quản lý thông tin bên trong và được duy trì liên tục, thông suốt giữa các đơn vị liên quan. Việc chuyển thông tin giữa các đơn vị để hỗ trợ các hoạt động của Học viện như đào tạo, NCKH và PVCĐ được thực hiện qua nhiều hình thức khác nhau như: các cuộc họp; các thông báo, chỉ thị; điện thoại; hệ thống phần mềm quản lý, thư điện tử... [H9.09.04.01].

Học viện có bộ phận quản trị hệ thống và thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, cụ thể:

(1) Văn phòng có chức năng phụ trách việc lập kế hoạch, bảo trì, nâng cấp các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng của các phòng ban, trung tâm chức năng và các khoa đào tạo tại

Cơ sở Phía Bắc; quản trị mạng, quản lý Data Center, hệ thống email nội bộ; đảm bảo hệ thống hạ tầng mạng nội bộ và internet cho toàn Học viện theo quy định chức năng, nhiệm vụ của văn phòng ban hành theo Quyết định số 833/QĐ-HV ngày 18/11/2015 [H9.09.04.02];

(2) Trung tâm Thí nghiệm thực hành có chức năng tham mưu và giúp giám đốc học viện tổ chức quản lý, điều hành trong phạm vi toàn học viện; trực tiếp triển khai công tác thực hành thí nghiệm tại cơ sở đào tạo Hà Nội của học viện; quản lý, vận hành và tổ chức khai thác có hiệu quả hệ thống trang thiết bị phòng thực hành thí nghiệm ban hành theo Quyết định số 693/QĐ-HV ngày 01/8/2016 [H9.09.03.07];

(3) Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông (CDIT) quản lý vận hành, duy trì, phát triển cổng thông tin portal.ptit.edu.vn theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông và văn bản giao nhiệm vụ hằng năm [H9.09.04.03];

(4) Các khoa quản lý các phòng Lab chuyên sâu, phòng thực hành thông minh PTIT D-Lab) [H6.06.07.17].

(5) HVCS tại Thành phố Hồ Chí Minh phụ trách việc quản trị mạng, đảm bảo hệ thống hạ tầng mạng nội bộ và internet cho toàn bộ HVCS; quản lý các phòng Lab, thí nghiệm thực hành và thực hiện sửa chữa, bảo trì, nâng cấp các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng tại Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh.

(6) Năm 2011, Học viện thành lập Trung tâm tích hợp dữ liệu Data Center theo Quyết định số 90/QĐ-TTTV ngày 24/02/2011 [H9.09.04.04] để thống nhất quản lý toàn bộ cơ sở dữ liệu về các lĩnh vực hoạt động của Học viện và thực hiện sao lưu, bảo mật an toàn dữ liệu tại server tập trung.

(7) Thành lập Tổ ứng dụng CNTT thuộc văn phòng nhằm thống nhất quản lý một có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH, quản lý và bảo trì các thiết bị máy chủ, thiết bị mạng và đường truyền kết nối liên thông mạng nội bộ đảm bảo hệ thống mạng của học viện hoạt động thông suốt [H9.09.04.05].

Cùng với việc cải tiến, nâng cấp phần cứng và phần mềm của hệ thống thông tin, Học viện cũng đã xây dựng và ban hành các chính sách và quy trình, kế hoạch quản lý ứng dụng CNTT:

(1) Quy định về Nội quy diễn đàn SV ban hành theo Quyết định số 264/QĐ-GV&CTSV ngày 29/4/2010 [H9.09.04.06].

(2) Quy định về hoạt động quản lý, vận hành và cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của học viện ban hành theo Quyết định số 700/QĐ-HV, ngày 16/09/2013 [H9.09.04.07];

(3) Quy định quản lý và sử dụng mạng máy tính và truy cập Internet của học viện ban hành theo Quyết định số 720/QĐ-HV, ngày 19/09/2013 [H9.09.04.08];

(4) Quy định khai thác và sử dụng thư điện tử của cán bộ và SV trong học viện ban hành theo Quyết định số 231/QĐ ngày 12/4/2013 [H9.09.04.09];

(5) Quy định quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hệ thống quản lý thông tin cán bộ Học viện ban hành theo Quyết định số 652/QĐ-TH ngày 30/9/2014 cùng với việc triển khai chuyển đổi hệ thống thư điện tử toàn học viện [H9.09.04.10];

(6) Quy trình vận hành hệ thống máy chủ ảo ban hành theo Quyết định số 188/QĐ-HV ngày 24/3/2017 [H9.09.04.11];

(7) Quy định về cấp và sử dụng hộp thư điện tử (email) SV ban hành theo Quyết định số 1103/QĐ-HV ngày 06/12/2019 [H9.09.04.12];

(8) Quy định về quản lý và hướng dẫn thực hành trực tuyến các môn công nghệ thông tin ban hành theo Quyết định số 752/QĐ-HV ngày 21/9/2021 [H9.09.04.13];

(9) Quy định sử dụng chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại Học viện ban hành theo Quyết định số 410/QĐ-VPHV, ngày 11/06/2010 [H9.09.04.13].

Căn cứ văn bản nêu trên, Học viện tổ chức cung cấp các ứng dụng CNTT trên website của Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/> được cập nhật thông tin thường xuyên và đây chính là kênh thông tin để SV, CBGV Học viện cùng các BLQ tương tác với nhau, nhận, xử lý, ra quyết định liên quan đến công việc, cùng với hệ thống email nội bộ và các kênh online (Facebook và Zalo). Cổng thông tin điện tử của Học viện đã được nâng cấp 02 lần, phiên bản mới nhất đã được đưa vào sử dụng vào năm 2019.

Học viện triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống CNTT như xây dựng quy trình bảo trì hệ thống mạng, máy tính, thiết bị CNTT, xây dựng kế hoạch rà soát đánh giá hạ tầng CNTT toàn học viện và thực hiện rà soát đánh giá hạ tầng CNTT hằng năm, mạng Lan của Học viện được chia theo các phân khu theo chức năng để nâng cao tính bảo mật, mỗi tầng toà nhà được trang bị Wifi có bảo mật password để CB, GV, NV và SV sử dụng; các phần mềm của Học viện có cơ chế xác thực và phân quyền cho mỗi CB, GV, NV và SV tài khoản để đăng

nhập các phần mềm; Ban biên tập Website quản lý và bảo mật tài khoản và mật khẩu cổng thông tin điện tử. Các chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn đối với hệ thống CNTT được quán triệt, phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và SV thông qua hệ thống email nội bộ của Học viện và trang thông tin điện tử. Trong chu kỳ KĐCLGD không xảy ra hiện tượng mất dữ liệu trong hệ thống ứng dụng CNTT trong Học viện.

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện đã đầu tư mới, bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. Cụ thể:

- Học viện có hệ thống ứng dụng CNTT hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin gồm: 1865 máy tính phục vụ giảng dạy học tập (Cơ sở miền Bắc 1317; Cơ sở miền Nam 548), tỷ lệ bình quân tính theo NH hệ đại học chính quy là 0,09 máy tính/NH. Giai đoạn 2019 - 2023, Học viện đã đầu tư mua sắm 310 máy tính (25 tính máy xách tay), 23 máy in, 45 máy chiếu, 13 máy photo, 03 máy scan; lắp đặt thêm một số đường truyền Internet với tốc độ 600 Mbps/đường để phục vụ kết nối hệ thống Wifi cho các giảng đường tại cơ sở đào tạo Hà Đông; thay thế thiết bị Router, Switch core chuẩn tốc độ gigabit (1000 Mbps) để phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của Học viện; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo Edusoft. Ở các khu vực làm việc và học tập đều có mạng Wifi, tín hiệu khá ổn định phục vụ miễn phí [H9.09.04.14] và tất cả các máy tính được kết nối mạng tới các đơn vị, được cài đặt với nhiều phần mềm có bản quyền và luôn cập nhật các phiên bản mới nhất. Tuy nhiên, Học viện hiện còn 860/1865 (chiếm tỉ lệ 46,11%) máy tính được trang bị từ trên 05 năm trở lên đã hết thời hạn khấu hao sử dụng, trong đó Khoa QTKD có 23,5% được trang bị từ trên 05 năm trở lên, đã hết thời hạn khấu hao sử dụng.

- Hệ thống máy chủ VMware Cluster bao gồm 12 máy chủ (Fujitsu Primergy RX2540 M1 và SAN Storage được ảo hóa với tổng tài nguyên (384 Core; 3072 Gb Memory; 16TB Storage, dùng cho toàn bộ Học viện cả miền Bắc và Nam; 202 điểm phát wifi phủ sóng các giảng đường, phòng làm việc (Cơ sở miền Bắc 103; Cơ sở miền Nam 99); 17 đường truyền tổng dung lượng đường truyền 5260 Mbps (Cơ sở miền Bắc 3200 Mbps; Cơ sở miền Nam 2060 Mbps). 142 mắt cam để đảm bảo an ninh bao quanh các khu vực trọng yếu của Học viện (Cơ sở miền Bắc 120; Cơ sở miền Nam 22) [H9.09.04.15].

- Học viện triển khai đồng bộ các ứng dụng CNTT vào công tác quản lý các hoạt động và hệ thống phần mềm quản lý tích hợp đã giúp Học viện tin học hóa hầu hết các hoạt

động đào tạo, quản lý và NCKH [H9.09.04.16], đặc biệt là quản lý thống nhất dữ liệu về SV (tuyển sinh, kết quả học tập,thời học, tốt nghiệp, ...), dữ liệu về CTĐT, đề cương chi tiết... đối với tất cả cơ sở đào tạo của Học viện tại các phần mềm: Phần mềm tuyển sinh, phần mềm xét tuyển, phần mềm tra cứu xác thực phát hiện văn bằng chứng chỉ giả do phòng Đào tạo quản lý; phần mềm quản lý học phí và phần mềm kế toán misa do phòng Tài chính Kế toán quản lý; phần mềm thi trắc nghiệm do TTKT&ĐBCLGD quản lý; phần mềm quản lý SV edusoft, phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến trans do Phòng Giáo vụ quản lý; Phần mềm Quản lý văn bản, phần mềm kết nối nội bộ và phần mềm quản lý quy cập internet do Văn phòng quản lý; phần mềm quản lý nhân sự do Phòng TCCB-LĐ quản lý; phần mềm quản trị thư viện Libol 6.0 do Thư viện quản lý ; ... CB, GV, NH của Học viện được cấp tài khoản email theo tên miền “@ptit.edu.vn” và miễn phí khi sử dụng Internet thông qua hệ thống kết nối không dây (wifi), hệ thống mạng nội bộ để truy cập vào hệ thống mạng để sử dụng các phần mềm ứng dụng, quản lý, điều hành của Học viện, để chia sẻ dữ liệu. NH của Học viện được truy cập mạng (wifi) miễn phí tại sảnh nhà A1, A2, A3, các Hội trường lớn, khu giảng đường.

Phòng hội thảo của học viện (03 phòng họp trực tuyến, 02 hội trường họp trực tuyến) đều được trang bị hệ thống CNTT hiện đại, hệ thống máy chiếu, cầu truyền hình đảm bảo tổ chức được các hoạt động khoa học chất lượng [H9.09.04.17].

Từ năm 2020, trước tình hình dịch Covid bùng phát, Học viện đã triển khai hoạt động giảng dạy - học tập trực tuyến được thực hiện qua phần mềm TranS và hệ thống hỗ trợ học tập thông qua hệ thống quản lý học tập trực tuyến - LMS [H9.09.04.18]. Đồng thời, Học viện triển khai nền tảng thực hành thông minh PTIT- DLab giúp SV có thể thực hành trực tuyến qua mạng [H9.09.04.19]. Do mới đưa vào sử dụng nên trong một số thời điểm, lượng SV đăng ký học phần tập trung quá đông nên hệ thống đôi lúc bị quá tải, làm ảnh hưởng đến hoạt động truy cập của SV và GV.

Triển khai chuyển đổi số theo mô hình “Quốc gia số thu nhỏ”, Học viện đã nghiên cứu, tham khảo các định hướng, chính sách của quốc gia trong hoạt động chuyển đổi số và xây dựng phương án chuyển đổi số bám theo 3 trục của Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Học viện cũng xây dựng các mục tiêu chuyển đổi số theo 3 trục là Quản trị số - Dịch vụ số - Xã hội số, Sau gần 1 năm từ khi quyết liệt triển khai nhiệm vụ do Bộ trưởng giao, các ứng dụng, nền tảng như PTIT-SLink; Hệ thống thực hành ảo D-Lab; Mô hình lớp học thông minh, Trung tâm điều hành số, mô hình dịch vụ công cấp 4, mạng xã hội cựu SV đã

được phát triển, kết nối và dần trở thành hệ sinh thái ban đầu ở Học viện số [H9.09.04.20]. Năm 2021, Học viện đã triển khai cấp mã định danh cho SV ngay khi trúng tuyển và SV có thể truy cập vào phần mềm PTITS-link để phục vụ cho việc nhập học trực tuyến, tra cứu điểm, tình trạng học phí, xét duyệt học bổng, theo dõi thời khóa biểu, ... trên tất cả các thiết bị di động [H9.09.04.21].

Học viện có các phòng Lab an toàn thông tin được trang bị các thiết bị đồng bộ, hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo trực tuyến, thi trực tuyến, giảng dạy E-learning, tập huấn các ứng dụng CNTT cho GV và NH [H9.09.04.22].

Các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập của học viện được rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư hằng năm. Vào cuối mỗi năm, phòng Tài chính - Kế toán phối hợp cùng các đơn vị thực hiện công tác kiểm kê tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ trong toàn học viện và yêu cầu các đơn vị phải báo cáo và giải trình đối với các tài sản hư hỏng, mất mát để hội đồng kiểm kê tài sản sẽ xác định tỉ lệ mới còn lại của các thiết bị. Sau khi hoàn thành kiểm kê, Tổ kiểm kê và đại diện lãnh đạo của đơn vị được kiểm kê cùng ký xác nhận vào biên bản kiểm kê. Biên bản sẽ được sử dụng để tổng hợp số liệu báo cáo lãnh đạo học viện và phục vụ công tác bảo trì, sửa chữa, mua sắm và đầu tư mới của năm tiếp theo [H9.09.04.23].

Hằng năm, các đơn vị có nhu cầu sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, đăng ký mua sắm các phương tiện dạy và học, trang thiết bị CNTT, phần mềm quản lý,... lập kế hoạch gửi về học viện qua Phòng Kế hoạch - Đầu tư. Theo đó, phòng Kế hoạch - Đầu tư lập kế hoạch đảm bảo CSVC tổng thể cho toàn học viện để trình giám đốc phê duyệt. Trên cơ sở kế hoạch được ban hành, Phòng Kế hoạch - Đầu tư phối hợp với các phòng ban chức năng liên quan có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn, thi công xây lắp các hạng mục công trình theo đúng kế hoạch đề ra [H9.09.04.24]. Trong các hợp đồng mua sắm công cụ, dụng cụ phục vụ đào tạo hằng năm đều có danh mục mua sắm trang thiết bị CNTT, ví dụ: Năm 2018, Học viện đã đầu tư 1433,6 triệu đồng mua 5 máy tính xách tay, 91 máy tính để bàn (HĐ số 30/HĐKT/PTIT-HNC ngày 11/12/2018); Năm 2019, Học viện đầu tư 1886,85 triệu đồng mua 110 máy tính Acer, 10 máy tính xách tay Del Vostro3580 (HĐ số 34/HĐKT/PTIT-HNC ngày 25/10/2019); Năm 2020, Học viện đầu tư 675,55 triệu đồng mua 29 máy tính Acer Vertion ES 2735G và 10 Laptop Del Vostro 3590 (HĐ số 36/HĐKT/PTIT-TĐ ngày 26/11/2020); năm 2021, Học viện đầu tư 1886,4 triệu đồng mua 80 máy tính Acer Vertion X Core i7 (Hợp đồng 01/HĐKT/PTIT-TĐ ngày 01/10/2021); Năm 2022, Nhà trường đã

đầu tư 1.038 triệu đồng mua 60 máy tính Acer Vertion X2690G (HĐ số 01/HĐKT/PTITHACOM ngày 06/12/2022), ...

Học viện triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống, hạ tầng CNTT như xây dựng quy trình bảo trì hệ thống mạng, máy tính, thiết bị CNTT, xây dựng kế hoạch rà soát đánh giá hạ tầng CNTT toàn Học viện và thực hiện rà soát đánh giá hạ tầng CNTT hằng năm, mạng LAN của Học viện được chia theo các phân khu theo chức năng để nâng cao tính bảo mật, mỗi tầng toà nhà được trang bị Wifi có bảo mật password để CB, GV, NV và SV sử dụng; các phần mềm của Học viện có cơ chế xác thực và phân quyền cho mỗi CB, GV, NV và SV tài khoản để đăng nhập các phần mềm; Ban biên tập Website quản lý và bảo mật tài khoản và mật khẩu cổng thông tin điện tử, Học viện triển khai các kế hoạch để bảo trì thiết bị CNTT bảo đảm an toàn cho hệ thống, các phương án để xử lý sự cố tấn công mạng cũng được bổ sung để đảm bảo an ninh mạng và an toàn dữ liệu,...

Học viện đã lấy ý kiến hỏi các BLQ các nội dung liên quan đến mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của hệ thống CNTT. Với nội dung khảo sát: “Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu” tỷ lệ CB, GV hài lòng đều đạt trên 80%; với nội dung: “Mạng máy tính, thiết bị tin học đáp ứng cơ bản nhu cầu NH”, tỷ lệ NH trả lời hài lòng qua khảo sát các năm là: năm 2021 (82,49%), năm 2020 (81,0%), năm 2019 (76,4%), năm 2018 (81,58%) và năm 2017 (83,7%); với nội dung: “Website của HV có đủ thông tin, dễ dàng truy vấn và thông tin được cập nhật thường xuyên”, tỷ lệ SV trả lời hài lòng qua khảo sát các năm là: năm 2021; 2020; 2019; 2018 2017 có giá trị tương ứng 87,07%, 83,5%, 80,6%, 86,5%; 84,3%; với nội dung “Thiết bị công nghệ thông tin phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và học tập” tỷ lệ hài lòng của NH năm cuối của Khoa QTKD1 tại các năm khảo sát 2017, 2018, 2019, 2021, 2022 có giá trị tương ứng: 91,2%; 90,79%; 88,95%; 95,4%; 92,43% [H8.08.05.18].

Học viện cũng thực hiện khảo sát ý kiến của NH về hệ thống thiết bị CNTT, phòng thí nghiệm thực hành định kỳ mỗi năm. Kết quả khảo sát cho thấy SV khá hài lòng với hệ thống CNTT, thiết bị dạy - học và điều kiện CSVC của Học viện. Chẳng hạn như với câu hỏi “Mạng máy tính, thiết bị tin học đáp ứng cơ bản nhu cầu NH”, tỷ lệ SV trả lời hài lòng qua khảo sát các năm là: năm 2021 (82,49%), năm 2020 (81,0%), năm 2019 (76,4%), năm 2018 (81,58%) và năm 2017 (83,7%) [H9.09.04.25].

2. Điểm mạnh

Học viện là trường đại học đầu tiên trong cả nước đi đầu trong công cuộc chuyển đổi số, đây là mô hình nền tảng số đầu tiên được công bố trong việc liên thông dữ liệu thông qua ứng dụng phần mềm PTIT-Slink, nhằm tạo ra một cơ sở dữ liệu dùng chung, làm tiền đề phát triển hệ thống các ứng dụng hỗ trợ GV, SV trong quá trình đào tạo/học tập; tối ưu hoá hiệu suất lao động của cán bộ, NV hỗ trợ.

3. Điểm tồn tại

Một số thời điểm, lượng SV đăng ký học phần tập trung quá đông nên hệ thống đôi lúc bị quá tải, làm ảnh hưởng đến hoạt động truy cập của SV và GV.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng Giáo vụ sẽ đánh giá lại việc phân nhóm đăng ký học phần, nhằm tránh tình trạng SV tập trung truy cập hệ thống quá đông trong cùng một thời điểm.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện triển khai thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đối với CBGV và NH theo các văn bản, quy định của Nhà nước, cụ thể gồm: Luật An toàn vệ sinh lao động (số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015); Luật Phòng cháy chữa cháy (số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013); Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy (Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014); Nghị định quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường (Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017); Quy chế công tác học sinh, SV nội trú tại các cơ sở giáo dục (Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011); Quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm Y tế trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp (Thông tư số 17/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/5/2007); Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế học đường (Công văn số 3946/BGDĐTGDTC ngày 31/8/2018); Quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn (Công văn số 3946/BGDĐT-GDTC ngày 31/8/2018); Quy định về công tác Y tế trường học (Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT của Bộ Y tế và BGD&ĐT); Hướng dẫn khám sức khỏe của Bộ Y tế (TT số 14/TT-BYT ngày 06/5/2013) [H9.09.05.01].

Căn cứ hướng dẫn nêu trên, Học viện đã ban hành các văn bản quy định về các yêu cầu, tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn tại học viện như:

Học viện ban hành Nội quy lao động để CBGV thực hiện theo đúng quy định của Ngành giáo dục [H7.07.05.01] và Quy chế làm việc của Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông theo quyết định số 1248/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H7.07.05.02]. Các văn bản này quy định việc chấp hành nội quy lao động và thời gian làm việc của CBVCNLD, trong đó quy định thực hiện giờ làm việc đối với cán bộ, viên chức khối hành chính, cụ thể thời gian làm việc từ 08h00 - 17h00 các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và gửi tới toàn thể CBVC tại các đơn vị được biết và thực hiện.

Hội đồng Học viện ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐHV ngày 4/8/2021 của Hội đồng Học viện [H7.07.05.05], với mục đích phát huy quyền dân chủ của VCNLD, NH và tăng cường nề nếp, kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Học viện góp phần xây dựng môi trường giáo dục, thân thiện, lành mạnh, phòng chống các hành vi tiêu cực trong đào tạo; Quy chế giám sát của Hội đồng Học viện theo Nghị Quyết số 35/NQ-HĐHV ngày 26/10/2021 ban hành [H8.08.05.01], theo đó, HĐHV sẽ giám sát toàn diện các hoạt động của Học viện để đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch và hỗ trợ các hoạt động của Học viện tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật.

Để đảm bảo quản lý và sử dụng có hiệu quả CSVCS, hạ tầng cơ sở, Học viện đã ban hành các văn bản: Quy định phân cấp quản lý tài chính và quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị trực thuộc Học viện ban hành theo Quyết định số 1118/QĐ-HV ngày 26/11/2021 [H9.09.05.02]; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Học viện ban hành theo Quyết định số 1381/QĐ-HV ngày 29/12/2021 [H9.09.05.03]; Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Học viện ban hành theo Quyết định số 1367/QĐ-HV ngày 28/12/2021 [H9.09.05.04].

HVCS ban hành Nội quy tiếp công dân theo Quyết định số 29/QĐ-HVCS ngày 14/06/2017; Quy chế tiếp công dân của HVCS tại Tp. HCM theo Quyết định số 18/QĐ-HVCS ngày 07/02/2017 [H9.09.05.05]; Quy định văn hóa công sở tại Học viện cơ sở Tp. HCM theo Quyết định số 189/QĐ-HVCS ngày 26/08/2013 [H9.09.05.06]; Nội quy ra vào cổng Cơ sở Quận 9 - Tp. HCM theo Quyết định số 76/QĐ-CSVC&DV ngày 26/4/2013 [H9.09.05.07].

Nội Quy Giảng đường, lớp học được ban hành theo Quyết định số 353/QĐ-T.Tr ngày 07/08/2009 [H9.09.05.08] được treo tại hành lang giảng đường để SV thực hiện giờ lên lớp và chấp hành nội quy học tập theo quy định. Đồng thời, để đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong khu vực giảng đường. Ngoài ra, Học viện đã bố trí SV thuộc đội cờ đỏ kiểm tra thẻ SV, kiểm soát ra vào khu vực giảng đường; lắp camera theo dõi ở các khu vực hành lang lớp học để tạo nên trật tự, kỷ cương trong môi trường học đường.

Ký túc xá của SV (B5, B1, B2 và Quận 9, Tp.HCM) có bản nội quy ký túc xá treo ở sảnh các tầng và tại các địa điểm thuận lợi để SV đều nhận biết thực hiện nội quy nhằm đảm bảo nếp sống văn minh, trật tự và an toàn trong ký túc xá [H9.09.05.09].

Học viện ban hành Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng phòng TNTH theo Quyết định số 233/QĐ-HV ngày 02/04/2018 [H9.09.03.08] và hướng dẫn sử dụng máy chiếu, các thiết bị thí nghiệm thực hành để quy định trách nhiệm của GV và SV khi làm việc tại các phòng TNTH.

Học viện thành lập bộ phận một cửa để tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cho SV. Trong đó phòng Đào tạo có 01 nhân sự phụ trách giải đáp thắc mắc tuyển sinh, phòng Giáo vụ 01 nhân sự phụ trách học vụ, cấp bằng điểm.; Phòng CT&CTSV có 01 nhân sự giúp NH trong vấn đề chính sách [H8.08.04.02].

Văn phòng là đơn vị được Học viện giao cho nhiệm vụ quản trị về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.10]. Văn phòng trực tiếp quản lý Trạm y tế, Tổ bảo vệ, triển khai công tác PCCC, vệ sinh môi trường tại học viện. Hằng năm, Văn phòng lập kế hoạch đảm bảo môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt gửi Phòng Kế hoạch Đầu tư để tổng hợp báo cáo giám đốc phê duyệt kế hoạch sửa chữa, mua sắm, đầu tư CSVC, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ cho việc bảo vệ môi trường học đường, chăm sóc sức khỏe, PCCN, phòng chống dịch bệnh, an ninh an toàn cho CBVCNLD và NH tại Học viện, cụ thể:

Bộ phận y tế có chức năng nhiệm vụ tổ chức công tác y tế học đường, chăm sóc sức khỏe cho CBVCNLD và NH, tổ chức tuyên truyền công tác y tế học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh [H9.09.05.11]. Cán bộ của bộ phận y tế ở cả 2 cơ sở đều có chuyên môn phù hợp (ở Hà Nội có 3 y sỹ và cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh có 1 dược sỹ và 1 y tá). Trạm y tế có giường bệnh để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho NH và các dụng cụ y tế phục vụ cho việc sơ cứu ban đầu, cũng như các loại thuốc thông thường được mua

sắm thường kỳ, có đủ lượng thuốc dự phòng theo quy định. Hằng ngày cán bộ y tế của cả hai cơ sở có lịch trực tại Học viện để hỗ trợ, cấp thuốc và sơ cứu ban đầu cho CB, GV và SV trong thời gian làm việc, học tập và ở Ký túc xá. Học viện đã thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc khỏe ban đầu đối với SV theo Thông tư liên tịch Số: 13/2016/TTLTBYT-BGDĐT của Bộ Y tế và BGD&ĐT quy định về công tác y tế trường học. Hằng năm, Học viện tổ chức khám sức khỏe cho 100% SV mới vào nhập học. Hằng ngày cán bộ y tế của cả hai cơ sở có lịch trực tại Trường để hỗ trợ, cấp thuốc và sơ cứu ban đầu cho CB, GV và SV trong thời gian làm việc, học tập và ở Ký túc xá. Dữ liệu kết quả khám sức khỏe và kết quả kiểm tra y tế trường học trong các năm học được lưu trữ tại Trạm Y tế của Học viện.

Trong giai đoạn 2019 - 2021, khi dịch bệnh Covid-19 diễn ra, Học viện đã nhanh chóng thực hiện các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của BTT&TT, kịp thời ra các văn bản để phòng chống đại dịch, phân công cụ thể trách nhiệm cho từng đơn vị để cùng bảo vệ sức khỏe của CB, GV, NV và SV. Học viện có nhiều hoạt động phòng chống Covid-19 [H9.09.05.12]: Năm 2020 Học viện đã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp do chủng mới của vi rút Corona (nCoV) của Học viện theo Quyết định số 26/QĐ-HV ngày 31/01/2020; Thông báo về việc thực hiện chỉ thị 17/CT-UBND của UBND Thành phố Hà Nội về việc thực hiện giãn cách xã hội trên địa bàn Thành phố theo Công văn số 646/TB-HV ngày 24/7/2021; ... tích cực nhất là khâu vệ sinh môi trường, cách ly trong giao tiếp, hạn chế tụ tập đông người và các buổi họp đông người đều được tổ chức trực tuyến.

Hằng năm, qua các báo cáo định kỳ về công tác y tế trường học, Trạm y tế đề xuất cải tiến, đầu tư và cải thiện môi trường, sức khỏe (Báo cáo ngày 04/5/2017; Báo cáo ngày 04/6/2018; Báo cáo ngày 20/5/2019 và ngày 16/6/2020) [H9.09.05.13].

Học viện có căng tin và căng tin của Học viện thường xuyên được kiểm tra, đầu tư nâng cấp để bảo đảm sức khỏe, an toàn vệ sinh thực phẩm và được cấp giấy chứng nhận về sinh an toàn thực phẩm của cơ quan y tế địa phương [H9.09.05.14].

Học viện đầu tư sân bãi phục vụ các hoạt động thể dục thể thao, cụ thể có 02 sân bóng chuyền, 02 sân bóng đá, 02 sân bóng rổ tại các cơ sở đào tạo Hà Nội và Thành phố HCM [H9.09.05.15].

Học viện đầu tư hệ thống quản lý trông giữ xe cho khách, CB, GV, NV và được sắp xếp ngăn nắp, có camera giám sát, phần mềm quản lý thông minh đáp ứng yêu cầu về mỹ quan và an toàn cao [H9.09.05.16].

Học viện đã ký hợp đồng với công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Yên Việt để bảo đảm công tác an ninh trật tự trong khuôn viên Học viện, với Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ khu công nghệ cao Hoà Lạc và Cơ sở TP. HCM có NV làm nhiệm vụ bảo vệ [H9.09.05.17]. Căn cứ theo hợp đồng, công tác bảo vệ an ninh trật tự của học viện đã được triển khai thực hiện, lực lượng bảo vệ túc trực ở các địa điểm của học viện 24//24 để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn về tính mạng và tài sản của Học viện và CB, GV, NV và SV. Lực lượng bảo vệ được đầu tư đầy đủ quần áo đồng phục, các phương tiện làm việc. Đồng thời, Học viện đã lắp đặt hệ thống Camera giám sát tại cổng và các khu vực trọng yếu trong Học viện 24/24 và phối hợp với chính quyền và lực lượng an ninh địa phương tăng cường công tác an ninh trật tự, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, phòng chống các tệ nạn xảy ra trong khu vực Học viện.

Học viện có lực lượng tự vệ, việc thành lập kiện toàn bộ máy của Trung đội tự vệ được thực hiện thông qua các quyết định kiện toàn nhân sự hằng năm [H9.09.05.18].

Học viện đã ký các hợp đồng về dịch vụ dọn dẹp vệ sinh cơ sở vật chất của Học viện, theo đó bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm dọn dẹp vệ sinh các khu vực của Học viện [H9.09.05.19]. HVCS tại Tp. HCM có bố trí NV làm nhiệm vụ dọn dẹp vệ sinh khuôn viên hàng ngày. HVCS Hà Nội có Bộ phận chăm sóc cây cỏ, vệ sinh môi trường trực thuộc Trung tâm Dịch vụ gồm 20 người có nhiệm vụ quản lý, vệ sinh hệ thống phòng học, giảng đường, khu vệ sinh và các tài sản trang thiết bị đi kèm, đảm bảo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp trong toàn bộ khuôn viên Học viện. Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng với đơn vị bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và làm vệ sinh các khu vực của Học viện. Hệ thống thoát nước được thường xuyên được nạo vét đảm bảo luôn thông thoát không bị tràn ngập ú đọng. Học viện ký hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải đảm bảo rác được thu gom xử lý hàng ngày. Hệ thống nước sạch được đầu tư nâng cấp và thường xuyên được kiểm tra và xét nghiệm. Toàn bộ các khu nhà đều có công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn về trang bị và vệ sinh.

Về công tác PCCC: Học viện xây dựng các phương án cứu hộ để đảm bảo an toàn cho NH và và người lao động khi xảy ra các sự cố khẩn cấp, phương án PCCC được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể: Học viện thành lập Ban Chỉ huy phòng cháy và chữa

cháy gồm 05 thành viên và Đội phòng cháy chữa gồm 25 thành viên; Học viện ban hành Quy chế phân cấp trách nhiệm về công tác PCCC (QĐ số 430/QĐHV, ngày 05/6/2019), theo văn bản này Học viện đã phân cấp trách nhiệm của Ban chỉ PCCC, trách nhiệm của Đội PCCC, trách nhiệm của Trưởng các Phòng, ban, khoa, trung tâm và các đơn vị trực thuộc cũng như trách nhiệm của CBCNV và sinh viên về công tác PCCC; Học viện đã ban hành Nội quy phòng cháy và chữa cháy (QĐ số 463/NQ-PCCC/HV ngày 13/6/2019); Phương án PCCC cơ sở đã được Cảnh sát PCCC Thành phố Hà Nội/Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt; Học viện có hệ thống PCCC được bố trí ở các toà nhà; Đội PCCC được tập huấn theo thông báo của Phòng cảnh sát PCCC địa phương; Học viện đã phối hợp với Cảnh sát PCCC Thành phố Hà Nội triển khai tập huấn cho CB, GV, NV và SV tại Học viện, diễn tập các phương án chữa cháy. Hằng năm, cơ quan PCCC địa phương đã tiến hành kiểm tra công tác PCCC tại Học viện, các biên bản về kiểm tra PCCC cho thấy Học viện đã thực hiện đúng quy định về công tác PCCC [H9.09.05.20]. Trong chu kỳ KĐCLGD, không có hiện tượng mất an toàn, an ninh trật tự trong khuôn viên học viện.

Khi thiết kế xây dựng khu giảng đường, Học viện đã có những ưu tiên nhất định dành cho người khuyết tật trong việc bố trí xếp phòng học ở tầng 1, đồng thời đã thiết kế lối đi, thang máy dành cho người khuyết tật thuộc dãy nhà A2. Học viện quan tâm tới môi trường học tập, làm việc, điều kiện đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người khuyết tật, nhưng chưa thể hiện rõ tiêu chuẩn, quy định qua các văn bản hiện hành. Môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được rà soát, đánh giá thông qua các báo cáo tổng kết đánh giá của các đơn vị chức năng và của Học viện, Báo cáo kiểm tra công tác Y tế Trường học [H9.09.05.13]. Giai đoạn từ năm 2019-2023, môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt tại Học viện được cải tiến: Lắp đặt các hệ thống rửa tay sát khuẩn; công tác vệ sinh dịch tễ được thực hiện thường xuyên; công tác khử khuẩn các khu vực như Ký túc xá, phòng học, giảng đường đều được thực hiện định kỳ; công tác PCCC được bổ sung cả về trang thiết bị về PCCC, bảo hiểm PCCC và phối hợp tổ chức các chương trình tập huấn nghiệp vụ, diễn tập PCCC định kỳ; lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh trật tự; Tuy nhiên, Các văn bản về chính sách đặc thù cho người khuyết tật chưa được thể hiện rõ ràng và chi tiết trong các văn bản do Học viện ban hành hiện đang còn hiệu lực.

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện đã đầu tư kinh phí chi cho công tác y tế là 2.959.900.000 đồng; chi cho công tác an ninh trật tự là 6.545.845.932 đồng; chi cho dịch vụ vệ sinh môi trường, sân vườn ngoại cảnh là 23.592.467.340 đồng [H9.09.05.21].

Theo báo cáo khảo sát ý kiến của NH về CSVC của Trung tâm KT&ĐBCLGD [H8.08.05.18], kết quả khảo sát các năm cho thấy SV khá hài lòng với các vấn đề về môi trường, sức khỏe và an toàn và lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Ví dụ, với nội dung “Trạm y tế đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu của NH” mức độ hài lòng của NH qua các năm khảo sát 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 có các giá trị tương ứng 84,3%; 90,25%; 84,0%; 86,2%; 88,12% và với nội dung “Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá đáp ứng cơ bản yêu cầu của NH” mức độ hài lòng của NH qua các năm khảo sát 2019-2023 có các giá trị tương ứng : 83,7%; 92,5%; 83,1%; 85,5%; 88,24%; với nội dung “*Có đầy đủ nội quy, và quy định trong phòng thí nghiệm, thực hành, nhật ký sử dụng*” tỷ lệ hài lòng của GV là 96,0% và với nội dung “*Có đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết*” có 92,9% GV tham gia khảo sát hài lòng. (92,50%), năm 2017 (83,7%); “*Trạm y tế đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu của NH*” mức độ hài lòng của NH có các giá trị tương ứng 84,3%; 90,25%; 84,0%; 86,2%; 88,12% [H8.08.05.18].

2. Điểm mạnh

Học viện đã triển khai thực hiện công tác đảm bảo về môi trường, an toàn, sức khỏe cho CBGV và NH trên nhiều phương diện, có kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật đã được quan tâm nhưng chưa được thể hiện thành các văn bản cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng CT&CTSV phối hợp với Văn phòng rà soát lại hệ thống văn bản ban hành liên quan đến “môi trường, sức khỏe và an toàn” để bổ sung chi tiết hơn cho các chính sách đặc thù liên quan đến người khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Các điểm mạnh về tiêu chuẩn này bao gồm: 1) Diện tích khuôn viên và diện tích xây dựng phục vụ trực tiếp đào tạo của học viện đáp ứng tốt yêu cầu về tỷ lệ diện tích trên NH. Phòng học cơ sở phía Bắc đều được trang bị điều hoà không khí đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm và thông gió phù hợp cho các hoạt động đào tạo; 2) Tài liệu nội sinh của học viện đã được

xây dựng khá đầy đủ, đáp ứng tốt những yêu cầu cơ bản cho các chuyên ngành đào tạo của học viện, nhu cầu của GV và NH; 3) Hệ thống phòng Lab chuyên sâu được đầu tư tốt, trang thiết bị hiện đại (phòng Lab ATTT, phòng Lab Samsung, Lab NAVER...); 4) Học viện liên tục đầu tư tập trung vào CSVC, hạ tầng cho CNTT; phòng máy chủ, hệ thống mạng, hệ thống máy tính cho các phòng Lab... được đảm bảo, hoạt động liên tục cho SV trong toàn trường nói chung và SV ngành CNTT nói riêng; 5) Học viện đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn, như: Nội quy giảng đường; Nội quy ký túc xá; Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành; Nội quy căng tin; nội quy PCCC; Quy định về phòng tránh dịch Covid-19...; thành lập Ban chỉ huy PCCC, Đội PCCC với nhân sự là đội ngũ CB, GV, NV. Học viện đã ban hành Quy chế phân cấp trách nhiệm về công tác PCCC.

Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế như: cơ sở vật chất chưa được đầu tư đồng bộ giữa 2 cơ sở đào tạo; so với qui mô đào tạo của học viện thì diện tích và trang thiết bị của 2 thư viện đều chưa được đầu tư, phòng đọc chật, thiếu chỗ ngồi; nội dung các câu hỏi trong phiếu khảo sát các đối tượng liên quan chưa bao phủ được hết nội dung khảo sát về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH; các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật đã được quan tâm nhưng chưa được thể hiện thành các văn bản cụ thể.

Tiêu chuẩn 9 có 05 tiêu chí: 4,80 /7.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng trong giáo dục đại học gắn liền với việc cải tiến các yếu tố bao gồm: Kiến thức, kỹ năng và thái độ hoặc năng lực của NH; môi trường và các cơ hội học tập; chất lượng đào tạo của Học viện hoặc đơn vị thực hiện CTĐT ngành TMĐT. Nâng cao chất lượng đào tạo là việc triển khai các sáng kiến một cách có kế hoạch nhằm mục tiêu đảm bảo và cải tiến chất lượng. Đây là quá trình liên tục nỗ lực cải tiến và áp dụng các kinh nghiệm tốt (best practices).

Sự tin tưởng của NH cũng như các BLQ khác đối với Học viện được xây dựng và duy trì thông qua các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng. Các hoạt động này giúp đảm bảo chương trình được thiết kế tốt, được theo dõi thường xuyên và định kỳ rà soát, qua đó đảm bảo tính cập nhật và phù hợp.

Hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng chương trình bao gồm các nội dung sau: xây dựng các chuẩn đầu ra; quy trình thiết kế và phát triển CTĐT; cách tiếp cận trong giảng dạy, học tập và đánh giá NH; các nguồn lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị, dịch vụ hỗ trợ; việc ứng dụng các thành quả nghiên cứu; cơ chế thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ.

Học viện và Khoa QTKD luôn xác định nâng cao chất lượng trong giáo dục đại học là yêu cầu bắt buộc trong quá trình đào tạo. Khoa luôn cải tiến các yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng và thái độ, năng lực của NH; môi trường và các cơ hội học tập cũng như chất lượng của CTĐT. Đây là một quá trình liên tục nỗ lực cải tiến và áp dụng các kinh nghiệm tốt từ các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước. Để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo, tạo sự tin tưởng của NH cũng như các BLQ, CTĐT ngành TMĐT được thường xuyên định kỳ rà soát, qua đó đảm bảo tính cập nhật và phù hợp. Hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng chương trình luôn chú trọng đến các vấn đề sau: xây dựng CDR, quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, cách tiếp cận trong giảng dạy, học tập và đánh giá NH, các nguồn lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị, dịch vụ hỗ trợ, việc ứng dụng các thành quả nghiên cứu, xây dựng cơ chế thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ một cách hiệu quả.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển Chương trình dạy học.

Căn cứ quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [H10.10.01.01] và quy định về chuẩn CTĐT các trình độ của GDĐH; xây dựng, thẩm định và ban hành chuẩn CTĐT cho các lĩnh vực và ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ GD&ĐT [H10.10.01.02], Học viện hướng dẫn Khoa QTKD triển khai việc thiết kế, xây dựng và phát triển CTDH; rà soát, cập nhật định kỳ CTDH cho phù hợp với tình hình thực tế và sự phát triển của ngành TMĐT trong nước và thế giới theo Kế hoạch rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy hằng năm [H1.01.03.01], [H1.01.03.02]. Các kế hoạch, quy trình này đều đã xác định cụ thể thời gian, các bước công việc và phân công trách nhiệm với từng công việc trong xây dựng và phát triển CTĐT. Các kế hoạch, quy trình cũng đều đề cập đến việc thực hiện khảo sát nhu cầu xã hội và ý kiến phản hồi của các bên liên quan để làm cơ sở cho xây dựng và phát triển CTĐT ở các đơn vị.

Nhiệm vụ thu thập thông tin phản hồi về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan được thực hiện theo các văn bản:

- Quy định lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên tại Học viện ban hành theo Quyết định số 861/QĐ-HV ngày 23/11/2015 [H10.10.01.03].

- Quy định về việc lấy ý kiến về tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp tại Học viện ban hành theo Quyết định số 642/QĐ-HV ngày 09/08/2018 [H10.10.01.04].

- Quy định về công tác khảo sát ý kiến của người học về công tác đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ người học tại Học viện ban hành theo Quyết định số 755/QĐ-HV ngày 25/9/2018 [H10.10.01.05].

- Quy định về công tác khảo sát điều kiện cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện ban hành theo Quyết định số 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2019 [H10.10.01.06].

- Quy định tạm thời về công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan ban hành theo Quyết định số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021 [H10.10.01.07] với các đối tượng bao gồm cán bộ giảng viên, sinh viên, sinh viên tốt nghiệp, cựu sinh viên, học viên cao học của Học viện.

- Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT ban hành theo Quyết định số 393/QĐ-HV ngày 23/3/2022 [H10.10.01.08], trong đó quy định việc thiết kế các phiếu điều tra, khảo sát về CĐR, CTĐT.

Để chỉ đạo triển khai công tác khảo sát thu thập thông tin phản hồi của các BLQ, Học viện ban hành Quy định về hoạt động ĐBCL theo Quyết định số 351/QĐ-HV ngày 21/3/2022 [H10.10.01.09], trong đó nêu rõ nguyên tắc của hoạt động ĐBCL, cấu trúc hệ thống ĐBCL của Học viện, phương thức, công cụ đánh giá chất lượng, tổ chức kiểm định chất lượng, xây dựng cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng và điều kiện thực hiện hoạt động ĐBCL, cam kết ĐBCLGD tại Học viện. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được đặt dưới sự chỉ đạo của Hội đồng, ban giám đốc Học viện và giao đơn vị đầu mối là TTKT&ĐBCLGD, các đơn vị phối hợp gồm Văn phòng, Phòng Đào tạo, Phòng Giáo vụ, Phòng CT&CTSV, Thư viện, Trung tâm TN-TH và Khoa QTKD. Hội đồng đảm bảo chất lượng của Học viện do Giám đốc Học viện thành lập theo Quyết định số 389/QĐ-HV ngày 07/05/2021. Hội đồng có 71 thành viên, gồm Lãnh đạo Học viện, lãnh đạo các phòng, khoa, ban Học viện và các cán bộ làm công tác ĐBCLGD tại các đơn vị [H10.10.01.10]. Học viện có 04 cán bộ đã hoàn thành CTĐT kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại

học và trung cấp chuyên nghiệp và có 01 cán bộ được cấp thẻ kiểm định viên; có 45 CBGV được cấp chứng giấy chứng nhận tham gia tập huấn về nghiệp vụ ĐBCL về CTĐT.

Học viện giao nhiệm vụ cho các đơn vị trong việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, cụ thể: TTKT&ĐBCLGD chủ trì triển khai công tác khảo sát ý kiến trong phạm vi toàn Học viện và trực tiếp khảo sát ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV và công tác đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ NH tại Học viện; Phòng Đào tạo lấy ý kiến khảo sát liên quan đến xây dựng, thiết kế CĐR và CTĐT tại Phụ lục 4, Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT; Phòng CT&CTSV khảo sát ý kiến về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp tại Học viện; Văn phòng khảo sát ý kiến CBVCNLD về CSVC, trang thiết bị, hệ thống CNTT, phòng thí nghiệm/thực hành, ... phục vụ công tác đào tạo và NCKH; các khoa khảo sát GV, SV năm cuối, cựu SV, doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học về CĐR, mục tiêu CTĐT, CTDH các ngành đào tạo; HVCS tại Thành phố HCM chỉ đạo các đơn vị khảo sát ý kiến theo các quy định Học viện đã ban hành.

Học viện ban hành các mẫu phiếu đối với từng đối tượng được khảo sát bao gồm mẫu phiếu khảo sát SV về điều kiện CSVC và đánh giá hoạt động giảng dạy của GV; phiếu khảo sát doanh nghiệp, chuyên gia, các nhà khoa học, GV, SV tốt nghiệp về CĐR, CTĐT và CTDH; phiếu khảo sát SV năm cuối về chất lượng đào tạo; phiếu khảo sát SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm; ... [H10.10.01.11]. Việc thu thập thông tin phản hồi thực hiện bằng các hình thức khác nhau, tùy thuộc vào đối tượng khảo sát trong từng thời điểm như khảo sát trực tiếp, trực tuyến, phỏng vấn hoặc thông qua hội nghị/hội thảo với doanh nghiệp, chuyên gia do Học viện, Khoa QTKD tổ chức hằng năm [H10.10.01.12], [H10.10.01.13]. Trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, Học viện tổ chức khảo sát trực tuyến thông qua phần mềm PTIT-Slink [H10.10.01.14].

Trong các đợt rà soát điều chỉnh CTĐT, Học viện đều xây dựng kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến của các BLQ để xây dựng, triển khai, rà soát, điều chỉnh CTĐT và CĐR và thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH.

Giai đoạn 2018-2023, để điều chỉnh, cải tiến CTDH ngành TMĐT, các đơn vị thuộc Học viện đã tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan với nội dung:

(1) Khoa QTKD:

- Tổ chức khảo sát SV năm cuối về CTĐT (nội dung, mục tiêu CĐR CTĐT, CTDH); hoạt động giảng dạy, kiểm tra; nguồn lực học tập và các hoạt động hỗ trợ; đánh giá chung

về kết quả đào tạo; các hoạt động hỗ trợ đào tạo trong thời gian SV học tập tại Học viện. Sau khi khảo sát, khoa tổng hợp và báo cáo kết quả khảo sát hằng năm [H10.10.01.15].

- Tổ chức khảo sát lấy ý kiến khảo sát các BLQ (doanh nghiệp, chuyên gia, các nhà khoa học, GV, SV tốt nghiệp) về dự thảo mục tiêu, nội dung, CĐR và khung CTĐT, CTDH ngành TMĐT năm 2021 và 2023 [H10.10.01.16]. Phiếu khảo sát và bảng tổng hợp ý kiến về chương trình dạy học ngành TMĐT năm 2018, 2021 và 2023, với khoảng 40 phiếu của 8 doanh nghiệp và kết quả phản hồi cho thấy: Hầu hết các nhà tuyển dụng nhất trí với mục tiêu, thời gian đào tạo, nội dung chương trình phù hợp với thị trường lao động.

(2) TTKT&ĐBCLGD: Tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc học phần của từng học kỳ, năm học trong giai đoạn 2019-2023 [H10.10.01.17]. Mỗi một GV đều được lấy ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy HP trong kỳ học đó. SV vừa đánh giá chất lượng giảng dạy của GV vừa được tham gia nhận xét HP, CTDH. Các ý kiến phản hồi là một kênh thông tin quan trọng cho việc thiết kế và phát triển CTDH ngành TMĐT. Đa số SV cho ý kiến phản hồi tích cực. Điều này phần nào phản ánh CTDH ngành TMĐT đang được xây dựng và phát triển đúng mục tiêu phát triển của Học viện.

(3) Phòng Chính trị và Công tác sinh viên

- Tổ chức khảo sát tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp hằng năm [H10.10.01.18] theo mẫu phiếu khảo sát của BGD&ĐT và hình thức khảo sát gồm hỏi trực tuyến trên Google, gửi phiếu khảo sát qua email, facebook phỏng vấn trực tiếp qua điện thoại. Các đợt khảo sát thu thập thông tin phản hồi của đơn vị sử dụng lao động tập trung đánh giá hai khía cạnh: (i) Sự hài lòng của NTD về chất lượng cử nhân tốt nghiệp (đánh giá mức độ đáp ứng về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân); (ii) Đánh giá về mức độ cần thiết và sự phù hợp của kiến thức CĐR và CTDH, nhằm cung cấp các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh các hoạt động của CTDH.

- Tổ chức khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm năm 2019, 2020 và 2021 [H10.10.01.19].

(4) Học viện cơ sở tại TP. HCM

- Tổ chức khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp hằng năm [H10.10.01.20] theo mẫu phiếu khảo sát của BGD&ĐT.

- Tổ chức khảo sát chất lượng SV đã tốt nghiệp và nhu cầu tuyển dụng năm 2022 và 2023 [H10.10.01.21] để đánh giá tình hình việc làm của SVTN từ Học viện và xu hướng

tuyển dụng của các doanh nghiệp thời gian tới về kiến thức, năng lực của SVTN các CTĐT tại Học viện.

Thực hiện kế hoạch xây dựng, triển khai, rà soát, điều chỉnh CTĐT và CDR của Học viện và căn cứ những thông tin thu được qua các hoạt động khảo sát ý kiến nêu trên, Khoa QTKD tiến hành phân tích thông tin, nghiên cứu nhu cầu của các BLQ để triển khai kế hoạch bổ sung, hiệu chỉnh CTDH ngành TMĐT trong chu kỳ KĐCL, với quy trình như sau:

(1) Hội đồng khoa tổ chức họp về kế hoạch điều chỉnh CTDH ngành TMĐT [H10.10.01.22].

(2) Khoa tiến hành tổng hợp, phân tích ý kiến của các bên liên quan, làm căn cứ để xây dựng, hiệu chỉnh và phát triển CTDH và tổ chức họp đóng góp ý kiến cho CTDH ngành TMĐT năm 2021 và 2023 [H10.10.01.13]; rà soát, đánh giá các nội dung trong CTDH trước khi cải tiến và sau khi cải tiến [H10.10.01.23], [H10.10.01.24].

(3) Hội đồng nghiệm thu CTĐT Học viện họp và thông qua CTDH [H10.10.01.25].

Trên cơ sở các văn bản quy định và kế hoạch của Học viện, Khoa QTKD đã tiến hành triển khai việc xây dựng, rà soát, cập nhật, thẩm định và phát triển CTĐT ngành TMĐT. Khi tiến hành điều chỉnh CTDH ngành TMĐT năm 2018 và năm 2021, khoa đều dựa trên ý kiến cụ thể của các nhà tuyển dụng như: Ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về SV sau khi tốt nghiệp được khoa khai thác nhằm điều chỉnh nội dung CTDH ngành TMĐT cho phù hợp với yêu cầu thực tế của thị trường lao động; các kết quả khảo sát lấy ý kiến của SV về CTDH tại Học viện cũng được khoa sử dụng như là một kênh thông tin quan trọng giúp khoa có bức tranh chung về chất lượng sản phẩm đầu ra và hiệu quả của CTDH ngành TMĐT; kết quả khảo sát cũng được khoa sử dụng làm cơ sở điều chỉnh các hoạt động hỗ trợ dạy học phù hợp, giúp khoa có lộ trình điều chỉnh và phát triển CTDH ngành TMĐT. Trong các cuộc họp khoa, hội thảo, tổng kết, hội trợ việc làm, kỷ niệm thành lập Học viện, khoa cũng đã có nhiều trao đổi để lấy ý kiến của các BLQ về SV tốt nghiệp và những thay đổi cần thiết trong CTDH ngành TMĐT. Ngoài ra, khoa còn sử dụng kết quả khảo sát hằng năm của Học viện với SV về hoạt động giảng dạy của GV, với SV sắp tốt nghiệp về chất lượng khóa học, cựu người học tốt nghiệp về mức độ đáp ứng yêu cầu của công việc của cựu SV. Tất cả nội dung này đã được thể hiện trong Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát các bên liên quan về CTDH ngành TMĐT các năm 2021 và 2023.

Trong các buổi sinh hoạt khoa học, các hội thảo chuyên đề, khoa phân công giảng viên/nhóm GV chịu trách nhiệm xây dựng đề cương HP. Sau đó các chuyên gia, hội đồng khoa học của khoa cho ý kiến thẩm định, góp ý. Ngoài ra, khoa còn tổ chức các hội thảo mời các chuyên gia đến trao đổi, góp ý về đề cương và nội dung giảng dạy của các HP [H10.10.01.26], [H10.10.01.27].

Theo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của GV, khoa đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo quy trình hướng dẫn tại các văn bản của Học viện ban hành. Mục tiêu của CTDH ngành TMĐT được cụ thể hóa ở mục tiêu học phần và được thể hiện ở các đề cương của tất cả các học phần có trong CTDH. Đề cương chi tiết học phần là bản mô tả các nội dung giảng dạy, sự phân phối kiến thức cho từng tiết học cùng với CĐR của học phần, đồng thời cũng là cơ sở để GV và NH thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CĐR chi tiết của từng học phần luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Khoa đã bám sát các quy định và hướng dẫn của BGD&ĐT và kế hoạch sửa đổi và cập nhật CTDH ngành TMĐT của Học viện.

Căn cứ ý kiến phản hồi từ các BLQ (gồm chuyên gia, nhà khoa học, CBQL, GV, NCV, NV, NH, người sử dụng lao động và NH đã tốt nghiệp) thông qua hội nghị/hội thảo, các buổi họp của khoa và gửi công văn đến các nhà tuyển dụng, xin ý kiến qua email và sử dụng kết quả khảo sát của Bộ TT&TT về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành TMĐT trong vòng 5 năm của Việt Nam, Khoa QTKD đã định kỳ rà soát, đánh giá và cải tiến CTDH, đã triển khai việc rà soát, đánh giá quá trình dạy - học và đánh giá KQHT của SV để đảm bảo sự gắn kết giữa CĐR của các môn học với CĐR của CTĐT. Trong chu kỳ KĐCLGD, Khoa QTKD đã thực hiện điều chỉnh CTDH ngành TMĐT và Học viện ban hành CTĐT và bản mô tả CTĐT ngành TMĐT năm 2021 và 2023 [H1.01.01.02-03], [H2.02.01.01-02].

Các nội dung điều chỉnh đều căn cứ trên dữ liệu khảo sát, dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT và mục tiêu giáo dục của Học viện, đồng thời có so sánh với CTDH của các trường tiên tiến trên thế giới và trong khu vực. Những thay đổi cụ thể trong CTĐT năm 2023:

- So với đề cương chi tiết học phần công bố năm 2018, 2021 có điểm mới về nội dung đó là đã nâng mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra từ mức độ 3 lên mức độ 3,5-4; xây dựng mới ĐCCT 02 học phần (Nhập môn kinh doanh và Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo), tăng số tín chỉ với 02 học phần và điều chỉnh ĐCCT các học phần này, cắt bỏ 17 học phần và bổ sung

17 học phần tương ứng, đồng thời bổ sung 17 ĐCCT cho các học phần mới được bổ sung. Các nội dung cập nhật trong các học phần và chuẩn đầu ra từ truyền thụ kiến thức sang dạy học phát triển năng lực, bao gồm sự điều chỉnh tên học phần, thay đổi cấu trúc chương, bài học, thay đổi sự tương quan giữa lý thuyết và thực hành, điều chỉnh nội dung kiến thức, áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại.

- Trong các đợt rà soát, cập nhật CTĐT năm 2021 và 2023, theo yêu cầu các BLQ Khoa QTKD đã điều chỉnh CTĐT theo hướng cắt bỏ một số học phần không phù hợp, bổ sung một số học phần có tính cập nhật, phù hợp với đòi hỏi của thị trường lao động. Trong đó bổ sung 03 tín chỉ thuộc khối kiến thức đại cương, giảm 03 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi đã có, nhưng còn phân tán ở nhiều văn bản khác nhau để hướng dẫn các đơn vị thực hiện và Học viện chưa ban hành văn bản quy định về quy trình khảo sát, thu thập ý kiến NTD và NH về CTDH.

2. Điểm mạnh

Học viện có quy định thu thập thông tin phản hồi các BLQ bằng nhiều hình thức khác nhau, trên nhiều kênh phản hồi khác nhau và là cơ sở quan trọng để khoa sử dụng hiệu chỉnh mục tiêu, CDR, CTDH của CTĐT ngành TMĐT.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa ban hành văn bản quy định về quy trình khảo sát, thu thập ý kiến NTD và NH về CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với các khoa nghiên cứu, đề xuất Học viện ban hành quy định/quy trình khảo sát, thu thập ý kiến NTD và NH về CTDH.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ nội dung của Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng BGD&ĐT [H10.10.01.01], Học viện đã tiến hành xây dựng các kế hoạch và tiến hành rà soát, phát triển CDR, CTĐT và ban hành văn bản hướng dẫn quy trình xây dựng, cập nhật, bổ sung CTĐT theo chu kỳ sau 2 năm, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học

viện có trách nhiệm đánh giá CTĐT hiện có của khoa, điều chỉnh bổ sung CTĐT nhằm mở rộng qui mô hoặc nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội [H1.01.03.01], [H1.01.03.02].

Các quyết định, văn bản hướng dẫn nêu trên quy định quy trình rà soát, cập nhật CĐR và CTĐT trình độ đại học hệ chính quy thực hiện theo quy trình gồm các bước:

Bước 1: Các khoa rà soát, khảo sát, đánh giá nội dung CĐR CTĐT hiện tại.

Bước 2: Trên cơ sở kết quả khảo sát, rà soát đánh giá hiện trạng, khoa đề xuất việc hiệu chỉnh (nội dung CĐR, cấu trúc CTĐT, nội dung CTĐT), dự kiến các nội dung cần điều chỉnh và báo cáo ban giám đốc học viện phê duyệt.

Bước 3: Khoa tổ chức triển khai hiệu chỉnh, sửa đổi CĐR, CTĐT; tổ chức hội thảo nội bộ khoa; xin ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của khoa để thống nhất.

Bước 4: Tổ chức xin ý kiến chuyên gia, tổ chức hội thảo chung trong Học viện về nội dung CĐR và CTĐT mới.

Bước 5: Hoàn thiện CĐR, CTĐT để xin ý kiến Hội đồng Khoa học và Đào tạo và trình giám đốc học viện phê duyệt ban hành.

Trong quá trình tổ chức thiết kế và phát triển CTĐT, Học viện đã tiến hành rà soát, đánh giá và xem xét lại quy trình thực hiện các công việc và ban hành văn bản hướng dẫn về xây dựng ĐCCT HP [H10.10.02.01], căn cứ hướng dẫn Học viện, Khoa QTKD đề xuất quy trình thiết kế và phát triển CTDH, sau đó gửi bản đề xuất quy trình thiết kế và phát triển CTDH để lấy ý kiến đến các BLQ, gồm các chuyên gia, nhà khoa học, GV thuộc các CSGD đại học như Học viện Tài chính, Bộ Tài chính, các NTD, cựu SV ... [H10.10.02.02]. Việc lấy ý kiến còn được thực hiện thông qua cuộc họp khoa và thảo luận với chuyên gia về quy trình thiết kế và phát triển CTDH trước khi cải tiến và sau khi cải tiến [H10.10.01.23], [H10.10.01.24].

Căn cứ vào hướng dẫn của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng BGD&ĐT quy định về chuẩn CTĐT [H10.10.02.03], Học viện dự thảo Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT, tổ chức hội thảo xin ý kiến của đại diện các BLQ trong Học viện (Biên bản hội thảo ngày 24/02/2022 và ngày 16/3/2022) [H10.10.02.04]. Học viện ban hành Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT theo Quyết định số 393/QĐ-HV ngày 23/3/2022 [H10.10.01.08], trong đó quy định về quy trình các bước xây dựng CĐR gồm 9 bước (Điều 11); Quy trình rà soát, phát triển CTĐT gồm 9 bước (Điều 12) và Quy trình thẩm định và ban hành CTĐT gồm 3 bước (Điều 13). Ngoài ra, trong quy

trình thiết kế và phát triển CTDH hiện hành có điểm mới so với quy trình trước đây đó là bắt buộc phải lấy ý kiến phản hồi và quy định cụ thể về các BLQ cần xin ý kiến.

Phòng Đào tạo là đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp với Khoa QTKD rà soát, cải tiến qui trình thiết kế CTDH trong quá trình xây dựng và phát triển CTĐT. Để điều chỉnh CTDH, Khoa QTKD đã ban hành kế hoạch điều chỉnh CTDH ngành TMĐT giai đoạn 2018-2023 [H10.10.01.22], với việc định kỳ tiến hành 2 năm/ lần: Lần 1 năm 2021; lần 2 năm 2023. Nội dung rà soát là toàn bộ các bước trong quy trình thiết kế CTDH ngành TMĐT năm 2018 và 2021 như: mục tiêu, CĐR, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng môn học. Từ bước thành lập xây dựng CTDH; thiết kế phiếu khảo sát; khảo sát lấy ý kiến về CTDH; tổng hợp ý kiến; Hội thảo và nghiệm thu CTDH. Đồng thời trong quá trình giảng dạy, khi các GV thấy có sự bất cập về nội dung dạy học, thời lượng hay phương pháp đánh giá trong CTDH sẽ đưa ra thảo luận thông qua các cuộc họp bộ môn, bằng cách này các GV đều được tham gia vào việc thiết kế và phát triển CTDH. Thông qua kế hoạch đã giúp khoa thực hiện theo đúng nội dung và qui định của các thông tư hướng dẫn của BGD&ĐT.

Hoạt động rà soát, đánh giá và cải tiến CTDH được thực hiện bằng nhiều hình thức thông qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về quy trình thiết kế, phát triển CTDH và thông tin phản hồi của các đối tượng khảo sát đã được sử dụng trong đợt hiệu chỉnh bao gồm: Phiếu khảo sát và bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan về chương trình dạy học ngành TMĐT năm 2021 và 2023 [H10.10.01.16]; ý kiến phản biện của chuyên gia về xây dựng CĐR, CTĐT [H10.10.02.05]; ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc học phần [H10.10.01.17]. Khoa cũng đã tiến hành họp Khoa, lấy ý kiến đóng góp của GV, các trợ lý về ĐCCT HP và CTDH ngành TMĐT theo các bước như trong văn bản hướng dẫn của Học viện. Tuy nhiên, ý kiến của NTD, tổ chức nghề nghiệp, các chuyên gia và cựu NH còn thu thập được ít qua các lần khảo sát nên chưa có nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc điều chỉnh CTDH.

2. Điểm mạnh

CTDH được cập nhật, điều chỉnh một cách chủ động, tích cực hằng năm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành TMĐT.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến của NTD, tổ chức nghề nghiệp, các chuyên gia và cựu NH còn thu thập được với số lượng hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Quý IV năm 2024, Khoa QTKD phối hợp với Phòng CT&CTSV lập danh sách đầy đủ các cựu SV, NTD lao động, tổ chức nghề nghiệp và các chuyên gia sau đó gửi phiếu khảo sát đến các đối tượng này để khảo sát về CTDH.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành hệ thống các văn bản quy định việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của NH để đảm bảo sự gắn kết giữa CDR của các HP với CDR của CTĐT, cụ thể:

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện ban hành theo Quyết định số 897/QĐ-HV ngày 11/12/2012; số 474/QĐ-HV ngày 19/6/2018 và số 838/QĐ-HV ngày 11/10/2021) [H5.05.01.01-03]. Bản quy định năm 2021 được điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các nội dung về quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH, trong đó các nội dung về đánh giá KQHT của NH được quy định: Điều 23 quy định tiêu chí đánh giá KQHT; Điều 24 quy định việc đánh giá kết quả học phần (các hình thức đánh giá và hình thức thi kết thúc học phần); Điều 25 quy định thang điểm đánh giá (theo thang điểm 10, điểm quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4); Điều 29 quy định việc tổ chức kỳ thi kết thúc HP.

- Quy trình về xây dựng và quản lý kế hoạch giảng dạy - học tập (số 03/GV ngày 02/01/2015 và Hướng dẫn việc thay đổi giờ giảng của GV [H10.10.03.01].

- Quy trình đăng ký tín chỉ, tổ chức lớp HP tại Học viện (QT.HV-GV.02) [H10.10.03.02].

- Quy định về tổ chức thi kết thúc HP đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 691/QĐ-KT ngày 13/9/2013; số 1277/QĐ-HV ngày 31/12/2018 và số 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.04-6]. Trong đó quy định hướng dẫn về việc đánh giá KQHT của NH với các nội dung gồm các hình thức đánh giá và tổ chức kỳ thi kết thúc HP.

- Quy trình về tổ chức thực tập tốt nghiệp và hướng dẫn việc đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp của SV (Số 05/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 10/01/2011) [H5.05.01.09];

- Quy định về tổ chức tốt nghiệp, thi tốt nghiệp đại học và cao đẳng chính quy tại Học viện ban hành theo Quyết định số 924/QĐ-HV ngày 15/11/2011) [H5.05.01.10]. Vào học kỳ thứ 7 của khóa học, khoa căn cứ vào thông báo của Học viện để tổ chức cho SV thực tập tốt nghiệp và đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp. Sau đó, căn cứ mức điểm Học viện đưa ra, khoa tổ chức cho SV làm khóa luận tốt nghiệp. Mức điểm cụ thể căn cứ theo từng năm học trên cơ sở kết luận của Hội đồng xét thi, giao khóa luận tốt nghiệp.

- Trong thời gian diễn ra dịch bệnh, Học viện đã ban hành các văn bản hướng dẫn công tác đánh giá KQHT của NH:

+ Quy định về việc tổ chức thi trực tuyến trong thời gian phòng, chống đại dịch Covid-19 hành theo Quyết định số 470/QĐ-HV ngày 06/9/2021; số 654/QĐ-HV ngày 08/4/2021) [H5.05.01.07-8];

+ Hướng dẫn tạm thời quy trình tổ chức thi kết thúc HP và đánh giá bảo vệ đồ án, khóa luận theo hình thức trực tuyến ban hành theo Quyết định số 291/QĐ-HVCS ngày 15/6/2021) [H5.05.01.11];

+ Quy định tổ chức đánh giá đồ án, khóa luận, luận văn tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến trong thời gian dịch Covid-19 tại Học viện ban hành theo Quyết định số 594/QĐ-HV ngày 15/7/2021) [H5.05.01.12].

- Quy định về quản lý và hướng dẫn thực hành trực tuyến ban hành theo Quyết định số 752/QĐ-HV ngày 21/9/2021) [H10.10.03.03];

- Quy định lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc học phần [H10.10.01.03]. Phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy để khảo sát SV gồm 10 nội dung, trong đó có tiêu chí liên quan đến giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

Các quy định/quy trình nêu trên đã hướng dẫn cụ thể việc đánh giá quá trình giảng dạy và đánh giá KQHT của NH; việc lựa chọn PPGD, phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt được CĐR của từng học phần và CĐR của CTĐT; phương pháp thu thập thông tin phản hồi các BLQ để rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH. Nội dung kiểm tra, đánh giá KQHT của NH còn được quy định rõ trong các ĐCCT HP và được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Học viện [H2.02.02.04-06]. Theo đó, việc kiểm tra đánh giá KQHT của SV được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá; các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các hình thức kiểm

tra đánh giá cho mỗi học phần cũng được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm.

Trong các văn bản trên có quy định rõ ràng về việc đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR của HP và CTĐT. Cụ thể:

- Việc tổ chức kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ được giao cho GV giảng dạy HP; việc thi kết thúc học phần giao cho TTKT&ĐBCLGD; việc đánh giá rèn luyện của NH được giao cho CVHT và Phòng CT&CTSV; việc lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc học phần giao cho TTKT&ĐBCLGD; việc giám sát quá trình thực hành, thực tập của người học tại Trung tâm TN-TH được giao cho các bộ môn thuộc khoa.

- Việc tổ chức thực tập tốt nghiệp được giao cho Phòng Giáo vụ và khoa.

- Việc hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN được giao cho các Hội đồng do giám đốc Học viện thành lập trên cơ sở đề nghị của khoa, bộ môn. Trong đó việc rà soát, kiểm tra các điều kiện bảo vệ luận văn tốt nghiệp do bộ môn đảm nhận.

- Quá trình SV học tập trên giảng đường, GV giảng dạy HP có trách nhiệm điểm danh SV và ghi chép vào sổ theo dõi học tập cho từng HP thuộc CTĐT ngành TMĐT và đánh giá điểm thành phần môn học, xác định điều kiện dự thi cho SV sau khi kết thúc HP [H10.10.03.04].

Định kỳ, Học viện và khoa đã triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT của ngành TMĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Đầu mỗi kỳ học, khoa có tổ chức góp ý, rà soát về công tác đảm bảo chất lượng với nội dung bàn về quy trình dạy và quá trình học tập, quy trình kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá và tự đánh giá của SV thông qua các biên bản họp khoa về việc rà soát, đánh giá các nội dung trong CTDH trước và sau khi cải tiến CTĐT [H10.10.01.23], [H10.10.01.24].

Vào đầu năm học, Văn phòng xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm, trong đó có kế hoạch thanh tra các kỳ thi được tổ chức trong từng học kỳ, năm học [H10.10.03.05]. Bên cạnh việc giám sát theo kế hoạch của bộ phận Thanh tra thuộc Văn phòng theo kế hoạch hằng năm, Học viện còn hướng dẫn và giao cho các phòng ban

chức năng, các khoa/bộ môn theo dõi, đánh giá, giám sát, quá trình dạy - học, xây dựng các ma trận kỹ năng kết nối phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá với CĐR, thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của người học theo các rubric trong đề cương chi tiết để đảm bảo CĐR đã được công bố.

Căn cứ quy định dự giờ giảng của Học viện [H10.10.03.06], Khoa QTKD lập kế hoạch dự giờ đánh giá chất lượng giảng dạy của GV vào đầu mỗi năm học và tổ chức thực hiện, trong đó quan tâm tới các GV trẻ hoặc GV được phân công giảng dạy HP mới trong CTĐT. Sau mỗi buổi dự giảng, thành viên tham gia đều có ý kiến góp ý với GV về phương pháp sư phạm (công tác chuẩn bị; phương pháp sư phạm; sử dụng phương tiện dạy học; năng lực làm chủ nội dung bài giảng); nội dung công tác chuyên môn (Nội dung bài giảng phù hợp với đề cương, chương trình; nội dung bài giảng có tính liên kết, logic chặt chẽ; nội dung kiến thức chuẩn xác và gần thực tế; nội dung kiến thức được mở rộng...). Kết quả dự giờ được thông báo tới GV nhằm giúp cho các GV rà soát, điều chỉnh PPGD, nội dung bài giảng nhằm giúp NH đạt được CĐR của CTĐT. Tuy nhiên, việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện đều đặn hằng năm cả ở cấp Học viện và cấp khoa. Nội dung các biên bản dự giờ GV của khoa từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 cho thấy công tác này đã được thực hiện thường xuyên ở từng năm học và những ý kiến đánh giá thực sự hữu ích cho GV khi thực hiện đề cương học phần ở cả mặt nội dung, phương pháp giảng dạy, kỹ năng thực hiện bài giảng để hướng đến đạt CĐR của học phần và của ngành học [H10.10.03.07].

Hằng năm, Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với khoa thực hiện lấy ý kiến NH (mỗi năm 2 lần) về hoạt động giảng dạy của GV với nội dung về bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các PPGD, cách thức tiến hành kiểm tra đánh giá KQHT của SV [H10.10.01.17], kết quả khảo sát là cơ sở cho việc cải tiến công tác dạy - học và kiểm tra đánh giá, đảm bảo sự tương thích với CĐR của học phần, CĐR của ngành học. Năm 2020, Khoa đã tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của 184 lượt SV về hoạt động giảng dạy các học phần được triển khai trong năm. Kết quả khảo sát cho thấy có 94,42% ý kiến hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí “Hoạt động giảng dạy luôn gắn với định hướng nghề nghiệp”; có 88,9% ý kiến hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí “GV cập nhật phương pháp giảng dạy mới, phù hợp”; có 88,9% ý kiến hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí “GV có phương pháp giảng dạy rõ ràng, dễ hiểu”. Kết quả khảo sát được gửi về khoa để xem xét

và tiến hành các điều chỉnh hoạt động dạy học, qua đó giúp khoa, GV điều chỉnh quá trình, phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá ở từng HP nhằm đảm bảo đạt CĐR của ngành học.

Trong các đợt rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT và ĐCHP theo định kỳ (năm 2021 và năm 2023), bên cạnh rà soát về nội dung, cấu trúc các HP, khoa đã tiến hành rà soát, đánh giá các PPGD và kiểm tra đánh giá được sử dụng. Khi rà soát, điều chỉnh ĐCCT các HP năm 2018, năm 2021 đã bổ sung thêm phương pháp đánh giá các HP với các hình thức kiểm tra, cơ cấu và tỷ trọng điểm thành phần, điểm kết thúc các HP phù hợp với quy định về kiểm tra đánh giá HP. So với ĐCCT HP ban hành năm 2021 [H2.02.02.05] với ĐCCT HP ban hành ban hành năm 2023 [H2.02.02.06], khoa đã bổ sung các nội dung giúp cho việc tổ chức các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá tương thích và phù hợp với CĐR của HP: (i) Mục 3 (Mục tiêu môn học và CĐR) bổ sung các mục 3.2 (CĐR môn học) và 3.3 (Ma trận CĐR của môn học và học phần); (ii) Bổ sung Mục 9 (Phương pháp dạy và học).

Ngoài ra, khoa và Học viện thực hiện khảo sát các BLQ và khoa sử dụng thông tin này như là một căn cứ đánh giá lại hoạt động dạy học của GV, hoạt động học tập của SV, từ đó có những điều chỉnh kịp thời trong công tác giảng dạy:

- Khảo sát SV năm cuối và cựu SV về chất lượng khóa học [H10.10.01.15]. Năm 2022, Học viện đã khảo sát ý kiến phản hồi của 400 SV ngành TMĐT về việc giảng dạy của GV được triển khai trong năm. Kết quả khảo sát cho thấy: có 75,8% ý kiến hài lòng và rất hài lòng với các tiêu chí “Hoạt động giảng dạy luôn gắn với định hướng nghề nghiệp”; có 80,2% ý kiến hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí “GV cập nhật phương pháp giảng dạy mới, phù hợp”; có 80,8% ý kiến hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí “GV có phương pháp giảng dạy rõ ràng, dễ hiểu”.

- Kết quả khảo sát đã giúp Khoa, GV điều chỉnh quá trình, phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá ở từng HP nhằm đảm bảo đạt CĐR của ngành học; ý kiến khảo sát các BLQ về CTDH ngành TMĐT năm 2020, 2022 [H10.10.01.16].

- Báo cáo khảo sát tình trạng việc làm của SVTN hằng năm [H10.10.01.18].

Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá chưa được đều đặn hằng năm cả ở cấp Học viện và cấp Khoa.

2. Điểm mạnh

Phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học phần được hiệu chỉnh thường xuyên sau các lần điều chỉnh ĐCCT các HP hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện đều đặn hằng năm cả ở cấp Học viện và cấp Khoa.

4. Kế hoạch hành động

Định kỳ hằng năm Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa tổ chức các hội nghị, hội thảo hoặc mở các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Trong Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2017-2022 (QĐ số 691/QĐ-HV ngày 11/8/2017), Nhà trường đã đặt ra mục tiêu: “Đến năm 2022 hoạt động KHCN đóng vai trò nòng cốt trong sự phát triển của Học viện và hỗ trợ cho việc đổi mới CTĐT để đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”. Điều này đã được thể hiện trong Quy định về hoạt động KHCN của Học viện năm 2020 (QĐ số 316/QĐ-HV ngày 18/5/2020), ... Theo từng năm học, Phòng Quản lý KHCN&HTQT đã xây dựng và triển khai kế hoạch KHCN hằng năm của Học viện (QĐ số 1228/QĐ-HV, ngày 31/12/2021; số 115/QĐ-HV ngày 17/2/2020). Theo đó, Khoa QTKD đã triển khai nhiệm vụ NCKH của đội ngũ CBGV và SV trong Khoa.

Trong chu kỳ KĐCLGD, CBGV của khoa QTKD đã thực hiện 74 đề tài NCKH cấp Học viện, công bố 89 bài đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành trong nước và xuất bản 6 cuốn sách và số liệu này được thể hiện thông qua danh mục các đề tài các cấp do GV Khoa QTKD thực hiện hằng năm [H10.10.04.01] và danh mục các bài báo quốc tế do GV Khoa QTKD thực hiện [H10.10.04.02]; SV thuộc CTĐT ngành TMĐT đã thực hiện được 73 đề tài NCKH với sự tham gia của 176 lượt SV (có 7 đề tài đạt giải thưởng NCKH sáng tạo). Nội dung của các đề tài nghiên cứu của SV đều gắn liền với chuyên ngành đào tạo QTKD và chất lượng các đề tài đều được đánh giá từ mức đạt trở lên, thể hiện qua danh mục các đề tài cấp Học viện do SV ngành TMĐT thực hiện giai đoạn 2019-2023 [H10.10.04.03].

Kết quả nghiên cứu là những kiến thức, kinh nghiệm thuộc các lĩnh vực QTKD, là cơ sở để nâng cao chất lượng dạy và học ngành TMĐT. Kết quả nghiên cứu được chuyển tải vào nội dung giảng dạy, vừa nâng cao năng lực NCKH của GV, vừa giúp SV có thêm những bài học, kiến thức chuyên sâu và góp phần cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV.

Trong số các đề tài NCKH mà GV của khoa chủ trì thực hiện có 21 đề tài được chuyển thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH ngành TMĐT [H10.10.04.04], cụ thể:

Năm 2017 (2 đề tài): Phân tích dịch vụ logistics của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (PGD. TS Nguyễn Thị Minh An); Xu hướng phát triển các loại hình giao dịch TMĐT trên thế giới và một số khuyến nghị cho Việt Nam (TS. Trần Thị Thập);

Năm 2018 (3 đề tài): Nghiên cứu sự tham gia của các nhà quản trị trong ứng dụng thẻ điểm cân bằng tại Tổng công ty dịch vụ viễn thông (ThS. Lê Thị Ngọc Diệp); Nghiên cứu mô hình bán hàng đa kênh ứng dụng vào các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh đồ uống tại Việt Nam (ThS. Lê Thị Bích Ngọc); Giải pháp ứng dụng lý thuyết tâm lý trong đàm phán kinh doanh trên địa bàn Tp. HCM (ThS. Phạm Mỹ Hạnh);

Năm 2019 (6 đề tài): Nghiên cứu chiến lược phát triển dịch vụ giá trị gia tăng di động của Tổng công ty VNPT-Vinaphone (ThS. Lê Thị Bích Ngọc); Nghiên cứu sự tham gia của các CSĐT đại học vào hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Start-up) tại Việt Nam (TS. Trần Thị Thập); Cách mạng công nghiệp 4.0 và đề xuất đổi mới hoạt động giáo dục đại học của Học viện CN BC VT (PGS. TS Nguyễn Thị Minh An); Các nhân tố tác động đến ý nghĩa khởi sự doanh nghiệp của SV tại Tp. HCM – SV khối ngành kỹ thuật (TS. Hồ Thị Sáng); Tổng quan về công tác quản trị chuỗi cung ứng Công ty sản xuất tại khu vực Tp, HCM (TS. Nguyễn Văn Phước)

Năm 2020 (3 đề tài): Nghiên cứu sự cân bằng trong tổ chức và động lực làm việc của GV Học viện CN BCVT (TS. Lê Thị Ngọc Diệp); Chiến lược kinh doanh quốc tế cho các doanh nghiệp kinh doanh đồ uống Việt Nam (ThS. Trần Thị Tuấn Anh); Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng ISO 140000, những lợi ích và tồn tại cho các doanh nghiệp tại Tp. HCM (ThS. Đỗ Như Lực)

Năm 2021 (2 đề tài): Nghiên cứu xây dựng hệ thống bài tập tình huống phục vụ cho môn học “ Đàm phán kinh doanh tại Học viện CN BCVT” (ThS. Lê Thị Bích Ngọc); Tác động của quảng cáo lên ý định sử dụng dịch vụ Internet của khách hàng cá nhân tại Tp. HCM (TS. Trương Đức Nga)

Năm 2022 (2 đề tài): Nghiên cứu hoạt động đào tạo nhân lực tại Bưu điện Thành phố Hà Nội (PGS.TS Nguyễn Thị Minh An); Nghiên cứu dịch vụ Internet băng rộng di động của VNPT (TS. Vũ Trọng Phong)

Năm 2023 (3 đề tài): Nghiên cứu các phương pháp giảng dạy tích cực trong đào tạo ngành TMĐT tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (TS. Trần Thị Thập); Hoạt động marketing trực tuyến cho các CTĐT liên kết của các trường đại học tại Việt Nam (Ths. Lê Thị Bích Ngọc); Nghiên cứu đổi mới sáng tạo của một số sản phẩm TMĐT quốc tế tại Việt Nam (TS. Nguyễn Thùy Dung).

Hằng năm, để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH, Học viện tổ chức các hội nghị chuyên đề với sự tham gia của các GV, NCV có trình độ và kinh nghiệm công tác lâu năm tại Học viện để xin ý kiến đóng góp cho hoạt động đổi mới hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng chiến lược phát triển của Học viện trong từng giai đoạn [H10.10.04.05]. Hội nghị đã đóng góp những ý kiến hữu ích cho sự phát triển của Học viện. Tuy nhiên, nội dung của hội nghị chưa dành nhiều thời gian cho nội dung phổ biến, áp dụng kết quả NCKH vào hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH và kinh phí cho các đề tài NCKH cấp cơ sở còn rất hạn chế, nên có khó khăn trong việc tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu để chuyển tải các nội dung đã nghiên cứu lý thuyết vào thực tiễn công tác đào tạo của học viện.

2. Điểm mạnh

Nhiều đề tài NCKH cấp Học viện đều có các kết quả được áp dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như học phần thực tập, thực tế của SV, góp phần trực tiếp nâng cao trình độ của các GV, SV thông qua việc cập nhật kiến thức thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Nội dung của các hội nghị, hội thảo của Học viện chưa có chuyên đề chuyên sâu và chưa dành nhiều thời gian cho nội dung phổ biến, áp dụng kết quả NCKH vào hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, Phòng Quản lý KH-CN & HTQT phối hợp với các khoa đề xuất để học viện tổ chức hội nghị chuyên đề dành cho GV về việc định hướng công tác NCKH của GV và phổ biến, áp dụng kết quả NCKH vào hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành các văn bản đề khảo sát ý kiến các BLQ đánh giá về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH, cụ thể:

- Quy định về công tác khảo sát ý kiến của NH về công tác đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ NH tại Học viện ban hành theo Quyết định số 755/QĐ-HV ngày 25/9/2018 [H10.10.01.05].

- Quy định về công tác khảo sát điều kiện cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện ban hành theo Quyết định số 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2019 [H10.10.01.06].

- Quy định tạm thời về công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH ban hành theo Quyết định số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021 [H10.10.01.07] với các đối tượng bao gồm cán bộ GV, SV, SV tốt nghiệp, cựu SV, học viên cao học của Học viện.

- Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT ban hành theo Quyết định số 393/QĐ-HV ngày 23/03/2022 [H10.10.01.08].

Các quy định nêu trên phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện việc khảo sát ý kiến các BLQ, cụ thể:

- Trung tâm KT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm lấy ý kiến SV về công tác đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ NH tại học viện;

- Phòng CTSV HVCS tại Thành phố HCM có nhiệm vụ khảo sát SV về chất lượng phục vụ của Học viện;

- Văn phòng Học viện (Phòng Tổ chức hành chính ở cơ sở phía Nam) có nhiệm vụ khảo sát GV về môi trường làm việc; Khoa Sau Đại học (Phòng ĐT&KH-CN ở cơ sở phía Nam) khảo sát học viên cao học về chất lượng giảng dạy và phục vụ của Học viện;

- Phòng Quản lý KH-CN&HTQT khảo sát các BLQ về chất lượng thư viện và công tác NCKH của GV, SV;

- Trung tâm Dịch vụ khảo sát công tác phục vụ tại ký túc xá;

- Trung tâm Thí nghiệm Thực hành khảo sát các BLQ về công tác thực hành thí nghiệm.

- Khoa QTKD khảo sát các BLQ về CTĐT, CĐR và bản mô tả CTĐT; khảo sát ý kiến của SV ngành TMĐT chuẩn bị tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Học viện.

Quy định cũng nêu rõ quy trình thực hiện việc khảo sát ý kiến phản hồi được thực hiện theo các bước: (1) Xây dựng kế hoạch, hiệu chỉnh mẫu khảo sát, trình lãnh đạo học viện phê duyệt; (2) Thu thập và xử lý thông tin các BLQ (gửi phiếu khảo sát; thu thập thông tin từ đối tượng khảo sát; xử lý và phân tích số liệu; báo cáo kết quả.); (3) Chuyển báo cáo kết quả khảo sát đến lãnh đạo học viện, Trung tâm KT&ĐBCLGD và các đơn vị liên quan; (4) Đề xuất, triển khai và phê duyệt các biện pháp cải tiến (các đơn vị liên quan phân tích nguyên nhân và đề xuất biện pháp cải tiến; ban giám đốc xem xét, phê duyệt các biện pháp cải tiến và chỉ đạo thực hiện; các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện biện pháp cải tiến và báo cáo kết quả theo yêu cầu của lãnh đạo học viện).

Trên cơ sở các quy trình và quy trình nêu trên, hằng năm, Học viện đã lập kế hoạch lấy ý kiến CBGV, NH và giao cho Trung tâm KT&ĐBCLGD chủ trì, phối hợp với Phòng CT&CTSV, Phòng CTSV HVCS, Văn phòng, các khoa và các đơn vị chịu trách nhiệm cung cấp các dịch vụ hỗ trợ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, NV, SV và các BLQ khác về chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ. Cụ thể:

(1) Khảo sát điều kiện cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện:

Thực hiện kế hoạch hằng năm, Trung tâm KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của NH về cơ sở vật chất, triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV về CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện các năm từ 2017-2022 [H10.10.05.01].

Thực hiện kế hoạch năm học năm 2022-2023, Trung tâm KT&ĐBCLGD đã tiến hành lấy ý kiến của 1200 SV về các tiêu chí (i) Mức độ đáp ứng của thư viện (3 tiêu chí); (ii) Mức độ đáp ứng yêu cầu của thiết bị dạy và học (3 tiêu chí); (iii) Về phương tiện và công cụ tin học; (iv) Về mức hướng dẫn các SV quy chế, quy chế, quy định và quy trình và thời gian giải quyết các công việc liên quan đến NH được quy định rõ ràng; (v) Trạm y tế đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh; (vi) Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá đáp ứng yêu cầu của NH. Kết quả khảo sát cho thấy: 90,67% SV đồng ý “Thư viện có đủ tài liệu tham khảo”; 93,42% SV hài lòng về “Thái độ phục vụ của CB, NV thư

viện”; 92,50% SV hài lòng về “CSVC của Thư viện, phòng đọc”; 82,24% SV hài lòng về “Giảng đường, phòng học”; 87,75% SV hài lòng về “Trang thiết bị các phòng thực hành, thí nghiệm”; 90,25% SV hài lòng về “Trình độ chuyên môn, thái độ phục vụ của đội ngũ NV, kỹ thuật viên”; 86,50% SV hài lòng về “Website của Học viện có đủ thông tin, cập nhật và sẵn sàng truy cập”; 81,58% SV hài lòng về mức độ đáp ứng của mạng máy tính, thiết bị tin học; 91,92% SV hài lòng về “NH được cung cấp, hướng dẫn đầy đủ về quy chế, quy định”; 90,25% SV hài lòng về “Trạm Y tế đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu”; 92,50% SV hài lòng về “Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá”.

Kết quả khảo sát ý kiến NH về công tác đảm bảo CSVC phục vụ NH tại cơ sở Hà Nội qua các năm cho thấy SV khá hài lòng với nội dung về công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, Ký túc xá, căng tin. Tỷ lệ SV trả lời hài lòng với câu hỏi “Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá đáp ứng cơ bản yêu cầu của NH” lần lượt theo các năm là: năm 2021 (88,24%), năm 2020 (85,5%), năm 2019 (83,1%), năm 2018 (92,50%), năm 2017 (83,7%). SV khá hài lòng với hệ thống CNTT, thiết bị dạy - học và điều kiện CSVC của Học viện. Chẳng hạn như với câu hỏi “Mạng máy tính, thiết bị tin học đáp ứng cơ bản nhu cầu NH”, tỷ lệ SV trả lời hài lòng qua khảo sát các năm là: năm 2021 (82,49%), năm 2020 (81,0%), năm 2019 (76,4%), năm 2018 (81,58%) và năm 2017 (83,7%).

Kết quả khảo sát được báo cáo ban giám đốc để chỉ đạo, điều hành hoạt động của Học viện và công bố công khai để lãnh đạo các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ nắm rõ tình hình chung về các điều kiện CSVC Học viện và nghiên cứu, đề xuất kịp thời các phương án sửa chữa, bảo dưỡng kịp thời CSVC và trang thiết bị.

(2) Khảo sát CBGVNV về điều kiện môi trường làm việc tại Học viện:

Hàng năm, Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị CSHV tổ chức khảo sát CBGV về điều kiện môi trường làm việc, trong đó có nội dung về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin.

Nội dung báo cáo kết quả khảo sát các năm từ 2019-2023 [H10.10.05.02], cụ thể năm 2022, Văn phòng đã khảo sát 372 CB, GV (có 320 CBGV phản hồi). Kết quả 81% CB, GV hài lòng về “Hệ thống CNTT (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu”; 84% CBGV hài lòng về “Thư viện và các nguồn tài liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và

nghiên cứu”; 82% CBGV hài lòng về “Thư viện điện tử và các phần mềm quản lý sách, tài liệu, học liệu đáp ứng nhu cầu của người sử dụng”; 78% CBGV hài lòng về “Chất lượng các trang thiết bị tại các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu”; 80% CBGV hài lòng về “Các trang thiết bị, máy móc, nội quy, quy định và trang thiết bị bảo hộ an toàn lao động của các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành được trang bị đầy đủ và được cập nhật”; 76% CBGV hài lòng về “Trang thiết bị giảng dạy, nghiên cứu được hỗ trợ sửa chữa hoặc thay thế kịp thời”.

(3) Khảo sát SV năm cuối

- Khoa QTKD tổ chức lấy ý kiến của SV ngành TMĐT chuẩn bị tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Học viện [H10.10.05.03], trong đó có nội dung về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm/ thực hành, hệ thống CNTT, hoạt động tư vấn học tập/ việc làm, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động đoàn thể. Kết quả khảo sát SV ngành TMĐT khóa SV tốt nghiệp năm 2021 về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác năm học cho thấy: 78,29% SV hài lòng về “Thư viện đảm bảo đủ số lượng, chất lượng sách báo, không gian và chỗ ngồi”; 78,43% SV hài lòng về “Thiết bị công nghệ thông tin phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập”; 61,87% SV hài lòng về “Cơ sở vật chất của học viện (Giảng đường, phòng thí nghiệm thực hành, bàn ghế, các phương tiện nghe nhìn, chỗ gửi xe, vệ sinh...) đáp ứng nhu cầu đào tạo, học tập và nghiên cứu”; 84,05% SV hài lòng về “Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, chọn lựa và học tập của SV”; 79,71% SV hài lòng về “Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ thiết thực cho học tập và nghiên cứu”. Đồng thời, cuối mỗi năm học, Khoa sẽ tổ chức cuộc họp tổng kết để đánh giá toàn diện các hoạt động của Khoa trong đó có đánh giá về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H10.10.05.04].

- Phòng CT&CTSV đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của NH cuối khóa về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ tìm kiếm việc làm của Học viện sau mỗi năm học, nội dung khảo sát bao gồm: Hoạt động tư vấn hỗ trợ SV trong quá trình học tập; Các hoạt động tư vấn tìm kiếm các nguồn học bổng để hỗ trợ SV; thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ SV; hoạt động hỗ trợ, hướng nghiệp tư vấn việc làm cho SV; đánh giá chung về những hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hài lòng của NH cuối khóa về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ tìm kiếm việc làm của Học viện khá cao [H10.10.05.05]. Kết quả khảo sát của 100 SV cuối

khóa năm học 2022-2023 cho thấy: có 77% SV cuối khóa của Học viện hài lòng về “Hoạt động tư vấn hỗ trợ SV trong quá trình học tập”; có 75% SV cuối khóa đánh giá hài lòng về “Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ SV”; có 77% SV cuối khóa đánh giá hài lòng về “Đánh giá chung về những hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm” ... Đây là cơ sở để các đơn vị cải tiến các hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV thời gian tới. Kết quả khảo sát chung cho thấy NH về cơ bản hài lòng với hoạt động phục vụ và hỗ trợ của nhà trường. Đánh giá chung về mức độ hài lòng của SV đối với dịch vụ giáo dục công của Học viện đạt trên 80% như: có 82,7% và 97.2% SV được khảo sát trong năm 2019, 2021 hài lòng với các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm của Học viện; 82,1% SV đánh giá mức độ hài lòng ở mức 3/5 trở lên về sự dễ dàng, thuận tiện tìm hiểu thông tin thủ tục tại văn phòng Giao dịch một cửa trong năm 2020.

- HVCS tổ chức lấy ý kiến SV tốt nghiệp về chất lượng đào tạo (Kế hoạch 52/KH-HVCS ngày 21/02/2022); Lấy ý kiến cán bộ, GV về đảm bảo chất lượng các lĩnh vực của Học viện (Kế hoạch 46/KHKS-TCHC ngày 18/02/2022). Sau các đợt khảo sát, HVCS tiến hành tổng hợp số liệu, viết báo cáo kết quả khảo sát: Ý kiến phản hồi của SV (Báo cáo số 96/BC-CTSV ngày 27/09/2019; Báo cáo ngày 10/12/2019; Báo cáo số 13/BC-CT&CTSV ngày 26/03/2021). Kết quả khảo sát 185 SV năm 2020 về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm có 83,5% ý kiến đánh giá "hài lòng".

(4) khảo sát chất lượng dịch vụ tại Văn phòng Giao dịch một cửa: Phòng CT&CTSV thực hiện khảo sát chất lượng dịch vụ tại Văn phòng Giao dịch một cửa qua hệ thống khảo sát trực tuyến để SV đánh giá về chất lượng dịch vụ tại văn phòng một cửa, tác phong, thái độ của từng cán bộ tiếp nhận hồ sơ và tư vấn cho SV [H10.10.05.06]. Kết quả khảo sát cho thấy các ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý về các nội dung: có 96,7%; về thư viện đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, phòng đọc và các trang thiết bị phục vụ cho việc tra cứu tài liệu; về điều kiện an ninh của ký túc xá đảm bảo an toàn có 93%; số thuốc được cung cấp sau khi khám/sơ khám đáp ứng điều trị bệnh có 76,6%; về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của nhà ăn, canteen Học viện sạch sẽ có 93,3%; về phòng thí nghiệm thực hành được trang bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu thực hành các học phần trong CTĐT có 89,7%.

(5) Khảo sát thư viện: Để thu thập được đầy đủ thông tin và có kế hoạch cải tiến hoạt động phục vụ bạn đọc kịp thời, Phòng Quản lý KHCN và HTQT đã xây dựng và triển khai kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện và tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát [H10.10.05.07]. Kết quả khảo sát cho thấy SV khá hài lòng về

thư viện của Học viện, chẳng hạn như tỷ lệ SV trả lời hài lòng về thư viện ở cơ sở Hà Nội đều đạt trên 80% tùy theo từng năm, cụ thể: năm 2019 là 83,04%, năm 2020 là 92,19%; năm 2021 là 86,3%, năm 2022 là 88.1% và năm 2023 là 89.6%.

Năm 2022, Học viện đã tiến hành khảo sát 1200 SV về sự hài lòng đối với dịch vụ hỗ trợ tiện ích ở Thư viện, phòng thí nghiệm/thực hành, CNTT, y tế... cho thấy, có 90,67% SV đồng ý “Thư viện có đủ tài liệu tham khảo”; 93,42% SV hài lòng về “Thái độ phục vụ của CB, NV thư viện”; 92,50% SV hài lòng về “CSVC của Thư viện, phòng đọc”; 87,75% SV hài lòng về “Trang thiết bị các phòng thực hành, thí nghiệm”; 90,25% SV hài lòng về “Trình độ chuyên môn, thái độ phục vụ của đội ngũ NV, kỹ thuật viên”; 86,50% SV hài lòng về “Website của Học viện có đủ thông tin, cập nhật và sẵn sàng truy cập”; 81,58% SV hài lòng về mức độ đáp ứng của mạng máy tính, thiết bị tin học; 91,92% SV hài lòng về “NH được cung cấp, hướng dẫn đầy đủ về quy chế, quy định”; 90,25% SV hài lòng về “Trạm Y tế đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu”; 92,50% SV hài lòng về “Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá”.

(6) Trung tâm TNTH cũng tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về cơ sở vật chất trang thiết bị các phòng TNTH trong học kỳ II năm học 2020-2021. Kết quả khảo sát cho thấy có 53,6% GV và 72,5% SV hài lòng về trang thiết bị các phòng thí nghiệm thực hành [H10.10.05.08].

(7) Khảo sát cán bộ, GV về NCKH giai đoạn 2019-2023 [H10.10.05.09].

(8) Báo cáo khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV trong từng học kỳ [H10.10.01.17].

Trên cơ sở khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV và CBGV, các dịch vụ hỗ trợ đã được cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ như:

- Sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến PTIT-Slink để cung cấp các dịch vụ học tập, nghiên cứu cho NH 24/7 [H10.10.01.10]. Học viện là cơ sở giáo dục đại học tiên phong trong công tác chuyển đổi số, PTIT S-Link là mô hình nền tảng số đầu tiên được công bố trong việc liên thông dữ liệu đối trong Học viện với mục đích phát triển hệ thống các ứng dụng hỗ trợ GV/SV trong quá trình đào tạo/học tập; tối ưu hoá hiệu suất lao động của cán bộ, hỗ trợ [H10.10.01.11]. Với quá trình chuyển đổi số, hầu hết các dịch vụ hỗ trợ cho NH được cung cấp thông qua môi trường số, trong khi Học viện chưa quan tâm đến việc tập huấn để nâng cao kỹ năng sử dụng các dịch vụ trong môi trường chuyển đổi số cho NH nên hiệu quả sử dụng chưa cao.

- Thiết lập quan hệ với các đối tác bổ sung thêm trang thiết bị cho các phòng TNTH, phòng Lab phục vụ nghiên cứu chuyên sâu về CNTT như Phòng Thí nghiệm trí tuệ nhân tạo; Phòng Lab 4G Viettel; Phòng Lab Samsung, có máy tính và phần mềm chuyên dụng được mô tả cụ thể tại Đề án tuyển sinh Học viện năm 2022 [H10.10.05.12]. Giai đoạn 2019-2023, Học viện đầu tư 2.545 triệu đồng mua sắm trang thiết bị mới phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH.

- Đầu tư, nâng cấp hệ phần mềm quản lý thư viện và đầu tư mua sắm các tài liệu tham khảo phục vụ công tác giảng dạy/học tập [H10.10.05.13], trong đó có việc số hóa các học liệu cung cấp cho thư viện điện tử để SV có thể truy cập sử dụng mọi lúc, mọi nơi; giai đoạn 2019-2023, thư viện được bổ sung 502 đầu sách/2878 bản; thư viện tăng thời gian mở cửa phục vụ bạn đọc từ 8 lên 12 giờ/ngày trong thời gian diễn ra các kỳ thi kết thúc học phần.

- Hoạt động của tổ chức đoàn thể và các hoạt động ngoại khoá giúp SV nâng cao kỹ năng mềm và tham gia hoạt động cộng đồng được tổng kết đánh giá hằng năm và có những cải tiến về hình thức, nội dung hoạt động ... [H10.10.05.14], [H10.10.05.15].

Qua báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Học viện giai đoạn 2019-2023 và của các đơn vị tổ chức thực hiện các dịch vụ hỗ trợ cho thấy việc đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã được triển khai hằng năm [H10.10.05.16].

2. Điểm mạnh

Công tác chuyển đổi số tại Học viện đã đạt được những kết quả nhất định, hỗ trợ có hiệu quả cho Học viện thông qua môi trường mạng.

3. Điểm tồn tại

Với quá trình chuyển đổi số, hầu hết các dịch vụ hỗ trợ cho NH được cung cấp thông qua môi trường số, trong khi học viện chưa quan tâm đến việc tập huấn để nâng cao kỹ năng sử dụng các dịch vụ trong môi trường chuyển đổi số cho NH nên hiệu quả sử dụng chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, phòng CT&CTSV phối hợp với các khoa tổ chức tập huấn cho SV và CVHT về việc sử dụng các ứng dụng, tiện ích phục vụ hoạt động học tập, rèn luyện của SV trong môi trường chuyển đổi số.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành các văn bản quy định về hoạt động thu thập ý kiến phản hồi các BLQ như: Quy định lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV tại Học viện ban hành theo Quyết định số 861/QĐ-HV ngày 23/11/2015 [H10.10.01.03]; Quy định về việc lấy ý kiến về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp tại Học viện CNBCVT ban hành theo Quyết định số 642/QĐ-HV ngày 09/08/2018 [H10.10.01.04]; Quy định về công tác khảo sát cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy, NCKH tại Học viện ban hành theo Quyết định số 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2018 [H10.10.01.06]; Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH (QĐ số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021) [H10.10.01.07];

Các văn bản trên quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong thực hiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ: (i) Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục là đơn vị chủ trì khảo sát có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc khảo sát; thiết kế, hiệu chỉnh nội dung phiếu khảo sát được phân công; quản lý, bảo quản, lưu trữ hồ sơ gốc liên quan đến nhiệm vụ khảo sát được phân công; lập báo cáo kết quả khảo sát gửi lãnh đạo học viện (ii) Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục có nhiệm vụ phối hợp với đơn vị chủ trì khảo sát để thiết kế, điều chỉnh, bổ sung định kỳ nội dung các Phiếu khảo sát phù hợp với tình hình hoạt động của Học viện về yêu cầu thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ; làm đầu mối hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp các kết quả khảo sát tại các đơn vị để báo cáo ban giám đốc học viện; (iii) Trưởng đơn vị thuộc học viện có trách nhiệm nhắc nhở cán bộ, viên chức thuộc đơn vị tham gia khảo sát đầy đủ và nghiêm túc theo thông báo của Học viện; lập kế hoạch cải tiến các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao qua kết quả, số liệu khảo sát có tỷ lệ hài lòng thấp.

Các văn bản trên cũng quy định các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát, trong đó: (i) Trung tâm KT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm chủ trì, lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV; mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị, hệ thống CNTT, phòng thực hành/thí nghiệm; (ii) Phòng Đào tạo lấy ý kiến khảo sát liên quan để thiết kế phát triển CTDH, CDR, CTĐT, ... Phòng Chính trị và Công tác SV (Phòng CTSV) lấy ý kiến khảo sát cựu SV, nhà tuyển dụng về việc làm SV; (iii) Văn phòng (Phòng Tổ chức - Hành chính)

lấy ý CB, GV về điều kiện CSVC, môi trường làm việc; (iv) Khoa Sau ĐH (Phòng ĐT&KHCN) khảo sát học viên cao học về chất lượng giảng dạy và phục vụ của Học viện; (v) Phòng Đào tạo khảo sát các BLQ khi điều chỉnh mục tiêu, CDR CTĐT và xây dựng, phát triển CTDH; (vi) Phòng Quản lý KHCN&HTQT khảo sát các BLQ về chất lượng phục vụ của thư viện; Trung tâm Dịch vụ khảo sát công tác phục vụ tại ký túc xá; (vii) Trung tâm Thí nghiệm - Thực hành lấy ý kiến các BLQ về chất lượng phòng thí nghiệm - thực hành.

Hàng năm, Học viện đã tiến hành các hoạt động khảo sát để thu thập thông tin phản hồi của các BLQ: (i) Khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV theo từng học kỳ [H10.10.01.17]; (ii) Khảo sát SV, HV về chất lượng phục vụ của Học viện [H10.10.05.01]; (iii) Khảo sát SV trước tốt nghiệp về chất lượng khóa học [H10.10.05.03]; (iv) Khảo sát SVTN về tình hình việc làm và chất lượng khóa học [H10.10.05.05]; (v) Khảo sát CB, GV về môi trường làm việc [H10.10.05.02]; (vi) Khảo sát doanh nghiệp về tình hình sử dụng lao động SV tốt nghiệp [H10.10.06.01], [H10.10.06.02]; (vii) Khảo sát các BLQ khi rà soát thiết kế CTĐT [H10.10.06.03]; (viii) Các khảo sát khác (khảo sát các BLQ trong công tác xây dựng, bổ sung, hiệu chỉnh CTDH [H10.10.01.16]; Khảo sát SV về chất lượng phục vụ Thư viện [H10.10.05.07]; Báo cáo kết quả khảo sát về chất lượng dịch vụ tại văn phòng giao dịch một cửa 3 năm (2017, 2019 và 2021) [H10.10.05.06]; ...

Hệ thống mẫu phiếu khảo sát của từng khảo sát được thiết kế theo mục tiêu của từng loại khảo sát và được điều chỉnh phù hợp với từng đối tượng [H10.10.01.11]. Tùy từng trường hợp cụ thể, Học viện đã sử dụng phương pháp khảo sát phù hợp để đảm bảo sự tiện ích và tính khách quan trong thu thập các thông tin phản hồi. Việc thu thập ý kiến phản hồi có thể thực hiện bằng các phương pháp khác nhau: phát phiếu hỏi trực tiếp hoặc online hoặc qua điện thoại; tổ chức hội thảo, hội nghị, trao đổi, đối thoại; thông qua các cuộc họp của bộ môn, tổng kết hằng năm của Khoa và Học viện ...

Việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ được thực hiện theo quy trình 4 bước: (i) Lập kế hoạch trình lãnh đạo học viện phê duyệt; (ii) Phổ biến, tổ chức triển khai khảo sát theo kế hoạch; (iii) Tổng hợp, xử lý số liệu, gửi báo cáo lãnh đạo học viện và các BLQ theo yêu cầu của giám đốc học viện; (iv) Các đơn vị/cá nhân có liên quan triển khai hoạt động cải tiến chất lượng.

Hàng năm sau khi kết thúc đợt khảo sát, các đơn vị tiến hành thống kê kèm theo nội dung đóng góp ý kiến về các vấn đề liên quan đến nội dung, phương pháp khảo sát và ghi

nhận những đề xuất để cải tiến cho khảo sát ở các năm sau... qua báo cáo kết quả khảo sát các loại giai đoạn 2019-2023 [H10.10.06.04]. Dựa trên các ý kiến đề xuất của các đơn vị Học viện đã thực hiện một số cải tiến liên quan đến cơ chế phản hồi. Cụ thể:

Năm 2017, các khảo sát của Học viện chủ yếu dừng lại ở tờ trình xin chủ trương và tổ chức khảo sát, mà chưa có quy định để thống nhất thực hiện. Năm 2018, Học viện, đã cải tiến các nội dung, tiêu chí, mẫu phiếu khảo sát SV tốt nghiệp và ban hành quy định khảo sát SV tốt nghiệp [H10.10.01.04]. Năm 2021, Học viện ban hành quy định về khảo sát các BLQ để thống nhất thực hiện trong toàn học viện [H10.10.01.03]. Phương pháp khảo sát chuyển dần từ khảo sát trực tiếp (phát phiếu) sang hình thức khảo sát trực tuyến qua hệ thống webstie các đơn vị và phần mềm khảo sát PTIT S-Link [H10.10.05.11] và các năm gần đây nội dung điều chỉnh các mẫu phiếu, quy trình được tích hợp luôn vào phân hệ khảo sát thuộc Hệ thống đại học điện tử của Học viện. Đồng thời, chức năng, nhiệm vụ thực hiện hoạt động khảo sát cũng được điều chỉnh phù hợp với cơ cấu tổ chức của học viện. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Học viện đã phân công cho văn phòng tổ chức khảo sát các điều kiện về CSVC, đồng thời, khuyến khích các đơn vị chủ động đề xuất và tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Học viện đang thực hiện một số giải pháp cải tiến có hiệu quả như: Điều chỉnh CTĐT để nâng cao chất lượng giảng dạy; tăng cường cơ sở vật chất cho công tác đào tạo, cải tạo giảng đường lớp học, hệ thống CNTT...; bổ sung giáo trình, tài liệu cho thư viện điện tử trên cơ sở số hóa các học liệu của thư viện.

Đối với Khoa QTKD, sau khi nhận được báo cáo kết quả khảo sát từ các đơn vị chủ trì khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát chuyên sâu do khoa thực hiện, khoa đã tiến hành họp với các bộ môn/ GV liên quan phân tích nguyên nhân, dẫn đến các tiêu chí có kết quả đánh giá sự hài lòng thấp, từ đó xây dựng kế hoạch để khắc phục, cải tiến chất lượng: Bổ sung thêm đối tượng nhà tuyển dụng, cựu SV vào đối tượng lấy ý kiến khảo sát; bổ sung hình thức lấy ý kiến phản hồi trực tuyến trên nhiều kênh: email, mạng xã hội, PtitS-Link; bổ sung thêm các câu hỏi về cơ sở vật chất, hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV, kỹ năng mềm trong phiếu khảo sát.

Trong việc khảo sát các BLQ, việc khảo sát cựu SV vẫn còn hạn chế do dữ liệu về mạng lưới cựu SV đang được triển khai và hoạt động thu thập thông tin phản hồi do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nên chưa thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành các quy định/quy trình công tác lấy ý kiến phản hồi của đầy đủ các BLQ và hàng năm chủ động triển khai hoạt động khảo sát.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động thu thập thông tin phản hồi tại Học viện do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, TTKT&ĐBCLGD phối hợp với Phòng CT&CTSV và các đơn vị xây dựng quy định lấy ý kiến phản hồi của các BLQ một cách thống nhất, rõ ràng với hướng dẫn cụ thể, chặt chẽ, đảm bảo tính hệ thống cho thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi của các BLQ và thống nhất nhiệm vụ khảo sát ý kiến các BLQ vào một đầu mối để điều hành và tổ chức thống nhất.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Học viện đã ban hành các văn bản quy định việc thu thập thông tin phản hồi các BLQ trong các lần rà soát điều chỉnh CĐR và CTĐT, xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ; các văn bản quy định việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học và kết quả học tập của NH để đảm bảo sự gắn kết giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT; các văn bản quy định cụ thể về nội dung, quy trình và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong thực hiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ; Học viện đã có quy định và định kỳ tổ chức việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ NH thông qua các phương thức khác nhau để tạo lập cơ sở cho đề xuất cải tiến các dịch vụ này.

Công tác rà soát, đánh giá quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá được thực hiện thông qua việc cập nhật, điều chỉnh về CTDH và ĐCCT học phần; hoạt động dự giảng; hoạt động lấy ý kiến phản hồi của NH về chất lượng dạy học; kết quả nghiên cứu của các đề tài được chuyển thành nội dung giảng dạy và áp dụng để cải tiến hoạt động dạy học các học phần của CTDH ngành TMĐT trình độ đại học.

Khi tiến hành rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH của ngành TMĐT, số lượng các nhóm đối tượng bên ngoài học viện (Người sử dụng lao động, cựu SV, các chuyên gia, nhà khoa học, ...) được khảo sát ý kiến còn hạn chế; việc tổ chức các

hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện hằng năm cả ở cấp học viện và cấp khoa.

Mặc dù có nhiều bên tham gia khảo sát, nhưng trong nhiều trường hợp chất lượng khảo sát chưa tốt. Quá trình lấy ý kiến khảo sát SV, GV còn thiếu đồng bộ giữa Văn phòng, Thư viện, Trung tâm TNTH và Trung tâm KT&ĐBCLGD do các đơn vị thực hiện theo kế hoạch riêng, chưa thống nhất.

Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí: 4,83/7.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Khi đánh giá hệ thống ĐBCL, Học viện không chỉ đánh giá chất lượng của quá trình đào tạo, mà còn cần đánh giá chất lượng đầu ra và NH tốt nghiệp. Để đánh giá chất lượng NH tốt nghiệp, cần thiết phải giám sát việc đạt được các CDR, tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp. NCKH cũng là một CDR quan trọng của quá trình đào tạo và các thể loại NCKH của NH phải đáp ứng yêu cầu của các BLQ.

Kết quả đầu ra của CTĐT nhằm phản ánh chất lượng NH. Kết quả CDR của ngành TMĐT được xác lập qua tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, số lượng và loại hình nghiên cứu của NH và mức độ hài lòng của các BLQ. Với chất lượng đầu vào tương đối cao và quá trình đào tạo chất lượng đào tạo của ngành TMĐT, Học viện đảm bảo CDR. Các tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, số lượng và loại hình nghiên cứu của NH và mức độ hài lòng của các BLQ được đối sánh với các CTĐT khối ngành khác trong Học viện và một số trường khác để có những biện pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng đầu ra của NH.

Sau khi phân tích đầu vào, quá trình và đầu ra, Học viện cần phân tích sự hài lòng của các BLQ và thiết lập một hệ thống thu thập và đo lường sự hài lòng của các BLQ. Các thông tin thu thập cần được phân tích và đối sánh, từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến CTĐT thông qua hoạt động của hệ thống ĐBCL bên trong Học viện.

Tiêu chí 11.1: Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại, tỷ lệ tốt nghiệp, Trong đó, Phòng Giáo vụ làm đầu mối triển khai, các đơn vị phối hợp gồm Phòng Đào tạo, Phòng CT&CTSV và các khoa. Tại các khoa, cố vấn học tập theo dõi, giám sát tỷ lệ và danh sách SV thôi học của ngành đào tạo do khoa quản lý.

Học viện giao Phòng Giáo vụ có nhiệm vụ theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đối với SV hệ đại học chính quy đang học tập tại Học viện theo Điều 2, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo vụ ban hành kèm theo Quyết định số 621/QĐ-HV ngày 08/08/2018 [H11.11.01.01] và Bản mô tả các vị trí công việc của chuyên viên phòng giáo vụ được giám đốc học viện phê duyệt [H11.11.01.02]. Phòng Giáo vụ đã thực hiện việc giám sát thông qua nhiều hình thức như: Sổ lên lớp, báo cáo hàng tháng, hằng năm, lịch dạy và học hàng tuần, từng học kỳ; kiểm tra định kỳ, bài thi kết thúc học học phần.

Hệ thống giám sát quá trình học tập, đánh giá kết quả học tập, quy định về thôi học, tốt nghiệp, cảnh báo học vụ được thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện ban hành năm 2012, 2018 và 2021 [H5.05.01.01-03], trong đó quy định về việc đăng ký học phần, hủy/rút đăng ký học phần (Điều 12, 13), đăng ký lại, học cải thiện điểm (Điều 14), nghỉ học tạm thời (Điều 15), cảnh báo kết quả học tập (Điều 33), buộc thôi học (Điều 32).

Học viện ban hành Quy trình quản lý và cập nhật CSDL SV (Quy trình Số 01/GV ngày 02/01/2015) [H11.11.01.03].

Học viện có phần mềm edusoft trợ giúp giám sát tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại và tỷ lệ tốt nghiệp, thông qua phần mềm, Phòng Giáo vụ phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCLGD theo dõi, tổng hợp bảng điểm học tập của SV các học kỳ được thiết lập trên phần mềm để báo cáo đề xuất lãnh đạo học viện xem xét, phê duyệt kết quả học tập và dữ liệu về kết quả học tập của SV, SV ngừng học, thôi học, tốt nghiệp được xử lý trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo Edusoft và được phân quyền theo nhiệm vụ của các đơn vị/cá nhân để có thể theo dõi và lập danh sách SV thôi học, tốt nghiệp theo học kỳ, năm học [H11.11.01.04].

Khi SV trúng tuyển đến nhập học, Phòng Giáo vụ cấp cho mỗi SV một tài khoản cá nhân, sau khi đã hoàn thành việc cập nhật đầy đủ thông tin vào cơ sở dữ liệu, SV có thể đăng nhập vào vào phần mềm quản lý đào tạo để theo dõi thông tin học tập, thời khóa biểu các môn học, học phí và các khoản lệ phí phải nộp trong từng học kỳ [H11.11.01.05]. Dữ liệu về kết quả học tập của SV lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo là cơ sở để Học viện

xác lập kết quả học tập, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp trong tiến trình đào tạo toàn khóa học của SV ngành TMĐT và kết quả học tập của SV được cập nhật thường xuyên và kịp thời trên hệ thống cũng như qua tài khoản cá nhân để giúp SV theo dõi và có kế hoạch cải thiện kết quả học tập theo từng thời điểm cụ thể. Danh sách SV bị cảnh báo học vụ và thôi học [H11.11.01.06] được cập nhật theo năm học và được lưu tại Phòng Giáo vụ trên phần mềm quản lý đào tạo [H11.11.01.07].

Hàng năm, Học viện tiến hành 4 đợt xét tốt nghiệp và ban hành các quyết định công nhận tốt nghiệp cho SV. Danh sách SV tốt nghiệp được cập nhật hằng năm trên phần mềm quản lý đào tạo [H11.11.01.08].

Học viện thống kê, giám sát chặt chẽ tiến độ và kết quả học tập, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV thông qua hệ thống đội ngũ cán bộ làm công tác CVHT, trợ lý khoa và cơ sở dữ liệu về SV được quản lý tại Phòng Đào tạo, Giáo vụ. Theo kết quả thống kê SV các khóa học từ khóa 2014 đến khóa 2019, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua bảng 11.1 và 11.2, *Phụ lục 02*. Số liệu thống kê cũng cho thấy trong năm 2020 và 2021, tỷ lệ SV ngừng học học tăng cao hơn các năm trước do tình hình dịch Covid-19, nguyên nhân do SV học trực tuyến, nên sự giám sát đối với SV trong quá trình học tập môn tiếng Anh thiếu chặt chẽ.

Số liệu ở Bảng 11.1 cho thấy: Tỷ lệ SV ngành TMĐT thôi học trung bình các khóa khoảng 2,66% và tỷ lệ thôi học hằng năm nhìn chung thấp, có xu hướng giảm. Số liệu thống kê ở Bảng 11.2 cho thấy tỉ lệ SV ngành TMĐT tốt nghiệp trung bình so với số tuyển đầu vào của Học viện giữ mức ổn định, dao động từ 81,72%, đến 84% và tỷ lệ SV ngành TMĐT tốt nghiệp đúng hạn dao động từ 80% đến 90% và có xu hướng tăng dần. Sau mỗi học kỳ và mỗi năm học, với sự trợ giúp của phần mềm quản lý đào tạo, các phòng chức năng và Khoa dễ dàng có được số liệu thống kê về danh sách SV bảo lưu, thôi học, danh sách SV tốt nghiệp của năm học. Theo Kế hoạch học tập của CTĐT trình độ ĐH ngành TMĐT là 4 năm, Học viện và Khoa đã tiến hành thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn hằng năm như sau: năm 2018 là 79,0%; năm 2019 là 67,0%; năm 2020 là 47,0%; năm 2021 là 40,0% và tỷ lệ thôi học theo từng năm học

Phòng Giáo vụ đã thống kê nguyên nhân thôi học, nghỉ học của SV và thông qua số liệu thống kê cho thấy, các nguyên nhân thôi học bao gồm: (i) SV thôi học vì lý do cá nhân (đi học ở nước ngoài, thi lại vào trường khác, do sức khỏe, điều kiện kinh tế..); (ii) Bị buộc thôi học do KQHT [H11.11.01.09].

Theo báo cáo tổng kết các khóa đào tạo ĐHCQ khối ngành kinh tế tại lễ phát bằng tốt nghiệp [H11.11.01.10] và báo cáo tổng kết năm học của Học viện [H11.11.01.11] cho thấy số SV tốt nghiệp chậm hơn thời gian quy định phần lớn là do SV thiếu các điều kiện như chưa tích lũy đủ khối kiến thức theo quy định hoặc không đạt yêu cầu CĐR về ngoại ngữ. Hằng năm, tỷ lệ SV ngành TMĐT tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ.

Để giảm tỷ lệ thôi học của SV, Học viện đã giao cho đội ngũ CVHT giám sát chặt chẽ tình hình học tập, tư tưởng SV [H4.04.02.12] và liên hệ với đội ngũ cán bộ lớp, Đoàn thanh niên thường xuyên nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của SV để tư vấn, cảnh báo các SV có nguy cơ thôi học; gỡ gỡ, trao đổi trực tiếp tháo gỡ những khó khăn trong học tập, đời sống của SV; kết hợp liên lạc với gia đình quan tâm động viên để giúp SV cải thiện KQHT, rèn luyện.

Kết quả đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học giai đoạn 2019-2023 của SV ngành TMĐT với các CTĐT khác của Học viện được trình bày ở các bảng 11.3, Phụ lục 02. Kết quả đối sánh cho thấy: Tỷ lệ thôi học của SV ngành TMĐT các khóa dao động từ 6,05% đến 8,6% cao hơn khối ngành kỹ thuật và tương đương với các ngành kinh tế tại Học viện.

Kết quả đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp và thôi học ngành TMĐT với cùng ngành TMĐT của các trường đại học khác được trình bày ở bảng 11.4, *Phụ lục 02*.

Kết quả tổng hợp, đối sánh, phân tích về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được Phòng Đào tạo, Phòng Giáo vụ, Khoa QTKD, CVHT và Đoàn Thanh niên phối hợp thực hiện các biện pháp hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể: (i) Xét, trao học bổng cho các SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh đặc biệt [H8.08.04.07-08]; (ii) Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động ngoại khóa để định hướng nghề nghiệp cho NH [H8.08.04.11] (iii) Làm tốt công tác quán triệt các quy chế, quy định giúp NH xác định đúng đắn động cơ học tập, mục đích học tập thông qua Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học [H4.04.01.08]; (iv) CVHT hỗ trợ SV về phương pháp học tập, giúp SV trong việc lập kế hoạch, xây dựng lộ trình học tập hợp lý...) [H4.04.02.12].

Hằng năm sau khi nắm bắt được tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, Khoa đã tiến hành họp, phân tích các dữ liệu thống kê, số liệu đối sánh, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các giải pháp khắc phục nhằm giảm tỷ lệ thôi học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn. Ví dụ, khi phát hiện ra SV thôi học tập trung nhiều ở năm thứ nhất do chưa thích nghi được với phương pháp học tập ở ĐH, chưa yên tâm với ngành nghề; nguyên nhân thôi học, chậm

hay không tốt nghiệp là do nợ nhiều học phần, không đủ điểm tích lũy để đủ điều kiện tốt nghiệp..., Học viện/Khoa đã đề xuất giải pháp thúc đẩy hơn nữa vai trò của cố vấn học tập trong tư vấn nghề nghiệp, phương pháp học ĐH cho SV mới, giám sát chặt chẽ kết quả học tập của SV, nắm bắt tình hình nợ môn, học cải thiện để nhắc nhở SV đăng ký học bù, họ vượt. Từng học kỳ, Phòng Giáo vụ, Phòng Đào tạo đã cập nhật số liệu biến động của NH, phối hợp với Khoa tăng cường công tác cảnh báo học vụ, nhất là cảnh báo trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo; Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động ngoại khóa để định hướng nghề nghiệp cho SV; Xét, trao học bổng cho các SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh đặc biệt ...

Học viện là trường tiên phong trong việc triển khai chuyển đổi số, với việc triển khai các ứng dụng CNTT: Mỗi SV đều được cấp tài khoản trên ứng dụng PTIT-Slink của Học viện để dàng theo dõi các thông báo từ học viện, khoa Tài chính Kế toán, phòng Giáo vụ để có những thay đổi, điều chỉnh kịp thời nhằm đáp ứng tiến độ học tập của cá nhân [H10.10.05.11].

2. Điểm mạnh

Danh sách SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Học viện, điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình, kết quả học tập của SV trong quá trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Trong năm 2020 và 2021, tỷ lệ SV ngừng học/gián đoạn học tăng cao hơn các năm trước do tình hình dịch Covid-19, nguyên nhân do SV học trực tuyến, nên sự giám sát đối với SV trong quá trình học tập môn tiếng Anh thiếu chặt chẽ.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, phòng Giáo vụ phối hợp với bộ môn Ngoại ngữ, Khoa Cơ bản nghiên cứu triển khai các giải pháp hỗ trợ NH trong việc lập kế hoạch và chọn phương pháp học tập phù hợp để đạt CDR tiếng Anh theo tiến độ đào tạo của khóa học, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm học 2012 - 2013, Học viện đã chính thức chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho tất cả các CTĐT trình độ của Học viện. Theo Mục 2, Chương trình GDĐH ngành TMĐT năm 2016 (591/QĐ-HV, ngày 24/06/2016) [H1.01.01.01], Chương trình GDĐH ngành TMĐT năm 2019 (1278/QĐ-HV, ngày 31/12/2019) [H1.01.01.02] và Chương trình GDĐH ngành TMĐT năm 2021 (644/QĐ-HV, ngày 30/07/2021) [H1.01.01.03], CTĐT ngành TMĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện có thời gian học chuẩn là 4 năm và tối đa là 8 năm. CTĐT ngành TMĐT có sự linh hoạt rút ngắn thời gian đào tạo đối với những SV có khả năng và nguyện vọng (tốt nghiệp sớm trước thời hạn). Tuy nhiên qua quá trình Học viện triển khai tổ chức đào tạo theo tín chỉ, chưa có SVTN sớm.

Học viện áp dụng CĐR tiếng Anh đối với SV kể từ khóa tuyển sinh năm 2014 [H11.11.02.01].

Theo Điều 2 tại Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo vụ ban hành kèm theo Quyết định 621/QĐ-HV ngày 08/8/2018 [H11.11.01.01], Phòng Giáo vụ phối hợp cùng Phòng Đào tạo có nhiệm vụ theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành TMĐT được trình bày Bảng 11.5, *Phụ lục 02*. Số liệu đối sánh cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành TMĐT là 4,5 năm, so với số năm thiết kế trong CTĐT là 4 năm. Như vậy thời gian tốt nghiệp trung bình vượt so với thời gian thiết kế trong CTĐT [H1.01.01.03].

Học viện có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của NH. Phòng Giáo vụ làm đầu mối triển khai và phối hợp cùng Phòng Đào tạo theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp của NH, đánh giá tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT. Đồng thời, Học viện có phần mềm Edusoft trợ giúp giám sát tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại và tỷ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình của SV từng ngành học, khóa học. Cụ thể, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành TMĐT khóa tốt nghiệp năm 2017 là 4,3 năm; 2018 là 4,4 năm, 2019 là 4,8 năm; 2020 là 5,6 năm; năm 2021 là 5,1 năm.

Học viện tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành TMĐT với thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các ngành thuộc khối kinh tế trong Học viện và với ngành TMĐT của các trường đại học khác, cụ thể tại Bảng 11.6 và 11.7, *Phụ lục 02*.

Bảng 11.6 cho thấy kết quả đối sánh cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành TMĐT của Học viện thấp hơn so với các ngành khác thuộc khối kinh tế của Học

viện và thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành TMĐT các khóa dao động từ 4,3 đến 4,5 năm.

Học viện đã đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của SV ngành TMĐT ở Học viện với ngành tương ứng của các trường đại học khác và tại Bảng 11.7 cho thấy kết quả đối sánh không có khác biệt nhiều.

Phòng Giáo vụ có bảng tổng hợp nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV thông qua bảng thống kê các môn học có nhiều SV không đạt trong CTĐT ngành TMĐT và các nguyên nhân khác như không đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh, không có chứng chỉ GDQP, GDTC, nợ học phí [H11.11.01.09] để thông báo kịp thời giúp SV điều chỉnh kế hoạch học tập, đảm bảo tốt nghiệp đúng thời hạn.

Học viện tổ chức họp giữa các đơn vị để phân tích nguyên nhân SV chậm tốt nghiệp để từ đó đánh giá, đề xuất biện pháp hỗ trợ NH giảm thời gian học tập [H11.11.02.02]. Năm 2022, Học viện đã tổ chức hội nghị đánh giá chất lượng đào tạo các khóa nhập học từ năm 2012 đến năm 2017. Nguyên nhân SV tốt nghiệp muộn chủ yếu là: SV còn chưa trả nợ xong các môn học; nợ học phí, nợ chứng chỉ GDQP, GDTC, nợ CĐR tiếng Anh (theo báo cáo của Phòng Giáo vụ tỷ lệ SV nợ tiếng Anh tại Học viện là 29,2% (Cơ sở Hà Nội là 36,8%, Cơ sở Tp. HCM là 14,7%), trong đó ngành TMĐT là 8,8% .

Từ các phân tích trên, Khoa QTKD cùng các đơn vị trong Học viện đề xuất các giải pháp để giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn và rút ngắn thời gian học tập, cụ thể như sau:

- Sau mỗi học kỳ, Học viện đã cảnh báo tới từng SV bị chậm tiến độ, SV còn nợ môn học để nắm thông tin và hoàn thành chương trình đúng thời hạn [H11.11.02.03].

- Tổ chức học kỳ phụ trong từng năm học và mở lớp học lại, học cải thiện điểm vào học kỳ chính và học kỳ phụ (Học kỳ hè) để SV có thể đăng ký học lại những môn chưa đạt, học cải thiện điểm hoặc đăng ký học vượt rút ngắn thời gian học tập. Ngoài 02 học kỳ chính, tùy thuộc vào điều kiện thực tế của Học viện và nhu cầu của SV mà Học viện tổ chức thêm học kỳ hè (còn gọi là học kỳ phụ), thời gian học tập là 02 tháng hè hoàn toàn tự nguyện, không bắt buộc nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu học tập, tăng tiến độ hoặc cải thiện điểm cho SV [H11.11.02.04]. Hoạt động này nhận được sự ủng hộ và tham gia học tập nhiệt tình của hầu hết SV các khoa, các ngành đào tạo trong Học viện. Đồng thời, Học viện yêu cầu các cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm tư vấn sát sao đăng ký học lại của SV.

- Học viện tổ chức 2 kỳ xét tốt nghiệp chính cho SV (kỳ 1 vào tháng 12, kỳ 2 vào tháng 8 hằng năm) và 02 kỳ tốt nghiệp phụ theo từng năm học sau khi SV hoàn thành học kỳ hè để cải thiện điểm hoặc học lại các môn học chưa đạt [H11.11.02.05]. Việc tổ chức các đợt xét tốt nghiệp nhằm đáp ứng kịp thời, nhanh chóng nhu cầu của SV, tăng thêm tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của CTĐT sau khi hoàn thành các học phần chưa đạt.

- Trong các buổi lễ tổng kết các khóa đào tạo và phát bằng tốt nghiệp SV các khóa [H11.11.01.10], Phòng Giáo vụ tiến hành thống kê, phân tích tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của NH ngành TMĐT. Báo cáo đã phân tích, đánh giá tỷ lệ SVTN, tốt nghiệp đúng kế hoạch, thảo luận, phân tích nguyên nhân SV chậm tốt nghiệp, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH và các kiến nghị, đề xuất.

- Trong các hội nghị tổ chức hằng năm, thông qua báo cáo tổng kết năm học [H11.11.01.11]; hồ sơ đại hội chi đoàn lớp SV; báo cáo tổng kết, phương hướng hoạt động Đoàn Thanh niên theo năm học, các ý kiến tham luận, các cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm đưa ra những định hướng để hỗ trợ SV trong học tập và NCKH [H8.08.04.11]. Đồng thời, tại báo cáo tổng kết năm học của Khoa QTKD hằng năm, các GV cũng đề xuất các biện pháp hỗ trợ SV trong học tập giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.02.06].

- Căn cứ quy định về chuẩn đầu ra tiếng Anh cho SV được áp dụng từ khoá 2014, Học viện phối hợp với Công ty IIG tổ chức các CTĐT tiếng Anh theo chuẩn TOEIC quốc tế cho SV CTĐT ngành TMĐT để hỗ trợ chuẩn đầu ra tiếng Anh cho SV, giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.02.07].

Học viện đã thông báo sớm kế hoạch đào tạo học kỳ tiếp theo để SV bố trí sắp xếp và tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho hệ thống cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm để quản lý, theo dõi và hướng dẫn SV chậm tiến độ [H11.11.02.08]. Đồng thời Học viện cũng xem xét, điều chỉnh Quy định về công tác CVHT cho phù hợp với việc quản lý SV trong thời kỳ chuyển đổi số [H8.08.03.06].

Mặc dù Học viện có nhiều biện pháp hỗ trợ để giúp cho SV tốt nghiệp đúng thời hạn, nhưng một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các học phần trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra. Đồng thời, Học viện cũng chưa có SV tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế của CTĐT ngành TMĐT.

2. Điểm mạnh

Học viện và Khoa QTKD có quy định rõ ràng, có cơ chế giám sát chặt chẽ tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp, tạo mọi điều kiện thuận lợi, kịp thời để SV tốt nghiệp đúng tiến độ.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm 2012, song cho đến nay Ngành TMĐT vẫn chưa có SV tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, phòng CT&CTSV phối hợp với các khoa tổ chức hội nghị tổng kết hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp và hướng dẫn đội ngũ CVHT tích cực hỗ trợ SV chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập, đăng ký học phần để hạn chế số lượng SV tốt nghiệp muộn và có được SV tốt nghiệp sớm so với kế hoạch, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Theo Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức Phòng CT&CTSV ban hành theo Quyết định số 622/QĐ-HV ngày 08/08/2018 [H11.11.03.01] và Quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức Phòng Công tác sinh viên thuộc cơ sở đào tạo Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 326/QĐ-HV ngày 31/3/2016 [H11.11.03.02], Phòng CT&CTSV/Phòng CTSV (sau đây gọi chung là Phòng CT&CTSV) có chức năng, nhiệm vụ thực hiện khảo sát tình trạng việc làm SV sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo của Học viện.

Quy định lấy ý kiến về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp tại Học viện được ban hành theo Quyết định số 642/QĐ-HV ngày 09/08/2018 [H10.10.01.04] đã quy định cụ thể về quy trình, biểu mẫu khảo sát; đối tượng khảo sát; phương pháp khảo sát và các tiêu chí khảo sát. Theo đó, quy trình khảo sát việc làm đối với SV tốt nghiệp gồm các bước sau: (i) Xây dựng kế hoạch khảo sát; (ii) Trình giám đốc phê duyệt; (iii) Thực hiện khảo sát; (iv) Xử lý, thống kê số liệu; (v) Viết báo cáo kết quả khảo sát; (vi) Trình lãnh đạo học viện phê duyệt; (vii) Công bố kết quả khảo sát; (viii) Các đơn vị lập kế hoạch cải tiến; (ix) Lưu hồ sơ. Đối tượng khảo sát là SV hệ đại học chính quy đã tốt nghiệp tại Học viện

và có 2 phương pháp khảo sát là khảo sát trực tiếp bằng phiếu khảo sát và trực tuyến qua mã QR Code.

Mẫu phiếu khảo sát SVTN của Học viện bao gồm các tiêu chí khảo sát về tình trạng việc làm, mức thu nhập, lĩnh vực công tác, loại hình làm việc của SV sau khi tốt nghiệp ra trường, vấn đề SV ra trường làm “đúng nghề” (liên quan tới ngành được đào tạo) hoặc “trái nghề” (những công việc ít hoặc không liên quan tới kiến thức được đào tạo), thu nhập bình quân/tháng của SV tốt nghiệp, mức độ ứng dụng kiến thức được đào tạo vào công việc, ... [H11.11.03.03].

Học viện đã ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo theo Quyết định số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021. Văn bản này quy định về các đối tượng khảo sát, quy trình thu thập thông tin, bộ công cụ lấy ý kiến, phân tích kết quả, đề xuất kiến nghị, kỳ hạn lấy ý kiến các BLQ... TTKT&ĐBCLGD là đầu mối thực hiện các khảo sát tại Học viện [H10.10.01.07].

Từ năm 2019, Phòng CT&CTSV định kỳ 2 lần trong một năm, tổ chức khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp tại Lễ phát bằng vào khoảng tháng 4 và tháng 11 hằng năm. Đối với những SV không dự lễ phát bằng mà nhận bằng trực tiếp tại Phòng Đào tạo, Học viện cũng tổ chức phát phiếu khảo sát khi SV tốt nghiệp đến nhận bằng để đảm bảo SV cung cấp dữ liệu về tình trạng việc làm khi đến nhận bằng. Qua đó nắm bắt được tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp ra trường từ 6 đến 12 tháng, đặc biệt lưu ý đến các thông tin về sự phù hợp công việc với CTĐT, những kỹ năng còn thiếu cần bổ sung trong quá trình làm việc, những góp ý liên quan đến CTĐT ngành TMĐT và các ngành khác tại Học viện qua báo cáo kết quả khảo sát SVTN [H11.11.03.04].

Các số liệu thống kê khảo sát được tổng hợp, lưu trữ trên hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu khảo sát SV tốt nghiệp và có thể xuất file dữ liệu dưới định dạng excel thành danh sách SV tốt nghiệp tại Học viện có việc làm giai đoạn 2017 - 2021 khi thực hiện các báo cáo theo yêu cầu [H11.11.03.05].

Nội dung báo cáo kết quả khảo sát SVTN tại Học viện trong các năm từ 2019-2023 của Phòng CT&CTSV cho thấy: tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành TMĐT tham gia trả lời phiếu hỏi ở các đợt khảo sát dao động từ 93% - 95% so với số SV tốt nghiệp được khảo sát; tỷ lệ SV ngành TMĐT có việc làm dao động từ 85,4% - 93,8% và tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm của ngành TMĐT được trình bày ở Bảng 11.8, *Phụ lục 02*.

Định kỳ vào cuối tháng 12 hằng năm, Học viện đã tổng hợp báo cáo khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp từ các số liệu khảo sát được thực hiện trong năm và gửi cho BGD&ĐT [H11.11.03.06] và công khai danh sách việc làm SV sau tốt nghiệp trên Website của Học viện tại địa chỉ: <https://portal.ptit.edu.vn/bao-caotinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-2023-cua-hoc-vien-cong-nghe-buuchinh-vien-thong/>.

Tỷ lệ thu nhập bình quân của SV ngành TMĐT tốt nghiệp giai đoạn 2019-2023 của Học viện được thể hiện ở Bảng 11.9, *Phụ lục 02* và thu nhập trung bình tập trung chủ yếu trong khoảng 5-15 triệu đồng/tháng.

Học viện đã tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm giữa ngành TMĐT trình độ đại học với tỷ lệ SV có việc làm các CTĐT trình độ đại học khác tại Học viện, cụ thể tại Bảng 11.10, *Phụ lục 02*. Qua bảng thống kê cho thấy tỷ lệ SV có việc làm ngành TMĐT luôn tương đương với các CTĐT thuộc khối ngành kinh tế và cao hơn khối ngành kỹ thuật trong Học viện. Tuy tỷ lệ có việc làm của SV ngành TMĐT khá cao, nhưng vẫn còn tỷ lệ nhỏ SVTN sau 1 năm chưa tìm được việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

Học viện cũng tiến hành đối sánh tỷ lệ SVTN có việc làm CTĐT ngành TMĐT với cùng ngành đào tạo của một số trường đại học khác cụ thể tại Bảng 11.11, *Phụ lục 02*.

Học viện đã triển khai thực hiện các khảo sát chất lượng về NH sau khi tốt nghiệp với đối tượng khảo sát là cựu SV, người sử dụng lao động chuyên gia như: Báo cáo kết quả khảo sát SV năm cuối về CTĐT, CTDH ngành TMĐT [H10.10.01.15] và bảng tổng hợp ý kiến khảo sát các BLQ về CTDH ngành TMĐT năm 2020 và 2022 của Khoa QTKD [H10.10.01.16]; Báo cáo khảo sát chất lượng SV tốt nghiệp và nhu cầu tuyển dụng năm 2021 và 2022 của CSHV [H10.10.01.21]. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với cựu SV (%) trung bình 3 năm 2019-2021 với các tiêu chí: Kiến thức, kỹ năng chuyên môn đạt 82,32%; ý thức tổ chức kỷ luật đạt 85,79%; năng lực tổ chức và điều hành công việc đạt 81,89%; khả năng tiếp cận nhanh công việc đạt 78,01%; tính năng động, sáng tạo trong công việc đạt 81,93%; tinh thần học tập, cầu tiến đạt 79,93%; ý thức tập thể cộng đồng đạt 87,01% và trình độ ngoại ngữ, tin học đạt 67,82%. Kết quả khảo sát khẳng định Khoa QTKD và Học viện có cơ chế giám sát và sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ; tỷ lệ có việc làm hằng năm của SV tốt nghiệp thuộc CTĐT ngành TMĐT khá cao (trên 68%), số có việc làm đúng ngành đào tạo trên 78%; thu nhập trung bình tập trung chủ yếu trong khoảng 10-15 triệu đồng/tháng.

Để hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm, hằng năm, Học viện và Khoa QTKD tổ chức các hội nghị, hội thảo với các doanh nghiệp ngành TMĐT có tiếp nhận SV tốt nghiệp hoặc và thông qua các ngày hội việc làm do Học viện tổ chức đề thảo luận về tình hình việc làm của SV ngành TMĐT [H11.11.03.07]. Năm 2020, Học viện tổ chức Hội nghị bàn tròn với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động được tổ chức ngày 18 tháng 11 năm 2020 với sự tham gia của đại diện của 21 doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh phía Bắc [H11.11.03.08] với nội dung phân tích nguyên nhân, biện pháp để hỗ trợ hiệu quả SV trong tìm kiếm việc làm và các kỹ năng mềm cần bổ sung cho SV sau khi tốt nghiệp (viết email, làm việc theo deadline, giao tiếp, kỹ năng tiếng Anh, ...), cũng như hỗ trợ SV trong bồi dưỡng kỹ năng mềm và cử chuyên gia, lãnh đạo doanh nghiệp phối hợp tham gia giảng dạy các chuyên đề trong CTĐT ngành TMĐT.

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện và Khoa QTKD thực hiện các giải pháp hỗ trợ SV tìm việc làm qua các hoạt động cụ thể như: (i) Tổ chức các khóa học tăng cường kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp trong phỏng vấn xin việc, kỹ năng viết hồ sơ xin việc, kỹ năng quản lý bản thân; (ii) Tổ chức mời đại diện cơ quan tuyển dụng lao động đến giao lưu giới thiệu nhu cầu tuyển dụng cũng như yêu cầu năng lực và kỹ năng nghề nghiệp của ứng viên; (iii) Định kỳ hằng năm tổ chức “Chương trình hội thảo tuyển dụng” với sự tham gia của các doanh nghiệp (iv) Hợp tác với doanh nghiệp tiếp nhận SV đến thực tập cuối khóa (Biên bản thỏa thuận với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT; Công ty Cổ phần tập đoàn công nghệ CMC; Công ty TNHH HINORI TECHNO; ...). Thông qua các hoạt động này, Phòng CT&CTSV và Khoa QTKD thường xuyên trao đổi với các doanh nghiệp nhằm nắm bắt thông tin về chất lượng đào tạo của Học viện, đánh giá năng lực, phẩm chất của SV tốt nghiệp của Học viện từ đó tiếp thu và có biện pháp cải tiến, khắc phục các bất cập nếu có nhằm mục tiêu nâng cao tỷ lệ SV có việc làm và có năng lực, kỹ năng đáp ứng nhu cầu công việc của doanh nghiệp.

Kết quả thảo luận về tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp và kết quả đối sánh giúp Học viện/Khoa dự đoán nhu cầu xã hội và xu hướng việc làm của SV thuộc CTĐT ngành TMĐT, chỉ ra nguyên nhân một bộ phận nhất định SV tốt nghiệp chưa có việc làm; từ đó đề xuất các giải pháp để tăng hơn nữa tỷ lệ NH tốt nghiệp có việc làm của CTĐT, như thiết lập các kênh thông tin kết nối giữa cựu SV và SV trong khoa, kênh liên lạc với các doanh.

2. Điểm mạnh

Công tác khảo sát, báo cáo, phân tích về tình trạng việc làm của SVTN được thực hiện hằng năm và có hệ thống CNTT hỗ trợ đảm bảo số liệu khách quan, trung thực và khoa học. Tỷ lệ SVTN ngành TMĐT có việc làm cao và tăng dần hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn tỷ lệ nhỏ SVTN sau 1 năm chưa tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, Phòng CT&CTSV phối hợp với khoa và Đoàn Thanh niên Học viện tiếp tục nghiên cứu các giải pháp phù hợp với sự phát triển của thị trường lao động để hỗ trợ SVTN tìm được việc làm và làm việc đúng với ngành được đào tạo.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV được quy định tại Điều 4, Quy định về hoạt động NCKH của SV ban hành theo Quyết định số 630/QĐ-HV ngày 21/8/2008 và Quyết định số 521/QĐ-HV ngày 17/7/2020 của học viện [H11.11.04.01], [H11.11.04.02]. Theo đó, hằng năm NH thực hiện các loại hình NCKH: (i) Tham gia thực hiện đề tài NCKH dành cho SV; (ii) Tham gia các hội thảo khoa học dành cho SV ở các cấp; (iii) Công bố các kết quả NCKH trên các tạp chí khoa học; (iv) Tham gia các cuộc thi về KHCN; (v) Tham gia nhóm nghiên cứu do GV làm chủ trì đề tài; (vi) Tham dự các buổi báo cáo seminar được tổ chức ở các cấp tại Học viện (bộ môn, khoa, Học viện).

Quy định về hoạt động NCKH đã quy định trình tự thủ tục, quy trình triển khai thực hiện hoạt động NCKH của SV. Việc triển khai NCKH thực hiện theo quy trình gồm các bước: (i) Khoa thông báo cho GV và SV đăng ký thực hiện đề tài NCKH; (i) Khoa đề xuất đề tài, xác định danh mục đề tài; (ii) Hội đồng khoa học của khoa sẽ duyệt danh mục đề tài, đề xuất kinh phí, phân công GV hướng dẫn; (iii) Khoa đăng ký kế hoạch với Học viện; (iv) Phòng Quản lý KHCN&HTQT là đơn vị đầu mối tổng hợp, trình lãnh đạo học viện; (v) Lãnh đạo học viện phê duyệt kế hoạch thực hiện đề tài NCKH của SV từng khoa/bộ môn; (vii) SV tham gia các hoạt động KHCN dưới sự định hướng, hỗ trợ, hướng dẫn của GV.

Căn cứ Thông tư 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 của Bộ trưởng BGD&ĐT về việc ban hành Quy định về hoạt động NCKH của SV trong các cơ sở giáo dục [H11.11.04.03] và để định hướng cho các hoạt động KHCN của GV, NCV, NH, Học viện ban hành Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2017-2022 [H11.11.04.04], Hội đồng đã ban hành Nghị quyết về Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030, trong đó xác định cụ thể các hoạt động KHCN với loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV và NH tại Học viện phải thực hiện [H1.01.01.10]. Trên cơ sở quy định của Học viện về hoạt động NCKH của SV, hằng năm Học viện đã xây dựng kế hoạch tài chính cho triển khai công tác NCKH, trong đó có hoạt động NCKH của SV.

Học viện giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trong việc tổ chức quản lý, giám sát các hoạt động NCKH của NH, cụ thể: Khoa QTKD được giao nhiệm vụ tổ chức cho SV của khoa đăng ký các hoạt động KHCN hằng năm, báo cáo lãnh đạo học viện phê duyệt và tổ chức thực hiện và nội dung này được quy định cụ thể tại Quy định chức năng nhiệm vụ của Khoa QTKD [H11.11.04.05]; Phòng Quản lý KHCN&HTQT là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý, các hoạt động NCKH của NH, có nhiệm vụ xây dựng các văn bản quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động KHCN đối với NH trong toàn Học viện [H11.11.04.06].

Phòng Quản lý KHCN & HTQT, khoa và GV hướng dẫn có trách nhiệm quản lý, giám sát các hoạt động nghiên cứu của SV, nội dung giám sát được thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý đề tài KHCN được Học viện ban hành năm 2020 [H11.11.04.07]. Theo quy định, việc tổ chức thực hiện các đề tài NCKH của SV từ khi đăng ký, xét duyệt, đến nghiệm thu, công nhận kết quả được hướng dẫn và tổ chức triển khai đầy đủ, chi tiết theo đúng quy trình, quy định, thể hiện tại hồ sơ quản lý đề tài NCKH của SV hằng năm được lưu tại Phòng Quản lý KHCN & HTQT. Sau khi được giao nhiệm vụ nghiên cứu, chủ trì đề tài và GV hướng dẫn triển khai thực hiện đề tài theo quy trình: xây dựng và bảo vệ đề cương; sau khi đề cương được thông qua, GV hướng dẫn SV thực hiện đề tài; sau đó phối hợp Phòng Quản lý KHCN&HTQT kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài NCKH của SV, theo dõi tiến độ NCKH của SV. Sau khi hoàn thành nghiên cứu, chủ trì đề tài tổ chức hội thảo báo cáo hướng thực hiện/kết quả đạt được; GV hướng dẫn góp ý hoàn thiện đề tài; Khoa tổ chức nghiệm thu đề tài với sự tham gia của Phòng Quản lý KHCN&HTQT; Khoa gửi hồ sơ xác nhận hoàn thành đề tài cho Phòng Quản lý KHCN&HTQT và thanh quyết toán đề tài theo quy định. Nội dung này được thể hiện qua

quyết định giao kế hoạch kinh phí đề tài NCKH của SV các năm từ 2019 đến năm 2023 cho Khoa QTKD1&2 [H11.11.04.08] và hồ sơ quản lý đề tài NCKH của SV hằng năm lưu tại Văn phòng khoa, phòng QL KH&CN&HTQT (bộ phận thư viện) [H11.11.04.09].

Đối với các đề tài đạt kết quả loại xuất sắc, Học viện sẽ in ấn trong các tài liệu báo cáo/ kỷ yếu tại hội nghị NCKH SV hằng năm [H11.11.04.10], tổ chức trao thưởng cho SV có đề tài đạt loại xuất sắc [H11.11.04.11] và đăng ký tham gia xét thưởng đề tài NCKH SV với BGD&ĐT [H11.11.04.12].

Để đảm bảo nguyên tắc trong việc tham gia hoạt động KH&CN của NH, Học viện ban hành Quy định về tiêu chuẩn và ứng xử đạo đức trong hoạt động KH&CN của Học viện theo Quyết định số 1023/QĐ-HV ngày 22/11/2018 [H11.11.04.13] và GV hướng dẫn thường xuyên, kiểm tra nhắc nhở, hướng dẫn SV thực hiện đề tài hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo hiệu quả, chất lượng và giúp SV tránh được tình trạng thực hiện đề tài chậm tiến độ hay nghiệm thu không đạt yêu cầu.

Tổng kết giai đoạn 2019-2023, về hoạt động KH&CN của SV ngành TMĐT đã thực hiện được 73 đề tài NCKH với sự tham gia của 176 lượt SV (có 7 đề tài đạt giải thưởng NCKH sáng tạo) [H11.11.04.14], [H11.11.04.15]. Nội dung các hoạt động NCKH của SV luôn được định hướng gắn với lĩnh vực được đào tạo, với hướng nghiên cứu ứng dụng và CGCN và mục tiêu phát triển của ngành TMĐT.

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ Học viện của Học viện ban hành theo Quyết định số 1233/QĐ-HV ngày 31/12/2019 [H11.11.04.16], kinh phí dành cho NCKH nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện được huy động từ nhiều nguồn như khác nhau: kinh phí sự nghiệp của nhà nước; kinh phí hợp tác với các địa phương, doanh nghiệp; kinh phí hợp tác quốc tế về NCKH và kinh phí từ hoạt động chuyển giao các sản phẩm khoa học và công nghệ. Quy định còn hỗ trợ một đề tài NCKH của SV từ 1,5 - 2 triệu đồng; những đề tài có tính ứng dụng cao hoặc có bài báo khoa học đăng trên tạp chí uy tín, có thể được hỗ trợ kinh phí lên đến 5 triệu đồng. Ngoài ra, Học viện đã khuyến khích, tạo cơ chế cho các khoa, GV, SV thực hiện các đề tài NCKH SV từ nguồn kinh phí tài trợ của các doanh nghiệp.

Để hỗ trợ hoạt động KH&CN của SV, trong các năm 2019 và 2020, Học viện xúc tiến tham gia 03 chương trình khởi nghiệp theo đề án 844 của Nhà nước với kinh phí tương đương 3 tỷ VNĐ [H11.11.04.17] và thành lập Trung tâm Khởi nghiệp đối với SV Học viện vào tháng 06 năm 2021 để qua đó phát động phong trào sáng tạo và khởi nghiệp trong SV Học viện [H11.11.04.18].

Học viện đã thành lập các Câu lạc bộ các nhà khoa học trẻ Học viện trực thuộc Đoàn Thanh niên Học viện để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu của NH [H11.11.04.19].

Trong 5 năm, Học viện đã đầu tư trên 1,365 tỷ VNĐ để thực hiện đề tài, tham gia hội nghị hội thảo, đăng bài báo trên tạp chí khoa học, mua trang thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ hoạt động NCKH của SV, trong đó đầu tư cho SV ngành TMĐT khoảng 385 triệu VNĐ.

Khoa QTKD đã thực hiện đối sánh kết quả NCKH hằng năm của NH ngành TMĐT với kết quả NCKH của NH các CTĐT khác của Học viện, cụ thể tại Bảng 11.12, Phụ lục 02. Kết quả đối sánh cho thấy hằng năm, SV ngành TMĐT của Học viện thực hiện được từ 8-17 đề tài NCKH; số lượng sản phẩm NCKH của NH và số lượng SV tham gia NCKH hằng năm chưa thật đồng đều giữa các khoa, ngành.

Khoa QTKD đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV NCKH ngành TMĐT của Học viện với ngành TMĐT của các trường đại học khác, cụ thể tại Bảng 11.13, *Phụ lục 02*. Kết quả đối sánh cho thấy, tỷ lệ SV ngành TMĐT của Học viện tham gia đề tài NCKH chỉ ở mức khá so với các trường đại học khác và chỉ tập trung ở các SV khá, giỏi, mà phong trào NCKH chưa lan tỏa đến mọi đối tượng SV của ngành TMĐT. Việc đối sánh kết quả NCKH của NH với các chương trình tương ứng quốc tế chưa được thực hiện.

Để thúc đẩy hoạt động NCKH của SV, Học viện đã có chính sách hỗ trợ kinh phí cho SV thực hiện đề tài NCKH với mức hỗ trợ là 5 triệu đồng/đề tài cho khối kỹ thuật và 1,5 triệu đồng cho khối kinh tế - xã hội, đề tài tham dự thi NCKH đạt giải được cộng điểm rèn luyện để xét học bổng, khen thưởng SV hằng năm.

Khoa QTKD và phòng QL KHCN-HTQT đã có các đề xuất đầu tư NCKH phù hợp với khả năng của NH như thực hiện kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của NH thông qua việc tăng cường kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu của NH, ưu tiên những đề tài có tính ứng dụng cao hoặc có bài báo khoa học đăng trên tạp chí uy tín, có thể được hỗ trợ kinh phí lên đến 5.000.000 đồng. Đồng thời, Học viện đã thành lập Câu lạc bộ các nhà khoa học trẻ trực thuộc Đoàn Thanh niên học viện để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu của NH theo Quyết định số 26/QĐ-ĐTN ngày 28/10/2019 [H11.11.04.19].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, SV ngành TMĐT tích cực tham gia NCKH và các cuộc thi về lĩnh vực TMĐT dành cho SV.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động NCKH của SV ngành TMĐT chỉ tập trung ở một số SV khá, giỏi, chưa lan toả phong trào NCKH đến mọi đối tượng SV ngành TMĐT.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, Học viện nghiên cứu ban hành các chế tài cũng như chính sách nhằm khuyến khích tích cực của SV trong tham gia NCKH để tạo ra nhiều loại hình và sản phẩm NCKH SV; Khoa có biện pháp tận dụng tối đa các nguồn kinh phí huy động từ xã hội, doanh nghiệp để hỗ trợ và khuyến khích SV thực hiện và tham gia các đề tài NCKH gắn với các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo. 5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Việc khảo sát, thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, đào tạo, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất được thực hiện theo các văn bản: Quy định lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV ban hành theo Quyết định số 861/QĐ-HV ngày 23/11/2015 [H10.10.01.03]; Quy định lấy ý kiến về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp tại Học viện ban hành theo Quyết định số 642/QĐ-HV ngày 09/08/2018 [H10.10.01.04]; Quy định về công tác khảo sát ý kiến của NH về công tác đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ NH tại Học viện ban hành theo Quyết định số 755/QĐ-HV ngày 25/09/2018 [H10.10.01.05]; Quy định khảo sát CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện ban hành theo Quyết định số 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2019 [H10.10.01.06]; Quy định tạm thời lấy ý kiến phản hồi các BLQ ban hành theo Quyết định số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021 [H10.10.01.07] và Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT ban hành theo Quyết định số 393/QĐ-HV ngày 23/03/2022 [H10.10.01.08].

Theo Quy định chức năng, nhiệm vụ của TTKT&ĐBCLGD, Trung tâm có nhiệm vụ “Tổ chức công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục. Hướng dẫn công tác tự đánh giá ở các đơn vị và tổng hợp đánh giá chất lượng giáo dục Học viện”(https://portal.ptit.edu.vn/co-cau-to-chuc/trung-tam-khao-thi-va-dambao-chat-luong-giao-duc/) [H6.06.06.08].

Căn cứ các văn bản nêu trên, các đơn vị đầu mối được phân công triển khai công tác khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ, trong đó bao gồm: xây dựng công cụ, xây dựng kế hoạch và khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ về công tác đào tạo, NCKH và PVCD của Học viện. Công cụ khảo sát do các đơn vị xây dựng phù hợp với các lĩnh vực

khảo sát; một số trong đó được ấn định thành các biểu mẫu phiếu khảo sát có thể sử dụng để đối sánh giữa các năm và đối sánh với các cơ sở giáo dục ĐH khác.

Trên cơ sở mục đích và đối tượng cần thu thập thông tin phản hồi, việc khảo sát được tiến hành theo các hình thức khảo sát trực tuyến hoặc phát phiếu khảo sát trực tiếp với công cụ sử dụng lấy ý kiến phản hồi là phiếu khảo sát, được thiết kế ở dạng câu hỏi về mức hài lòng/mức đồng ý của người được hỏi được thể hiện qua giá trị thang đo 4 hoặc 5 bậc về các nội dung: mức độ hài lòng đối với cơ sở vật chất, mức độ hài lòng đối với công tác phục vụ học tập SV, mức độ hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV, mức độ hài lòng về hoạt động khoa học công nghệ; mức độ hài lòng về môi trường làm việc, ... [H10.10.01.11]. Việc sử dụng đa dạng các phương pháp thu thập thông tin như khảo sát như: phỏng vấn, phát phiếu hỏi trực tiếp, phỏng vấn điện thoại cũng đã giúp cho việc kiểm tra chéo thông tin thu được. Tuy nhiên, nội dung một số phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập để có thể thu thập đầy đủ các thông tin liên quan về mức độ hài lòng của các BLQ về “Hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất..” để làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của các đơn vị trong Học viện

Sau mỗi đợt khảo sát, các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì hoạt động khảo sát đều tiến hành xử lý thông tin phản hồi thu thập được; viết báo cáo kết quả, phân tích các số liệu thu được về sự hài lòng của các BLQ đối với lĩnh vực được khảo sát, đề xuất các kiến nghị hướng đến cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; phân tích, đối sánh mức độ hài lòng của các BLQ giữa các năm học và mức độ hài lòng giữa các CTĐT trong Học viện và gửi báo cáo lãnh đạo học viện và các đơn vị liên quan làm căn cứ cho lập kế hoạch cải tiến chất lượng [H10.10.01.15-21]. Cụ thể, Khoa đã sử dụng kết quả đối sánh sự hài lòng của NH ở các học phần khác nhau do cùng một GV giảng dạy, hoặc đối sánh kết quả khảo sát của nhiều GV cùng giảng dạy một học phần, để có kế hoạch phân công giảng dạy, góp ý cho cải tiến giảng dạy ở các học kỳ sau hoặc làm cơ sở cho công tác bồi dưỡng GV, bố trí công tác, đánh giá xếp loại hằng năm.

GV tham gia giảng dạy chương trình ngành TMĐT được Văn phòng thực hiện khảo sát ý kiến về điều kiện, môi trường làm việc [H10.10.05.02]. Kết quả khảo sát với tiêu chí nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ là 87,5% cho thấy Học viện đã có những chính sách về đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, giúp cho người lao động nâng cao được chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình làm việc; đối với hoạt động NCKH là 84,38%; các

tiêu chí còn lại về hệ thống phòng làm việc, phòng học phòng chức năng; các trang thiết bị hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng; công tác thư viện, tài liệu dạy và học, phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu và phục vụ cộng đồng; công tác tổ chức kiểm tra, thi kết thúc học phần, công tác hành chính giáo vụ khoa và chế độ, chính sách cho người lao động đạt từ 68,75% đến 97,5%.

Định kỳ hằng năm, Học viện thực hiện khảo sát chất lượng dịch vụ tại văn phòng giao dịch một cửa qua hệ thống khảo sát trực tuyến để SV đánh giá về chất lượng dịch vụ tại văn phòng một cửa, tác phong, thái độ của từng cán bộ tiếp nhận hồ sơ và tư vấn cho SV [H10.10.05.06]. Kết quả khảo sát cho thấy các ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với nhận định: có 96,7% đồng ý nội dung thư viện đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, phòng đọc và các trang thiết bị phục vụ cho việc tra cứu tài liệu, có 93% đồng ý về điều kiện an ninh của ký túc xá đảm bảo an toàn: 76,6% đồng ý về số thuốc được cung cấp sau khi khám/sơ khám đáp ứng điều trị bệnh, 93,3% đồng ý về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của nhà ăn, căng-tin Học viện sạch sẽ, có 89,7% ý kiến đồng ý về phòng Thí nghiệm Thực hành được trang bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu thực hành các học phần trong CTĐT. Qua số liệu thống kê cho thấy, mức độ hài lòng trung bình về các BLQ đến cơ sở vật chất, chất lượng dịch vụ và môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện cho thấy khoảng 90% các ý kiến được khảo sát hài lòng. Tuy nhiên vẫn còn một số ý kiến của SV phản hồi chưa tích cực về công tác giao tiếp với SV tại Văn phòng một cửa.

Các ý kiến phản hồi của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong việc điều chỉnh CTĐT ngành TMĐT cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Doanh nghiệp có sử dụng SV tốt nghiệp ngành TMĐT đánh giá cao kiến thức chuyên môn và vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn của SV ngành TMĐT, khoảng 82% doanh nghiệp tham gia khảo sát hài lòng, đánh giá cao năng lực chuyên môn và vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc [H11.11.05.01].

Trong giai đoạn 2019 - 2023, trong quá trình điều chỉnh CTĐT định kỳ theo quy định, Học viện, Khoa cũng như các đơn vị khác đều căn cứ vào ý kiến phản hồi về sự hài lòng của các BLQ như ý kiến GV, SV, người sử dụng lao động, cựu SV, các chuyên gia để điều chỉnh, cải tiến CTĐT và CĐR, đề cương học phần, cập nhật tài liệu học tập ... [H10.10.01.15].

Học viện tham gia Dự án tăng cường cơ hội tiếp cận thị trường lao động cho SV Việt Nam” VOYAGE” [H8.08.04.17], theo báo cáo dự án, hầu hết những người được khảo sát cũng thể hiện sự chấp nhận của họ đối với cơ sở hạ tầng, phòng học, thiết bị, hệ thống ứng dụng CNTT mà Học viện cung cấp. Tuy nhiên, vẫn còn một số lượng đáng kể các câu trả lời chỉ ra rằng cơ sở hạ tầng được trang bị chưa được đầy đủ (dao động từ 9,2% đến 12,8% câu trả lời). Điều này dẫn đến thực tế là Học viện cần có cái nhìn tổng thể về sự đầy đủ của cơ sở hạ tầng để cung cấp và đầu tư tốt hơn cho SV. Tiếp thu những ý kiến này, từ năm từ 2019 đến nay, Học viện đã và đang không ngừng cải thiện điều kiện cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu học tập, sinh hoạt của NH.

Báo cáo tổng kết của Khoa QTKD và Học viện, cũng như qua các hội nghị CBVC hằng năm tạo điều kiện CBGV đóng góp ý kiến về các hoạt động của Học viện [H11.11.05.02], [H11.11.05.03].

Từ việc xác lập, giám sát kết quả điều tra mức độ hài lòng của các BLQ, Học viện và Khoa QTKD đã tiến hành đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT. Cơ sở vật chất của Học viện được chú trọng đầu tư. Hệ thống công nghệ thông tin của trường đáp ứng nhu cầu của NH. Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và NH. Kết quả đánh giá của SV về việc điều kiện CSVC phục vụ cho việc học tập cho thấy, hầu hết SV hài lòng về hệ thống công nghệ thông tin của trường, các trang thiết bị đáp ứng tốt được nhu cầu phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Như vậy, có thể thấy việc xác lập, giám sát kết quả điều tra mức độ hài lòng của các BLQ có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, giúp Học viện và Khoa QTKD có giải pháp cải tiến chất lượng CTĐT ngành TMĐT.

2. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành hệ thống các văn bản để khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất, ...

3. Điểm tồn tại

Nội dung phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập để có thể thu thập đầy đủ các thông tin liên quan về mức độ hài lòng của các BLQ về “Hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất..” để làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của các đơn vị/bộ phận trong Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu hoàn thiện các mẫu phiếu khảo sát để có thể thu thập được đầy đủ các thông tin hữu ích từ các BLQ phục vụ cho hoạt động cải tiến chất lượng các hoạt động của Học viện.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của NH thuộc CTĐT ngành TMĐT đã được Học viện xác lập, giám sát theo quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện và quy trình quản lý dữ liệu SV tại Học viện.

Hàng năm, Học viện đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV tốt nghiệp và tình hình việc làm của NH tốt nghiệp của CTĐT ngành TMĐT với các CTĐT trình độ đại học khác của Học viện và với các CTĐT ngành TMĐT của các CSGD khác trong nước; tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành TMĐT có việc làm/có việc làm phù hợp với ngành đào tạo đạt mức khá cao.

Quy định về hoạt động NCKH của SV đã ghi rõ các loại hình NCKH đối với SV và trình tự thủ tục, quy trình triển khai, giám sát việc thực hiện đề tài NCKH của SV.

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ được nhiều năm, song cho đến nay vẫn chưa có SV ngành TMĐT tốt nghiệp sớm, trong khi tỷ lệ SV tốt nghiệp muộn vẫn còn khá cao.

Định kỳ hàng năm, Học viện đã tổ chức khảo sát, thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất.

Nội dung phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập để có thể thu thập đầy đủ các thông tin liên quan về mức độ hài lòng của các BLQ về “Hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất..” để làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của các đơn vị/bộ phận trong Học viện.

Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí: 4,80 /7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Sau khi tiến hành tự đánh giá lần thứ nhất CTĐT hệ ĐHCQ ngành TMĐT, Học viện đã rút ra các kết luận sau:

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của Chương trình

đào tạo

1.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT ngành TMĐT được trình bày rõ ràng đầy đủ kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi đạo đức, vị trí việc làm và được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT vào các năm 2019 và năm 2021. Các mục tiêu của CTĐT ngành TMĐT phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện qua các giai đoạn khác nhau. Các mục tiêu của CTĐT ngành TMĐT phù hợp với mục tiêu của GDDH.

CĐR của CTĐT ngành TMĐT Học viện đã được xác định và được thể hiện cụ thể trong CTĐT ngành TMĐT các năm 2019 và năm 2021. Học viện đã có 2 lần ban hành CĐR của CTĐT theo các quyết định ban hành CĐR trình độ ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành TMĐT năm 2019 và năm 2021. CĐR của CTĐT ngành TMĐT đã nêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH (NH) tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

Khoa QTKD đã lên kế hoạch khảo sát ý kiến các BLQ (bao gồm các NTD; CBQL, GV; cựu SV và SV năm cuối) về CĐR của CTĐT ngành TMĐT. Trong quy trình rà soát điều chỉnh CĐR năm 2019, 2021, Khoa QTKD đã khảo sát ý kiến của các BLQ, bao gồm cơ quan, doanh nghiệp, các chuyên gia, nhà khoa học, GV và cựu SV về bản Dự thảo CĐR đã được Ban Lãnh đạo Khoa đề xuất.

1.2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành TMĐT của Học viện ban hành năm 2021 có đầy đủ các mục nội dung theo quy định. Có những thay đổi về nội dung các mục, đặc biệt là thay đổi trong CĐR và cấu trúc CTĐT.

CTĐT ngành TMĐT có 91 HP với các ĐCCT HP có đủ các thông tin theo quy định. Tất cả các ĐCCT HP trong CTĐT ngành TMĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Học viện. Việc cập nhật các ĐCHP được triển khai theo hai hướng là cập nhật số mục trong mỗi đề cương và cập nhật nội dung đề cương.

Bản mô tả CTĐT được lấy ý kiến các BLQ như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, cựu NH v.v... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT ngành TMĐT trên website của Học viện.

1.3. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành TMĐT của Học viện được thiết kế và đưa vào sử dụng dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp.

Phiên bản CTDH năm 2021 được thiết kế với 91 HP/130 tín chỉ, bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khối thực tập và tốt nghiệp. Tất cả các HP trong CTDH đều có sự tương thích về nội dung và đáp ứng cụ thể cho từng CĐR của CTĐT ngành TMĐT được thể hiện qua ma trận kỹ năng về sự đóng góp của mỗi HP cho CĐR của CTĐT, được mô tả trong bản mô tả CTĐT ban hành năm 2021.

1.4. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Học viện đã ban hành Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục, với nội dung: “Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm”. Nội dung Triết lý giáo dục, phù hợp với mục tiêu của Học viện: “Phát triển Học viện CNBCVT trở thành trung tâm giáo dục của đất nước và khu vực, định hướng ứng dụng vào năm 2030”.

Tổ hợp các PPGD được thiết kế và thực hiện trong các ĐCCT HP/môn học của CTĐT ngành TMĐT tương đối đa dạng và phù hợp để đạt được CĐR. Các hình thức dạy học được mô tả trong CTDH bao gồm thuyết giảng, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, tổ chức thảo luận nhóm, giao bài tập, giao chủ đề môn học hoặc tiểu luận môn học để SV làm báo cáo thuyết trình, tăng tương tác giữa GV với SV, xây dựng bài giảng điện tử, bài giảng online có mô phỏng.

CTĐT ngành TMĐT năm 2021 có 91/91 ĐCCT HP mô tả rõ việc sử dụng các hoạt động dạy và học được đa dạng hóa nhằm thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, tư duy độc lập, kỹ năng thuyết trình, phản biện giải quyết vấn đề, giải quyết các bài toán thực tế. Mỗi bài giảng trong các ĐCCT HP ngành TMĐT đều nêu cụ thể hình thức tự học, tự nghiên cứu và trong đó chỉ rõ nội dung chính, những yêu cầu đối với NH. Học viện và Khoa thực hiện khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp, cựu SV, để cải tiến chương trình và chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng các yêu cầu của các doanh nghiệp.

1.5. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Học viện đã ban hành Quy định đào tạo hệ ĐHCQ theo hệ thống tín chỉ; ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc HP (trong đó quy định về việc ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc HP) áp dụng cho thi kết thúc HP với các hình thức trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Dựa vào các quy định này, TTKT&ĐBCLGD tổ chức đánh giá và quản lý KQHT của SV. Quy trình này nêu rõ về việc cho điểm quá trình, xếp lịch thi, ra đề, tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm, phúc tra, lưu trữ bài thi và công bố điểm.

Học viện đã ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc HP, thi các HP thay thế tốt nghiệp, Quy định đào tạo hệ ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ và cuốn Sổ tay SV hằng năm. Hình thức, phương pháp, tiêu chí và trọng số đánh giá kết quả NH được trình bày tại ĐCCT của mỗi HP, được GV phổ biến cho SV ngay trong tuần giảng dạy đầu tiên của HP.

Khoa QTKD cũng đưa ra phương pháp đánh giá phù hợp đối với CDR của CTĐT và đối với CDR mỗi HP. Hình thức kiểm tra phong phú, đa dạng gồm: tự luận, trắc nghiệm, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng HP. Các phương pháp KTĐG đã được Khoa QTKD sử dụng có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. ĐCCT HP cũng chỉ rõ nội dung phương thức đánh giá SV với CDR HP.

Đầu mỗi năm học, trong tuần sinh hoạt công dân, GV và NH được phổ biến về quy định đào tạo có đề cập đến nội dung phản hồi KQHT. Ngoài ra, các quy định này được công khai trên website của Học viện và trong Sổ tay SV.

Toàn bộ quy trình khiếu nại về KQHT của NH được chi tiết và cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc HP, thi các HP thay thế tốt nghiệp, Quy định đào tạo hệ ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ. Tất cả các văn bản này đều được phổ biến tới SV qua “Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học”. Báo cáo kết quả chấm thi phúc tra trong 5 năm gần đây (từ năm học 2017-2021) cho thấy tỷ lệ khiếu nại về KQHT của NH toàn Học viện nhỏ hơn 1% tính trên quy mô đào tạo của các ngành học. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 90% SV được hài lòng với KQHT.

1.6. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, NCV

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV (GV) của Học viện nói chung và Khoa QTKD nói riêng được thực hiện theo đúng quy trình và phù hợp với cơ cấu đào tạo ngành TMĐT. Khoa đủ đội ngũ GV để thực hiện CTĐT ngành TMĐT. Tỷ lệ GV/SV đảm bảo đúng theo quy định của BGD&ĐT. Khối lượng công việc của GV được đo lường, giám sát để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Các tiêu chí tuyển chọn GV tuân thủ theo đúng quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng của Nhà nước và của Học viện. Năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ trong các văn bản quy định của Học viện. Việc đánh giá năng lực GV khá đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được xây dựng theo kế hoạch và định kỳ được rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai theo đúng quy định. Tất cả GV ngành TMĐT đều hoàn thành các nhiệm vụ trong từng năm học. Hoạt động NCKH của GV được triển khai và giám sát chặt chẽ; kết quả NCKH được ghi nhận và làm căn cứ để cải tiến chất lượng. Số lượng và loại hình NCKH do đội ngũ GV thực hiện được xác lập rõ ràng và được thực hiện hằng năm, được đối sánh và đóng góp đáng kể vào công tác đào tạo, phát triển cộng đồng.

1.7. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Quy hoạch phát triển đội ngũ NV (NV) của Học viện được xây dựng dựa trên quan điểm chỉ đạo từ Nghị quyết của Đảng ủy và Đề án vị trí việc làm đã được Giám đốc Học viện phê duyệt năm 2014 và năm 2020. Đội ngũ NV tại các bộ phận hỗ trợ đủ về số lượng, có năng lực đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Việc tuyển dụng, điều chuyển NV đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được điều chuyển hay tuyển dụng đều đảm bảo được các yêu cầu của vị trí việc làm. NV được đánh giá theo qui trình và được thông báo công khai. Học viện có văn bản hướng dẫn cụ thể để đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ để tự đánh giá và được đánh giá qua các cấp, từ đó biết được năng lực, trình độ và thái độ phục vụ của NV. Học viện đã kịp thời ban hành những quyết định cử CBVC-NLĐ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về học tập và chế độ tài chính theo Quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ NV được quy định rõ ràng và công khai, Học viện đã chi thu nhập tăng thêm góp phần tạo động lực cho CBVC-NLĐ. Các cán bộ chuyên viên và NV có trình độ chuyên môn và năng lực phù hợp với vị trí đảm nhiệm theo quy định hiện hành.

1.8. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách, tiêu chí tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh hằng năm của Học viện. Chính sách, tiêu chí tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn được cập nhật trên cơ sở các quy định của BGD&ĐT và thực tế của Học viện.

Ngoài các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh như của BGD&ĐT, Học viện có thêm chính sách ưu tiên trong tuyển sinh thông qua việc cấp các suất học bổng toàn phần (miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất) và học bổng bán phần (miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất) cho các thí sinh có kết quả thi THPT hoặc có thành tích cá nhân, thành tích học tập cao. Các chính sách và quy định tuyển sinh được Học viện công bố công khai

thông qua các hình thức như: công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Học viện <https://ptit.edu.vn>; cổng thông tin tuyển sinh <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>; các trang mạng xã hội chính thức của Học viện: facebook.com/ptittuyensinh, [facebook.cpm/ptitwebsite](https://facebook.com/ptitwebsite); quảng bá trên các Brochure tuyển sinh; trên cổng thông tin tuyển sinh của BGD&ĐT (<https://thituyensinh.vn>).

Học viện có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với NH, bao gồm: Phòng Giáo vụ, Phòng Đào tạo, Phòng CT&CTSV/Công tác SV, TTKT&ĐBCLGD và CVHT. Học viện sử dụng phần mềm QLĐT Edusolf để hỗ trợ quá trình giám sát tiến trình học tập và rèn luyện của SV trong suốt khóa học.

Học viện có phân công các đơn vị, bộ phận tham gia tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH, theo đó hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH đã được Học viện triển khai thực hiện.

Học viện đã chú trọng xây dựng môi trường sự phạm, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tình nguyện, tạo sân chơi lành mạnh, nhân văn trong Học viện; môi trường tâm lý, xã hội, làm việc thân thiện, tạo điều kiện thoải mái để thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của CB, GV, NV và NH.

1.9. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Học viện có trụ sở chính tại số 122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, có cơ sở đào tạo tại Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội và HVCS tại Tp. HCM với tổng diện tích là 127.694,90 m² (trong đó miền Bắc là 63.464,70 m², miền Nam là 64.230,20 m²) phục vụ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ. Tổng diện tích sàn phục vụ đào tạo, NCKH là 79.376 m², diện tích sàn phục vụ đào tạo đạt bình quân 6,337 m²/SV, đáp ứng Khoản 2 Điều 6 Thông tư 06/2018/TT- BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018.

Học viện có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành/Lab đáp ứng yêu cầu cho việc giảng dạy, học tập và NCKH. Các phòng làm việc của Học viện được trang bị máy tính, máy in, máy photocopy, bàn ghế làm việc và các tủ đựng tài liệu; các phòng làm việc được lắp đặt điều hoà, quạt treo tường. Các phòng học đều được trang bị thiết bị trình chiếu (máy chiếu, tivi, máy tính), hệ thống âm thanh, bảng viết, bảng từ, bàn ghế, hệ thống đèn chiếu sáng. Trong các phòng thí nghiệm, thực hành/LAB được trang

bị các thiết bị cần thiết phục vụ cho các giờ học thực hành và phù hợp với CTĐT ngành TMĐT.

Hệ thống CNTT của Học viện đáp ứng yêu cầu của việc giảng dạy, học tập và NCKH. Học viện đã triển khai hoạt động giảng dạy - học tập trực tuyến thông qua phần mềm TranS và hỗ trợ học tập thông qua hệ thống quản lý học tập trực tuyến - LMS, đặc biệt là trong giai đoạn dịch Covid 19.

Năm 2021, Học viện đã triển khai cấp mã định danh cho SV ngay khi trúng tuyển để SV có thể truy cập vào phần mềm PTIT- Slink để phục vụ cho việc nhập học trực tuyến, tra cứu điểm, tình trạng học phí, xét duyệt học bổng, theo dõi thời khóa biểu... trên tất cả các thiết bị di động. Trong giai đoạn 2017-2021, không xảy ra hiện tượng mất dữ liệu, mất an toàn hệ thống CNTT, mất an ninh trật tự, không xảy ra dịch bệnh trong khuôn viên của Học viện.

Học viện đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn, như: Nội quy giảng đường; Nội quy KTX; Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành; Nội quy căng tin; nội quy PCCC; Quy định về phòng tránh dịch Covid-19...; thành lập Ban chỉ huy PCCC, Đội PCCC với nhân sự là đội ngũ CB, GV, NV. Học viện đã ban hành Quy chế phân cấp trách nhiệm về công tác PCCC.

1.10. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Học viện đã ban hành các văn bản quy định việc thu thập thông tin phản hồi các BLQ. Trong các lần rà soát điều chỉnh CDR và CTĐT, Học viện/Khoa QTKD đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ.

Học viện đã ban hành các văn bản quy định việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học và KQHT của NH để đảm bảo sự gắn kết giữa CDR của các HP với CDR của CTĐT. Công tác rà soát, đánh giá quá trình dạy học và KTĐG được thực hiện thông qua việc cập nhật, điều chỉnh về CTDH và ĐCCT HP; hoạt động dự giảng; hoạt động lấy ý kiến phản hồi của NH về chất lượng dạy học.

Kết quả nghiên cứu của 70 đề tài được chuyển thành nội dung giảng dạy và áp dụng để cải tiến hoạt động dạy học các HP của CTDH ngành TMĐT.

Học viện đã có quy định và định kỳ tổ chức việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ NH thông qua các phương thức khác nhau để tạo lập cơ sở cho đề xuất cải tiến các dịch vụ này. Học viện đã ban hành các văn bản quy định cụ thể về nội

dung, quy trình và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong thực hiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

1.11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp, số năm tốt nghiệp trung bình của NH thuộc CTĐT ngành TMĐT đã được Học viện xác lập, giám sát theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện và Quy trình quản lý số liệu, danh sách học viên, SV tại Học viện.

Hàng năm, Học viện đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp và tình hình việc làm của NH tốt nghiệp của CTĐT ngành TMĐT với các CTĐT trình độ đại học khác của Học viện và với các CTĐT cùng ngành TMĐT của các CSGD khác trong nước; tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành TMĐT có việc làm/có việc làm phù hợp với ngành đào tạo ở mức khá cao.

Quy định về hoạt động NCKH của SV đã ghi rõ các loại hình NCKH đối với SV và trình tự thủ tục, quy trình triển khai, giám sát việc thực hiện đề tài NCKH của SV.

Định kỳ hằng năm, Học viện đã tổ chức khảo sát, thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của Chương trình đào tạo.

2.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT ban hành năm 2021 cần cụ thể thang đo mức độ thành thạo kỹ năng số cho phù hợp với xu hướng số hóa hiện nay.

Nội dung CDR của CTĐT ngành TMĐT ban hành năm 2021, các CDR về kỹ năng chuyên sâu chưa được xây dựng chi tiết cho 4 chuyên ngành “ Quản trị doanh nghiệp”, “Thương mại điện tử”, “Quản trị Logistics” và “Quản trị Marketing”.

Các BLQ còn chưa được tiếp cận CDR dễ dàng và thuận lợi. Phương thức truyền thông về CDR của ngành TMĐT chưa đa dạng nên chưa thu hút được sự quan tâm của đông đảo các đối tượng bên ngoài Học viện.

2.2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Các ý kiến đóng góp cho Bản mô tả CTĐT mới nhất năm 2021 của các BLQ ở ngoài Học viện chưa thật sự sâu để có thể khai thác được các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành TMĐT.

Một số câu hỏi trong phiếu khảo sát không được đối tượng được khảo sát trả lời hoặc trả lời với cùng một mức cho các câu hỏi khác nhau; điều này dẫn đến độ tin cậy của kết quả khảo sát không cao.

Học viện đã công bố công khai bản mô tả CTĐT và các ĐCCT các HP, nhưng vẫn còn có BLQ chưa quan tâm đến bản mô tả CTĐT và các ĐCCT các HP.

2.3. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Kết quả khảo sát SV đánh giá GV chưa được xử lý một cách khoa học để có thể đúc kết ra được những khuyến nghị hữu ích phục vụ cho việc GV cải tiến hoạt động giảng dạy và KTĐG KQHT.

Khi đối sánh và tham khảo các CTĐT của các CSGD đại học khác, Khoa chỉ đối sánh về số lượng tín chỉ và số lượng các HP, tên gọi của các HP, chưa đối sánh sâu về các kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong từng HP, phương pháp dạy-học và phương pháp KTĐG được sử dụng trong từng HP.

2.4. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Khoa QTKD chưa thực hiện việc khảo sát, đánh giá thường xuyên về việc cán bộ, GV và NH hiểu mục tiêu giáo dục của Học viện và CTĐT ngành TMĐT. Phiếu khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV được thiết kế chưa khoa học, nên chưa thu thập được nhiều thông tin hữu ích phục vụ cho việc đổi mới/cải tiến các PPGD đáp ứng nhu cầu của SV.

Số SV tham gia NCKH chưa nhiều và các hoạt động NCKH, tham gia các cuộc thi SV, các CLB mới chỉ tập trung ở nhóm các SV khá giỏi hoặc tích cực chủ động trong học tập, chưa lan tỏa đến toàn thể SV ngành TMĐT.

Trong một số ĐCHP, các mục tiêu đặt ra cho SV đối với hoạt động tự học, tự nghiên cứu còn chưa cụ thể và chưa phản ánh rõ nét sự liên kết, bổ sung cho nhau giữa hoạt động tự học với hoạt động học tập khác của HP. Trong một một vài ĐCHP, việc hướng dẫn việc tự học, tự nghiên cứu cho SV còn khá chung chung.

2.5. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Học viện chưa tham khảo đầy đủ ý kiến các BLQ để đánh giá sự phù hợp của các văn bản đã ban hành trong lĩnh vực khảo thí.

Các tài liệu phổ biến cho SV còn nằm ở nhiều văn bản và trong các năm ban hành khác nhau, cần tích hợp để đưa thông tin lên Website.

Trong quá trình đánh giá KQHT, Học viện chưa xác định được độ tin cậy, giá trị qua việc thống kê tỷ lệ % SV thi đạt, không đạt của từng HP để có phương án điều chỉnh NHCHT các HP. Học viện chưa phân tích phổ điểm, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy và mức độ khó/dễ của các câu hỏi thi/đề thi để điều chỉnh các đề thi phù hợp với yêu cầu đánh giá được CDR của HP.

2.6. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ GV, NCV

Hoạt động PVCĐ của GV chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động PVCĐ chưa thuận lợi.

Học viện chưa có chính sách và cơ chế đặc thù để thu hút GV có trình độ học vị và học hàm cao PGS, GS về làm GV cơ hữu của Học viện.

Bản mô tả vị trí việc làm chưa có yêu cầu về năng lực chuyên sâu về thiết kế chương trình và chưa phân biệt rõ các hạng GV I, II, III trong bản mô tả công việc.

Học viện chưa cử được GV đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài do nguyên nhân chưa tìm được nguồn kinh phí để cấp học bổng cho GV có nhu cầu.

Vẫn còn 4,9% GV cơ sở phía Bắc chưa hài lòng với chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, BHXH, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện và 2,7 % GV HVCS chưa hài lòng với chế độ phụ cấp, khen thưởng, phúc lợi phù hợp với năng lực và sự đóng góp trong hoàn thành công việc.

Các quy định về hoạt động KHCCN của GV, NCV được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, chưa tổng hợp trong một văn bản cụ thể để thuận tiện trong công tác tổ chức thực hiện.

2.7. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Học viện chưa quan tâm nhiều đến việc xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa thực sự chú ý đến tính đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành TMĐT.

Học viện chưa tổ chức khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các cựu SVTN từ Học viện để nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của NH, GV đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn chưa thường xuyên do tình hình dịch bệnh trong năm 2019 và năm 2020.

Các khóa học, tập huấn và hội thảo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giai đoạn 2017-2022 chủ yếu dành cho CB lãnh đạo và một số CB, nhân viên thuộc các phòng

chuyên môn nghiệp vụ, chưa có nhiều các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho các chuyên viên giáo vụ và công tác GVCN, CVHT.

Vẫn còn 16,2% nhân viên phân vân về việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

2.8. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Việc tham khảo góp ý của các BLQ để xây dựng chính sách tuyển sinh chỉ dừng lại ở các đơn vị trong ngành, mà chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp ngoài ngành và quốc tế.

Mặc dù Học viện đã sử dụng phương thức tuyển thẳng, tuy nhiên trong giai đoạn 2017-2022 ngành TMĐT vẫn chưa có thí sinh được tuyển thẳng.

Sau quá trình triển khai, phần mềm quản lý đào tạo chưa tính năng cảnh báo học vụ tự động khi NH thuộc trường hợp bị cảnh báo học vụ, việc nhắc nhở vẫn do CVHT và Khoa QTKD tư vấn trực tiếp cho từng SV.

Kết quả khảo sát SV cho thấy vẫn còn tỷ lệ 5,3 % SV chưa thật sự hài lòng với hoạt động hỗ trợ của Học viện.

Vẫn còn 5,3% ý kiến của SV phản hồi chưa tích cực về công tác giao tiếp với SV tại Văn phòng một cửa.

2.9. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Một số phòng học tại khu giảng đường ở cơ sở Tp. HCM chưa lắp máy điều hoà không khí. Một số phòng học/giảng đường của Học viện đã cũ và bắt đầu xuống cấp.

Diện tích phòng đọc của Thư viện cơ sở Hà Nội còn hẹp, số chỗ ngồi trong phòng đọc còn ít nếu so với quy mô SV của Học viện. Kinh phí chi mua bổ sung giáo trình, tài liệu của Thư viện trong giai đoạn KĐCLGD chỉ chiếm 0,07% tổng kinh phí chi của Học viện.

Học viện hiện còn 267 máy tính được trang bị từ trên 05 năm trở lên (chiếm tỉ lệ 20,27%) đã hết thời hạn khấu hao sử dụng.

Nội dung các câu hỏi trong phiếu khảo sát các đối tượng liên quan chưa bao phủ được hết nội dung khảo sát về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH.

Các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật đã được quan tâm, nhưng chưa được thể hiện thành các văn bản cụ thể.

2.10. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Học viện chưa ban hành văn bản quy định về quy trình khảo sát, thu thập ý kiến NTD và NH về CTDH.

Ý kiến của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp, các chuyên gia và cựu người học còn thu thập chưa được nhiều.

Việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới PPDH và KTĐG chưa được thực hiện đều đặn hằng năm cả ở cấp Học viện và cấp khoa.

Nội dung của các hội nghị, hội thảo của Học viện chưa có chuyên đề chuyên sâu và chưa dành nhiều thời gian cho nội dung phổ biến, áp dụng kết quả NCKH vào hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH.

Với quá trình chuyển đổi số, hầu hết các dịch vụ hỗ trợ cho NH được cung cấp thông qua môi trường số, trong khi học viện chưa quan tâm đến việc tập huấn để nâng cao kỹ năng sử dụng các dịch vụ trong môi trường chuyển đổi số cho NH nên hiệu quả sử dụng chưa cao.

Hoạt động thu thập thông tin phản hồi tại Học viện vẫn do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

2.11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn thấp phần lớn là do SV chưa đạt CĐR tiếng Anh theo quy định của CTĐT.

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ được nhiều năm, song cho đến nay Khoa vẫn chưa có SV tốt nghiệp sớm, trong khi tỷ lệ SV tốt nghiệp muộn vẫn còn khá cao.

Tuy tỷ lệ có việc làm của SV CTĐT ngành TMĐT khá cao, nhưng vẫn còn tỷ lệ nhỏ SVTN sau 1 năm chưa tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo; hoạt động NCKH của SV ngành TMĐT tập trung chủ yếu ở các SV có học lực khá, giỏi, mà chưa lan rộng đến mọi đối tượng SV ngành TMĐT

Nội dung phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập để có thể thu thập đầy đủ các thông tin liên quan về mức độ hài lòng của các BLQ về “Hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC.” để làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của các đơn vị/bộ phận trong Học viện. Trong một số báo cáo kết quả khảo sát chưa có nội dung đề xuất, kiến nghị.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo

3.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa định kỳ hằng năm huy động cựu SV tham gia vào việc thu hút đông đảo các nhà tuyển dụng cho ý kiến về mục tiêu giáo dục của Học viện và mục tiêu của riêng ngành TMĐT, cũng như mức độ mục tiêu giáo dục phù hợp với Sứ mạng và Tâm nhìn của Học viện.

Khoa QTKD phối hợp với Phòng CT&CTSV định kỳ hằng năm huy động các cựu SV tham gia truyền thông về CDR của CTĐT ngành TMĐT và động viên đông đảo và đa dạng về thành phần các nhà tuyển dụng (doanh nghiệp tư nhân, nhà nước, nước ngoài, cơ quan ...) tham gia các đợt khảo sát ý kiến của Học viện để có thể thu thập được nhiều ý kiến đa chiều mang tính đại diện cao về CDR của CTĐT ngành TMĐT.

3.2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Trong lần rà soát và điều chỉnh bản mô tả CTĐT ngành TMĐT năm 2025, Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa QTKD nghiên cứu đề xuất những giải pháp hữu hiệu hơn thông qua các mối liên kết với các cựu SV để kết nối được đông đảo các nhà tuyển dụng, hiệp hội nghề nghiệp tham gia đóng góp nhiều ý kiến thiết thực nhằm cải tiến và cập nhật nhất bản mô tả CTĐT ngành TMĐT của Học viện.

TTKT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị rà soát lại các câu hỏi trong các loại phiếu khảo sát và bổ sung/hoàn thiện các câu hỏi theo sát mục tiêu khảo sát và phù hợp với từng nhóm đối tượng để đảm bảo người được khảo sát không hiểu nhầm ngữ nghĩa của câu hỏi hoặc bỏ trống không trả lời. Đồng thời, Khoa cần có giải pháp thu hút và động viên các nhóm đối tượng được khảo sát nhiệt tình trả lời tất cả các câu hỏi trong phiếu khảo sát; cần có quy định cụ thể về những vấn đề Báo cáo kết quả khảo sát cần chỉ rõ để có được các thông tin cần thiết cùng với những đề xuất để cập nhật các đề cương chi tiết học phần và các biện pháp cải tiến các hoạt động liên quan.

Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa nghiên cứu về phương thức truyền thông về bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần để các BLQ đều được biết về bản mô tả CTĐT ngành TMĐT và các học phần của CTĐT để có thể có những đóng góp ý kiến cho việc rà soát và hoàn thiện hơn bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần trong lần rà soát và cập nhật tiếp theo.

3.3. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

TTKT&ĐBCLGD xây dựng quy định hướng dẫn chung về từng loại công cụ khảo sát, việc chọn mẫu khảo sát, định lượng thống kê, phân tích các kết quả khảo sát, biểu mẫu báo cáo kết quả khảo sát, trong đó nhất thiết cần có việc đánh giá được các thông tin và số

liệu đã được phân tích và đưa ra các khuyến nghị hữu ích để các đối tượng liên quan có thể sử dụng phục vụ việc điều chỉnh và cải tiến hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

Khoa QTKD và các Bộ môn cần thảo luận và lấy ý kiến các BLQ để xem xét một cách khoa học, chính xác sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được của CDR của CTĐT ngành TMĐT.

Khi tham khảo và đối sánh CTĐT ngành TMĐT của Học viện với các CTĐT ngành TMĐT của các trường đại học khác, Khoa nghiên cứu sâu các nội dung về kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong mỗi học phần, CDR của từng học phần, PPGD và phương pháp kiểm tra đánh giá của từng học phần để tạo lập cơ sở điều chỉnh và hoàn thiện các học phần thuộc CTĐT ngành TMĐT của Học viện.

3.4. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Khoa QTKD cần thường xuyên với các hình thức đa dạng hơn trong việc phổ biến và giải thích rõ và sâu rộng hơn về Triết lý giáo dục của Học viện để các BLQ đặc biệt là CB, GV và SV của khoa hiểu rõ ý nghĩa của Triết lý giáo dục của Học viện.

TTKT&ĐBCLGD rà soát và hoàn thiện lại các câu hỏi trong phiếu khảo sát để đảm bảo các câu hỏi bám sát các mục tiêu khảo sát nhằm thu thập được nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc cải tiến, đổi mới PPGD của GV.

Khoa đề xuất có cơ chế đi kèm các chính sách hỗ trợ để khuyến khích SV tham gia NCKH; rà soát lại các đề cương học phần để bổ sung và hoàn thiện hơn với những hướng dẫn chi tiết cho SV về việc tự học, tự nghiên cứu các vấn đề trong từng chương mục của học phần và rèn luyện cho SV khả năng tự học tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

3.5. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

TTKT&ĐBCLGD phối hợp với các Khoa đề xuất việc sử dụng các phần mềm chuyên dụng để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu, sự phù hợp của từng hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đã được thiết kế đối với việc đo lường được mức độ đạt CDR; ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn việc xây dựng ngân hàng câu hỏi thi để thống nhất sử dụng chung cho tất cả các CTĐT hiện hành của Học viện về kết cấu số lượng câu hỏi thi cũng như mức độ đánh giá với từng chương mục phù hợp với CDR của học phần thông qua ma trận tương quan giữa CDR của học phần và chương mục của học phần.

TTKT&ĐBCLGD rà soát và bổ sung vào văn bản quản lý liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của NH nội dung quy định về việc định kỳ đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của câu hỏi thi (đề thi) bằng các phần mềm chuyên dụng để đảm bảo các đề thi đo lường được chính xác mức độ SV đạt CDR của học phần.

TTKT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch rà soát các văn bản hướng dẫn chi tiết về việc xây dựng đề thi, đáp án thi, tổ chức thi, chấm thi hết học phần và hướng dẫn về quy trình giám sát việc chấm thi, hậu kiểm sau mỗi kỳ thi để hạn chế tối đa những sai sót có thể có trong quá trình tổ chức đánh giá kết quả học tập từng học phần và đảm bảo việc người chấm thi tuân thủ các quy định về chấm thi hết học phần.

Phòng Giáo vụ đề xuất với Học viện nên nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, bổ sung thêm một số tác vụ, như chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi để tạo điều kiện thuận lợi cho SV khi muốn đăng ký phúc khảo bài thi.

3.6. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Phòng TCCB-LĐ chi tiết hóa quy hoạch cho từng ngành đào tạo của Học viện và đề xuất các chính sách để thu hút GV có trình độ cao về làm việc tại Học viện.

Phòng QL KHCN&HTQT nghiên cứu để định mức khối lượng NCKH cho GV theo hạng bậc và chức danh GV; cần có quy định cụ thể về số lượng đề tài NCKH các cấp và số bài báo công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước cho từng hạng bậc và chức danh GV, ví dụ đối với GV là giáo sư, GV là phó giáo sư yêu cầu thực hiện đề tài NCKH cấp nào, số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước ...; định lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV để thuận lợi cho việc đo lường và đánh giá mức độ hoàn thành của từng GV.

Khoa phối hợp với các đơn vị đề xuất việc khai thác các nguồn thu hợp pháp bổ sung thêm cho quỹ NCKH của Học viện để có thể tăng định mức chi cho hoạt động NCKH của GV trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện nhằm đạt được mức hấp dẫn cao đối với GV khiến các GV ngày càng đam mê nghiên cứu và tạo ra thêm nhiều hơn nữa những sản phẩm khoa học có hàm lượng chất xám cao hơn.

3.7. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Phòng TCCB-LĐ chú ý đến tính đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành TMĐT khi quy hoạch đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên toàn Học viện.

Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu để có các phương thức thông báo tuyển dụng phong phú và đa dạng để thu hút được rộng rãi nhiều ứng viên tiềm năng từ ngoài xã hội về công tác tại Học viện; mức thu nhập của từng vị trí việc làm cần thực sự tạo sự hấp dẫn đối với ứng viên và được xác định trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu tách các tiêu chí đánh giá năng lực thành những bộ tiêu chuẩn riêng biệt để đánh giá cụ thể năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên theo từng nhóm đối tượng nhân viên, như: nhân viên thư viện; nhân viên CNTT; nhân viên các phòng thí nghiệm, nhân viên văn phòng, trung tâm dịch vụ, ...

Phòng TCCB-LĐ thiết kế một lộ trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT theo từng vị trí việc làm để đảm bảo số lượng các đợt đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ NV giữa các đơn vị phục vụ CTĐT được phân bổ đồng đều hơn; cần có cơ chế để nhân viên các phòng thực hành chủ động tìm các khóa tập huấn giúp nâng cao chất lượng công tác phục vụ giảng dạy; cần quan tâm hơn tới số CB, nhân viên thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các chuyên viên làm công tác giáo vụ, giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập.

3.8. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Phòng CT&CTSV nghiên cứu đề xuất các hình thức quảng bá truyền thông về phương thức tuyển thẳng với các ưu đãi đặc biệt về học bổng để có thể thu hút được nhiều thí sinh đăng ký tuyển thẳng vào học CTĐT ngành TMĐT của Học viện.

Phòng TCCB-LĐ đề xuất việc định kỳ bồi dưỡng những kỹ năng tư vấn/hỗ trợ cho NH đặc biệt là kỹ năng tư vấn trong học tập để nâng cao hiệu quả của hoạt động tư vấn/hỗ trợ NH trong thời gian tới.

TTKT&ĐBCLGD rà soát lại mẫu phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của NH về công tác đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ NH, trong đó cần bổ sung thêm các câu hỏi để có thể bao quát được trên phổ rộng các nội dung liên quan đến môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan để đảm bảo có thể thu thập được nhiều thông tin phục vụ cho việc cải tiến chất lượng; đảm bảo mỗi câu hỏi trong phiếu khảo sát đơn nghĩa và sát với nội dung cần khảo sát.

3.9. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Phòng Kế hoạch Đầu tư lập kế hoạch ngân sách để phân bổ kinh phí cho việc lắp đặt máy điều hoà không khí ở các phòng học chưa có máy điều hoà, cũng như để duy tu và nâng cấp các phòng học đã xuống cấp.

Phòng QLKHCN&HTQT đề xuất kinh phí đầu tư để nâng cấp phần mềm quản lý Thư viện nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý cũng như phục vụ bạn đọc; giải pháp để mở rộng diện tích và tăng số chỗ ngồi trong phòng đọc của thư viện để có nhiều SV hơn nữa có thể đến học tập tại thư viện, đặc biệt là vào những thời điểm chuẩn bị có các kỳ thi; phân bổ thêm kinh phí hằng năm để mua bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo để đảm bảo thư viện có đủ giáo trình, tài liệu phục vụ cho các CTĐT của Học viện.

Phòng CT&CTSV cụ thể các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật của Học viện bằng các văn bản để thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện.

3.10. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Khoa mở rộng quy mô khảo sát đối với đối tượng là các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức xã hội nghề nghiệp để thu thập được nhiều ý kiến đa chiều phục vụ cho việc điều chỉnh, cập nhật CTDH ngành TMĐT của Học viện, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động rộng lớn.

Khi rà soát, đánh giá quy trình thiết kế, phát triển CTDH, Khoa nghiên cứu đề xuất các giải pháp để có thể huy động được đông đảo và rộng rãi các BLQ, như: các nhà tuyển dụng, cựu SV tham gia trả lời các phiếu khảo sát để có thể thu thập được các ý kiến hữu ích phục vụ cho việc cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH của ngành TMĐT.

Định kỳ hằng năm, TTKT&ĐBCLGD đề xuất tổ chức các hội nghị, hội thảo hoặc mở các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá, để thúc đẩy các bộ môn, GV thường xuyên xem xét lại và cải tiến công tác giảng dạy và kiểm tra đánh giá của bộ môn và của từng cá nhân.

TTKT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị định kỳ tổ chức các hội nghị/hội thảo/họp bàn để rà soát, đổi mới cơ chế phản hồi với sự tham gia của đầy đủ các BLQ (CB, GV, NH, cựu NH, nhà tuyển dụng .) để thu được nhiều ý kiến hữu ích phục vụ cho việc cải tiến cơ chế phản hồi.

3.11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Phòng Giáo vụ phối hợp với các đơn vị tiếp tục nghiên cứu, phân tích, đánh giá kỹ nguyên nhân tỷ lệ SV thôi học các khóa vẫn đang ở mức khá cao để đưa ra các giải pháp hiệu quả hơn nhằm giảm thiểu tỷ lệ SV thôi học và chậm tốt nghiệp.

Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa Cơ bản tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ CVHT để có các biện pháp hỗ trợ NH trong việc lập kế hoạch và chọn phương pháp học

tập phù hợp để đạt CDR tiếng Anh theo tiến độ đào tạo của khóa học, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng kế hoạch và có SV tốt nghiệp sớm.

TTKT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các mẫu phiếu khảo sát để có thể thu thập được đầy đủ các thông tin hữu ích từ các BLQ phục vụ cho hoạt động cải tiến chất lượng các hoạt động của Học viện. Trong kết cấu các báo cáo kết quả khảo sát nên bổ sung thêm nội dung đề xuất, kiến nghị để tham mưu cho Giám đốc Học viện các chủ trương, giải pháp để cải tiến chất lượng các hoạt động của Học viện.

4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử

(Theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016, Phụ lục 6.a)

Tên cơ sở giáo dục: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Mã: BVH (BVS)

Tên CTĐT: Thương mại điện tử

Mã CTĐT: 7340122

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 1								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								4,67	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								4,60	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 5.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 6</i>										
Tiêu chí 6.1					5			5,00	7	100
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>										
Tiêu chí 7.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>										
Tiêu chí 8.1					5			4,80	5	100
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 9</i>										
Tiêu chí 9.1					5			4,80	5	100
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 9.5					5			4,83	6	100
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11								4,80	5	100
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,84	50	100

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2023



Đặng Hoài Bắc

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông

Tiếng Anh: Posts & Telecommunications Institute of Technology

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: HV CN BCVT

Tiếng Anh: PTIT

3. Tên trước đây (nếu có): Không

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Thông tin và Truyền thông

5. Địa chỉ: Số 122 Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: +84.24.3756.2186 Số fax: +84.24.3756.2036

E-mail: vanphonghv@ptit.edu.vn Website: <http://www.ptit.edu.vn>

7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): Năm 1997

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Năm 1997

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Năm 2002

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Quản trị kinh doanh

Tiếng Anh: Business Administration

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: QTKD

Tiếng Anh: BSA

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7340122

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Khoa QTKD: Tầng 9, nhà A2, Km10 Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội.

18. Số điện thoại liên hệ:

Khoa QTKD: Điện thoại: 024.38548333

Email: khoaqtkd@ptit.edu.vn; Website: <https://khoa-quan-tri-kinh-doanh1/ptit.edu.vn>.

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):

Khoa QTKD: 1997

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (ngành TMĐT): 2018

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (ngành TMĐT): 2022

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật)

Khoa QTKD là đơn vị trực thuộc Học viện, thực hiện sự chỉ đạo thống nhất của Học viện về mọi mặt hoạt động trong công tác tổ chức thực hiện CTĐT và có chức năng đào tạo và NCKH thuộc lĩnh vực ngành TMĐT.

Khoa QTKD tổ chức đào tạo tất cả các trình độ từ đại học, thạc sĩ đến tiến sĩ với các hình thức chính quy, vừa làm vừa học và từ xa. Trong đó, trình độ *cử nhân* có 4 chuyên ngành đào tạo.

Sứ mệnh của Khoa QTKD: Xây dựng Khoa QTKD trở thành đơn vị đào tạo nguồn nhân lực kinh doanh và quản lý có chất lượng toàn diện, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội trong các lĩnh vực QTKD, đáp ứng nhu cầu quản lý kinh tế xã hội; Một môi trường học tập, nghiên cứu chất lượng, năng động và chuyên nghiệp giúp SV phát triển tối đa năng lực sáng tạo của bản thân; Một trung tâm NCKH, CGCN và tri thức nằm trong tốp đầu quốc gia, khu vực và trên thế giới; Một địa chỉ tin cậy trong hợp tác nghiên cứu và đào tạo với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Tầm nhìn của Khoa QTKD: Đến năm 2030, Khoa QTKD trở thành một cơ sở đào tạo và NCKH uy tín trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý góp phần đưa Học viện thuộc nhóm 300 Học viện hàng đầu châu Á theo bảng xếp hạng QS Asia, trở thành đơn vị đầu ngành

trong đào tạo, nghiên cứu và CGCN trong lĩnh vực kinh doanh, quản lý kinh tế của Việt Nam.

NCKH: Trong giai đoạn 2019-2023

Khoa QTKD đã thực hiện 74 đề tài NCKH cấp Học viện, công bố 89 bài đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành trong nước và xuất bản 6 cuốn sách.

SV thuộc CTĐT ngành TMĐT đã thực hiện được 73 đề tài NCKH với sự tham gia của 176 lượt SV (có 7 đề tài đạt giải thưởng NCKH sáng tạo). Nội dung của các đề tài nghiên cứu của SV đều gắn liền với chuyên ngành đào tạo QTKD và chất lượng các đề tài đều được đánh giá từ mức đạt trở lên.

Các hoạt động hợp tác đào tạo và NCKH

Khoa QTKD có các hoạt động hợp tác đào tạo và NCKH với nhiều đối tác trong và ngoài nước, cụ thể:

- 1- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)
- 2- Công ty Cổ phần Công nghệ An Vui
- 3- Công ty Cổ phần Công nghệ Sapo
- 4- Công ty Cổ phần Fado Việt Nam
- 5- Công ty Cổ phần iCheck
- 6- Công ty cổ phần MISA
- 7- Công ty TNHH MTV TMDT Viettel
- 8- Công ty cổ phần Ecom Group
- 9- Công ty CP Phát triển TMĐT Việt Long
- 10- VNPT Fintech
- 11- Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ BBT Việt Nam.
- 12- Công ty TNHH Thang máy Hitachi Việt Nam
- 13- Trung tâm Kinh doanh VNPT _Hà Nội
- 14- Công ty Cổ phần Giải pháp và Công nghệ HBS
- 15- Công ty Cổ phần Công nghệ Maxbuy
- 16- Công Ty Hồng hạc Đại lãi
- 17- Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam
- 18- Công ty TNHH Công nghệ sạch Nông nghiệp
- 19- Công ty Cổ phần Tin học Quang Minh
- 20- Công ty TNHH bê tông đúc sẵn Sông Đáy

21- Công ty Cổ phần Nhanh.vn

Danh sách các trường đại học và Học viện hợp tác với Khoa QTKD :

- 1- Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
- 2- Trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội
- 3- Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội
- 4- Học viện Phụ nữ Việt Nam

f) Tổ chức phong trào SV: SV của Khoa tham dự và đạt các nhiều thành tích cao trong các cuộc thi và đã có 367 SV ngành TMĐT được đơn vị trao học bổng tài năng hằng năm (từ năm 2016-2022): Năm 2016: 56 SV; Năm 2017: 88 SV; Năm 2018: 54 SV; Năm 2019: 38 SV; Năm 2020: 59 SV; Năm 2021: 52 SV; Năm 2022: 20 SV. Cụ thể:

- Trong năm 2017, Khoa đã tổ chức thành công cuộc thi:

+ “Kiến thức và kỹ năng chuyên môn về TMĐT (E-Commeceer Race)”. Đây là cuộc thi đầu tiên về TMĐT do Học viện chủ trì, Khoa triển khai tổ chức với sự tham dự của các đội thi đến các trường Đại học tại Hà Nội.

+ Phối hợp tổ chức cuộc thi “P-STARTUP” ý tưởng khởi nghiệp SV Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Nhóm SV của Khoa đã được ban tổ chức trao giải Nhì (không có giải nhất) cho ý tưởng Farm Mall - phân phối nông sản sạch do SV Tống Hương Giang, lớp D15QT3 làm trưởng nhóm và 03 giải Ba thuộc về các ý tưởng: “AZHome - Ứng dụng tìm phòng trọ” do SV Đinh Văn Kinh, lớp D15CQQT2 làm trưởng nhóm.

+ Chương trình Giao lưu với tân SV khóa 2017

- Trong năm 2018 Khoa đã tổ chức thành công cuộc thi “King & Queen” dành cho SV, Chương trình Giao lưu với tân SV khóa 2018.

- Trong năm 2019 Khoa thành công trong việc đồng chủ trì tổ chức cuộc thi “Ý tưởng Sáng tạo khởi nghiệp SV – Startup 2019” kết quả SV của khoa đạt được là một đội đạt giải nhất và một đội đạt giải nhì cấp Học viện. Đặc biệt, đội thi đạt giải nhất với chủ đề “Ứng dụng học tập và ôn luyện kiến thức Memo” do SV Tống Hương Giang làm trưởng nhóm đã vinh dự được chọn là đại diện của Học viện tham dự cuộc thi cấp Quốc gia và đã vào vòng chung kết 50 đội thi đến từ các trường đại học trên toàn quốc. Ngoài ra một đội SV của Khoa cũng đã đạt giải nhất cuộc thi statup dành cho nữ sinh tại vòng chung kết toàn quốc do Học viện Phụ nữ tổ chức.

Khoa tổ chức thành công “Chương trình Giao lưu với tân SV khóa 2019”

- Trong năm 2020 Khoa tổ chức thành công

+ “Chương trình Giao lưu với tân SV khóa 2020”.

+ Tham gia: cuộc thi “Tài năng trẻ logistics Việt Nam năm 2020” kết quả đạt giải Khuyến khích, cuộc thi “Khởi nghiệp sáng tạo dành cho nữ SV 2020” kết quả đạt giải Tăng trưởng, Khoa đồng chủ trì tổ chức cuộc thi “Ý tưởng Sáng tạo khởi nghiệp SV – Startup 2020” kết quả một đội đạt giải nhì và một đội đạt giải ba cấp Học viện.

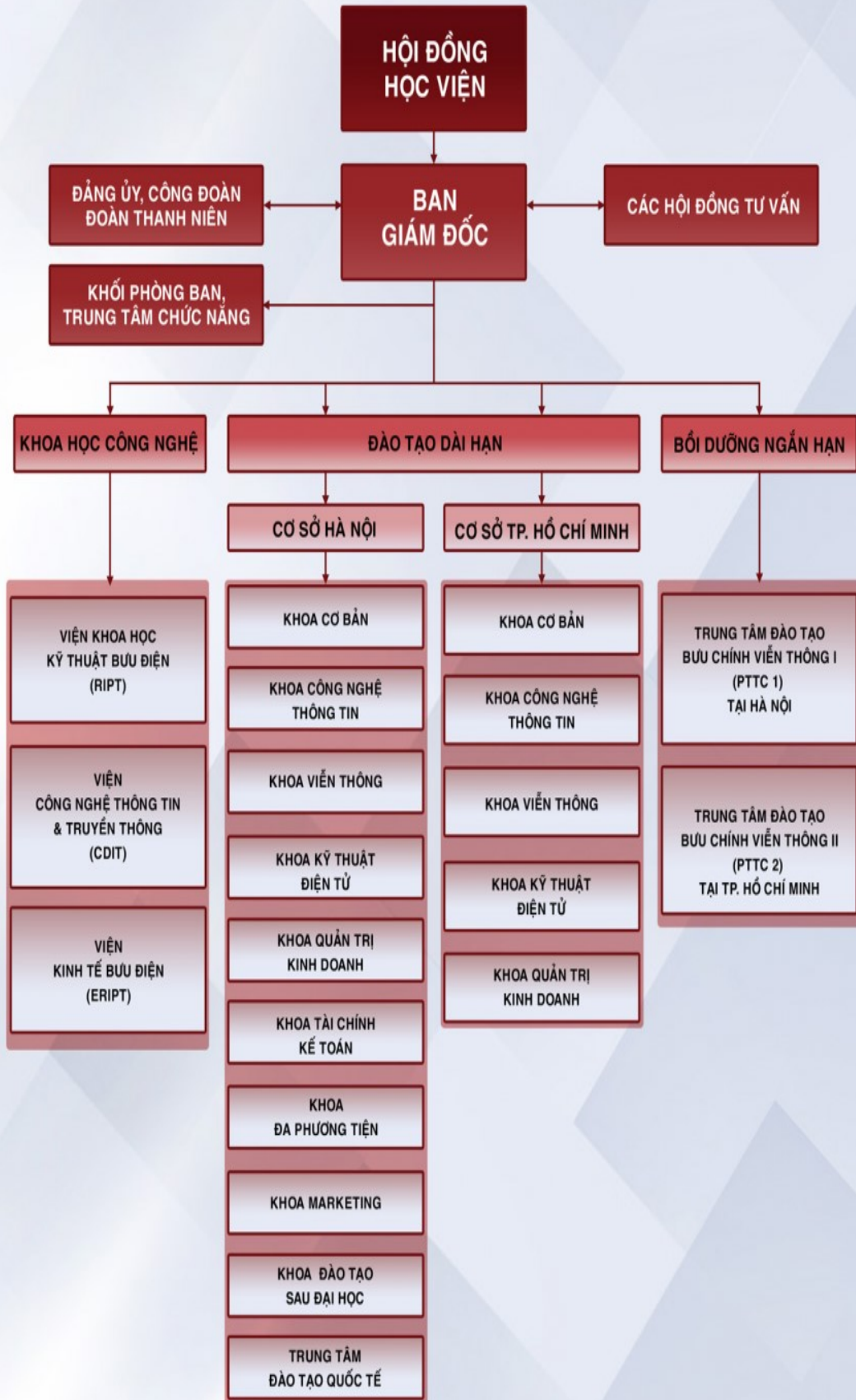
+ Khoa tổ chức thành công cuộc thi "PTIT-YES" chuyên môn QTKD và TMĐT.

+ Thành công trong việc đồng chủ trì tổ chức cuộc thi “Ý tưởng Sáng tạo khởi nghiệp SV - Startup 2020” kết quả một đội đạt giải nhì và một đội đạt giải ba.

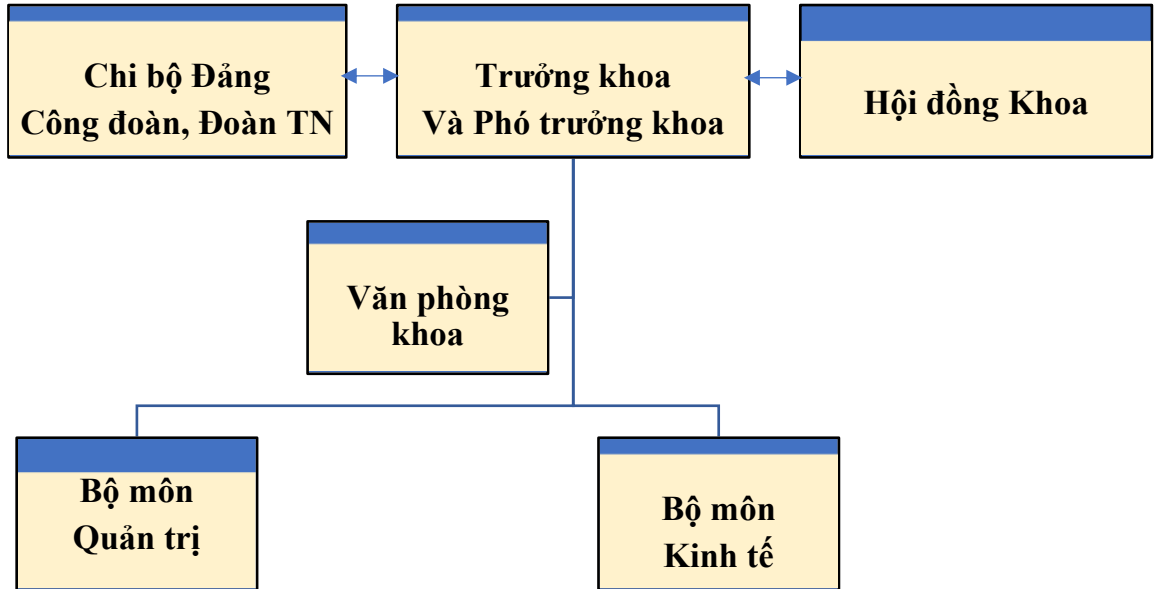
- Trong năm 2021 Khoa đã thành công trong việc tổ chức và hướng dẫn các nhóm SV của khoa tham gia các cuộc thi cấp Quốc gia như “Tài năng trẻ logistics Việt Nam năm 2021”. Cuộc thi Tài năng trẻ Logistics Việt Nam năm 2021, trở lại từ ngày 1/8/2021 và đã thu hút được sự quan tâm của rất nhiều SV với 495 đội thi đến từ 48 trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc. Điều đó chứng tỏ được quy mô cũng như những lợi ích thiết thực mà cuộc thi mang lại cho các ngành Logistics tại Việt Nam. Trải qua hai phần thi Thấp lửa và Khát vọng. Đội thi tới từ Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông đã vào vòng 2 của cuộc thi.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

23.1 Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục



23.2 Cơ cấu tổ chức hành chính của đơn vị thực hiện CTĐT



23.2. Sơ đồ tổ chức Khoa QTKD

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hội đồng Học viện	Từ Minh Phương	1971	GS.TS. Chủ tịch Hội đồng	0913507508	phuongtm@ptit.edu.vn
2	Ban Giám đốc	Đặng Hoài Bắc	1976	PGS.TS. Giám đốc	0903284728	bacdh@ptit.edu.vn
		Vũ Tuấn Lâm	1962	TS. Phó giám đốc	0903426232	lamViễn thông@ptit.edu.vn
		Trần Quang Anh	1974	PGS.TS. Phó giám đốc	0911762222	tqanh@ptit.edu.vn
		Tân Hạnh	1964	TS. Phó giám đốc	0907106251	tanhanh@ptit.edu.vn
II	Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT					
	Khoa QTKD 1					
1	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.1		Vũ Trọng Phong	1972	TS, Trưởng Khoa	0912099811	phongvt@ptit.edu.vn
1.2		Trần Thị Thập	1973	TS, Phó trưởng Khoa	0912212929	thaptt@ptit.edu.vn
2	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội SV					
2.1	Bí thư Chi bộ	Vũ Trọng Phong	1972	TS, Trưởng Khoa	0912099811	phongvt@ptit.edu.vn
2.2	Chủ tịch Công đoàn	Trần Đoàn Hạnh	1977	TS, Phó trưởng Khoa	0913083399	hanhtd@ptit.edu.vn
2.3	Đoàn Thanh niên	ThS. Dương Thúy Hằng	1994	TS, Bí thư Đoàn TN	0936963388	hang_dt@ptit.edu.vn
3	Các bộ môn					
3.1	BM Kinh tế	Trần Thị Hòa	1972	TS. Trưởng Bộ môn	0914281999	hoatt@ptit.edu.vn
3.2	BM Quản trị	Trần Thị Thập	1973	TS. Trưởng Bộ môn	0912212929	thaptt@ptit.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:
26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0
27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0
28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 01
29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0
30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0
31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Không.

32. Tổng số các ngành đào tạo: 01

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT TMDT

33. Thống kê số lượng CBQL, giảng viên và nhân viên của Khoa QTKD thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	7	8	15
I.1	Đội ngũ trong biên chế			
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	7	8	15
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng)			
	Tổng số	7	8	15

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có CSDL về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ CSDL lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
1	Giáo sư, Viện sĩ	0		0			
2	Phó Giáo sư	1		1			
3	Tiến sĩ khoa học	0		0			
4	Tiến sĩ	3		3			
5	Thạc sĩ	11		11			
6	Đại học	0		0			
7	Cao đẳng	0					
8	Trình độ khác	0					
	Tổng số	15		15			

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 15 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $15/15 = 100\%$

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của BGD&ĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở GDDH, học viện: áp dụng Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng BGD&ĐT).

(1)	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	GS, VS	5,0	0		0				0
2	PGS	3,0	1		1				3
3	TSKH	3,0	0		0				0
4	Tiến sĩ	2,0	3		3				6
5	Thạc sĩ	1,0	11		11				11
6	Đại học	0,3	0		0				0
	Tổng		15	0	15	0	0	0	20

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	GS, VS	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
2	PGS	1	6,67	1	0	0	0	0	0	1
3	TSKH	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	3	20,00	2	1	0	0	3	0	0
5	Thạc sĩ	11	73,33	4	7	1	4	6	0	0
6	Đại học	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	15	100	7	8	1	4	9	0	1

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 44,26 tuổi.

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $4/15 = 26,6\%$

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $11/15 = 73,3\%$

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80 % thời gian của công việc)	15%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80 % thời gian của công việc)	20%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60 % thời gian của công việc)	45%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40 % thời gian của công việc)	20%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20 % thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của CTĐT)

38. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và NCS: Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh (%)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2019-2020	1396	82	17,02	81	BVH: 22,45 TTNV ≤ 2	19,73	0
2020-2021	2479	115	21,56	114	BVH: 25,70 TTNV ≤ 4	21,55	0
2021-2022	4855	119	40,80	114	BVH: 26,50 TTNV ≤ 4	24,78	0
2022-2023	4212	124	33,97	122	BVH: 26,35 TTNV ≤ 3	25,94	0
2023-2024	1919	130	14,76	128	BVH: 26,22 TTNV ≤ 2	25,94	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. SV đại học	69	145	258	368	425
Trong đó:					
Hệ chính quy	69	145	258	368	425
Hệ không chính quy	743	705	817	408	316
4. SV cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					

40. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	0	0	0	0	0

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong KTX/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	5.727	5.727	5.727	5.727	5.727
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài KTX) (người)	520	570	639	573	599
3. Người học được ở trong KTX (người)	120	150	140	140	130
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong KTX (m ² /người)	4,3	3,8	4,6	4,1	4,6

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	17	10	10	13	23
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	0.23	0.36	0.28	0.79	0.34

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. SV tốt nghiệp đại học	0	0	0	0	45
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	45
Hệ không chính quy					
4. SV tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018 (TN năm 2018)	2018-2019 (TN năm 2019)	2019-2020 (TN năm 2020)	2020-2021 (TN năm 2021)	2022-2023 (TN năm 2022)
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	69	145	258	368	425
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).					75,00
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	Không khảo sát	Không khảo sát	Không khảo sát	Không khảo sát	91,36
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	Không khảo sát	Không khảo sát	Không khảo sát	Không khảo sát	9,57
3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	Không khảo sát	Không khảo sát	Không khảo sát	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018 (TN năm 2018)	2018-2019 (TN năm 2019)	2019- 2020 (TN năm 2020)	2020- 2021 (TN năm 2021)	2022-2023 (TN năm 2022)
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). 1 - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.					93,30 5,68 6-15tr (89.4%)
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					93,30
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					5,68
5. Đánh giá của NTD về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					Ứng dụng cao và phù hợp: 75
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					Ứng dụng không cao: 15,2
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					Không ứng dụng: 9,8

Người học tốt nghiệp là NH có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những NH chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là NH tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp Học viện-Khoa QTKD	0,5	12	14	14	17	17	37
	Tổng		12	14	14	17	17	37

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 37 đề tài

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $37/15 = 2,47$.

46. Doanh thu từ NCKH và CGCN của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và CGCN (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và CGCN so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và CGCN trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2018	128	0,12	0,12
2	2019	230	0,2	0,18
3	2020	380	0,6	0,34
4	2021	215	0,2	0,19
5	2022	412	0,4	0,57

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	5	

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	12	
Trên 6 đề tài	0	0		
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	17	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Sách chuyên khảo	2,0						
2	Sách giáo trình	1,5	2		1			4.5
3	Sách tham khảo	1,0		1		1	1	3
4	Sách hướng dẫn	0,5						
	Tổng		2	1	1	1	1	7.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 7,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $7,5/15 = 0,5$

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		3	3	
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia		3	3	

50. Số lượng bài báo của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5						

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	13	20	20	16	20	89,0
3	Tạp chí/ tập san của cấp trường	0,5						
	Tổng		13	20	20	16	20	89,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 89,0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $89/15 = 5,93$.

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo		13	
Từ 6 đến 10 bài báo		4	
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia		17	

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2	2	3	1	1	9,00
2	Hội thảo trong nước	0,5						
3	Hội thảo cấp trường	0,25	22	28	32	32	36	37,50
	Tổng		24	30	35	33	37	46,50

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 46,5 bài

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $46,5/15 = 3,1$.

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở Học viện
Từ 1 đến 5 báo cáo	4	2	
Từ 6 đến 10 báo cáo			16
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	4	2	16

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			73	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia			73	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích NCKH của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	1	5	3	3	5
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 127.694,90 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 79.376 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 26.402,0 m² Nơi học: 46.640,0 m² Nơi vui chơi giải trí: 4.335 m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 11.991 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $11.991/13.795 = 0.81 \text{ m}^2/\text{SV}$.

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 61 đầu sách, bao gồm 40 đầu giáo trình; 21 đầu tài liệu tham khảo

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 0

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 477

- Dùng cho người học học tập: 840

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: $840/13.795 = 0,06$

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 15

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $15/15 = 100\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $4/15 = 26,7\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $11/15 = 73,3\%$

2. Người học:

Tổng số NH chính quy (người): 425 SV

Tỷ số NH chính quy trên giảng viên: 20,94

Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 75,0%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 90,36%.

Tỷ lệ NH trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 9,64%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 65,67 (TB cộng của các năm)

Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%): 15,52 (TB cộng của các năm)

Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm (triệu VNĐ): 81,76 % thu nhập bình quân từ 5-15 triệu đồng/tháng (TB cộng của các năm)

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 76,15

Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 14,12

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $66,5/15 = 2,38$.

Tỷ số doanh thu từ NCKH và CGCN trên cán bộ cơ hữu: 0,38

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $7,5/15 = 0,5$

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $89/15 = 5,93$.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $46,5/15 = 3,1$.

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: $926/13.795 = 0,07$.

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $11.991/13.795 = 0,87 \text{ m}^2/\text{SV}$.

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: $24.834/13.795 = 1,80$.

Phụ lục 2: Các tư liệu, tài liệu liên quan

- Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành TMĐT (gồm Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách) (Trang 295)
- Kế hoạch Tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành TMĐT (Trang 301)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Số: 1962 /QĐ-HV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
trình độ đại học ngành Thương mại điện tử

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Lao động và Trường trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử gồm các Ông/Bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử có Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách gồm các Ông/ Bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng Tự đánh giá có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013, Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 3. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Lao động, Trường Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường Khoa Quản trị kinh doanh 1, Trưởng các đơn vị có liên quan và các Ông/Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐHV đề (b/c);
- Như Điều 3 (đề t/h);
- Lưu VT, KT&ĐBCLGD.



PGS.TS. Đặng Hoài Bắc



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

(Kèm theo Quyết định số 196/QĐ-HV ngày 27/12/2022 của Giám đốc Học viện)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS. Đặng Hoài Bắc	Giám đốc Học viện, Phó Bí thư Đảng ủy Học viện	Chủ tịch
2.	PGS.TS. Trần Quang Anh	Phó Giám đốc Học viện	Phó chủ tịch
3.	TS. Tân Hạnh	Phó Giám đốc Học viện, Chủ tịch Công đoàn Học viện	Phó chủ tịch
4.	TS. Vũ Trọng Phong	Trưởng khoa QTKD1	Phó chủ tịch thường trực
5.	CN. Nguyễn Xuân Trường	Phó giám đốc Trung tâm ĐTBCVT1	Ủy viên thường trực
6.	TS. Trần Thị Thập	Phó trưởng khoa QTKD1	Ủy viên
7.	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	GVC Khoa QTKD1	Ủy viên
8.	ThS. Dương Nguyễn Uyên Minh	Phụ trách Khoa QTKD2	Ủy viên
9.	ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng trung tâm KT&ĐBCLGD	Ủy viên
10.	ThS. Nguyễn Thị Bích Liên	Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT	Ủy viên
11.	ThS. Đặng Thu Hà	Trưởng phòng TCCB-LĐ	Ủy viên
12.	ThS. Đặng Văn Tùng	Quyền trưởng phòng Đào tạo Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Ủy viên
13.	ThS. Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ Thư ký Hội đồng Học viện	Ủy viên
14.	TS. Ngô Đức Thiện	Trưởng phòng QLKH&HTQT	Ủy viên
15.	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng Chính trị & CTSV	Ủy viên
16.	ThS. Đinh Hồng Hải	Phó trưởng phòng KHĐT	Ủy viên
17.	ThS. Trần Vũ Hải	Chánh văn phòng Học viện	Ủy viên
18.	TS. Nguyễn Quý Sỹ	Trưởng trung tâm TN-TH	Ủy viên
19.	CN. Cao Xuân Hiền	Giám đốc trung tâm Dịch vụ	Ủy viên
20.	ThS. Nguyễn Hoàng Thanh	Trưởng trung tâm KT&ĐBCLGD - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên
21.	ThS. Lê Quang Phú	Trưởng phòng ĐT&KH&CN - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên
22.	ThS. Lưu Nguyễn Kỳ Thu	Trưởng phòng Giáo vụ - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên
23.	ThS. Chung Hải Bằng	Bí thư Đoàn Thanh niên Học viện	Ủy viên
24.	Ngô Kiều Anh	Sinh viên Lớp D20CQTM02-B	Ủy viên
25.	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thư ký

(Danh sách gồm có 25 người)

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**
(Kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-HV ngày 21/12/2022 của Giám đốc Học viện)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	CN. Nguyễn Xuân Trường	Phó giám đốc Trung tâm ĐTBCT1	Trưởng Ban
2.	ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng trung tâm KT&ĐBCLGD	Thành viên
3.	TS. Trần Thị Hòa	GVC Khoa QTKD1	Thành viên
4.	TS. Lê Thị Ngọc Diệp	GV Khoa QTKD1	Thành viên
5.	TS. Nguyễn Thùy Dung	GV Khoa QTKD1	Thành viên
6.	ThS. Trần Thị Thúy Hồng	GV Khoa QTKD1	Thành viên
7.	ThS. Nguyễn Thanh Nga	GV Khoa QTKD1	Thành viên
8.	ThS. Nguyễn Mỹ Vân	GV Khoa QTKD1	Thành viên
9.	CN. Ngô Thị Lê Vân	Trợ lý Khoa QTKD1	Thành viên
10.	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thành viên
11.	CN. Trịnh Thị Hằng	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thành viên
12.	ThS. Cao Minh Hằng	CV Phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
13.	ThS. Phạm Lê Huy	Phó trưởng phòng TCCB-LĐ	Thành viên
14.	ThS. Phạm Hồng Minh	CV phòng TCCB-LĐ	Thành viên
15.	ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	CV Phòng QLKH&HTQT	Thành viên
16.	ThS. Bùi Thị Minh Huệ	CV Phòng QLKH&HTQT	Thành viên
17.	ThS. Nguyễn Thị Thu Nga	CV Phòng QLKH&HTQT	Thành viên
18.	ThS. Nguyễn Hồng Huệ	Phó trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
19.	ThS. Đinh Thị Bích Hạnh	CV Phòng Đào tạo	Thành viên
20.	ThS. Trần Hoàng Sơn	Phó trưởng phòng KHĐT	Thành viên
21.	CN. Nguyễn Hồng Minh	CV Phòng Giáo vụ	Thành viên
22.	ThS. Nguyễn Ngọc Quang	CV Phòng Giáo vụ	Thành viên
23.	ThS. Lê Thị Cẩm Thuần	Phó chánh Văn phòng HV	Thành viên
24.	CN. Nguyễn Thị Mơ	CV Văn phòng Học viện	Thành viên
25.	ThS. Dương Thị Hà Quyên	CV Pháp chế - VPHV	Thành viên
26.	ThS. Trần Quang Thuận	Trưởng phòng CTSV - CSHV	Thành viên
27.	ThS. Nguyễn Thanh Vân	Trưởng phòng TCHCQT - CSHV	Thành viên
28.	ThS. Trần Quang Hưng	Phòng Kế hoạch Đầu tư	Thành viên
29.	ThS. Lê Thị Hội An	CV Phòng CT&CTSV	Thành viên
30.	CN. Lê Thị Kim Nhung	CV Phòng CT&CTSV	Thành viên
31.	ThS. Nguyễn Thu Trang	CV Phòng CT&CTSV	Thành viên

(Danh sách gồm có 31 người)

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

(Kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-HV ngày 27/12/2022 của Giám đốc Học viện)

Nhóm 1: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 1, 2 và 3

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Trần Thị Thập	Phó trưởng khoa QTKD1	Trưởng nhóm
2	ThS. Đặng Văn Tùng	Quyền trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
3	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	GVC khoa QTKD 1	Thành viên
4	Th.S. Dương Nguyễn Uyên Minh	Phụ trách khoa QTKD2	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Mỹ Vân	GV Khoa QTKD1	Thư ký

Nhóm 2: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 4 và Tiêu chí 10.1, 10.2, 10.3

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Vũ Trọng Phong	Trưởng khoa QTKD1	Trưởng nhóm
2	TS. Trần Thị Hòa	Trưởng bộ môn Kinh tế - Khoa QTKD1	Thành viên
3	ThS. Đỗ Hải Yên	Trưởng phòng CT&CTSV	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ	Thành viên
5	TS. Nguyễn Thùy Dung	GV Khoa QTKD 1	Thư ký

Nhóm 3: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 5 và các tiêu chí 10.6 và 11.5

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng trung tâm KT&ĐBCLGD	Trưởng nhóm
2	ThS. Nguyễn Hoàng Thanh	Trưởng TT KT&ĐBCLGD – CSHV	Thành viên
3	ThS. Lê Thị Cẩm Thuần	Phó chánh Văn phòng Học viện	Thành viên
4	ThS. Lê Thị Hội An	CV Phòng CT&CTSV	Thành viên
5	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thư ký

Nhóm 4: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 6 và 7 (trừ tiêu chí 6.7).

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Đặng Thu Hà	Trưởng phòng TCCB-LĐ	Trưởng nhóm
2	ThS. Nguyễn Thị Bích Liên	Trưởng phòng TCKT	Thành viên
3	ThS. Nguyễn Thanh Vân	Trưởng phòng TCHCQT - CSHV	Thành viên
4	ThS. Phạm Lê Huy	Phó Trưởng phòng TCCB-LĐ	Thành viên
5	ThS. Phạm Hồng Minh	CV Phòng TCCB-LĐ	Thư ký

Nhóm 5: Viết báo cáo Tiêu chí 6.7, 9.2, 10.4 và 11.4

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Ngô Đức Thiện	Trưởng phòng QL KHCN&HTQT	Trưởng nhóm
2	ThS. Phạm Lê Huy	Phó trưởng phòng TCCB-LĐ	Thành viên
3	ThS. Nguyễn Thị Thu Nga	CV Phòng QLKHCN&HTQT	Thành viên
4	ThS. Bùi Thị Minh Huệ	CV Phòng QLKHCN&HTQT	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	CV Phòng QLKHCN&HTQT	Thư ký

Nhóm 6: Viết báo cáo Tiêu chí 8.1 và 8.2

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Đặng Văn Tùng	Quyền trưởng phòng Đào tạo	Trưởng nhóm
2	ThS. Lê Quang Phú	Trưởng phòng ĐT&KHCN - CSHV	Thành viên
3	ThS. Chung Hải Bằng	Bí thư Đoàn Thanh niên HV	Thành viên
4	ThS. Đinh Thị Bích Hạnh	CV Phòng Đào tạo	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Hồng Huệ	Phó trưởng phòng Đào tạo	Thư ký

Nhóm 7: Viết báo cáo Tiêu chí 8.3, 11.1 và 11.2

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ	Trưởng nhóm
2	ThS. Lưu Nguyễn Kỳ Thư	Trưởng phòng Giáo vụ - CSHV	Thành viên
3	TS. Lê Thị Ngọc Diệp	GV Khoa QTKD 1	Thành viên
4	ThS. Lê Thị Hội An	CV Phòng CT&CTSV	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Ngọc Quang	CV Phòng Giáo vụ	Thành viên
6	CN. Nguyễn Hồng Minh	CV Phòng Giáo vụ	Thư ký

Nhóm 8: Viết báo cáo Tiêu chí 8.4, 8.5, 9.5 và 11.3

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng CT&CTSV	Trưởng nhóm
2	ThS. Trần Quang Thuận	Trưởng phòng CTSV - CSHV	Thành viên
3	ThS. Dương Thị Hà Quyên	CV pháp chế - VPHV	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	CV Phòng CT&CTSV	Thành viên
5	CN. Lê Thị Kim Nhung	CV Phòng CT&CTSV	Thư ký

Nhóm 9: Viết báo cáo Tiêu chí 9.1, 9.3, 9.4 và 10.5

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Trần Vũ Hải	Chánh văn phòng Học viện	Trưởng nhóm
2	ThS. Nguyễn Thanh Vân	Trưởng phòng TCHCQT - CSHV	Thành viên
3	TS. Nguyễn Quý Sỹ	Trưởng trung tâm TN-TH	Thành viên
4	KS. Cao Xuân Hiền	Giám đốc trung tâm Dịch vụ	Thành viên
5	ThS. Trần Quang Hưng	CV Phòng Kế hoạch Đầu tư	Thành viên
6	ThS. Cao Minh Hằng	CV Phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
7	CN. Nguyễn Thị Mơ	CV Văn phòng Học viện	Thư ký



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1333/KH-HV

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

I. Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Thương mại điện tử sẽ giúp Học viện và Khoa Quản trị kinh doanh đạt được các mục đích sau:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân Thương mại điện tử so với Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, từ đó có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Học viện; tự xem xét, đánh giá CTĐT của Học viện để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành Thương mại điện tử để điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của Học viện đối với xã hội và cộng đồng.

- Thực hiện việc giải trình với cơ quan lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình đào tạo, làm cơ sở cho người học lựa chọn chương trình và nhà tuyển dụng lao động lựa chọn nhân lực được đào tạo từ Học viện.

- Là cơ sở để Học viện cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Học viện trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội. Tự đánh giá (TĐG) CTĐT đồng thời tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch. Giúp các bên liên quan biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT ngành Thương mại điện tử theo hệ thống, qua đó đề xuất và thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT ngành Thương mại điện tử hiệu quả hơn.

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành Thương mại điện tử.

II. Phạm vi tự đánh giá

Khoa Quản trị kinh doanh tiến hành đánh giá các hoạt động thực hiện CTĐT ngành Thương mại điện tử theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện và sự cung cấp thông tin, minh chứng của các đơn vị chức năng Học viện, qua các thông tin và minh

chứng trong 5 năm, giai đoạn 2019-2023 (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2023).

III. Công cụ tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành Thương mại điện tử của Khoa Quản trị kinh doanh và Học viện được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn KĐCL CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Thương mại điện tử được thành lập theo Quyết định số 1962/QĐ-HV ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Học viện), Hội đồng gồm có 25 thành viên (danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo)

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Ban thư ký:

- Phối hợp với các nhóm công tác chuyên trách tổ chức thu thập thông tin minh chứng cho các tiêu chí, tiêu chuẩn theo tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH) tại công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức biên soạn phần I. Tổng quan và phần IV. Cơ sở dữ liệu kiểm định của Báo cáo TĐG CTĐT ngành Thương mại điện tử.

b) Các nhóm công tác chuyên trách, cá nhân thực hiện

TT	Tiêu chuẩn Tiêu chí	Cơ sở dữ liệu kiểm định	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2 và 3	Mục 13 đến 21 Mục 25 đến 32	Nhóm 1	30/01/2023÷02/4/2023	
2	- Tiêu chuẩn 4 - Tiêu chí 10.1, 10.2 và 10.3		Nhóm 2	30/01/2023÷02/4/2023	
3	- Tiêu chuẩn 5 - Tiêu chí 10.6 và 11.5		Nhóm 3	30/01/2023÷02/4/2023	
4	- Tiêu chuẩn 6 (trừ tiêu chí 6.7). - Tiêu chuẩn 7	Mục 22, 23, 24 Mục 33 đến 37	Nhóm 4	30/01/2023÷02/4/2023	
5	Tiêu chí 6.7, 9.2, 10.4 và 11.4	Mục 42, 60 Mục 45 đến 55	Nhóm 5	30/01/2023÷02/4/2023	

TT	Tiêu chuẩn Tiêu chí	Cơ sở dữ liệu kiểm định	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
6	Tiêu chí 8.1 và 8.2	Mục 38, 39, 40	Nhóm 6	30/01/2023÷02/4/2023	
7	Tiêu chí 8.3, 11.1 và 11.2	Mục 43	Nhóm 7	30/01/2023÷02/4/2023	
8	Tiêu chí 8.4, 8.5, 9.5 và 11.3	Mục 44	Nhóm 8	30/01/2023÷02/4/2023	
9	Tiêu chí 9.1, 9.3, 9.4 và 10.5	Mục 41, 56, 57, 58, 59, 61	Nhóm 9	30/01/2023÷02/4/2023	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: Dự kiến trong tháng 02/2023

2. Thành phần: Lãnh đạo Học viện; cán bộ giảng viên làm công tác đảm bảo CLGD; thành viên hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách của các chương trình đào tạo đăng ký tự đánh giá.

3. Nội dung, chương trình tập huấn:

- Tập huấn về kỹ năng viết báo cáo tự đánh giá để kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ban hành ngày 14/3/2016.

- Hướng dẫn xác định minh chứng và thực hành viết các tiêu chí theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT theo từng nhóm.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

Giao Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng giáo dục xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực phục vụ cho công tác TĐG CTĐT ngành Thương mại điện tử (Nhân sự, tài chính, CSVC, trang thiết bị, ...) báo cáo Lãnh đạo Học viện phê duyệt để tổ chức thực hiện.

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Các thông tin cần thu thập từ bên ngoài do các nhóm chuyên trách đề nghị (cụ thể về nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có).

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG

Thuê chuyên gia hướng dẫn tìm minh chứng và thực hành viết các tiêu chí theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT cho Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách.

Khảo sát ý kiến của các chuyên gia, doanh nghiệp, cựu sinh viên tốt nghiệp ngành Thương mại điện tử tại Học viện; khảo sát về CTĐT và đối sánh tỷ lệ sinh viên NCKH, tốt nghiệp, thi học với cùng chuyên ngành của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm

minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã MC.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
<p>Tuần 1 (26/12/2022÷ 01/01/2023)</p>	<p>1. Hội Ban giám đốc Học viện và lãnh đạo Khoa Quản trị kinh doanh để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT.</p> <p>2. Giám đốc Học viện ký quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT.</p> <p>3. Hội Hội đồng TĐG CTĐT với nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG. - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách. - Trao đổi, thống nhất Kế hoạch TĐG CTĐT. - Thống nhất dự thảo Đề cương báo cáo TĐG CTĐT.
<p>Tuần 2-5 (02/01/2023÷ 29/01/2023)</p>	<p>1. Giám đốc Học viện phê duyệt và công bố kế hoạch TĐG CTĐT.</p> <p>2. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện TĐG CTĐT.</p> <p>3. Tổ chức hội thảo về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG CTĐT đối với đội ngũ cán bộ tham gia Hội đồng TĐG và cán bộ chủ chốt các đơn vị có liên quan.</p> <p>4. Hướng dẫn phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; phân tích và mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.</p> <p>5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.</p>
<p>Tuần 6-14 (30/01/2023÷ 02/4/2023)</p>	<p>1. Thu thập hồ sơ minh chứng và viết Báo cáo kết quả thu thập hồ sơ minh chứng. Hoàn thành Phiếu phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.</p> <p>2. Hội HĐ TĐG để thông qua danh mục hồ sơ MC của các Nhóm công tác và thống nhất danh mục các hồ sơ, minh chứng cần thu thập bổ sung.</p>
<p>Tuần 15-20 (03/4/2023÷ 14/5/2023)</p>	<p>1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</p> <p>2. Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</p>

Thời gian	Nội dung hoạt động
	3. Thư ký HĐ tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 21-24 (15/5/2023÷ 11/6/2023)	<p>1. Hội đồng TĐG CTĐT để xem xét các báo cáo tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được và các thông tin cần thu thập bổ sung; ...</p> <p>2. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu có).</p> <p>3. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các khoa, phòng, ban để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.</p>
Tuần 25-32 (12/6/2023÷ 06/8/2023)	<p>1. Thường trực HĐ nhận BC TĐG do các Nhóm chỉnh sửa để xin ý kiến thẩm định của các thành viên hội đồng và chuyên gia tư vấn;</p> <p>2. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các khoa, bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ Học viện và Khoa Quản trị kinh doanh.</p> <p>3. Đăng tải nội dung Báo cáo TĐG CTĐT lên website Học viện để xin ý kiến và đề nghị các Nhóm tiếp tục chỉnh sửa báo cáo và bổ sung MC.</p> <p>4. Các khoa, bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học Ngành Thương mại điện tử đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG CTĐT.</p>
Tuần 33-37 (07/8/2023÷ 17/9/2023)	<p>1. Các Nhóm Công tác chuyên trách chỉnh sửa, hoàn thiện vào cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và gửi cho Thường trực HĐ.</p> <p>2. Thường trực hội đồng tổng hợp thành Báo cáo TĐG CTĐT gửi các thành viên hội đồng để xin ý kiến thẩm định.</p> <p>3. Hội đồng TĐG CTĐT để thống nhất việc bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện.</p> <p>4. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG, hoàn thiện báo cáo TĐG và trình Giám đốc Học viện, Chủ tịch HĐ TĐG CTĐT phê duyệt.</p>
Tuần 38-40 (18/9/2023÷ 08/10/2023)	<p>1. Học viện gửi báo cáo TĐG CTĐT tới Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT để xin ý kiến trước khi đánh giá ngoài.</p> <p>2. Sau khi nhận được phản hồi của Cục Quản lý chất lượng, Học viện rà soát và sửa lại báo cáo TĐG theo yêu cầu của Cục Quản lý chất lượng hoặc giải trình (nếu giữ nguyên ý kiến) và gửi lại cho Cục Quản lý chất lượng.</p> <p>3. Học viện gửi báo cáo TĐG CTĐT cho Bộ Thông tin và Truyền thông, kèm theo công văn đề nghị Bộ TT&TT quan tâm, hỗ trợ trong quá trình thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT theo các kế hoạch hành động đã nêu trong báo cáo TĐG.</p>

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 41-42 (09/10/2023÷ 22/10/2023)	1. Trung tâm KT&ĐBCLGD lưu trữ báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo đã được phê duyệt cùng toàn bộ hồ sơ liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện để chuẩn bị cho công tác đánh giá ngoài. Hồ sơ lưu trữ gồm: a) Quyết định thành lập hội đồng TĐG; b) Kế hoạch TĐG; c) Các Phiếu đánh giá tiêu chí; d) Báo cáo TĐG; e) Các thông tin, minh chứng (có thể lưu trữ riêng hoặc lưu trữ, bảo quản tại hồ sơ lưu trữ đang sử dụng của nhà trường, nhưng phải bảo đảm nguyên tắc thuận tiện tra cứu và sử dụng); f) Các văn bản liên quan (nếu có). 2. Bản sao báo cáo tự đánh giá CTĐT được lưu tại thư viện Học viện 3. Trung tâm KT&ĐBCLGD xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT hằng năm.

Học viện thông báo để các đơn vị triển khai tổ chức thực hiện./.

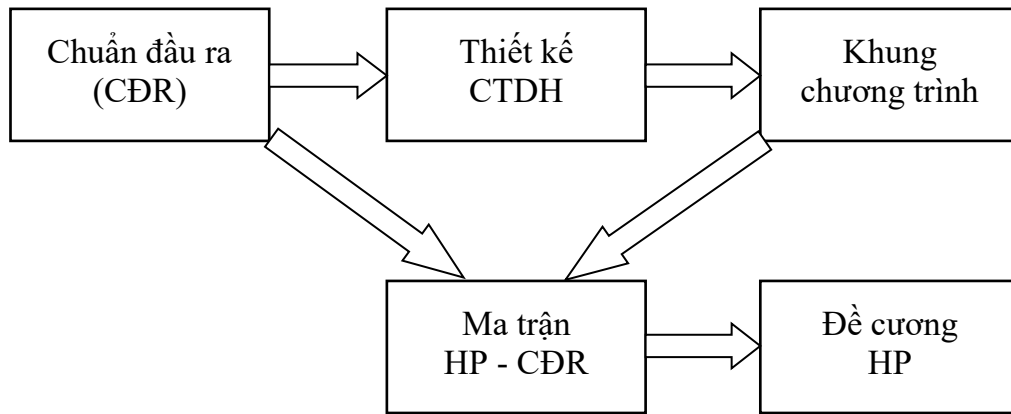
Nơi nhận:

- Bộ TT&TT (để b/c);
- Hội đồng TĐG CTĐT (để t/h);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện (để t/h);
- Lưu VT, KT&ĐBCLGD



Đặng Hoài Bắc

3. Các bảng biểu tổng hợp, thống kê,... phục vụ tự đánh giá CTĐT



(1) Hình 3. 1: Quy trình thiết kế, xây dựng CTDH

(2) Bảng 3.1: CDR của CTDH ngành TMĐT năm 2023

TT	Nhóm CDR	Ký hiệu	Giải thích
1	Về Kiến thức	LO1-L06	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và giải thích được những vấn đề cơ bản của khoa học xã hội như: truyền thông, quảng cáo, báo chí, văn hóa – xã hội, pháp luật, tin học... để vận dụng các kiến thức này trong hoạt động truyền thông, quảng cáo và quan hệ công chúng trong các tổ chức, doanh nghiệp. - Hiểu và giải thích được những vấn đề cơ bản của khoa học xã hội để vận dụng các kiến thức này trong hoạt động TMĐT. - Vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên sâu về TMĐT trong hoạt động nghề nghiệp.
2	Về kỹ năng chuyên môn	LO7 đến LO10	<ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng kiến tạo chiến lược, quản lý và tư vấn các dự án TMĐT bao gồm phân tích, đánh giá các đề xuất, giải pháp và chiến lược nhằm cải thiện kết quả hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp. - Có kỹ năng phối hợp, thích ứng nhanh và linh hoạt với các nhiệm vụ cụ thể thuộc chức năng nhiệm vụ.
3	Về kỹ năng mềm	LO11 đến LO15	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng giao tiếp: Giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ và kinh tế xã hội. - Kỹ năng làm việc nhóm: biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm; có khả năng hội nhập môi trường quốc tế. - Kỹ năng về lập kế hoạch và tổ chức công việc: Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề và báo cáo phân tích; thành thạo kỹ năng diễn thuyết và thuyết trình chuyên môn liên quan tới các hoạt động nghề nghiệp.

TT	Nhóm CDR	Ký hiệu	Giải thích
			- Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế; Có khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để phục vụ công việc, học tập và nghiên cứu.
4	Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm	LO16 đến LO18	- Có bản lĩnh chính trị vững vàng; Kiên định đường lối cách mạng và chủ trương, chính sách của Nhà nước; Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân; Chấp hành và thượng tôn pháp luật; Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm với xã hội. - Có khả năng thích nghi, tự học và tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Chủ động và hợp tác trong công việc.

(3) Bảng 3.2: Chuẩn đầu ra, khối kiến thức và học phần của CTDH

TT	CDR	Khối kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của CTDH	Học phần
I	Kiến thức giáo dục đại cương		
1	LO1, LO16, LO17	Kiến thức lý luận chính trị	Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh.
2	LO1, LO4, LO16, LO17	Kiến thức khoa học tự nhiên và xã hội	Toán cao cấp 1; Toán cao cấp 2; Lý thuyết xác suất và thống kê; Toán kinh tế; Pháp luật đại cương; Tâm lý quản lý.
3	LO12, LO14	Kiến thức ngoại ngữ	Tiếng Anh (Course 1) (*); Tiếng Anh (Course 2); Tiếng Anh (Course 3); Tiếng Anh (Course 3 Plus)
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		
1	LO2, LO3, LO4, LO5, LO6, LO7, LO8, LO9; LO12, LO13, LO14, LO15, LO17, LLO18	Kiến thức cơ sở Khối ngành và ngành	Kinh tế vi mô 1; Kinh tế vĩ mô 1; Quản trị học; Thống kê doanh nghiệp; Marketing căn bản; Nhập môn kinh doanh; Quản trị sản xuất; Thương mại điện tử căn bản; Kế toán cho kinh doanh; Quản trị chiến lược; Kinh doanh quốc tế; Logistics căn bản; Quản trị bán hàng và phân phối SP; Phân tích dữ liệu cho kinh doanh. Nguyên lý lập trình (BU); Nhập môn cơ sở dữ liệu (BU); Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (BU); Thiết kế và triển khai website TMĐT; An toàn hệ thống thông tin kinh doanh. Luật kinh doanh; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị dự án;

TT	CDR	Khối kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của CTDH	Học phần
			Giao tiếp trong kinh doanh; Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp; Phân tích hoạt động kinh doanh.
2	LO2, LO3, LO4, LO5, LO6, LO7, LO8, LO9; LO10, LO11, LO15	Kiến thức chuyên ngành	Bán lẻ trực tuyến; Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Chính phủ điện tử; E-Marketing; Chuyên đề Quản trị Thương mại điện tử; Chuyên đề Tác nghiệp Thương mại điện tử. Pháp luật về thương mại điện tử và an toàn thông tin; Phân tích thiết kế hệ thống thương mại điện tử; Thanh toán điện tử; Quản trị rủi ro; Quản trị quan hệ đối tác.

(4) Bảng 3.3: Cấu trúc các khối kiến thức của CTDH ngành TMĐT phiên bản 2023 và khả năng đáp ứng các CDR

TT	Khối kiến thức	Số TC		Đáp ứng CDR
		Số lượng	Tỷ lệ %	
1	Kiến thức giáo dục đại cương			
	<i>Bắt buộc</i>	45	34,62%	
	<i>Tự chọn</i>	0	0,00%	
	<i>Thực hành, thực tập, thực tế</i>	0	0,00%	
1.1	Kiến thức lý luận chính trị	11	8,46%	LO1, LO16, LO17
1.2	Kiến thức khoa học tự nhiên và xã hội	16	12,31%	LO1, LO4, LO16, LO17
1.3	Kiến thức ngoại ngữ	14	10,77%	LO12, LO14
1.4	Kiến thức Tin học	4	3,08%	LO12, LO15
1.5	Giáo dục Thể chất	4	3,08%	LO1-LO18
1.6	Giáo dục Quốc phòng & An ninh	7,5	5,77%	LO1-LO19
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
2,1	Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành		43,85%	LO2, LO3, LO4, LO5, LO6, LO7, LO8, LO9; LO12, LO13, LO14, LO15, LO17, LLO18
	<i>Bắt buộc</i>	57	40,77%	
	<i>Tự chọn</i>	4	3,08%	
	<i>Thực hành, thực tập, thực tế</i>			
2,2	Kiến thức chuyên ngành	18	13,85%	LO2, LO3, LO4, LO5, LO6, LO7, LO8, LO9; LO10, LO11, LO15
	<i>Bắt buộc</i>	14	10,77%	
	<i>Tự chọn</i>	4	3,08%	
	<i>Thực hành, thực tập, thực tế</i>			
2,3	Kiến thức bổ trợ nếu có (kỹ năng mềm, hướng nghiệp...)	3	2,31%	LO11, LO12, LO13
3	Thực tập và tốt nghiệp			

(8) Bảng 6. 3: Bảng thống kê số lượng bài báo được công bố giai đoạn 2019 - 2023 do GV Khoa QTKD thực hiện

TT	Phân loại	Năm học					Tổng
		2018	2019	2020	2021	2022	
1	Bài báo trong nước	21	17	16	18	17	89
2	Bài báo quốc tế <i>Bài ISI/Scopus</i>	0	0	0	0	0	
Tổng		21	17	16	18	17	89

(9) Bảng 6. 4: Bảng thống kê số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus 2017 - 2022 do GV Khoa QTKD thực hiện.

STT	Năm	ISI/Scopus	Q2	Ghi chú
1	2019	0	0	
2	2020	0	0	
3	2021	0	0	
4	2022	0	0	
5	2023	0	0	
Tổng		0	0	

(10) Bảng 7. 1: Danh sách nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác

Nhân viên	Trình độ cao nhất đạt được						Tổng số
	Khác	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
Nhân viên Thư viện				5			5
Nhân viên phòng TNTH		1		4			5
Trợ lý Khoa				11	1		12
Nhân viên CNTT	1				3		4
Nhân viên hỗ trợ người học (Trung tâm 1 cửa, Trạm y tế, TTDV, CSVC tpHCM)	26	12	3	15	4		60
Tổng số	27	13	3	35	8	0	86

* Ghi chú: Trình độ trung cấp là lái xe, trực KTX, giảng đường.

Bảng 8.1: Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT các ngành, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy)

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển
2019	3.251	255	0,00	246	BVH: 19,65 TTNV \leq 2	19,23
2020	4.644	279	16,65	268	BVH: 21,65 TTNV = 1	21,15
2021	3.357	113	15,40	113	BVH: 26,5 TTNV \leq 4	24,78
2022	6.897	239	28,86	120	BVH: 26,35 TTNV \leq 3	25,94
2023	6.897	239	28,86	234	BVH: 25,90 TTNV \leq 2	25,34

(12) Bảng 8. 2: Mức kinh phí cấp bù hằng năm

TT	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số tiền cấp bù (VNĐ)	338.582.000	348.364.000	373.216.350	360.087.780	307.757.320

(13) Bảng 8. 3: Kết quả khen thưởng SV ngành TMĐT giai đoạn 2019-2023

TT	Ngành TMĐT	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Số SV được khen thưởng	31	22	25	41	51
2	Số tiền khen thưởng (đồng)	4.116.273	3.460.093	5.369.897	9.073.512	10.792.147

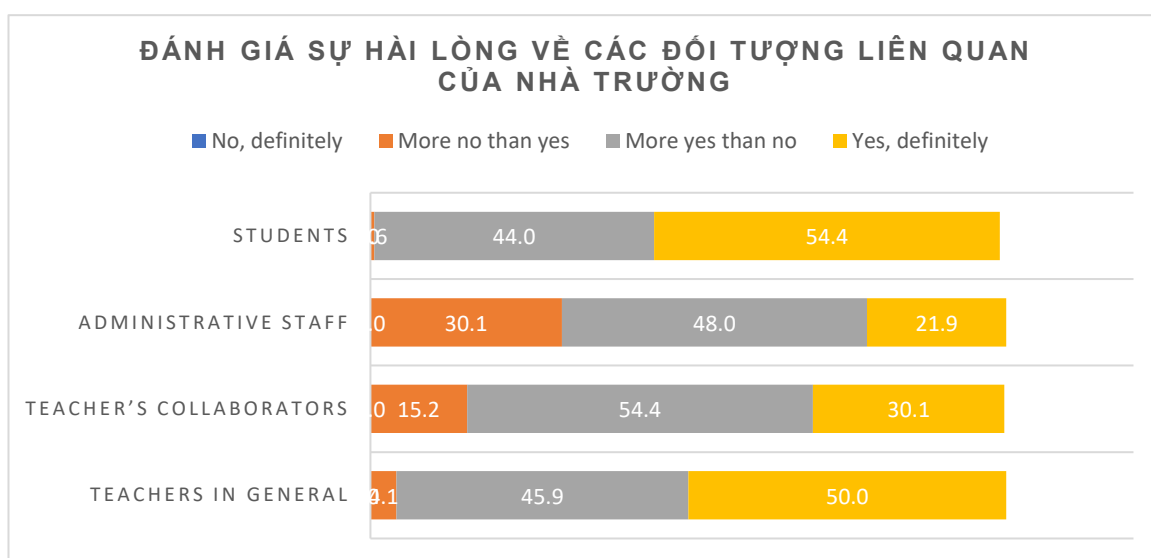
(14) Bảng 8. 4: Tỷ lệ có việc làm sau 6-12 tháng của SV ngành TMĐT

Năm	2017	2018	2019	2020	2022
Tỷ lệ %	-	-	-	-	100

(15). Hình 8.1: Đánh giá sự hài lòng của SV đối với hoạt động thực tập



(16). Hình 8.2: Đánh giá mức độ hài lòng của SV về sự hỗ trợ của các đối tượng liên quan



(18) Bảng 11. 1: Thống kê tỷ lệ SV ngành TMĐT thôi học, nghỉ học theo năm học

Năm học	Tổng số SV	Số SV thôi học	Tỷ lệ (%)
2018 - 2019	69	0	-
2019 - 2020	145	0	-
2020 - 2021	258	0	-
2021 - 2022	368	3	0.81
2022 - 2023	425	4	0.95

(19) Bảng 11. 2: Tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành TMĐT giai đoạn 2019-2023

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Tỷ lệ (%)	-	-	-	-	75,00

(20) Bảng 11. 3: Đối sánh tỉ lệ SV thôi học giữa ngành TMĐT với các ngành đào tạo khác của Học viện

TT	Ngành	Tỷ lệ thôi học (%)					Trung bình
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Thương mại điện tử	-	-	-	0.81	0.95	0.88
2	Marketing	1.71	2.51	1.47	0.76	2.97	1.88
3	Quản trị kinh doanh	1.83	2.31	2.60	1.42	2.74	2.18
4	Kế toán	0.94	0.88	1.38	1.24	2.20	1.33
5	Truyền thông đa phương tiện	0.59	2.97	1.69	0.93	2.38	1.71
6	Công nghệ đa phương tiện	1.75	2.76	2.06	0.93	3.33	2.17
7	An toàn thông tin	2.67	3.79	2.54	2.99	1.30	2.66
9	Công nghệ thông tin	2.18	1.76	0.75	1.78	2.66	1.83
9	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	1.43	2.88	1.73	1.32	3.05	2.08
10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2.45	3.02	2.71	1.51	4,14	2.77

(21) Bảng 11. 4: Đối sánh tỷ lệ SV ngành TMĐT tốt nghiệp đúng hạn và thôi học với các ngành khác trong Học viện

(đơn vị tính: %)

Ngành	2018		2019		2020		2021		2022		TB	
	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH
Thương mại điện tử	-	-	-	-	-	-	-	0.81	75.00	0.95	75.00	0.88
Quản trị kinh doanh	88.00	2.67	79.00	2.31	67.00	2.60	47.00	1.42	40.00	2.74	64.20	2.35
Kế toán	77.39	0.94	84.21	1.76	83.15	0.75	85.42	1.78	68.18	2.66	79.67	1.58
Marketing	89.72	1.71	81.08	1.43	82.35	1.73	63.27	1.32	65.79	3.05	76.44	1.85
Truyền thông đa phương tiện	78.15	2.18	86.06	0.59	90.74	2.97	84.21	1.69	83.18	2.38	84.47	1.96
Công nghệ đa phương tiện	92.98	1.83	76.06	1.75	76.61	2.06	65.9	0.93	88.08	3.33	79.93	1.98
An toàn thông tin	75.1	0.50	76.67	0.90	83.9	0.80	78.5	0.60	82.8	0.50	79.39	0.66
Công nghệ thông tin	52.7	2.00	54.8	2.40	60.9	2.30	57.7	2.10	60	2.00	57.22	2.16
Kỹ thuật điện tử - viễn thông	51.15	1.80	55.5	2.00	61.24	1.90	53.36	1.70	52.78	1.60	54.81	1.80
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	51.5	1.71	55.5	2.51	61.3	1.47	54.8	0.76	53	2.97	55.22	1.88

(22) Bảng 11. 5: Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành TMĐT theo khóa học giai đoạn 2019-2023

Năm học	2013-2018	2014-2019	2015-2020	2016-2021	2017-2022	Trung bình
Tỷ lệ (%)	-	-	-	-	4.23	4.23

(19) Bảng 11. 6: Đối sánh tỉ lệ SV thôi học giữa ngành TMĐT với các ngành đào tạo khác của Học viện

TT	Ngành	Tỷ lệ thôi học (%)					Trung bình
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Thương mại điện tử	-	-	-	0.81	0.95	0.88
2	Marketing	1.71	2.51	1.47	0.76	2.97	1.88
3	Quản trị kinh doanh	1.83	2.31	2.60	1.42	2.74	2.18
4	Kế toán	0.94	0.88	1.38	1.24	2.20	1.33
5	Truyền thông đa phương tiện	0.59	2.97	1.69	0.93	2.38	1.71
6	Công nghệ đa phương tiện	1.75	2.76	2.06	0.93	3.33	2.17
7	An toàn thông tin	2.67	3.79	2.54	2.99	1.30	2.66
9	Công nghệ thông tin	2.18	1.76	0.75	1.78	2.66	1.83
9	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	1.43	2.88	1.73	1.32	3.05	2.08
10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2.45	3.02	2.71	1.51	4,14	2.77

(Nguồn: Tổng hợp của phòng Giáo vụ)

(20) Bảng 11. 7: Đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp (TN) và thôi học (TH) giữa ngành TMĐT của Học viện với ngành TMĐT của các trường đại học khác (đơn vị tính %).

Cơ sở Giáo dục	2018		2019		2020		2021		2022		TB	
	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH
Học viện CNBCVT	-	-	-	-	-	-	-	0.81	75.00	0.95	75.00	0.88
Trường ĐH Thương mại	80.54	0.89	88.65	1.02	84.53	2.16	76.82	2.42	83.15	1.64	82.74	1.62
Đại Học Kinh tế Quốc dân	82.25	1.24	78.85	1.78	74.35	2.36	76,36	3.41	75,12	2.07	77.39	2.17

(24) Bảng 11. 8: Tỉ lệ SV ngành TMĐT có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm

Năm tốt nghiệp	Tỷ lệ phản hồi (%)	Tỷ lệ có việc làm (%)	Đúng ngành (%)	Liên quan ngành (%)	Không đúng ngành, %	Khu vực làm việc (Tỷ lệ %)			
						Cơ sở nhà nước	Cơ sở Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
Năm 2022	96,12	100	84,43	6,82	8,75	16,94	67,74	1,21	14,11

(25) Bảng 11. 9: Tỷ lệ thu nhập bình quân trong tháng của SV ngành TMĐT

Năm	Thu nhập bình quân dưới 5 triệu	Thu nhập bình quân từ 5-15 triệu	Trên 15 triệu
2019	4,40%	86%	9,60%
2020	7,76%	87,52%	5%
2021	7,60%	87%	5,20%
2022	6,32%	81,28%	12,40%
2023	5,50%	79,50%	15%

(26). Bảng 11.10: Đối sánh tỷ lệ SV có việc làm ngành TMĐT với các ngành đào tạo khác tại Học viện.

Ngành đào tạo	Tỷ lệ SV có việc làm (%)				
	2018	2019	2020	2021	2022
Thương mại điện tử	-	-	-	-	100
Truyền thông đa phương tiện	-	88.78	86.06	91.37	90.74
Công nghệ đa phương tiện	94.58	94.09	94.58	93.07	95.52
Kế toán	97,08	88,24	94,27	94,30	95,23
Quản trị kinh doanh	99,58	89,15	96,69	92,73	94,29
Marketing	88,78	96,37	94,16	91,74	92,34
An toàn thông tin	97,39	94,21	93,15	95,42	98,18
Công nghệ thông tin	93,54	93,58	96,28	95,25	95,25
Kỹ thuật Điện tử viễn thông	87,62	91,49	94,02	93,33	93,33
Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử	100	88,23	92,66	93,29	93,29

(27). Bảng 11.11: Đối sánh tỷ lệ SVTN có việc làm CTĐT ngành TMĐT với cùng ngành TMĐT của các trường đại học khác

Cơ sở giáo dục	Tỷ lệ SV có việc làm (%)					Trung bình
	2018	2019	2020	2021	2022	
Học viện CN BCVT	-	-	-	-	100%	100%
Trường ĐH Thương mại	97.71%	98.10%	97.73%	97.90%	100%	97.48%
Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	95.50%	96.40%	95.65%	91.79%	96.53%	93.76%
Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	86.02%	87.37%	84.60%	77.87%	76.38%	81.74%

(28) Bảng 11.12: Bảng đối sánh số lượng đề tài, số SV tham gia NCKH của sinh viên CTĐT ngành TMĐT với các ngành đào tạo khác của Học viện

Năm	Ngành đào tạo		
	Truyền thông Đa phương tiện	Thương mại điện tử	Marketing

	<i>Đề tài</i>	<i>SV tham gia</i>	<i>Đề tài</i>	<i>SV tham gia</i>	<i>Đề tài</i>	<i>SV tham gia</i>
2019	4	8	17	40	16	26
2020	5	11	10	35	9	15
2021	11	16	10	22	8	35
2022	14	29	13	31	25	65
2023	13	23	23	48	35	59
Tổng	47	98	73	176	93	200

(29). Bảng 11.13: Đối sánh tỷ lệ % số lượng SV ngành TMĐT của Học viện tham gia NCKH với ngành TMĐT của các trường đại học khác (tỷ lệ SV/ĐT)

TT	Cơ sở giáo dục	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	Trung bình
1	Học viện CN BCVT	0.23	0.36	0.28	0.79	0.34	0.40
2	Trường ĐH Thương mại	0.30	0.60	0.30	0.80	0.50	0.50
4	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	0.57	0.95	0.09	0.12	0.22	0.39

Phụ lục 3: Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình Tự đánh giá và viết Báo cáo Tự đánh giá (Kèm theo quyển Danh mục minh chứng)